HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

ACBS SMART

PHIÊN BẢN WEB

MỤC LỤC

I. ĐĂNG NHẬP VÀ THAY ĐỔI MẬT KHẨU 7
1. Hướng dẫn sử dụng 7
2. Quên mật khẩu 7
3. Đăng nhập 9
4. Xác thực giao dịch 12
5. Đăng ký / Hủy đăng ký chữ ký số 17
II. BẢNG GIÁ 19
1. Phần thông tin chỉ số 19
2. Chức năng thiết lập thông tin hiển thị (ẩn/hiện các cột thông tin) 22
3. Danh mục yêu thích 25
3.1. Tạo mới danh mục 25
3.2. Quản lý danh mục 26
3.3. Sửa tên danh mục yêu thích 27
3.4. Xóa danh mục yêu thích 27
3.5. Thêm mã Chứng khoán vào Danh mục yêu thích 28
3.6. Xóa mã Chứng khoán khỏi danh mục yêu thích 28
4. Danh mục sở hữu 29
5. Bảng giá theo sàn/chỉ số 29
6. Bảng giá ETF 32
7. Bảng giá thỏa thuận Thỏa thuận 32
8. Bảng giá theo Ngành 33
9. Bảng giá Phái sinh 33
10. Bảng giá Chứng quyền 33
11. Bảng giá Trái Phiếu 34
12. Bảng giá Lô lẻ 34
13. Chi tiết mã 35
III. THỊ TRƯỜNG 43
1. Tổng hợp thị trường 43
2. Phân tích kỹ thuật 58
3. Bộ lọc 60

IV. GIAO DỊCH 62
1. Lệnh cơ sở 62
1.1. *Đặt lệnh thường* 62
1.2. Đặt lệnh điều kiện 65
A. Lệnh trước ngày 66
B. Lệnh xu hướng 67
C. Tranh mua/bán 70
D. Lệnh chốt lãi 72
E. Lệnh cắt lỗ 73
F. Lệnh MIT 74
G. Lệnh mua định kỳ 75
1.3. Sổ lệnh thường 76
1.4 Sổ lệnh điều kiện 78
1.5 Sổ lệnh trước giờ 80
1.6 Sửa lệnh 81
1.7 Hủy lệnh 83
1.8 Danh mục đầu tư 84
1.8.2 Đặt lệnh từ Danh mục đầu tư 85
1.9 Giỏ lệnh 88
1.10 Bảng giá 92
1.11 Chi tiết cổ phiếu 92
1.12 Khối lượng và thời gian 93
1.13 Danh sách theo dõi 93
1.14 Biểu đồ MTC 94
1.15 Biểu đồ 30D 94
1.16 Chức năng cài đặt khối trong giao diện chi tiết mã chứng khoán 95
2. Lệnh phái sinh 103
2.1. Đặt lệnh phái sinh 103
2.2. Vị thế mở 111
2.3. Vị thế đóng 111
2.4. Sổ lệnh 112

2.5. Bảng giá 116
2.6. Biểu đồ MTC 116
2.7. Khối lượng và thời gian 117
2.8. Danh mục phái sinh 117
V. QUẢN LÝ TÀI KHOẢN 118
1. Báo cáo tài sản cơ sở 118
1.1. Thông tin tài sản cơ sở 118
1.2. Danh mục đầu tư 120
1.3. Phân bổ danh mục 123
2. Báo cáo tài sản phái sinh 123
3. Thống kê lãi lỗ cơ sở 125
4. Sao kê tài khoản 125
4.1. Sao kê tiền Cơ sở 125
4.2. Sao kê chứng khoán Cơ sở 126
4.3. Sao kê tháng Cơ sở 127
4.4 Sao kê phái sinh 128
VI. DỊCH VỤ CƠ BẢN 129
1. Chuyển tiền cơ sở 129
1.1. Tạo yêu cầu chuyển khoản ngân hàng 129
1.2. Tạo yêu cầu chuyển khoản nội bộ 131
1.3. Lịch sử chuyển tiền 134
1.4. Hủy yêu cầu chuyển khoản ngân hàng 135
2. Ứng trước tiền bán 137
2.1. Tạo yêu cầu ứng trước tiền bán 137
2.2. Hướng dẫn thực hiện Ứng trước tiền bán 137
2.3. Lịch sử ứng trước 139
3. Chuyển tiền phái sinh 140
3.1. Chuyển tiền phái sinh 140
3.2. Nộp rút ký quỹ 141
3.3. Lịch sử chuyển tiền phái sinh 142
4. Thực hiện quyền (Đăng ký mua phát hành thêm) 143

4.1. Hướng dẫn thực hiện Đăng ký phát hành thêm 144
***4.2. Lịch sử đăng ký quyền mua*..... 146**
5. Lịch sử lệnh 147
5.1. Lịch sử lệnh cơ sở - lệnh thường 147
5.2. Lịch sử lệnh cơ sở- Lệnh điều kiện 150
5.3. Lịch sử lệnh phái sinh 151
5.4. Lịch sử Giỏ lệnh Cơ sở 153
6. Xác nhận lệnh 154
6.1. Xác nhận lệnh cơ sở 154
6.2. Xác nhận lệnh phái sinh 156
7. Chuyển khoản Chứng khoán..... 157
7.1 Tạo yêu cầu chuyển khoản CK 157
7.2 Lịch sử chuyển khoản chứng khoán 158
7.3 Hủy yêu cầu Chuyển khoản CK 158
8. Thay đổi nhân viên chăm sóc tài khoản 158
8.1 Tạo yêu cầu thay đổi 159
8.2 Lịch sử thay đổi..... 159
9. Hạn mức chuyển khoản online 160
9.1 Tạo yêu cầu 160
9.2 Lịch sử..... 161
VII. DỊCH VỤ KHÁC 161
1. Khoản vay ký quỹ..... 162
1.1. Theo dõi dư nợ 162
1.2. Lịch sử trả nợ 162
1.3. Lịch sử gia hạn 163
2. Đăng ký mua CW 163
2.1. Hướng dẫn tạo yêu cầu đăng ký mua CW 164
2.2. Lịch sử đăng ký mua CW 164
3. Giao dịch thỏa thuận..... 165
3.1 Tạo yêu cầu giao dịch thỏa thuận Bán 166
3.2 Lịch sử giao dịch thỏa thuận 168

VIII. CÀI ĐẶT 169
1. Cài đặt chung 169
2. Thiết bị đăng ký Smart OTP 169
3. Thiết lập tài khoản giao dịch 170
4. Mật khẩu xác thực 172
5. Mô hình tài khoản 173
6. Thiết lập tài khoản thụ hưởng 174
7. Đăng ký/Hủy đăng ký chữ ký số 176
8. Đăng ký dịch vụ 178
9. Đổi mật khẩu GD tổng đài 179
10. Đổi mật khẩu đăng nhập 180
11. Cài đặt thiết bị nhận thông báo 181
12. Cài đặt phím tắt 182
13. Cài đặt cảnh báo 183
14. Xóa cache 184
IX. HỖ TRỢ VÀ GÓP Ý 184
X. THÔNG BÁO 186
XI. THÔNG TIN CÁ NHÂN 187
TỪ NGỮ VIẾT TẮT 189

I. ĐĂNG NHẬP VÀ THAY ĐỔI MẬT KHẨU

1. Hướng dẫn sử dụng

– Đường dẫn: Truy cập trang giao dịch trực tuyến ACBS SMART.

– Mục đích: Hướng dẫn NĐT sử dụng ACBS SMART – Phiên bản web, các thao tác đặt lệnh, giao dịch tiền và chứng khoán.

– Hướng dẫn thực hiện: Chọn mục "Hướng dẫn".

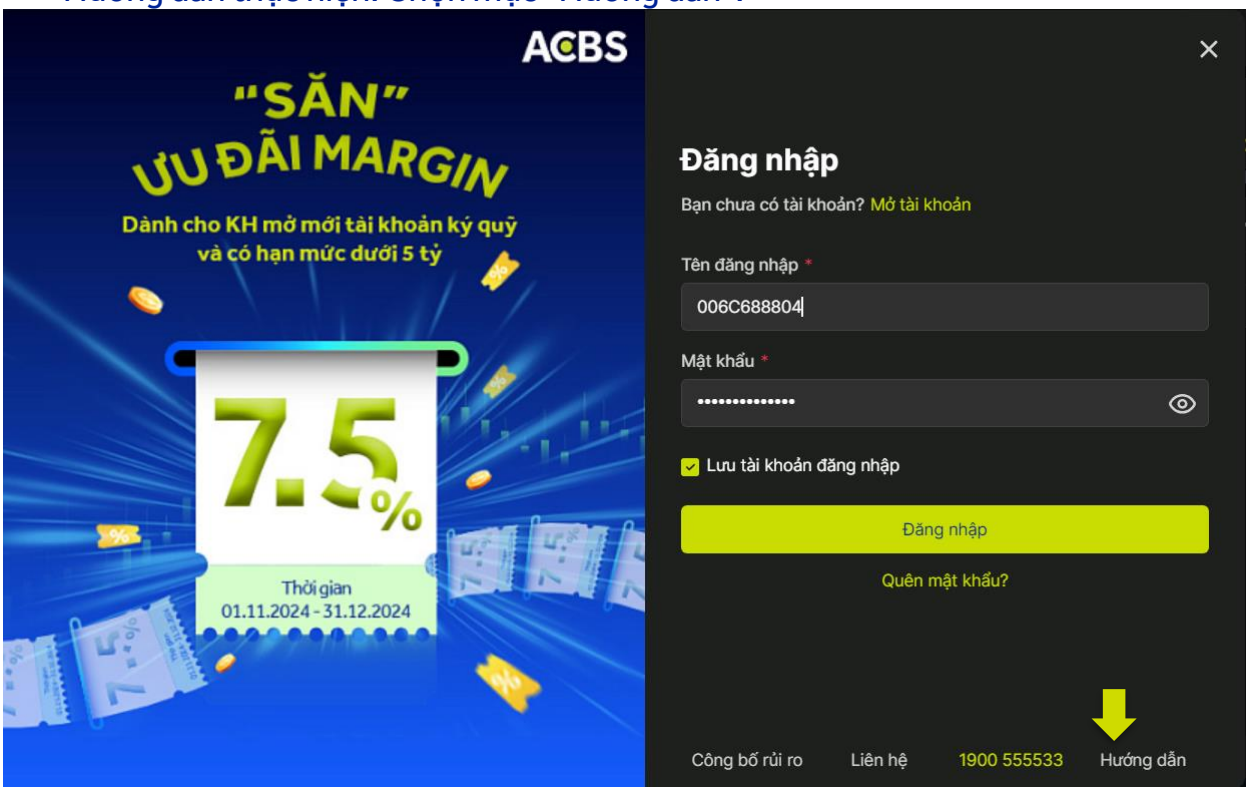

2. Quên mật khẩu

– Đường dẫn: Màn hình Đăng nhập/ chức năng Quên mật khẩu

– Mục đích: Tạo mật khẩu mới khi KH quên mật khẩu, hệ thống yêu cầu nhập đầy đủ thông tin chính xác để tạo mật khẩu mới

– Hướng dẫn thực hiện:

– Trên màn hình Đăng nhập, chọn "Quên mật khẩu"

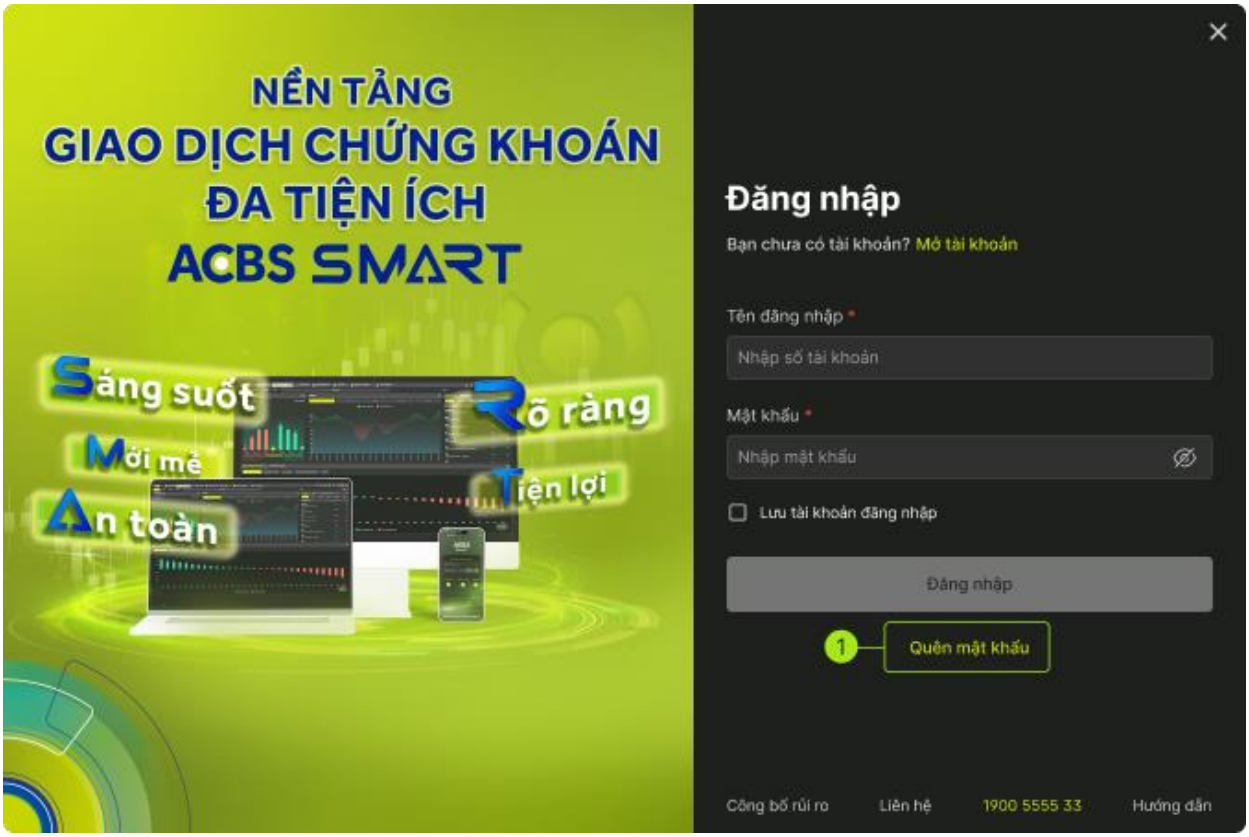

- Hệ thống mở ra màn hình nhập các thông tin xác thực:
- Tên đăng nhập: Số tài khoản đăng nhập của KH
- Số CMND/ CCCD: Số đăng ký để mở tài khoản

– KH nhập đúng và đầy đủ các thông tin trên màn hình -> Sau đó nhấn "Xác nhận" và KH nhập otp mà ACBS gửi qua sms/email để xác thực

– Hệ thống sẽ tự động gửi mật khẩu mới về số điện thoại/ email đã đăng ký.

3. Đăng nhập

– Đường dẫn: KH truy cập vào trang web: https://smart.acbs.com.vn / Nhấn Đăng nhập.

– Tại màn hình Đăng nhập, KH nhập đúng và đầy đủ thông tin sô TK và mật khẩu đã thiết lập trước đó.

– Nhấn chọn "Đăng nhập" hoặc nhấn Enter.

– Đối với trường hợp đăng nhập lần đầu hoặc mới tạo lại mật khẩu, khi KH đăng nhập hệ thống sẽ yêu cầu KH phải thay đổi lại mật khẩu đăng nhập.

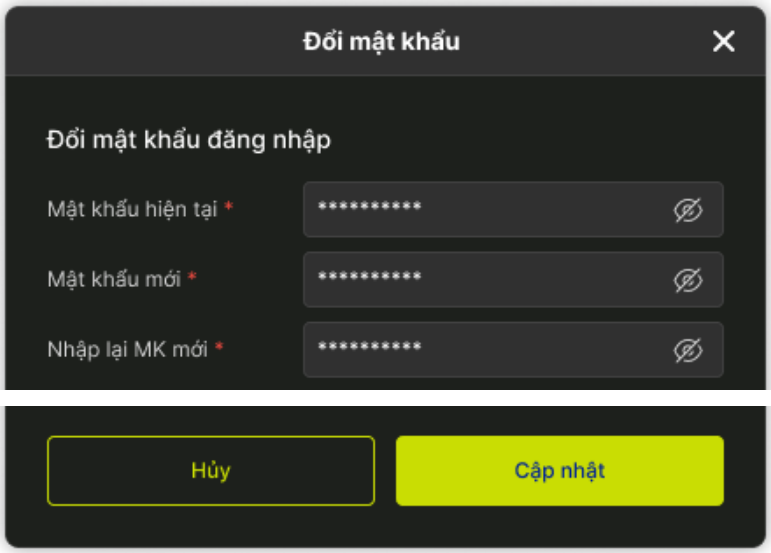

– Nhập mật khẩu đăng nhập hiện tại và mật khẩu mới. Quy định mật khẩu có chiều dài tối thiểu là 8 ký tự, bắt buộc gồm chữ cái viết HOA, ký tự đặc biệt và ký tự số.

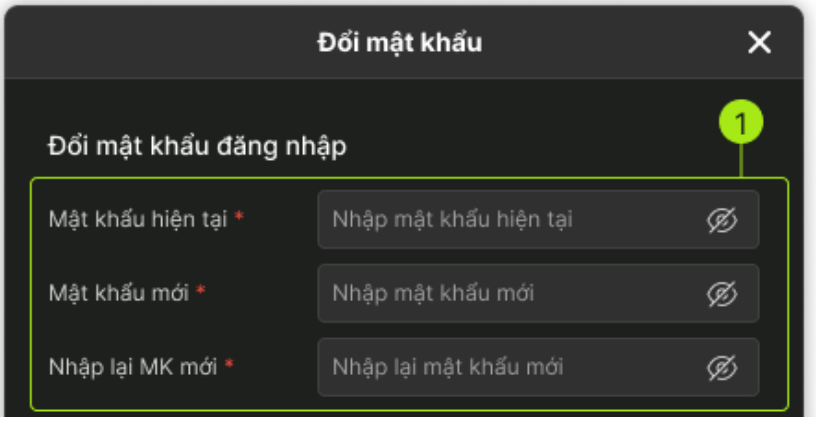

– Nhấn chọn "Cập nhật" để hoàn tất thay đổi mật khẩu

– Hệ thống sẽ hiển thị thông báo đổi mật khẩu thành công

– Nhấn chọn "Đóng": Mở màn hình Bảng giá

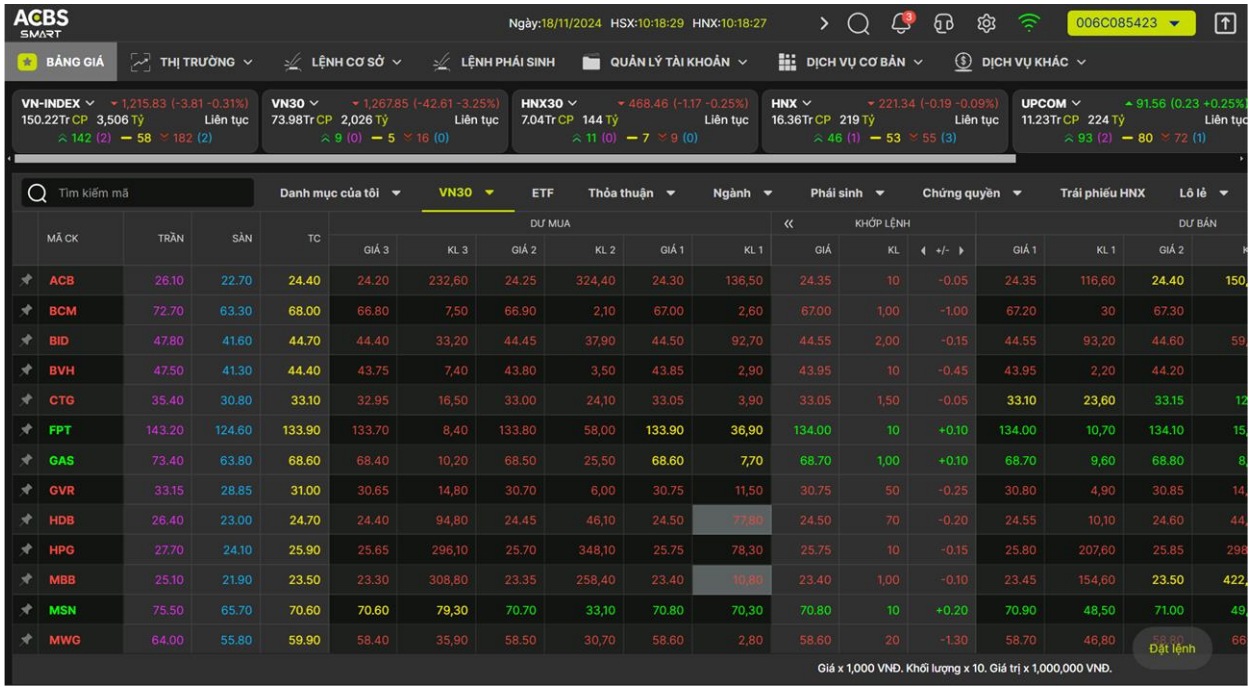

– Nhấn "Đăng nhập": Mở màn hình Đăng nhập

– Đối với trường hợp KH chưa đăng nhập: Chỉ tra cứu thông tin bảng giá và thông tin thị trường chung.

4. Xác thực giao dịch

– Xác thực giao dịch: KH thiết lập phương thức xác thực mặc định gồm: SMS OTP, Smart OTP, Mật khẩu xác thực hoặc chữ ký số tại màn hình Cài đặt

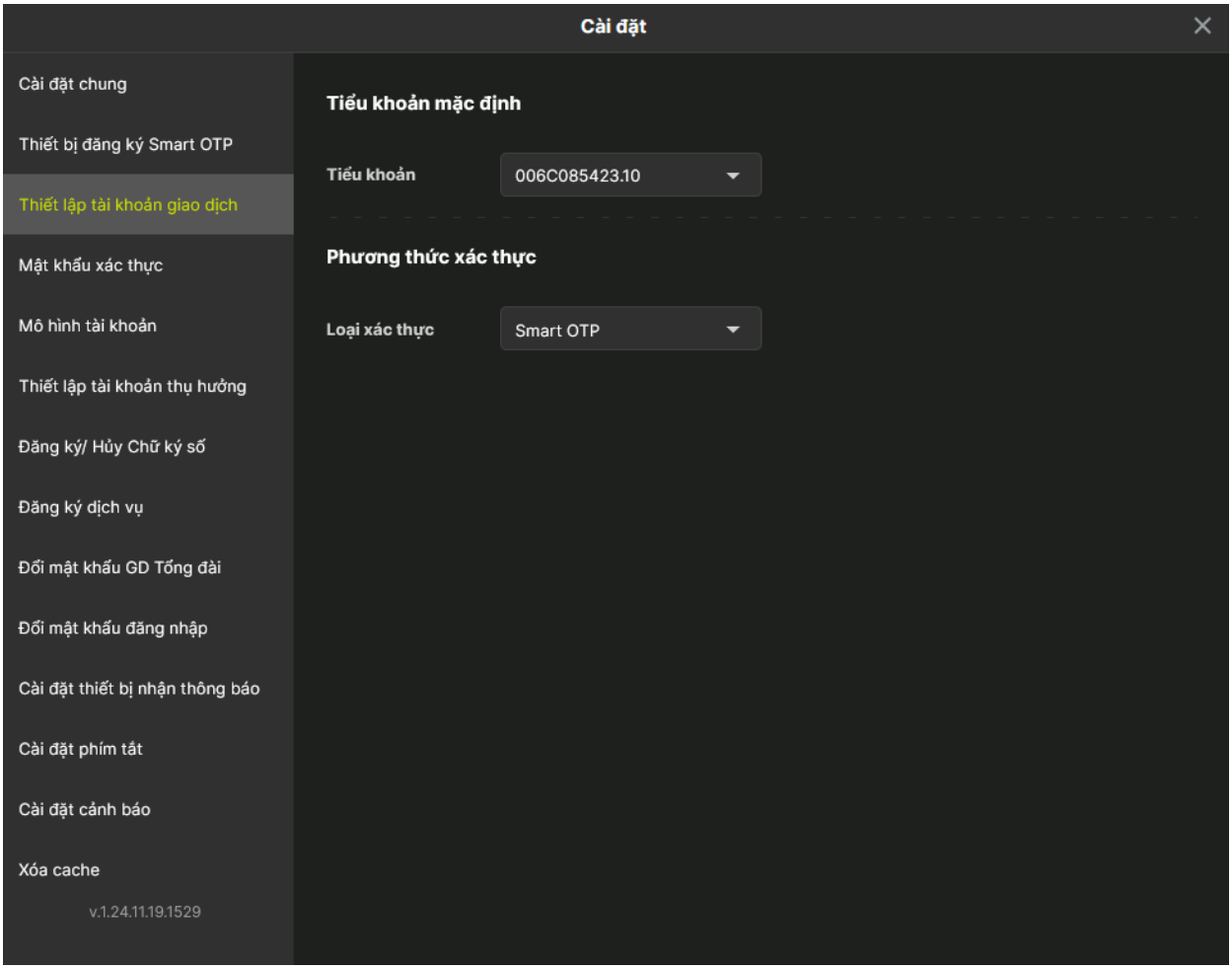

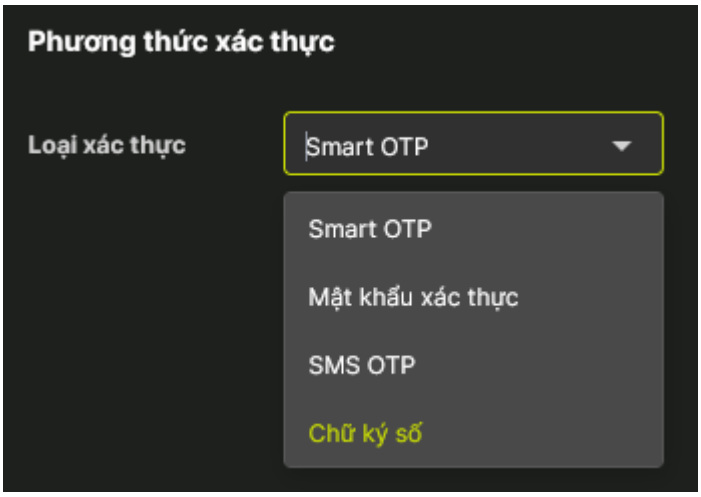

– Khi thực hiện các giao dịch có xác thực, hệ thống sẽ hiển thị mặc định phương thức xác thực người dùng đã thiết lập.

Các bước xác thực hiện xác thực như sau:

– Phương thức Smart OTP: KH phải đăng nhập ứng dụng ACBS SMART trên điện thoại, chọn mục "Mở rộng", chọn mục "Lấy Smart OTP", nhập mã pin để lấy mã OTP và nhập vào màn hình xác thực trên web.

– Phương thức SMS OTP: Chọn mục "Lấy mã OTP" và chờ tin nhắn thông báo mã OTP gửi tới số điện thoại/ email mà KH đã đăng ký với ACBS. Sau đó, nhập mã OTP nhận được vào màn hình xác thực của trang web.

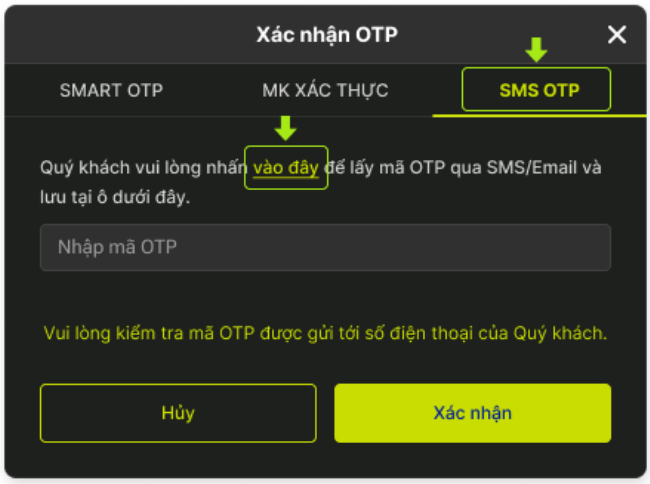

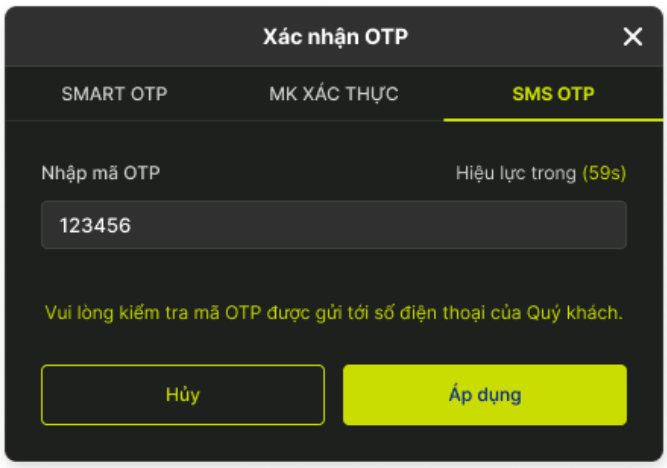

Phương thức Mật khẩu xác thực:

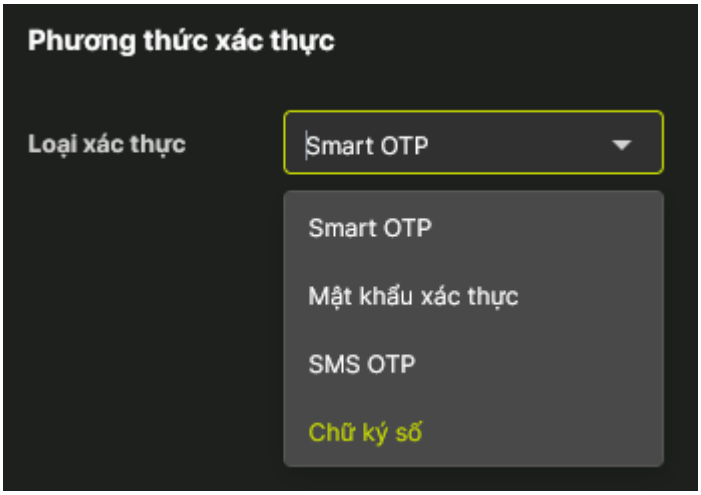

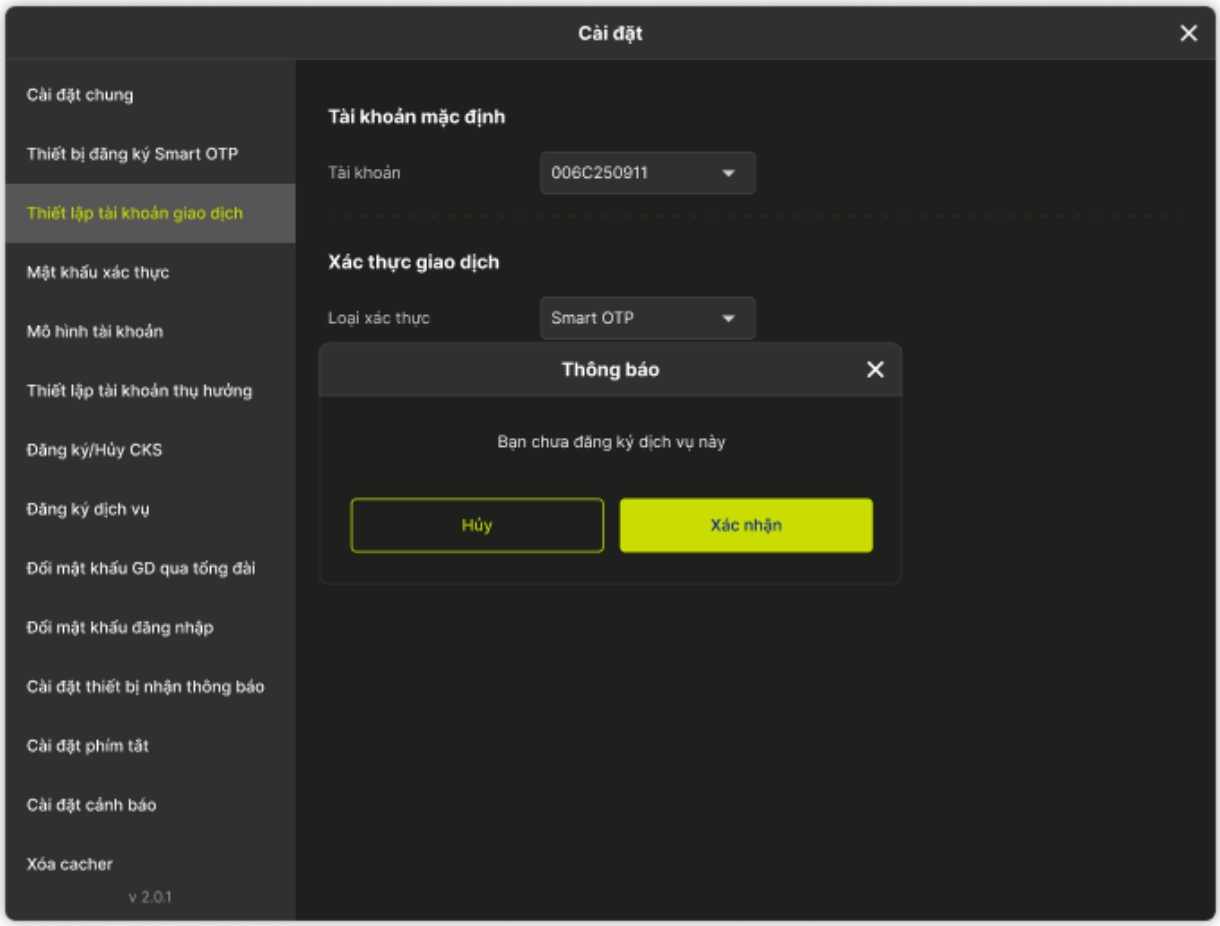

Đăng ký Mật khẩu xác thực:

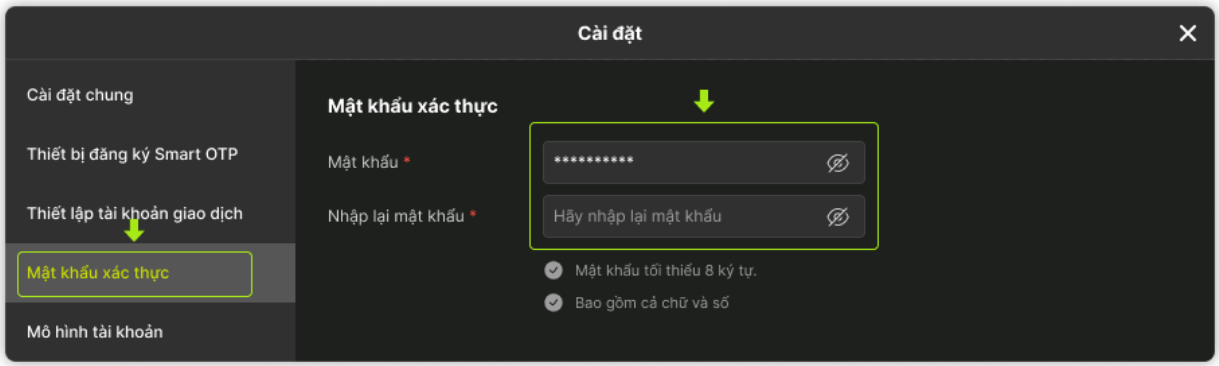

– Đường dẫn: Cài đặt / Mật khẩu xác thực

– Mục đích: Thay đổi mật khẩu xác thực

– Thực hiện:

* Mật khẩu đăng ký mới

– Nhập mật khẩu và nhập lại mật khẩu muốn tạo (nhập đúng yêu cầu về mật khẩu)

– Nhấn nút Cập nhật

– Xác thực OTP để thay đổi mật khẩu xác thực

* Đổi mật khẩu xác thực

– Nhập mật khẩu hiện tại và mật khẩu mong muốn đổi (nhập đúng yêu cầu về mật khẩu)

– Nhấn nút Cập nhật

– Xác thực OTP để thay đổi mật khẩu xác thực

Phương thức Chữ ký số:

– KH thực hiện đăng ký chữ ký số với các nhà cung cấp và thực hiện theo hướng dẫn.

5. Đăng ký / Hủy đăng ký chữ ký số

– Đường dẫn: Cài đặt/ Đăng ký/Hủy đăng ký chữ ký số

– Mục đích: Người dùng sử dụng chức năng để xem danh sách thiết bị đã đăng ký và đăng ký thiết bị mới

– Các bước thực hiện: đăng ký thiết bị chữ ký số

– Nhấn vào nút Tải lại: mở ra popup Danh sách chứng thư số

– Nhấn OK: dữ liệu token tự động fill vào các trường tương ứng

– Nhấn Đăng ký: Thông báo Thành công hoặc thất bại

– Lưu ý: 1 serial chỉ được đăng ký cho 1 tài khoản, 1 tài khoản có thể đăng ký được nhiều serial

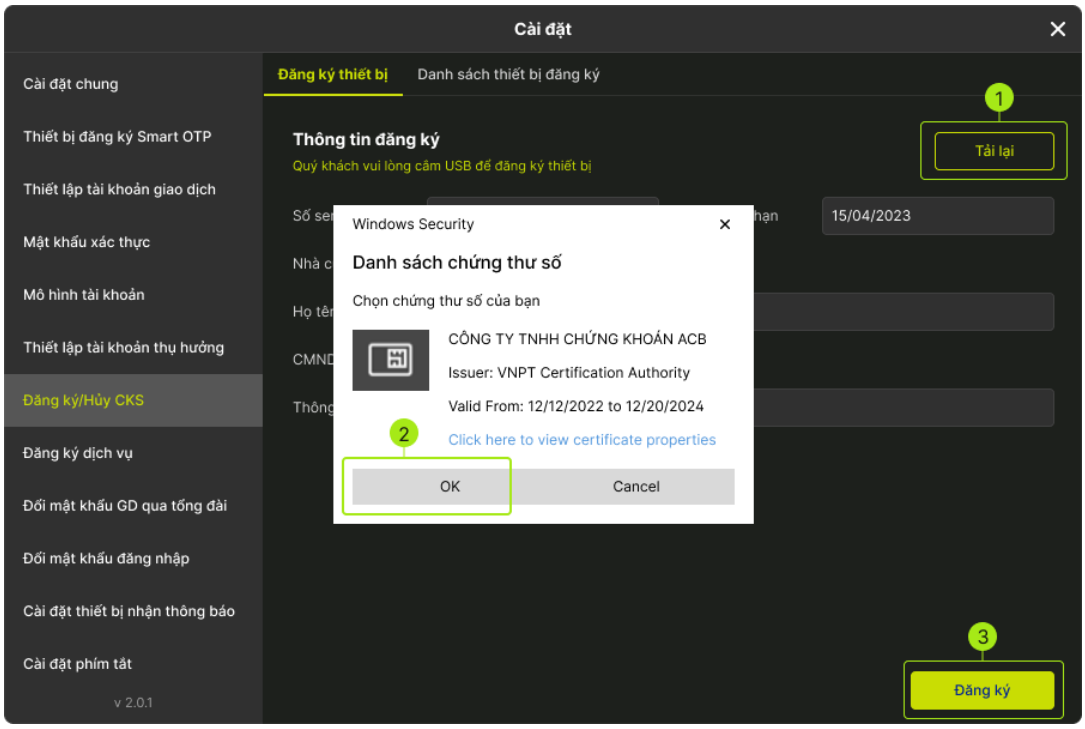

Xem danh sách thiết bị đăng ký: Nhấn vào tab danh sách thiết đăng ký hiển thị danh sách đăng ký gồm các thông tin:

– Xóa

– Số serial

– Nhà cung cấp

– Ngày đăng ký

– Ngày hết hạn

- Họ tên
- CMND/CCCD
- Thông tin thiết bị
- IP đăng ký
- Trạng thái
- 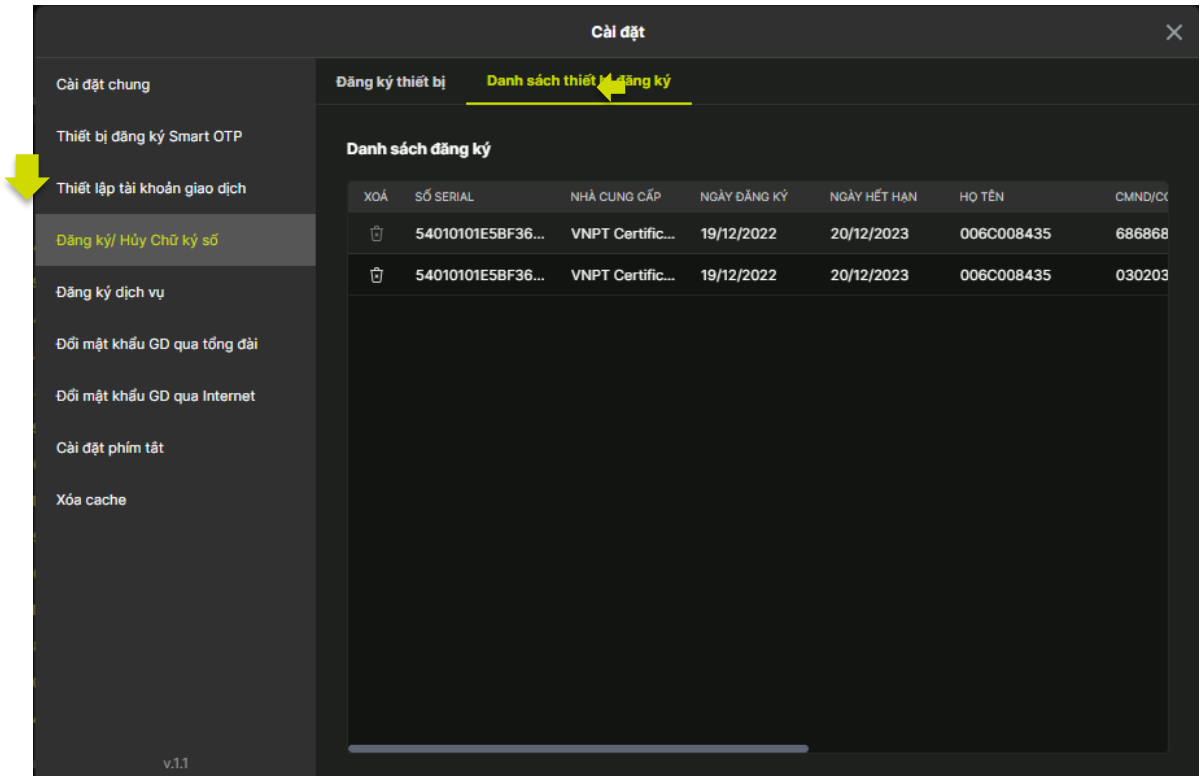

- Xóa thiết bị đăng ký chữ ký số : Nhấn vào icon xóa sẽ mở popup Xác nhận xóa, Nhấn button Xác nhận để hủy thành công

– 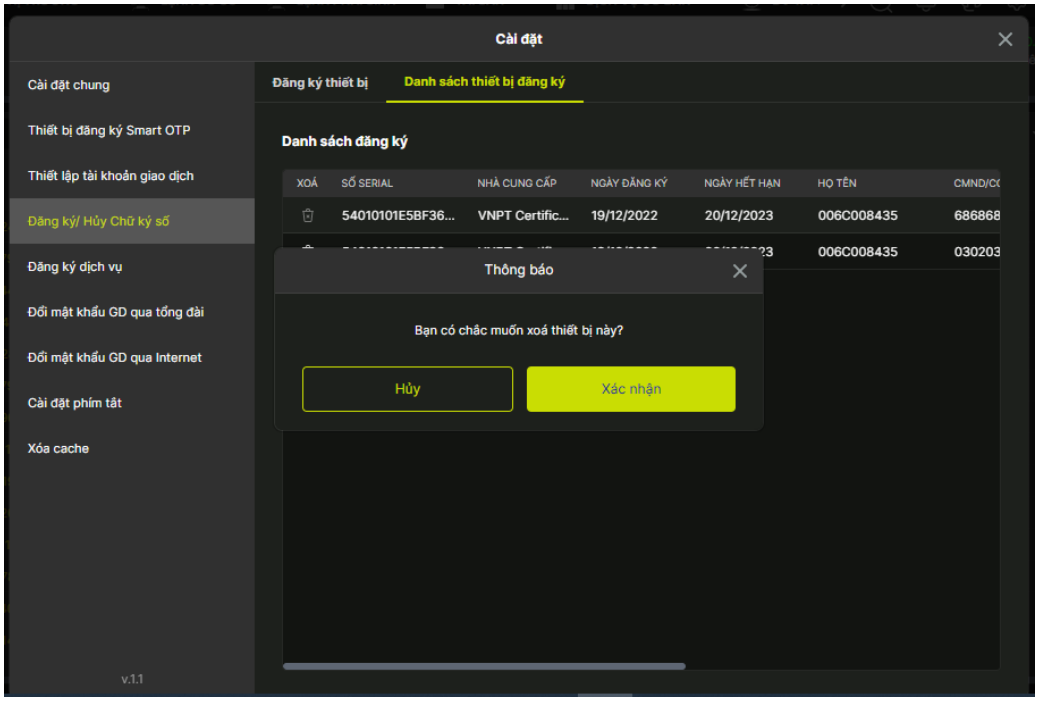

II.BẢNG GIÁ

– Đường dẫn: Truy cập web: https://smart.acbs.com.vn sau đó chọn mục Bảng giá (Xem được tất cả các danh mục trừ danh mục sở hữu khi chưa Đăng nhập)

1. Phần thông tin chỉ số

– Đường dẫn: Truy cập web: https://smart.acbs.com.vn /Bảng giá

– Mục đích: Hiển thị các thông tin về chỉ số, thay đổi, % thay đổi, Tổng Khối lượng, Tổng Giá trị, thống kê số lượng mã tang/giảm tương ứng của các index: VN-INDEX, VN30, mã HĐ phái sinh, HNX30, HNX, UPCOM.

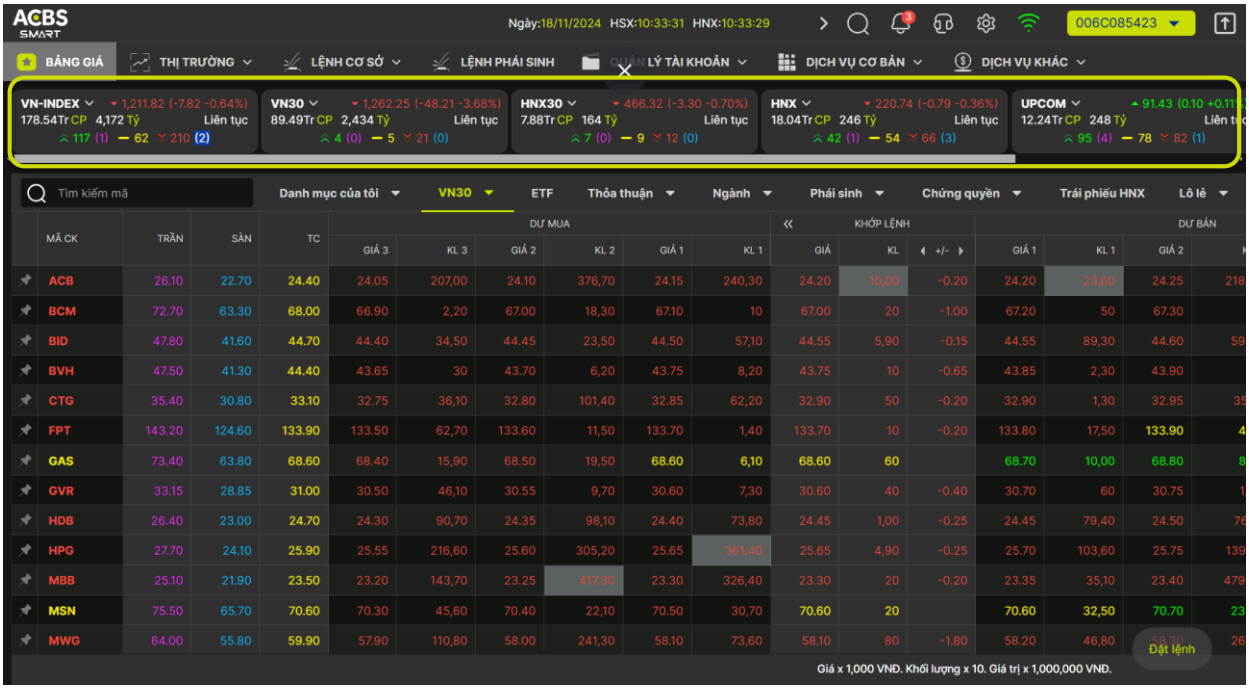

– Thông tin trên khối index:

– Biểu đồ hiển thị biến động về giá và khối lượng của chỉ số tại thời điểm tra cứu

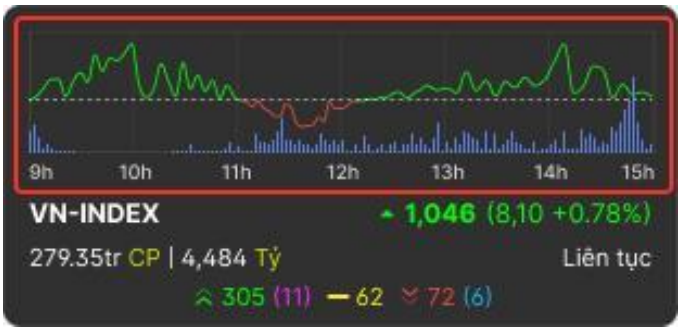

– Chỉ số index: Hiển thị thông tin chỉ số, thay đổi và % thay đổi

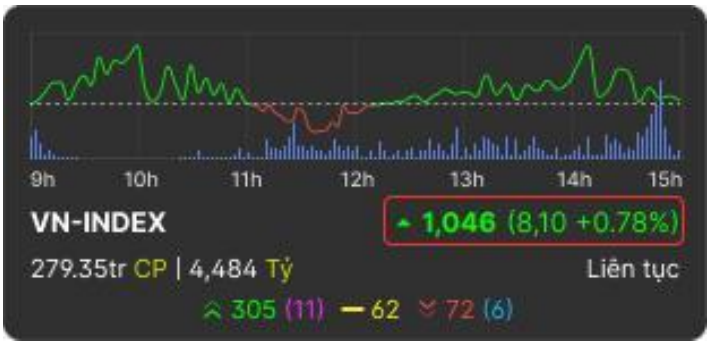

– Tổng khối lượng giao dịch của chỉ số

– 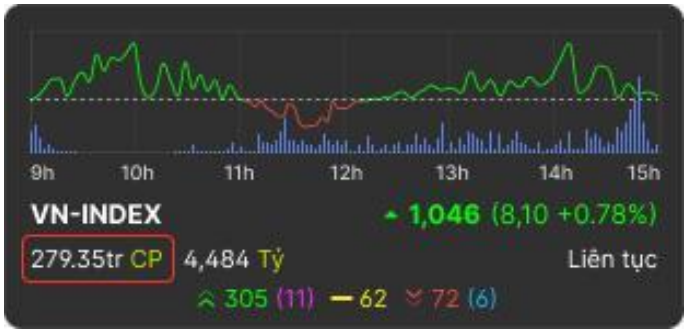

– Tổng giá trị giao dịch của chỉ số

– 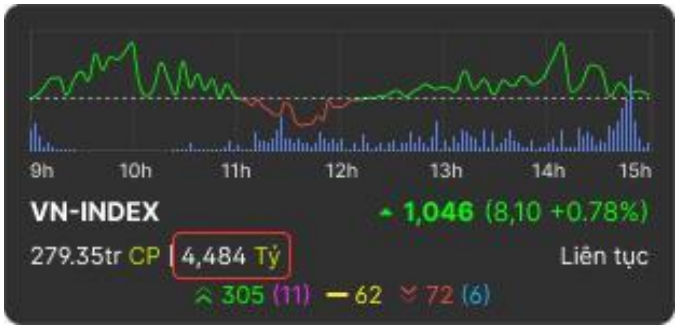

– Đợt giao dịch hiện tại của chỉ số

– 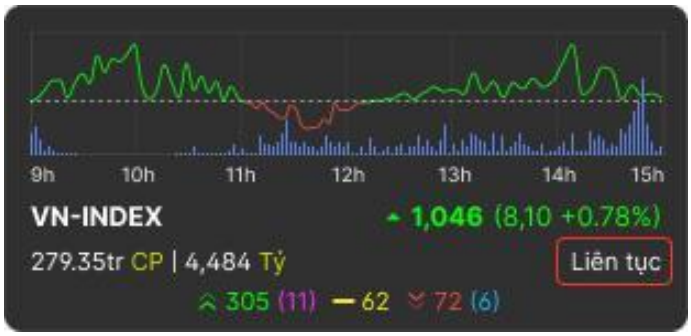

– Số lượng mã CK tăng (giá khớp > Giá tham chiếu): màu xanh lá

– Số lượng mã CK tăng trần (giá khớp = Giá trần): màu tím

– Số lượng mã CK tham chiếu: màu vàng

– Số lượng mã CK giảm (giá khớp < Giá tham chiếu): hiển thị màu đỏ

– Số lượng mã CK giảm sàn (giá khớp = Giá sàn): màu xanh dương

– 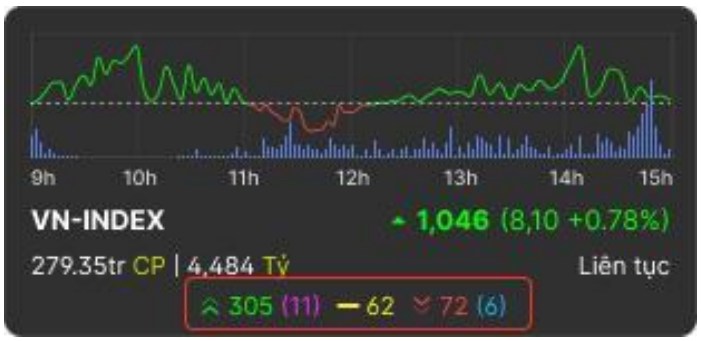

2. Chức năng thiết lập thông tin hiển thị (ẩn/hiện các cột thông tin)

– Mục đích: Thiết lập ẩn hiện cột, áp dụng với tất cả các bảng giá trừ bảng giá thỏa thuận. Việc thiết lập có hiệu lực trên tất cả các bảng giá đều sẽ thực hiện ẩn hiện cột chung, riêng bảng giá lô lẻ không có chọn ẩn hiện cột ĐTNN mua/bán

– 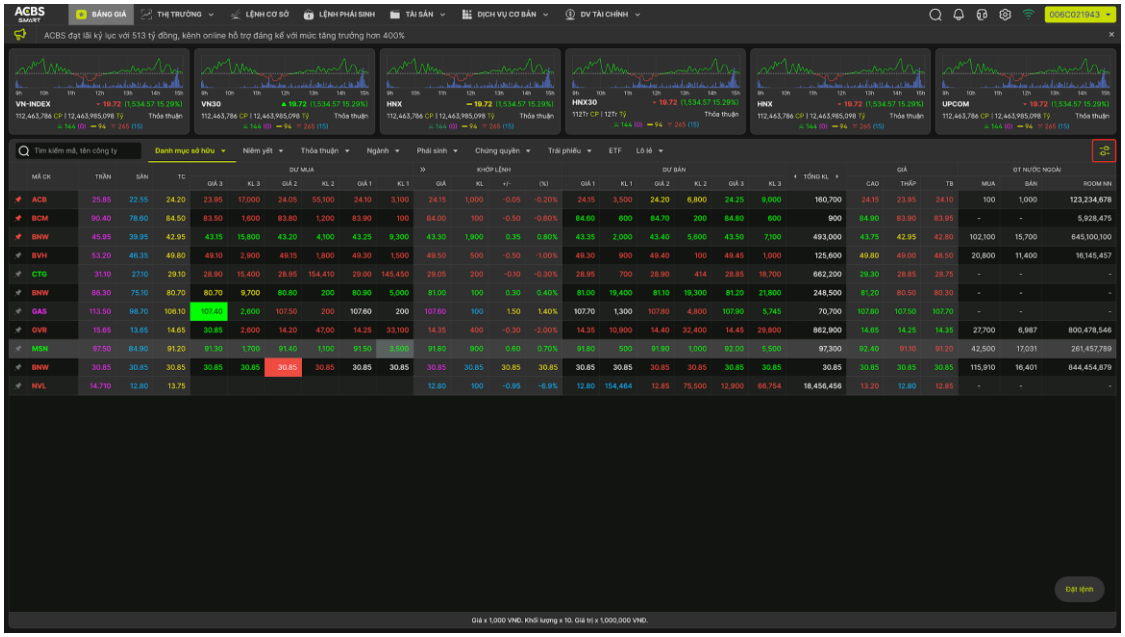

– Hướng dẫn thực hiện:

– Chọn hoặc bỏ chọn các cột muốn ẩn hoặc hiển thị

– Các thông tin mặc định bắt buộc hiển thị gồm: mã CK, giá khớp, thay đổi +/-, KL khớp, Tổng KL khớp

– Các thông tin còn lại được thiết lập tùy theo nhu cầu KH

– Nhấn "Áp dụng"

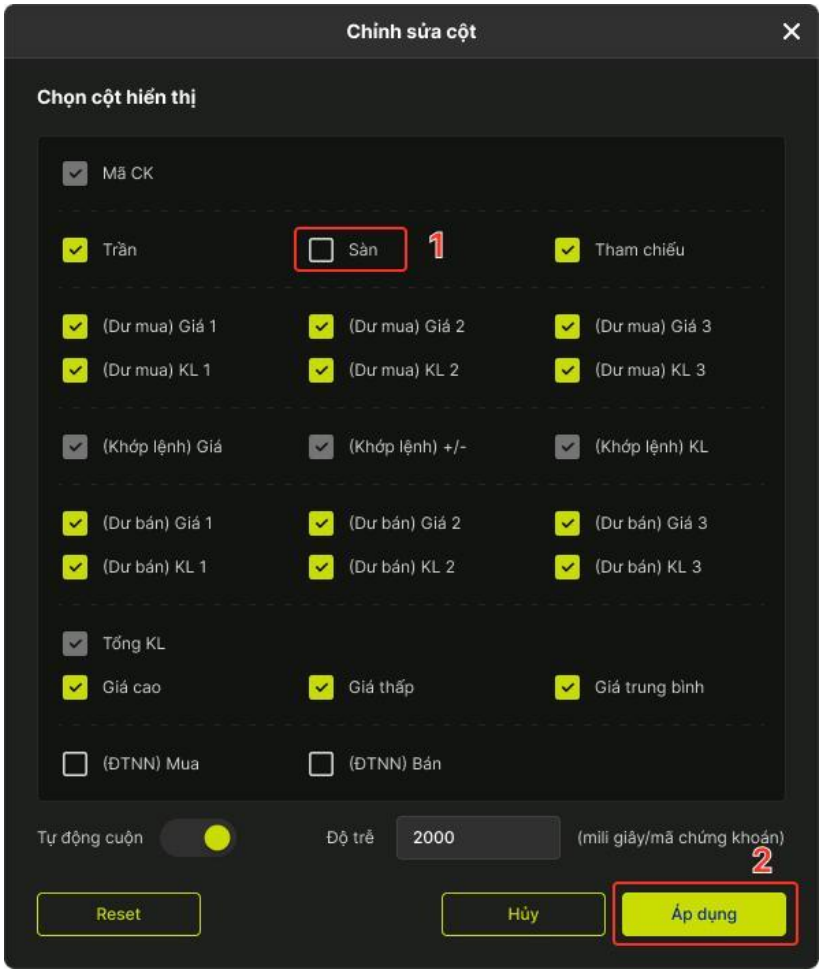

–
– Chức năng reset
– Mục đích: Hiển thị thông tin bảng giá với các thiết lập mặc định ban đầu
– Nhấn Hủy để tắt hộp thoại cài đặt cột
– Chức năng cài đặt tự động cuộn
– Mục đích: Bảng giá sẽ tự động cuộn theo tốc độ người dùng thiết lập
– Hướng dẫn thực hiện:
– Chọn bật "Tự động cuộn"

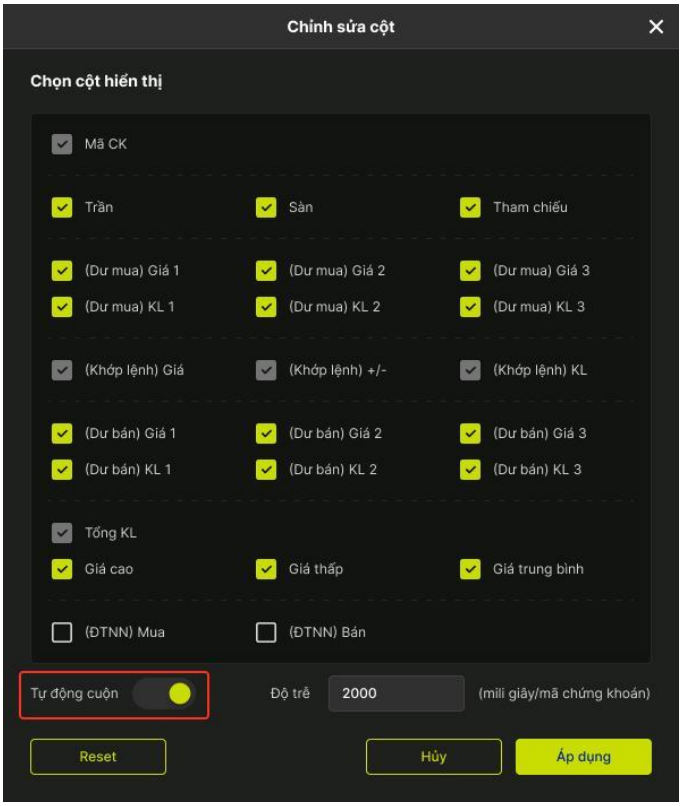

– Nhập tốc độ cuộn phù hợp

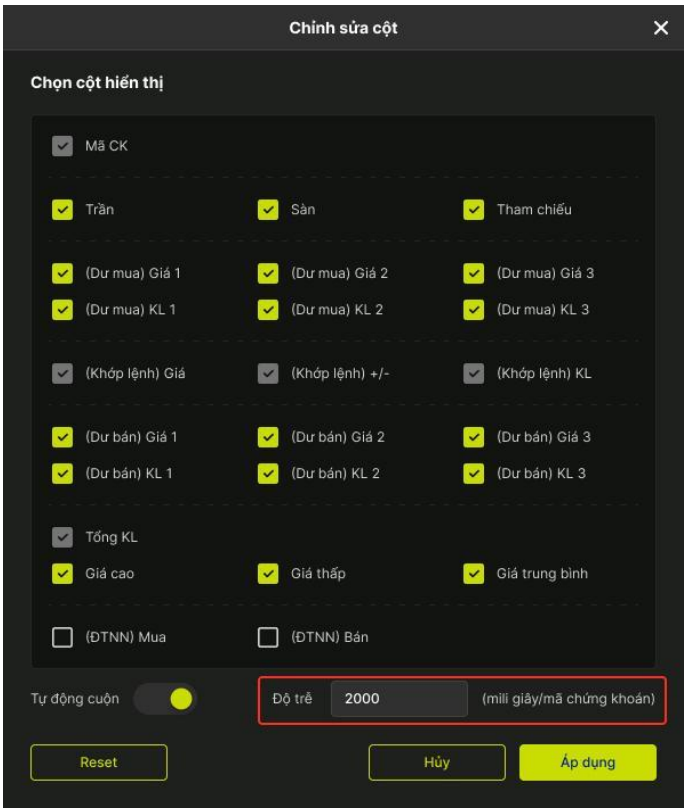

– Nhấn "Áp dụng"

3. Danh mục yêu thích

– Đường dẫn: Bảng giá/ Danh mục của tôi

– Mục đích: Theo dõi biến động giá trên danh mục các mã yêu thích của KH

3.1. Tạo mới danh mục

– Hướng dẫn thực hiện:

(1) Thêm mới danh mục

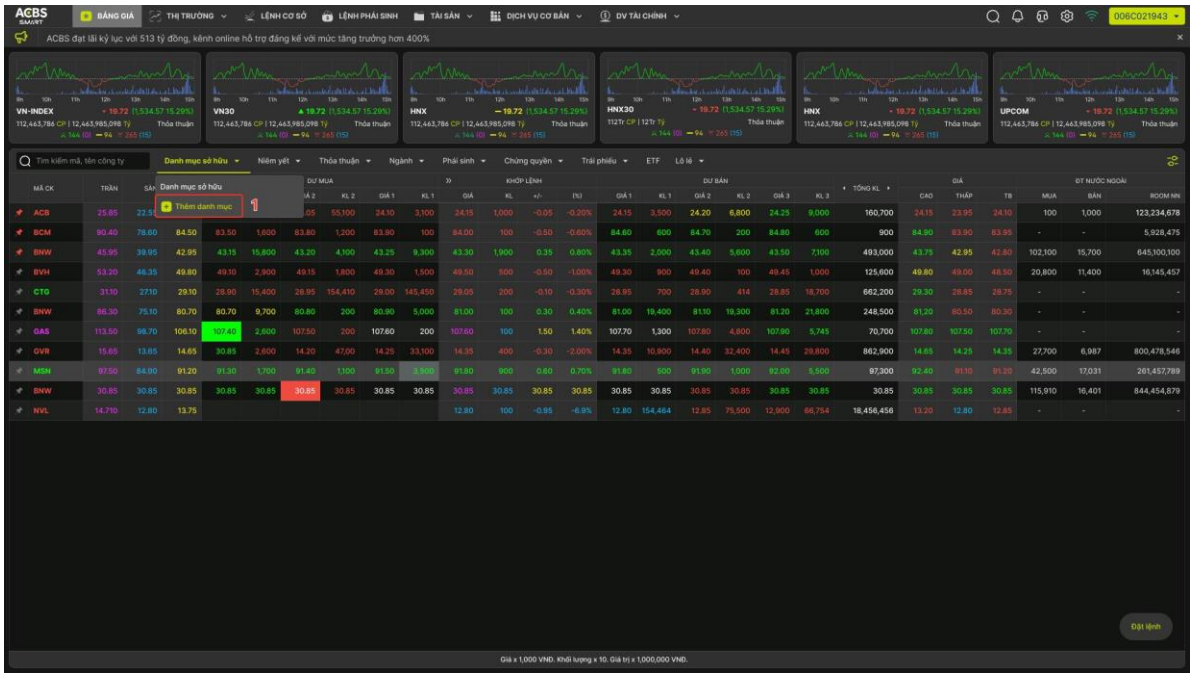

–

(2) Nhập tên danh mục, lưu ý không đặt tên trùng với danh mục đã tạo trước đó

– 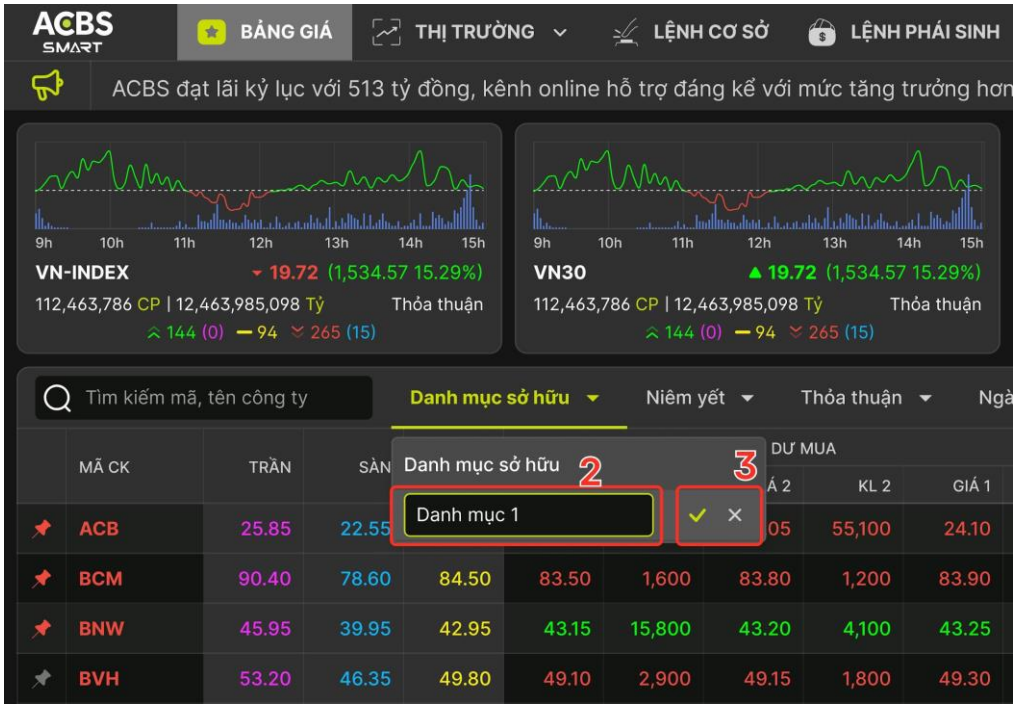

(3) Nhấn dấu tích để thêm mới danh mục thành công hoặc nhấn dấu nhân để hủy bỏ thêm mới danh mục.

3.2. Quản lý danh mục

– Hiển thị danh sách danh mục chứng khoán KH đã tạo

– Nhấn chọn xem chi tiết danh mục hiển thị bảng giá với các mã chứng khoán đã được thêm vào trong danh mục

– 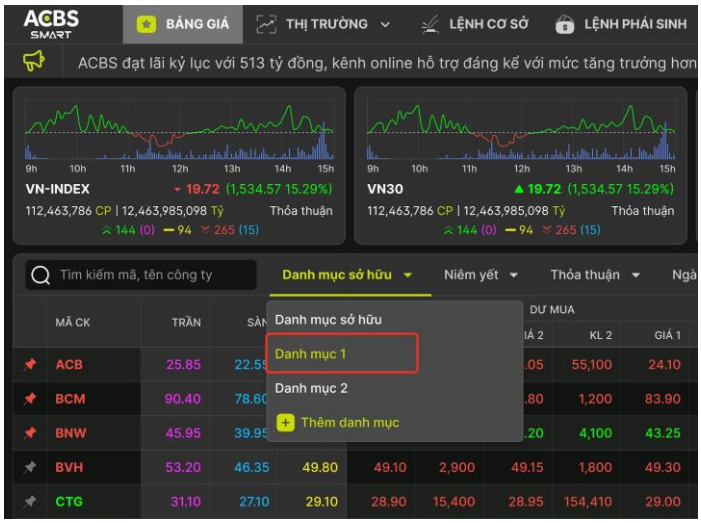

–

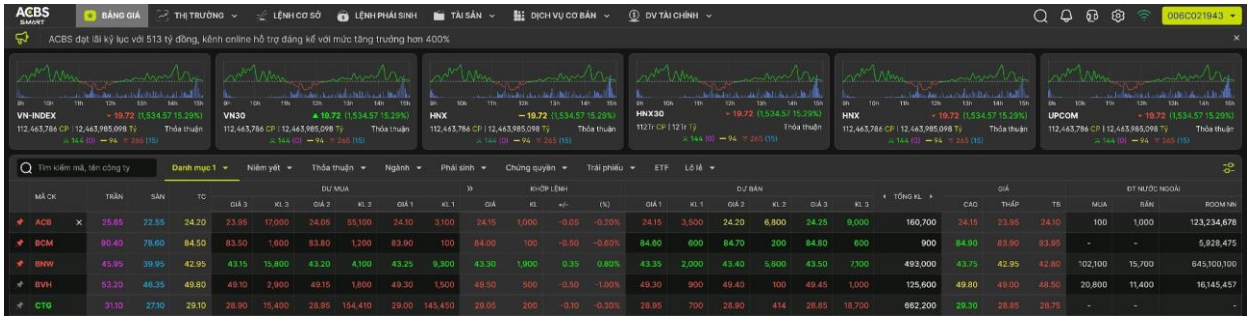

3.3. Sửa tên danh mục yêu thích

–

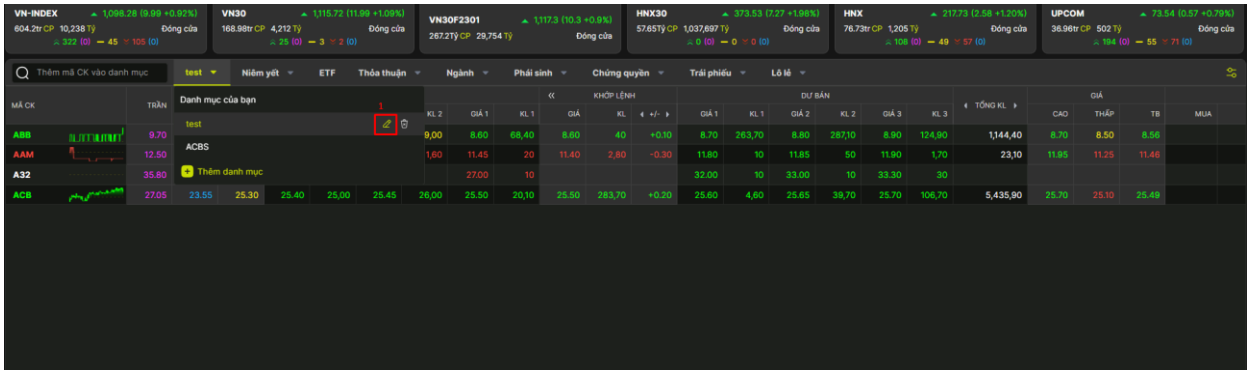

– Đưa chuột vào tên danh mục yêu thích muốn sửa và Nhấn vào biểu tượng sửa như hình

–

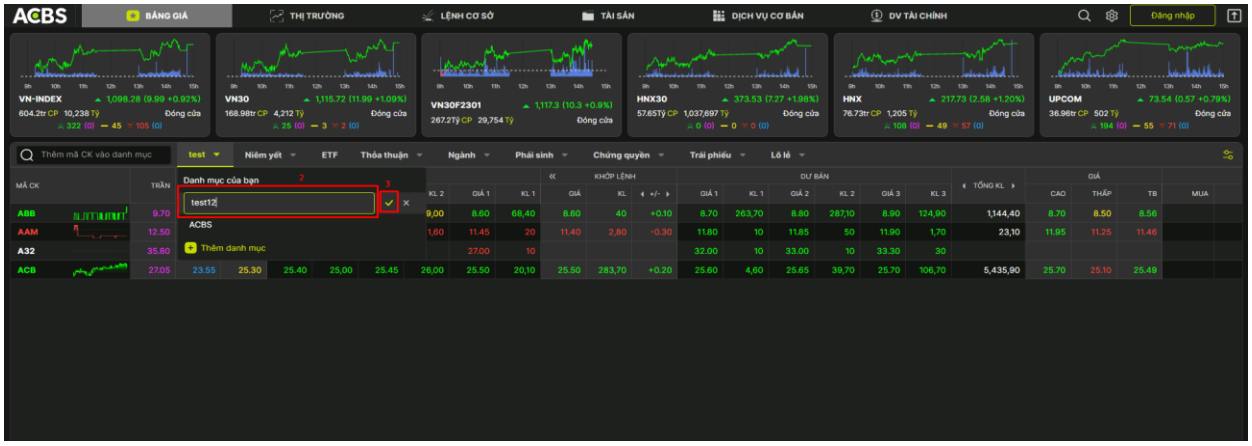

– Nhập tên mới muốn sửa, lưu ý không sửa tên trùng với danh mục đã

– Nhấn vào dấu tích, sửa tên danh mục thành công

– Nhấn dấu nhân, danh mục vẫn giữ nguyên tên cũ

3.4. Xóa danh mục yêu thích

– Đưa chuột vào tên danh mục muốn xóa

– Nhấn vào biểu tượng thùng rác Xóa danh mục yêu thích thành công

– 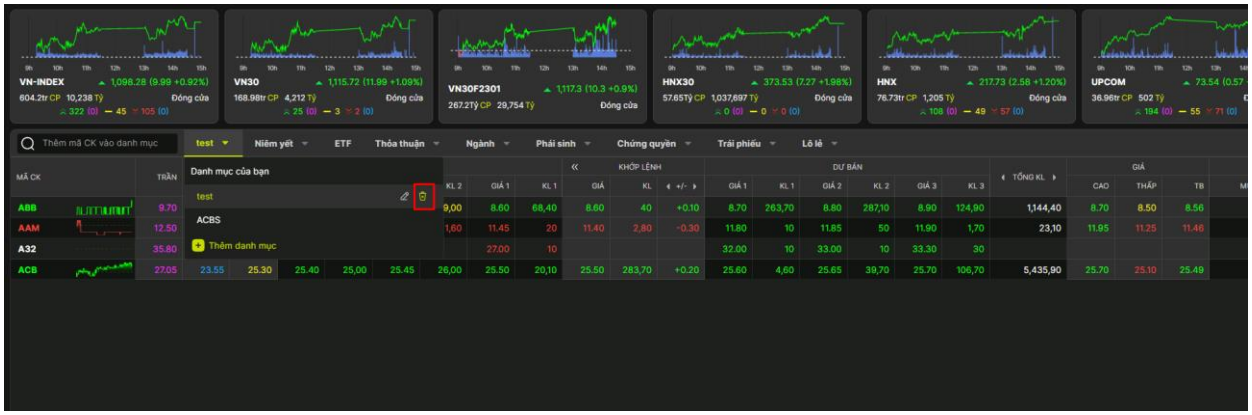

3.5. Thêm mã Chứng khoán vào Danh mục yêu thích

– Nhấn vào danh mục Hiển thị danh sách mã CK của danh mục đã chọn

– 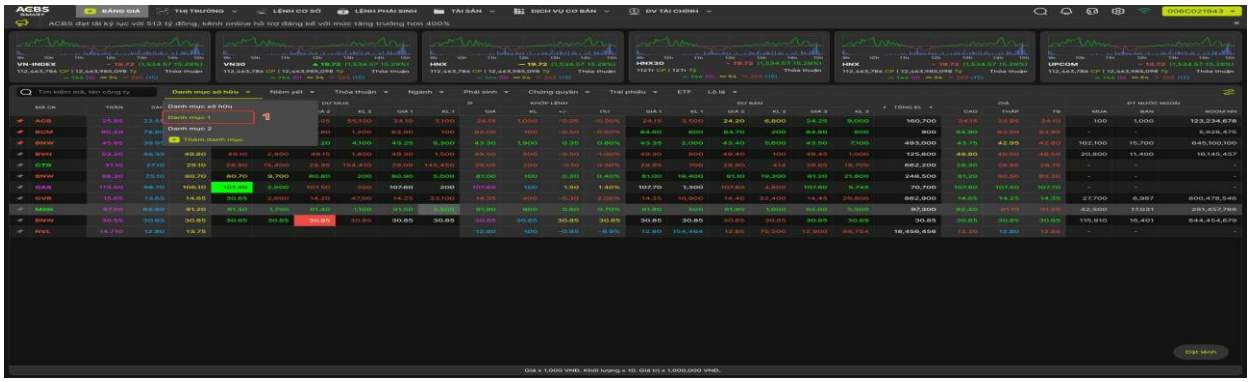

– Chọn vào ô " Thêm mã CK vào danh mục". Nhập mã CK muốn thêm và nhấn Enter

– 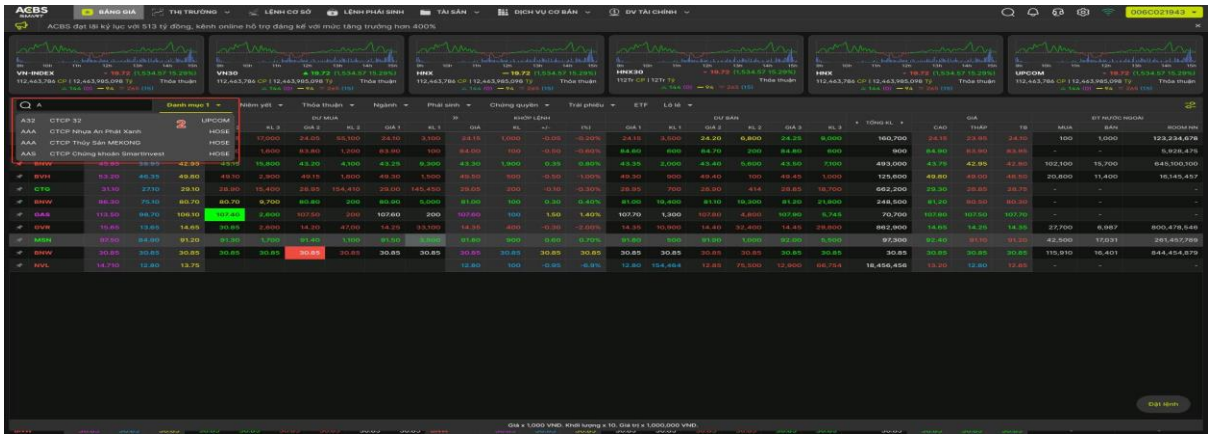

– Lưu ý: Không hạn chế số lượng mã CK thêm vào danh mục, người dùng có thể thêm tùy ý mã CK quan tâm

3.6. Xóa mã Chứng khoán khỏi danh mục yêu thích

–

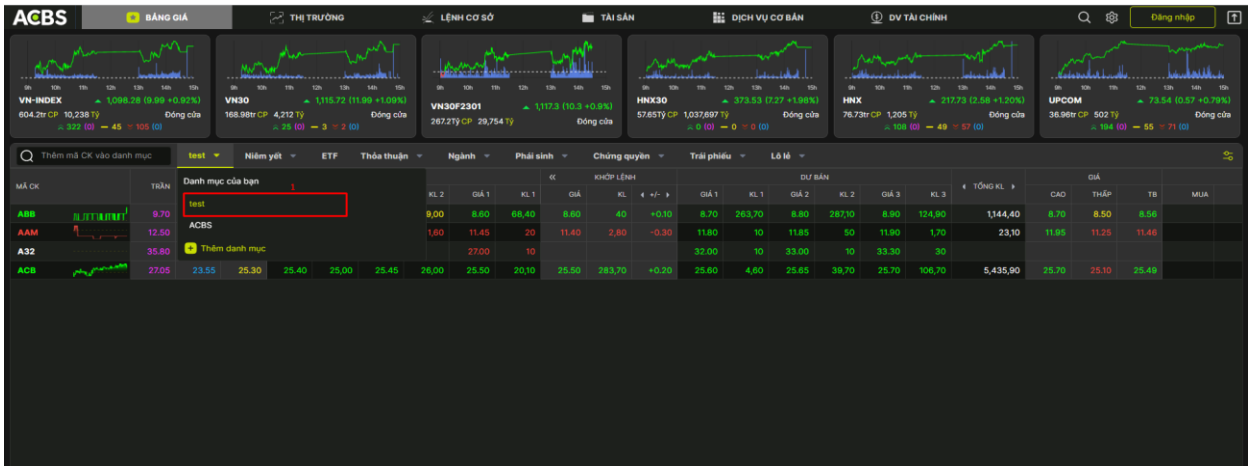

– Nhấn vào danh mục → Hiển thị danh sách mã CK của danh mục đã chọn

–

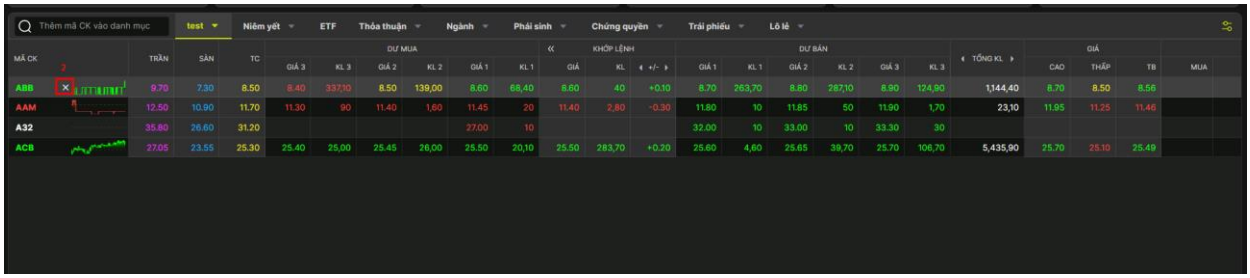

– Đưa chuột vào tên mã CK muốn xóa và nhấn dấu "x" → Xóa thành công mã CK ra khỏi danh mục yêu thích

4. Danh mục sở hữu

– Đường dẫn: Bảng giá/ Danh mục của tôi/ Danh mục sở hữu

– Mục đích: Hiển thị danh sách các mã chứng khoán KH đang nắm giữ

–

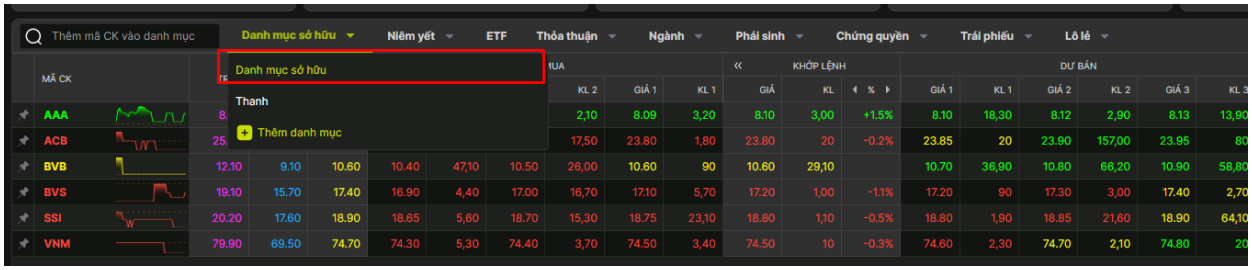

5. Bảng giá theo sàn/chỉ số

– Đường dẫn: Bảng giá/ Niêm yết

– Mục đích: Hiển thị bảng giá các mã cổ phiếu được niêm yết theo sàn hoặc Index (HNX, HOSE, UPCOM, VN30...)

–

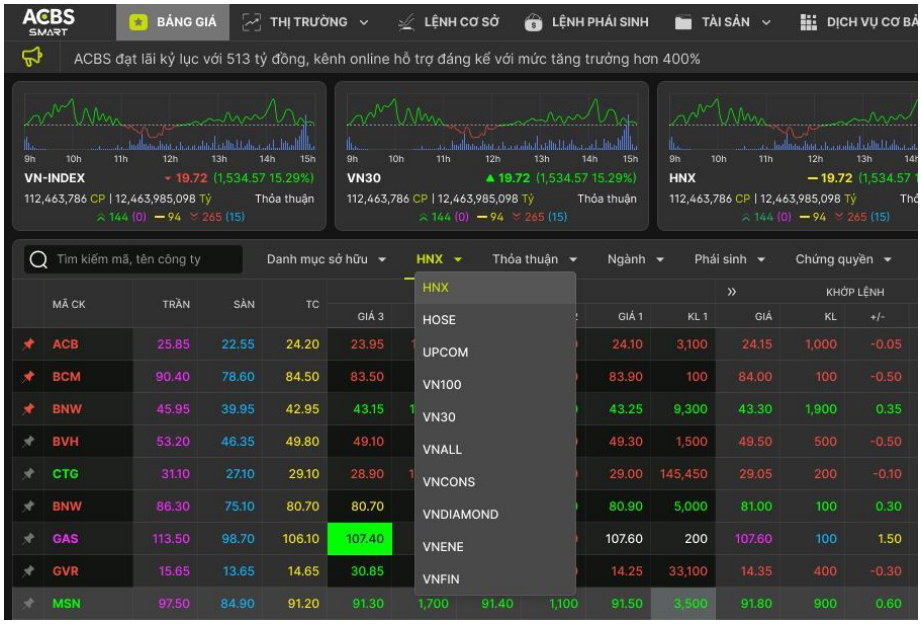

– Nhấn đúp vào ô giá tương ứng của mã chứng khoán để đặt lệnh (Chức năng chung áp dụng cho tất cả các bảng giá trừ bảng giá thỏa thuận)

–

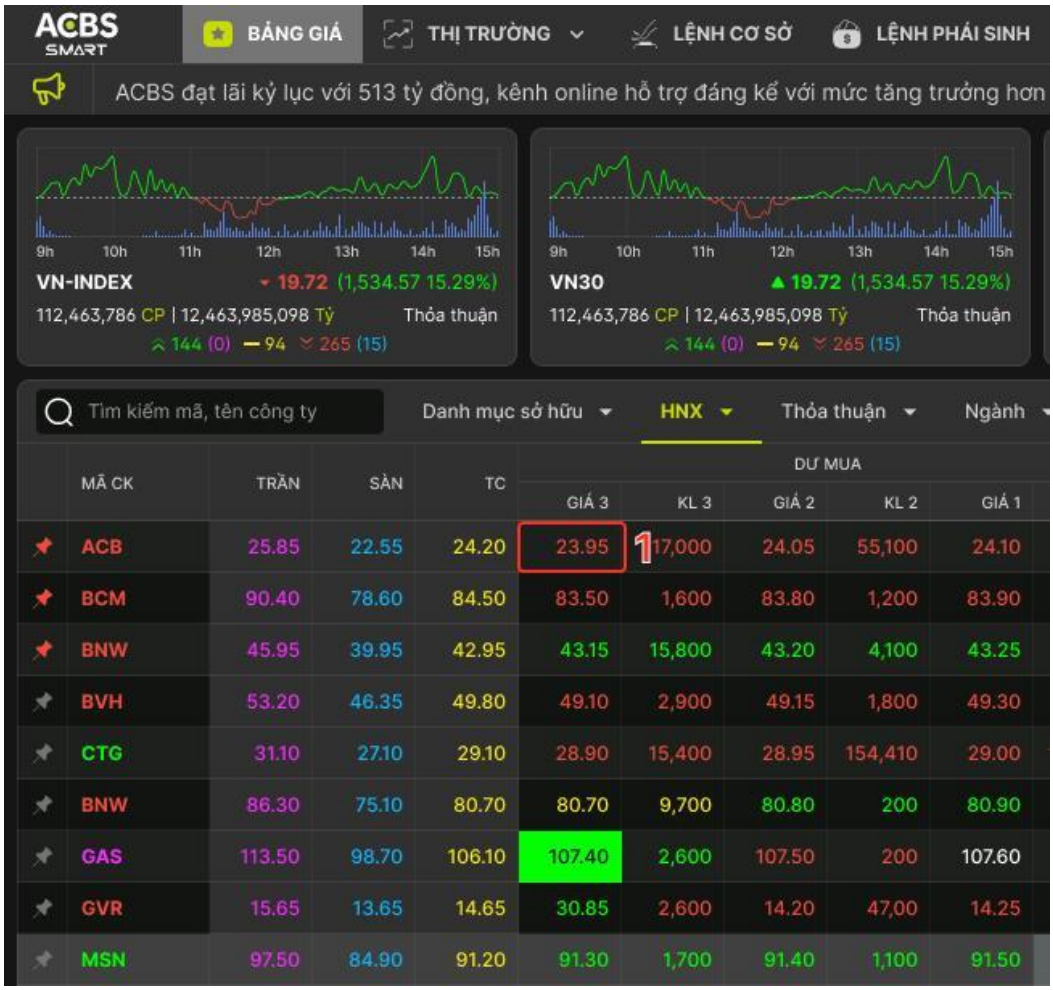

–

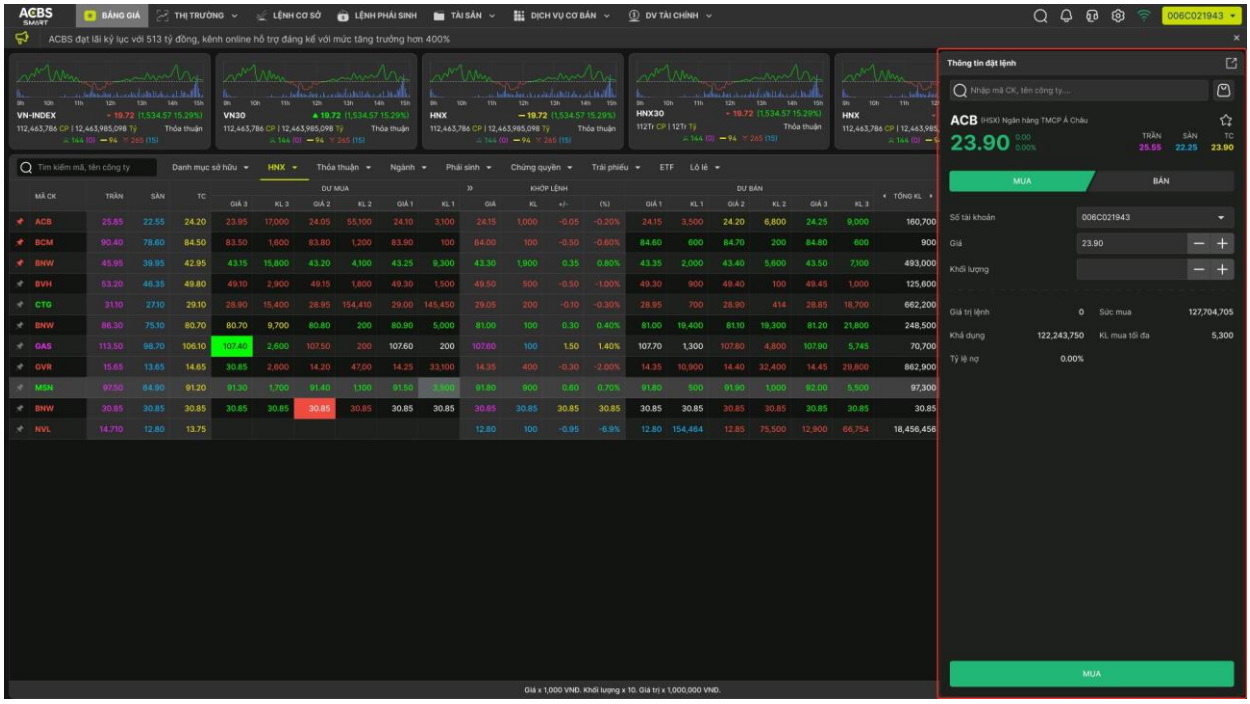

– Chức năng ghim mã CK

– Mục đích: Chọn những mã chứng khoán quan tâm lên đầu để dễ theo dõi

– Hướng dẫn thực hiện:

– Nhấn đúp vào biểu tượng dấu ghim Mã CK được ghim lên đầu

–

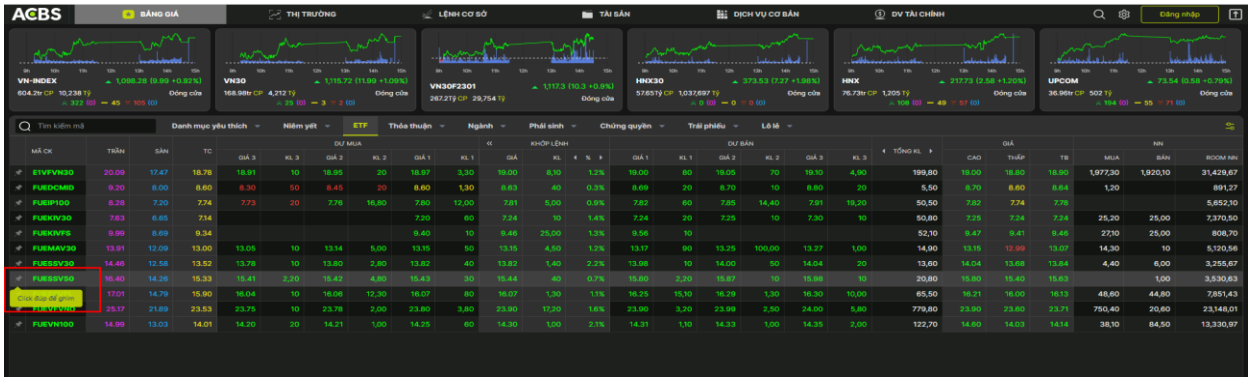

– Chức năng bỏ ghim mã CK

– Nhấn đúp vào biểu tượng dấu ghim màu đỏ Mã CK bỏ ghim ở đầu và trở về vị trí mặc định của bảng giá

–

6. Bảng giá ETF

– Đường dẫn: Bảng giá/ ETF

– Mục đích: Hiển thị bảng giá chứng chỉ quỹ

–

7. Bảng giá thỏa thuận Thỏa thuận

– Đường dẫn: Bảng giá/ Thỏa thuận

– Mục đích: Hiển thị thông tin các giao dịch thỏa thuận trong ngày của 3 sàn HOSE, HNX, UPCOM, tổng hợp khối lượng và giá trị của các giao dịch thỏa thuận

–

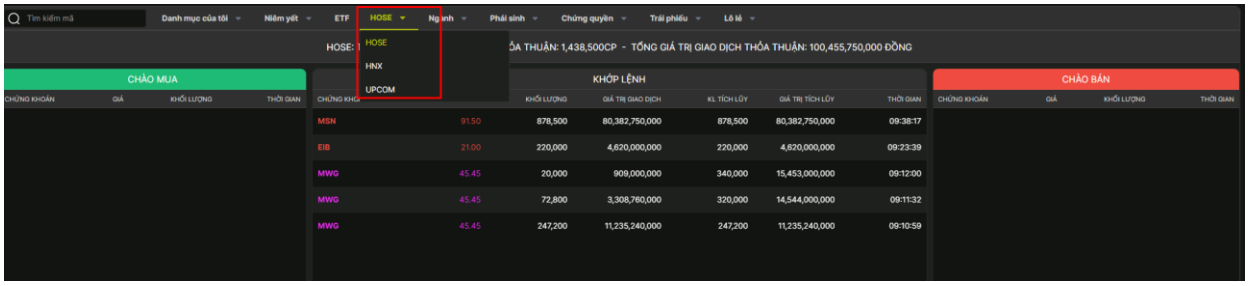

8. Bảng giá theo Ngành

– Đường dẫn: Bảng giá/ Ngành

– Mục đích: Hiển thị danh sách mã chứng khoán theo ngành (do ACBS phân loại)

– 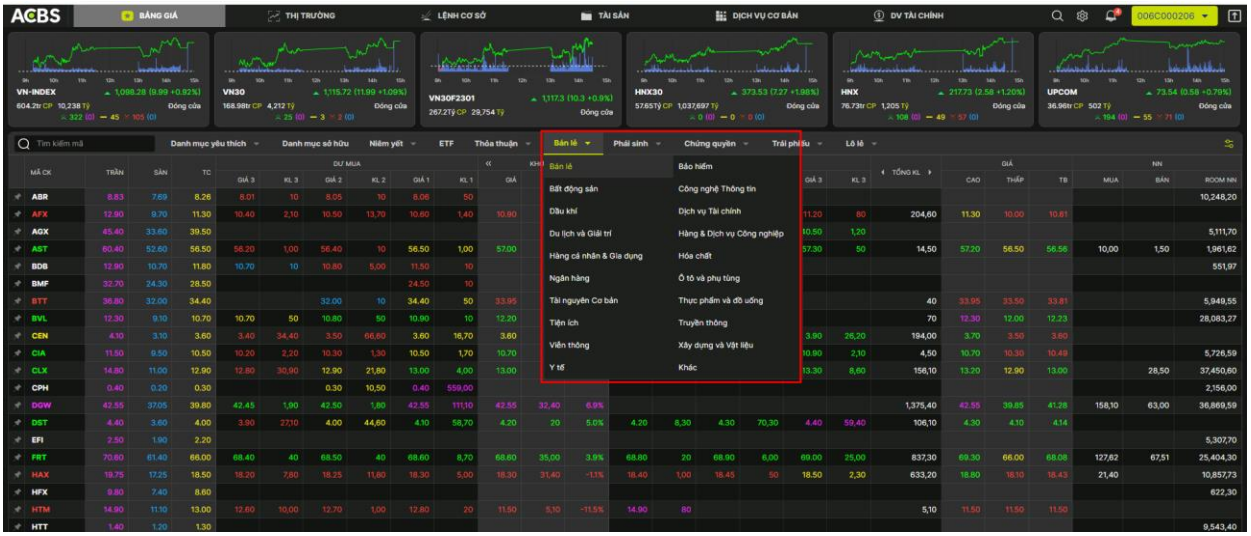

9. Bảng giá Phái sinh

– Đường dẫn: Bảng giá/ Phái sinh

– Mục đích: Hiển thị danh sách mã CK phái sinh của HĐTL chỉ số VN30 và HĐTL TPCP

– 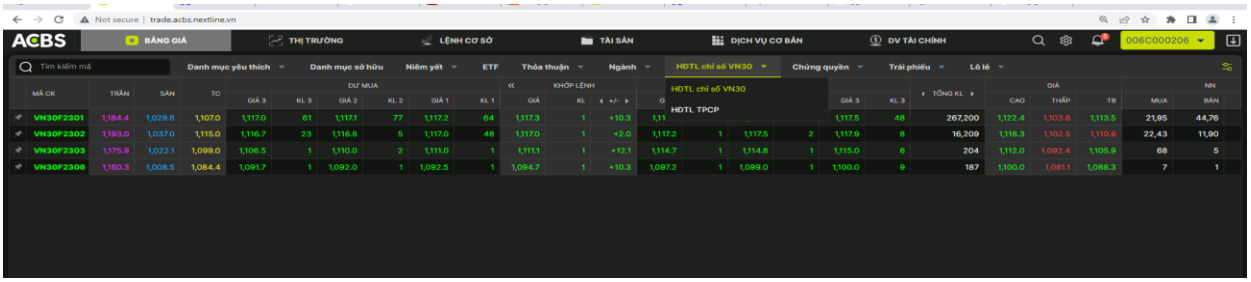

10. Bảng giá Chứng quyền

– Đường dẫn: Bảng giá/ Chứng quyền

– Mục đích: Hiển thị danh sách các mã chứng quyền tại ACBS và toàn thị trường

–

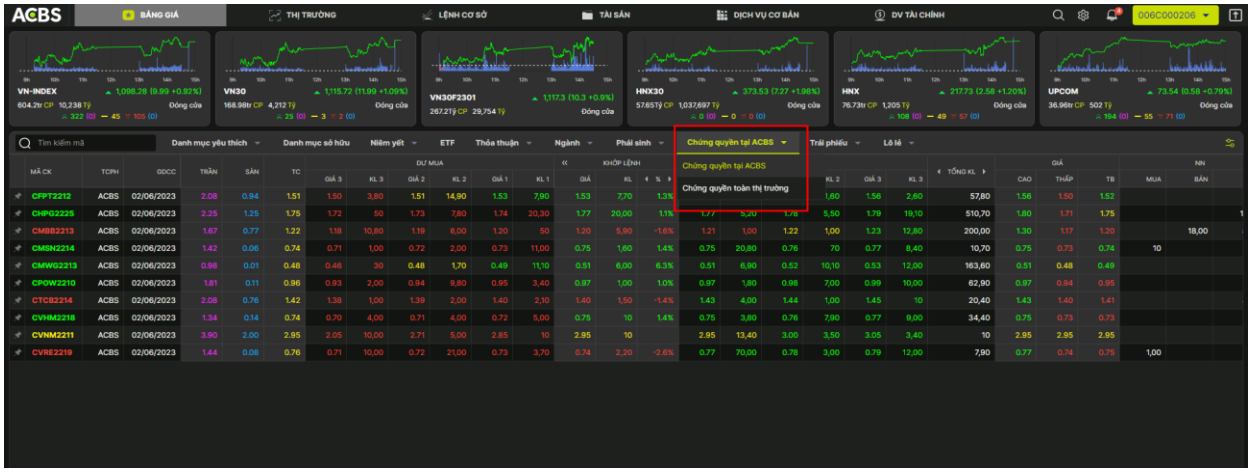

11. Bảng giá Trái Phiếu

– Đường dẫn: Bảng giá/ Trái phiếu

– Mục đích : Hiển thị bảng giá của mã trái phiếu sàn HNX

–

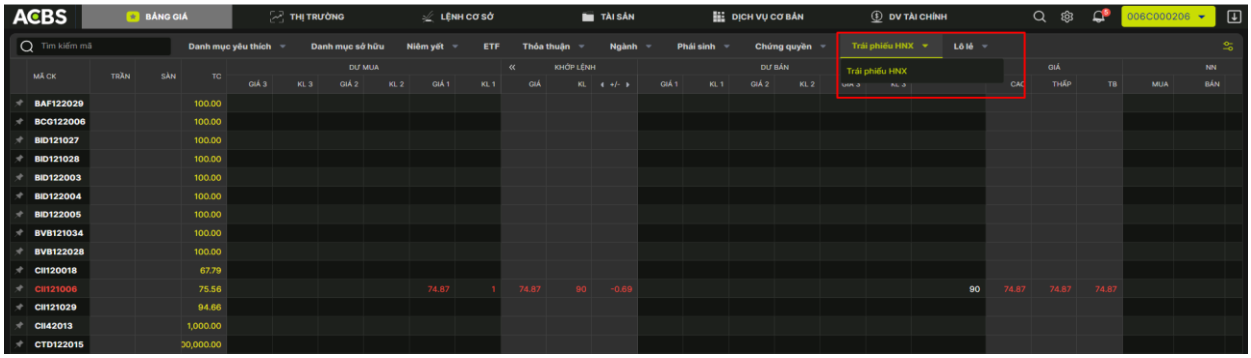

12. Bảng giá Lô lẻ

– Đường dẫn: Bảng giá/ Lô lẻ

– Mục đích: Hiển thị giá của mã chứng khoán lô lẻ theo 3 sàn HSX/HNX/UPCOM

–

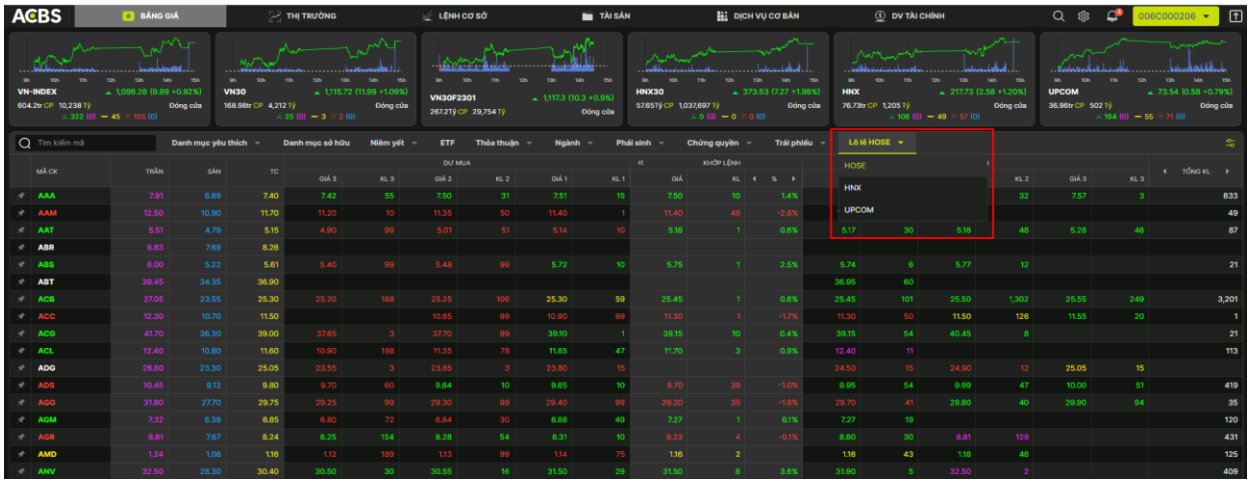

13. Chi tiết mã

– Đường dẫn: Nhấn vào mã CK để xem chi tiết

– Mục đích: Xem chi tiết mã bao gồm: Thông tin chi tiết, Biểu đồ PTKT, Khối Giá trị NN mua bán ròng, Bước giá, Khối lượng và Thời gian, thông tin doanh nghiệp, Tài chính, Khuyến nghị, ...Chức năng chung áp dụng cho tất cả các bảng giá trừ bảng giá thỏa thuận)

– 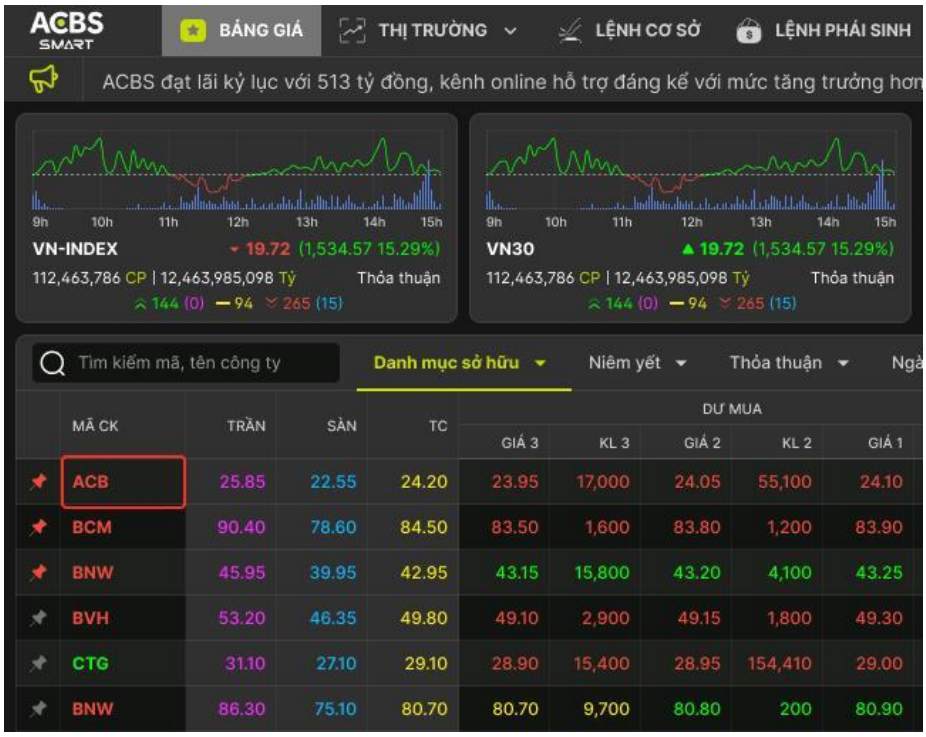

– 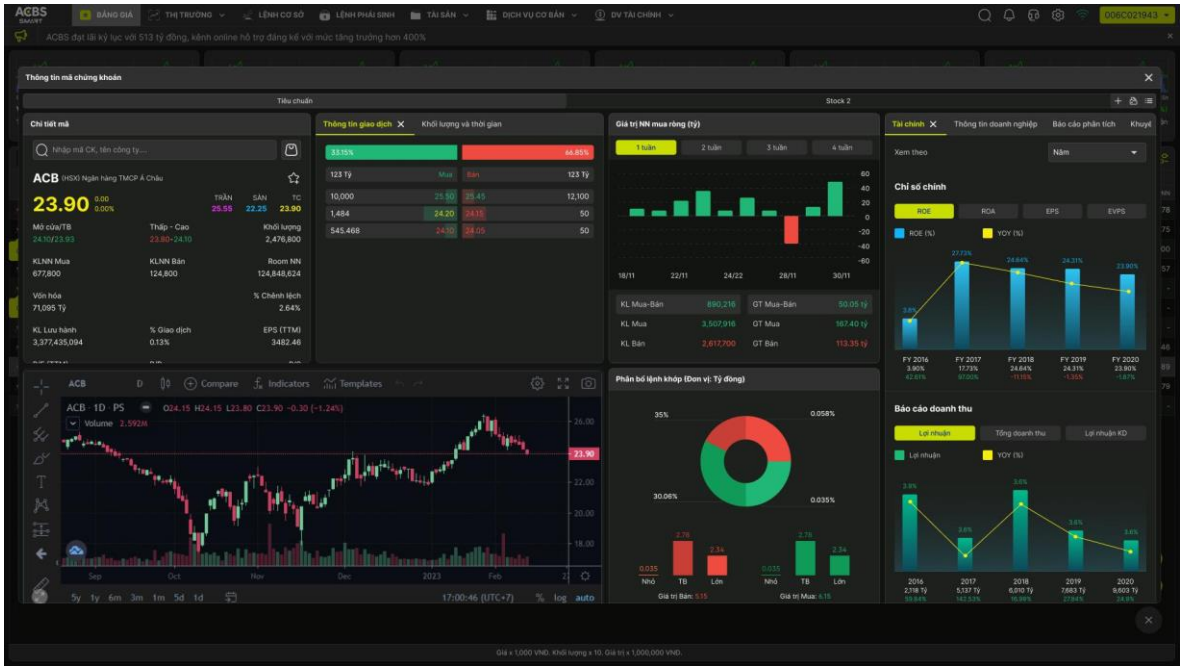

Khối Thông tin chi tiết mã:

– Mục đích: Hiển thị thông tin của mã bao gồm: giá hiện tại, giá trần, giá sàn, TC, giá mở cửa, TB, giá thấp- cao, tổng khối lượng và chác chỉ số cơ bản khác.

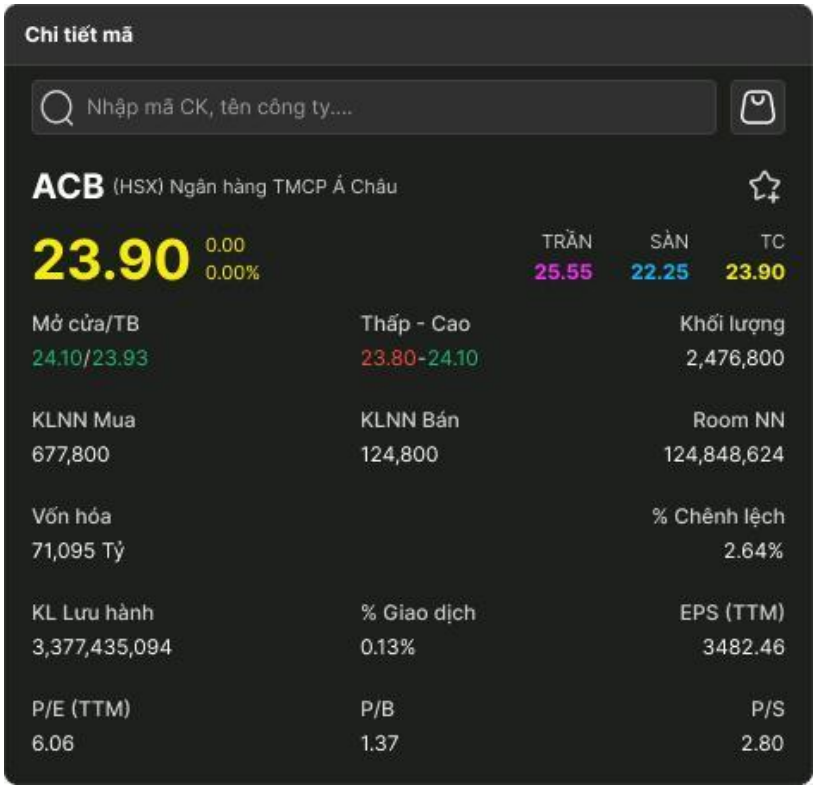

–

– Chức năng tìm kiếm mã CK

– Mục đích: Tìm kiếm mã chứng khoán muốn xem thông tin

– Hướng dẫn thực hiện:

– Nhấn vào ô tìm kiếm mã CK

– Gõ mã CK cần tìm kiếm

– Nhấn Enter

– 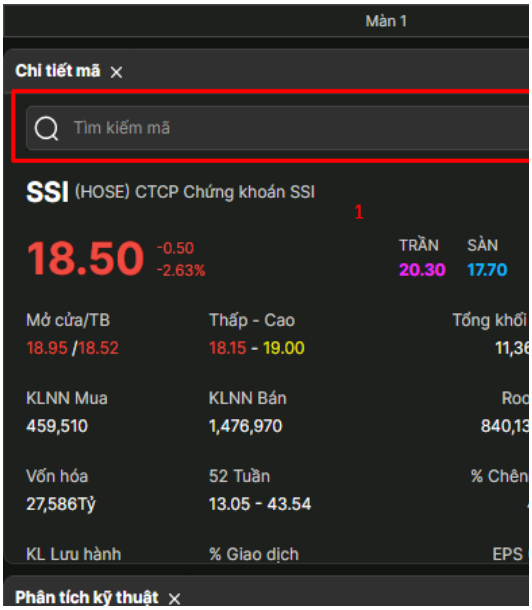

– 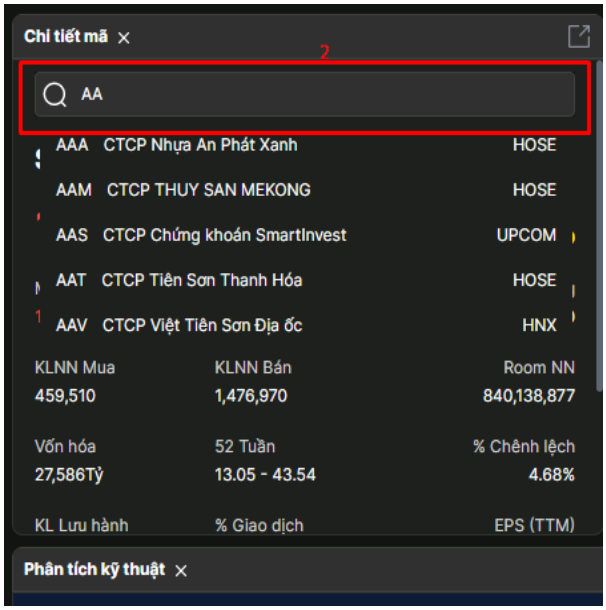

–

Khối thông tin Bảng giá

– Hiển thị 3 mức giá tốt nhất để người dùng có thể dễ dàng đặt lệnh

–

Khối thông tin Khối lượng và thời gian

– Hiển thị 30 bản ghi lịch sử khớp lệnh mua bán so với thời điểm hiện tại, biểu đồ phân tích KL giao dịch mua bán ở từng bước giá ở các thời điểm hiện tại, 1 ngày trước và 5 ngày trước

–

Khối thông tin Giá trị nước ngoài mua bán ròng

– Hiển thị biểu đồ phân tích KL và Giá trị giao dịch mua bán nước ngoài của mã CK theo ngày, người dùng có thể chọn hiển thị dữ liệu 1 tuần, 2 tuần, 3 tuần, 4 tuần

– 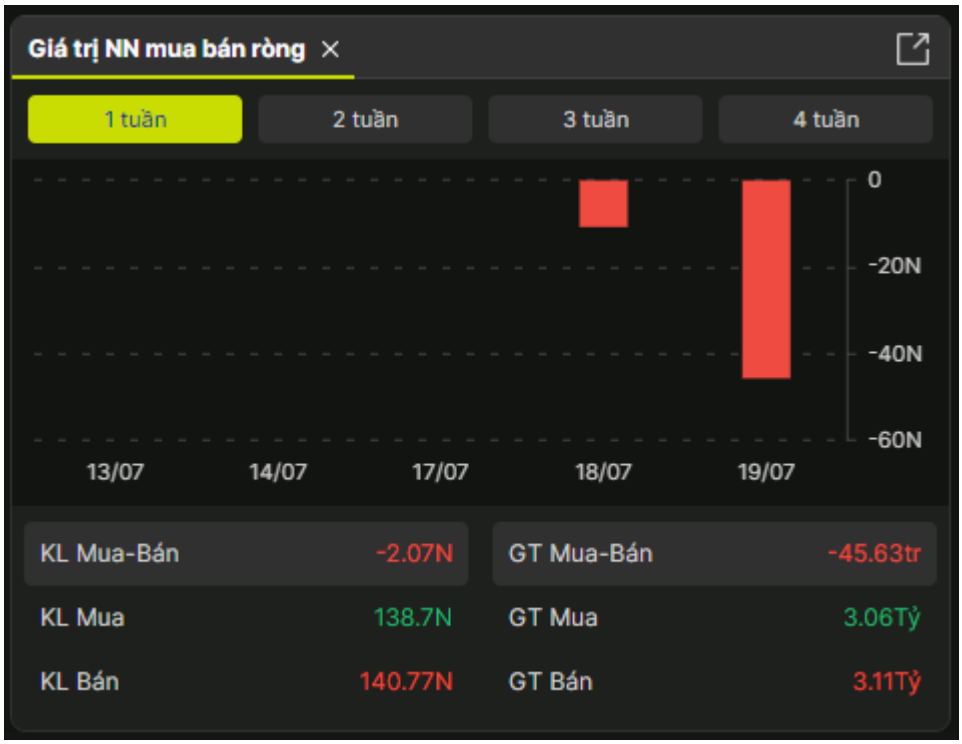

– Khối thông tin Phân tích kỹ thuật :
– Cung cấp thông tin phân tích kỹ thuật của một mã chứng khoán
–

– Khối thông tin Phân bổ khớp lệnh
– Hiển thị biểu đồ phân bổ khớp lệnh mua và bán theo tiêu chí: nhỏ, TB, lớn;

Khớp lệnh lớn là tổng giá trị khớp của 10% trên tổng số lượng giao dịch sắp xếp từ lớn đến bé; Khớp lệnh nhỏ là tổng giá trị khớp của 10% trên tổng số giao dịch sắp xếp từ bé đến lớn; Khớp lệnh trung bình là tổng giá trị khớp lệnh trừ đi giá trị của khớp lệnh lớn và nhỏ

– 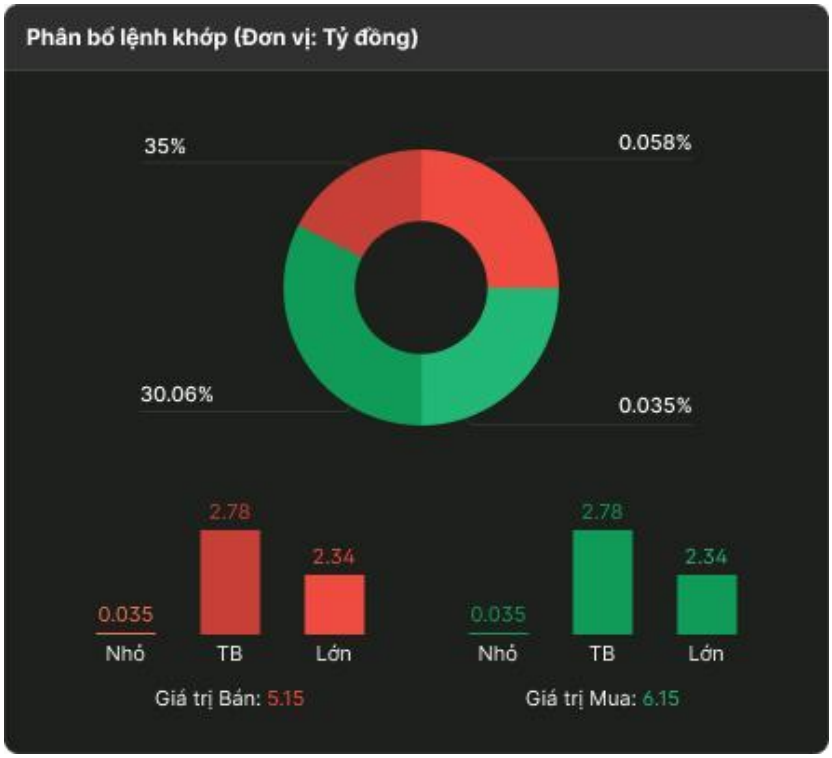

– Khối Thông tin doanh nghiệp

– Hiển thị thông tin giới thiệu về doanh nghiệp phát hành mã CK, biểu đồ hiển thị cổ đông của công ty phát hành mã CK và biểu đồ cơ cấu nhà đầu tư trong và ngoài nước

– 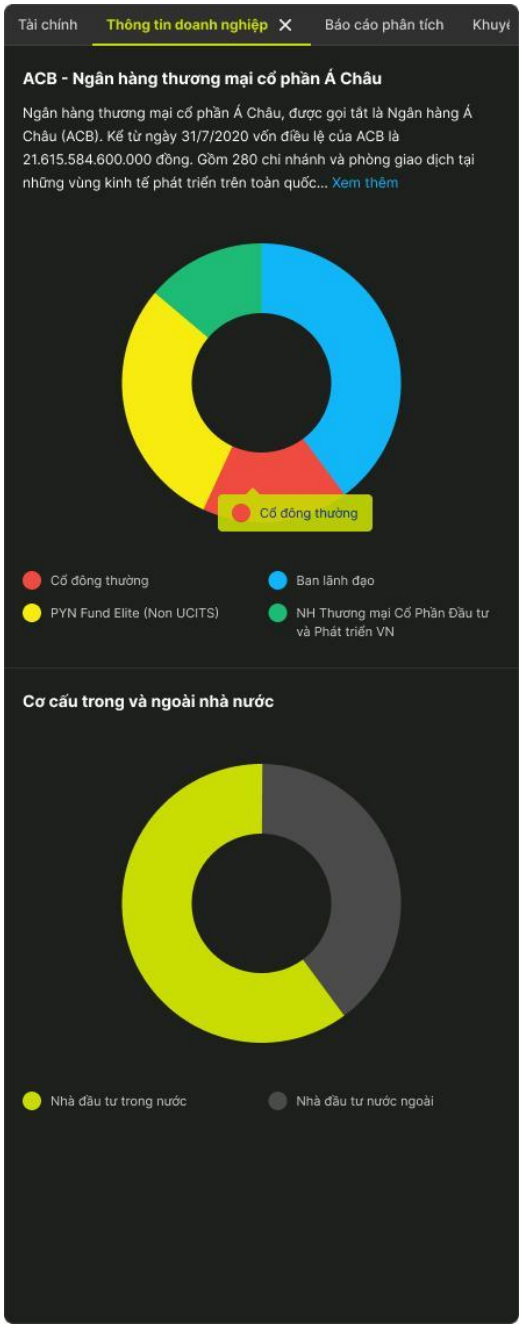

– Khối Tin tức

– Mục đích: Hiển thị tin tức của công ty phát hành mã CK, giúp người dùng có thể nắm được các thay đổi và tình hình chung của công ty chứng khoán

– Hướng dẫn thực hiện: Nhấn vào dòng thông tin để hiển thị thông tin chi tiết của tin tức

–

– Khối Khuyến nghị

– Hiển thị thông tin giá hiện tại, mức giá khuyến nghị, mục tiêu lãi lỗ

– 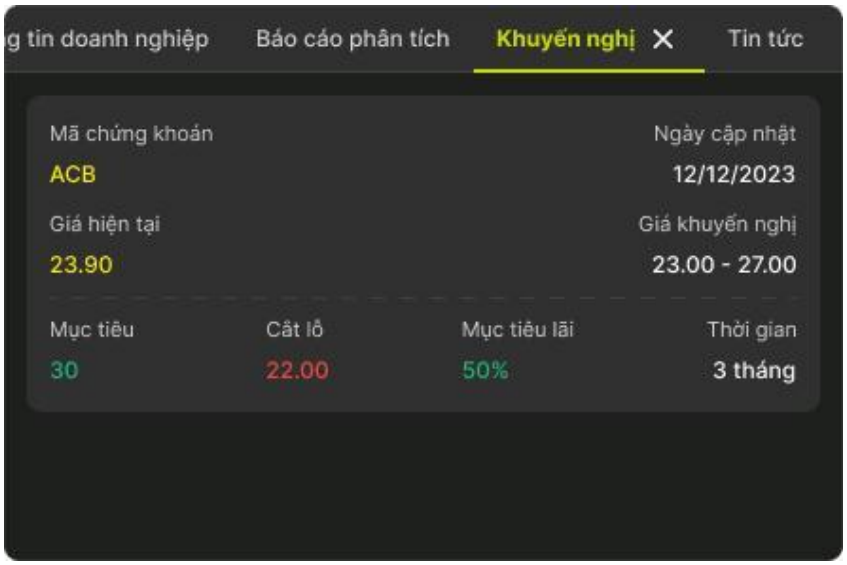

– Khối Báo cáo phân tích

– Hiển thị các báo cáo phân tích về tình hình hoạt động của công ty chứng khoán, giúp người dùng có thêm nhiều thông tin chuyên sâu về mã CK và công ty phát hành chứng khoán

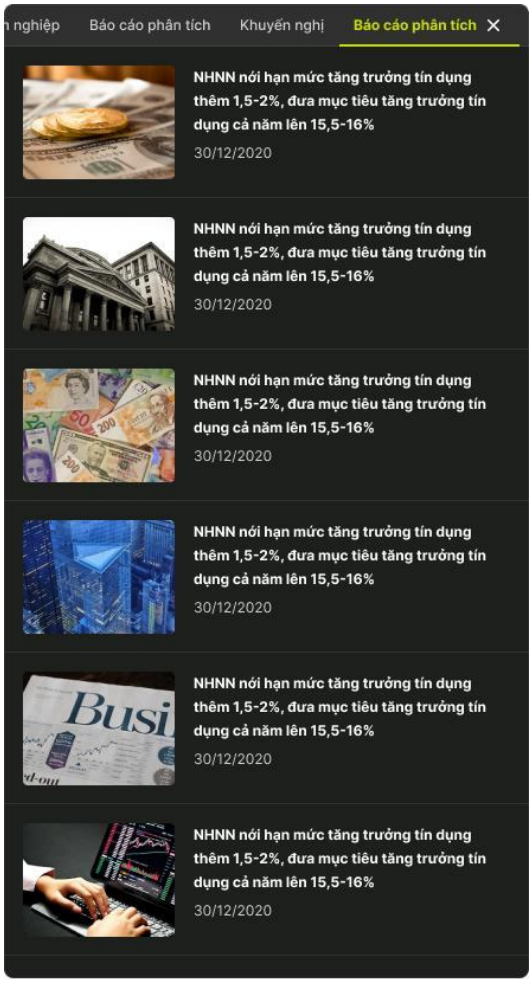

–

III. THỊ TRƯỜNG

1. Tổng hợp thị trường

– Đường dẫn: Thị trường/ Tổng hợp thị trường

– Mục đích: Cung cấp một số thông tin tổng quan về thị trường như: Đồ thị chỉ số A-D, Giá trị NN mua bán ròng, Tự doanh, Khuyến nghị, Netflow, Top Tăng, Top giảm, CP giao dịch hàng đầu, Top nước ngoài, Chuyển động thị trường, Khối ngoại, Chuyển động ngành của HSX, HNX, UPCOM và VN30

–

Chỉ số A-D

– Đồ thị thống kê số lượng cổ phiếu tăng giảm tham chiếu và cập nhật thay đổi 1 phút/ lần của HOSE/HNX/UPCOM/VN30

–

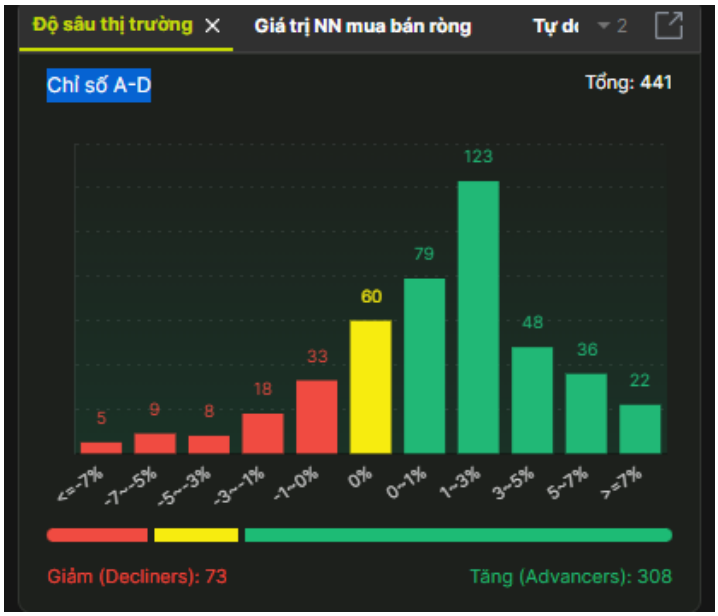

Giá trị NN mua bán ròng

– Hiển thị biểu đồ phân tích KL và Giá trị giao dịch mua bán nước ngoài của HOSE/HNX/UPCOM/VN30 theo ngày, người dùng có thể chọn hiển thị dữ liệu 1 tuần, 2 tuần, 3 tuần, 4 tuần

– 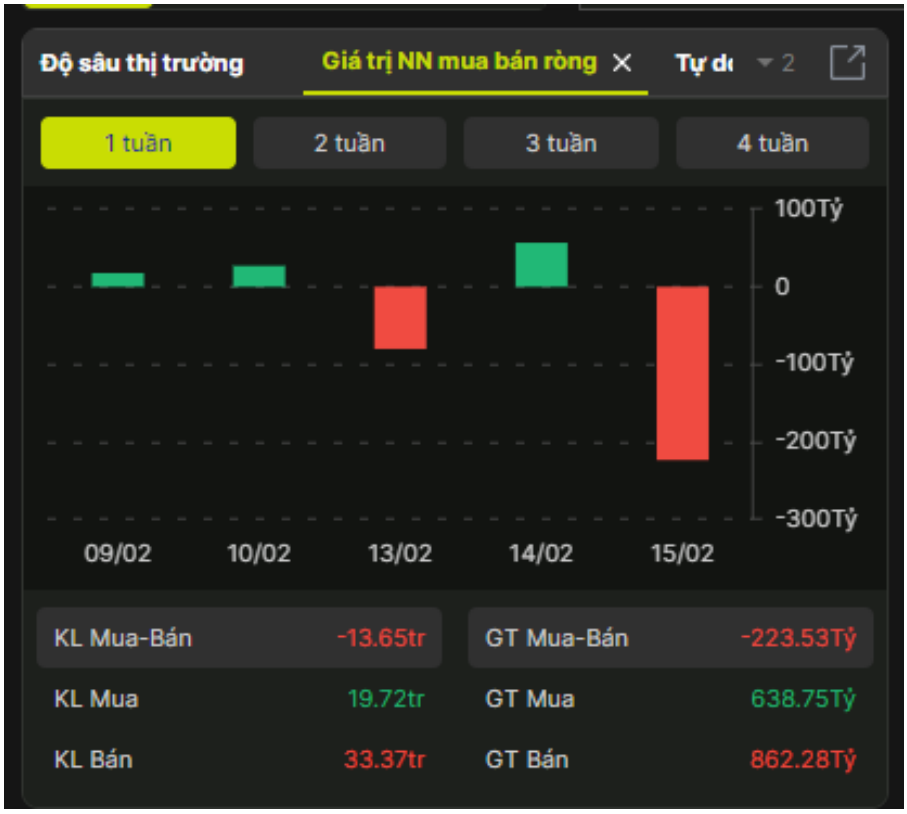

Khuyến nghị

– Hiển thị thông tin mã CK thuộc HOSE / HNX / UPCOM/ VN30 với các thông tin giá hiện tại, mức giá khuyến nghị nên mua vào, mục tiêu lãi lỗ để khách hàng có thể dễ dàng ra quyết định đặt lệnh

–

MÃ CK	TG CẬP NHẬT	HIỆN TẠI	KHUYẾN NGHỊ	MỤC TIÊU	CẮT LỖ	MỤC TIÊU LÃI	TG ĐẦU TƯ
NKG	06/02/2023	14.25	13.10 - 13.40	17.90	12.50	35.09%	6 THANG
ACB	10/02/2023	24.45	23.00 - 27.00	27.00	22.00	8.00%	3
SSI	02/02/2023	19.15	23.40 - 23.90	26.50	22.60	12.05%	MUA
NVL	09/02/2023	11.20	14.40 - 15.00	20.50	13.20	39.46%	10 NĂM

Chức năng đặt lệnh nhanh từ khối khuyến nghị

– Di chuột vào dòng khuyến nghị/ Nhấn vào mua -> Hiển thị hộp thoại đặt lệnh

Tự doanh

– Chức năng chỉ sử dụng được khi đã đăng nhập, hiển thị thông tin thống kê tổng hợp dữ liệu tự doanh theo HOSE / HNX / UPCOM/ VN30 bao gồm các thông tin: Giá trị ròng (Khớp lệnh), Giá trị ròng (thỏa thuận), Tổng GT ròng theo ngày , KH có thể chọn hiển thị dữ liệu 1 tuần, 2 tuần, 3 tuần, 4 tuần

– 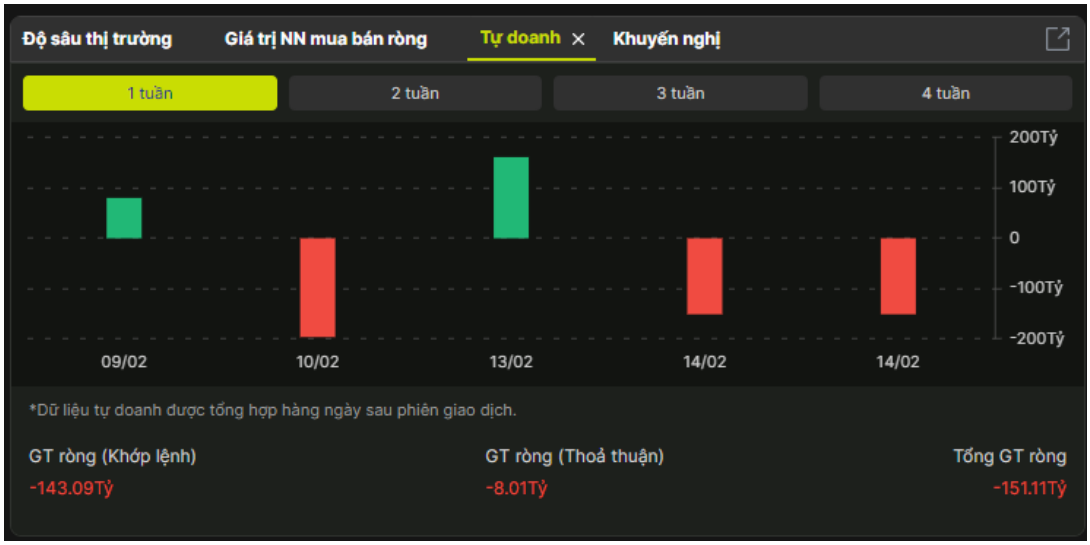

Netflow

– Hiển thị dữ liệu về tín hiệu tích cực và tiêu cực dòng tiền của HOSE / HNX / UPCOM/ VN30 theo thời gian trong ngày thời điểm hiện tại, 1 ngay trước, 2,3,4,5 ngày trước tùy theo lựa chọn của người dùng

– Tín hiệu tích cực sẽ có netflow > 0 -> Hiển thị màu xanh lá

– Tín hiệu tiêu cực có netflow < 0 -> Hiển thị màu đỏ

– 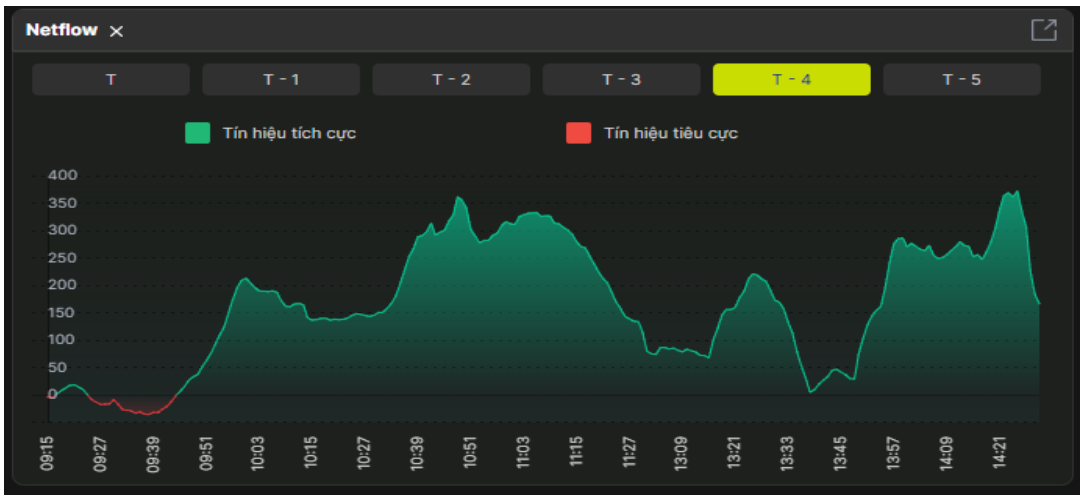

Top mã chứng khoán

– Hiển thị thống kê tổng hợp các top mã CK theo tiêu chí: giá thay đổi tăng, giá thay đổi giảm, Cổ phiếu giao dịch hàng đầu theo tiêu chí khối lượng, giá trị, % biến động, và top cổ phiếu giao dịch nước ngoài theo các tiêu chí Mua ròng, bán ròng, KL mua, KL bán, GT mua, GT bán

–

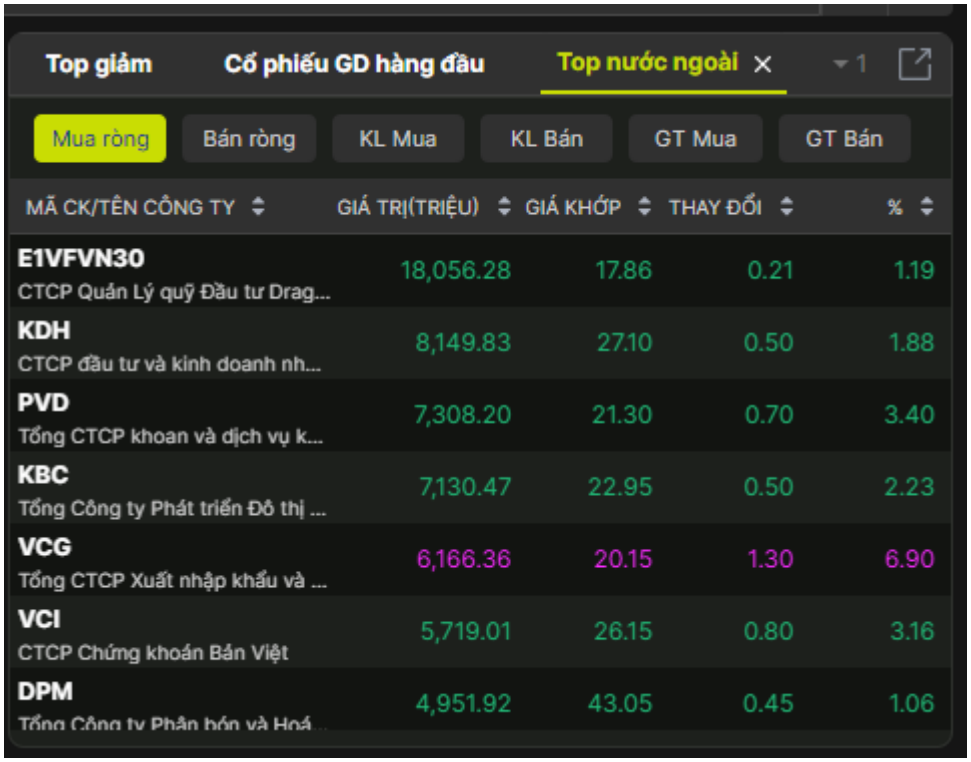

MÃ CK/TÊN CÔNG TY	GIÁ TRỊ(TRIỆU)	GIÁ KHỚP	THAY ĐỔI	%
E1VFVN30 CTCP Quản Lý quỹ Đầu tư Drag...	18,056.28	17.86	0.21	1.19
KDH CTCP đầu tư và kinh doanh nh...	8,149.83	27.10	0.50	1.88
PVD Tổng CTCP khoan và dịch vụ k...	7,308.20	21.30	0.70	3.40
KBC Tổng Công ty Phát triển Đô thị ...	7,130.47	22.95	0.50	2.23
VCG Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và ...	6,166.36	20.15	1.30	6.90
VCI CTCP Chứng khoán Bản Việt	5,719.01	26.15	0.80	3.16
DPM Tổng Công ty Phân bón và Hoá ...	4,951.92	43.05	0.45	1.06

Biểu đồ chuyển động thị trường

Biểu đồ: Top đóng góp INDEX

– Biểu đồ thể hiện thông tin điểm ảnh hưởng và % ảnh hưởng của 30 cổ phiếu tác động nhất tới tăng giảm điểm của Bộ chỉ số, trong đó 15 mã ảnh hưởng chiều tăng và 15 mã ảnh hưởng chiều giảm.

–

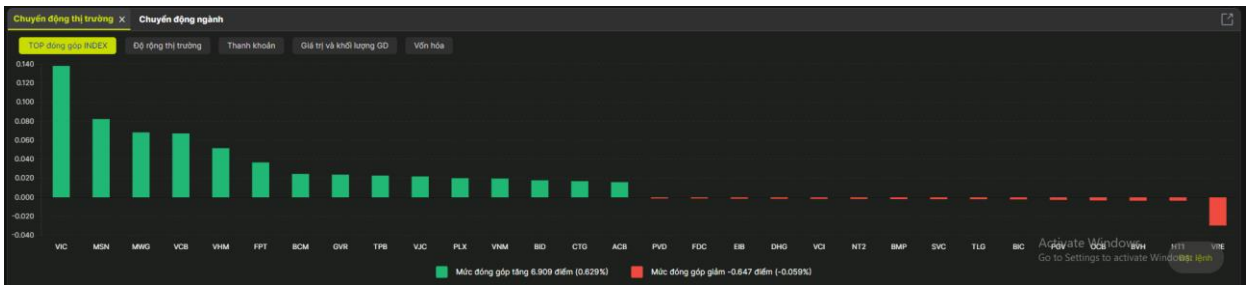

Biểu đồ: Độ rộng thị trường

– Trục ngang thể hiện tỷ lệ KLGD với trung bình KLGD 5 phiên. Trục đứng cho thấy đóng góp của từng mã vào return của index tại phiên hiện tại. Độ lớn bong bóng thể hiện vốn hóa.

– 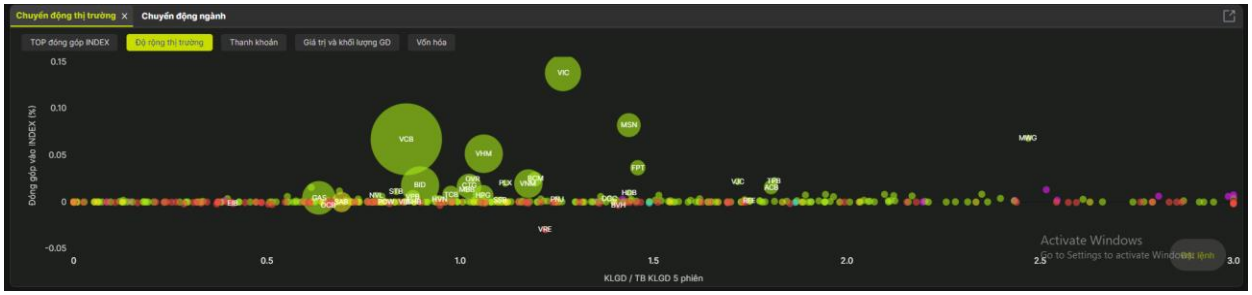

Biểu đồ: Thanh khoản

– Biểu đồ so sánh dòng tiền tại cùng thời điểm với phiên trước, trung bình 1 tuần, trung bình 1 tháng.

– 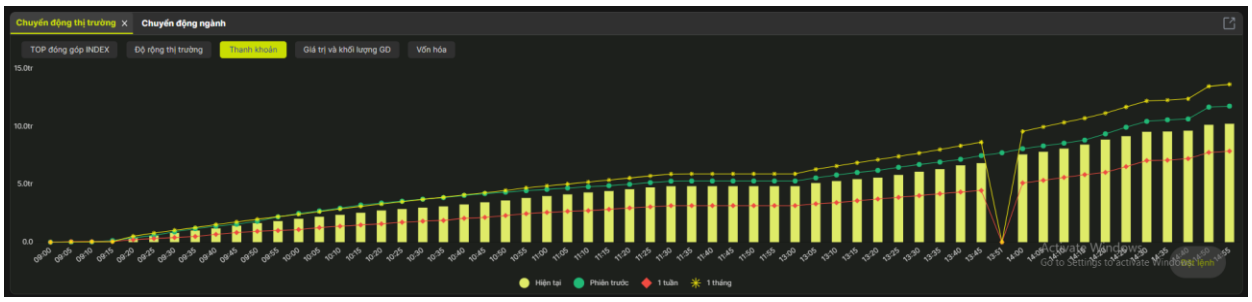

Biểu đồ: Giá trị và khối lượng GD

– Chọn hiển thị dữ liệu Khối lượng giao dịch và Giá trị giao dịch của từng sàn

–

Biểu đồ vốn hóa

– Biểu đồ cho thấy phân bổ vốn hóa của tất cả các mã trên sàn. Đơn vị là triệu VNĐ.

–

Biểu đồ khối ngoại

– Màu xanh trên biểu đồ thể hiện khối ngoại mua ròng. Màu đỏ thể hiện khối ngoại bán ròng. Dữ liệu bao gồm Cổ phiếu và ETF. Dữ liệu bao gồm cả thỏa thuận. Đơn vị giá trị là triệu VND.

– 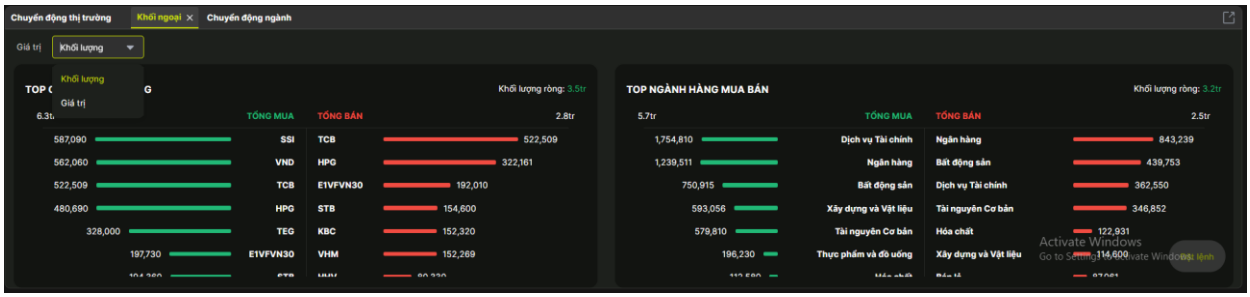

Chuyển động ngành

Top đóng góp INDEX

– Biểu đồ thể hiện đóng góp của ngành vào INDEX. Màu xanh trên biểu đồ thể hiện ngành đóng góp dương (kéo INDEX lên), màu đỏ thể hiện đóng góp âm (kéo INDEX xuống).

– 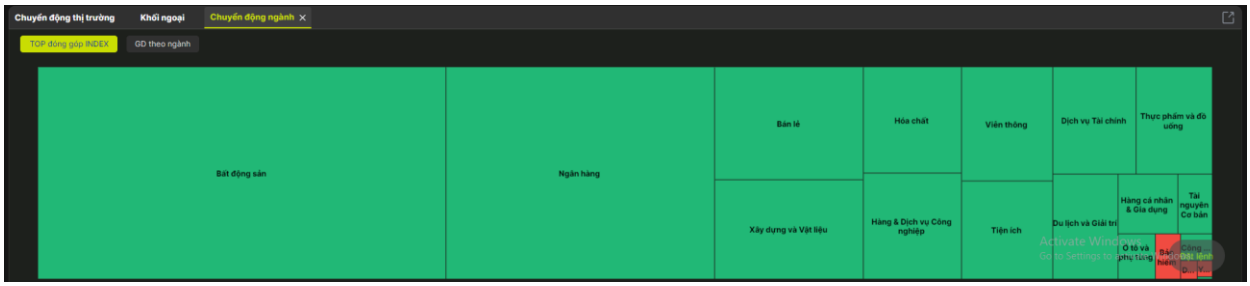

GD theo ngành

– Biểu đồ thể hiện giá trị giao dịch ngành (đơn vị Triệu VND). Màu xanh trên biểu đồ thể hiện ngành đóng góp dương (kéo INDEX lên), màu đỏ thể hiện đóng góp âm (kéo INDEX xuống).

–

Chức năng: Kéo thả cài đặt miếng khối

– Mục đích: KH có thể sắp xếp cách hiển thị các khối thông tin, chức năng quan tâm theo nhu cầu sử dụng.

– Hướng dẫn thực hiện:

– Vào dấu 3 gạch -> Hiển thị menu các khối

–

– Nhấn vào khối muốn hiển thị và kéo thả đến vị trí muốn đặt

–

– Nhấn chuột -> Khối sẽ vào đúng vị trí

– 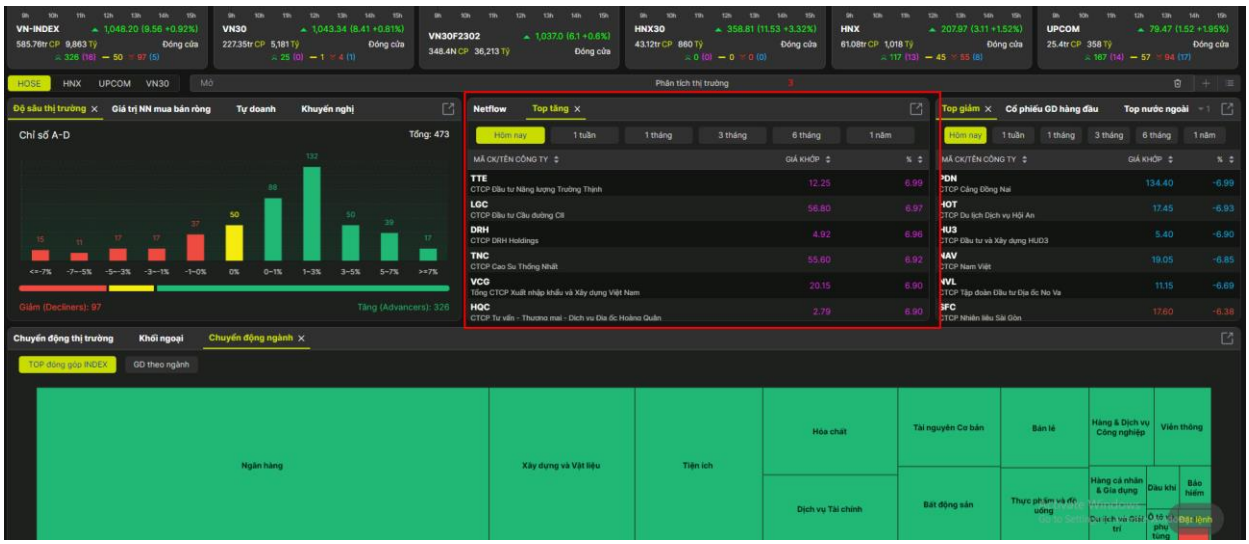

– Lưu ý: Trong trường hợp khối đã có sẵn trên màn hình khi Nhấn vào tên khối ở menu sẽ có thông báo "Chức năng đã mở"

– 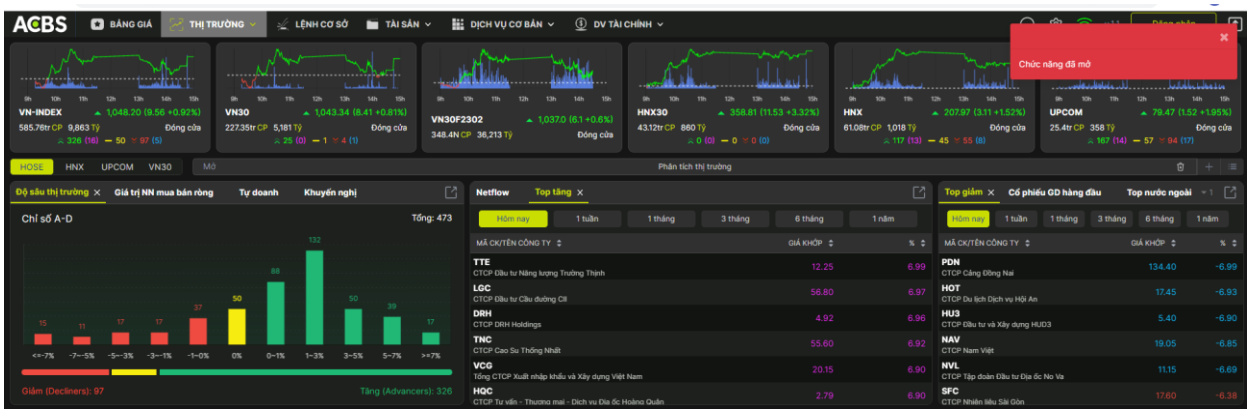

Chức năng điều chỉnh kích thước của khối

– Mục đích: Điều chỉnh kích thước của khối theo mong muốn

- Hướng dẫn thực hiện:
- Rê chuột đến viền của khối để hiển thị biểu tượng kéo
- Giữ và kéo chuột để điều chỉnh độ rộng, chiều cao của khối

Chức năng di chuyển vị trí của khối

- Mục tiêu: Sắp xếp khối ở các vị trí mong muốn
- Hướng dẫn thực hiện:
- Nhấp và giữ chuột ở vị trí phần đầu của khối
- 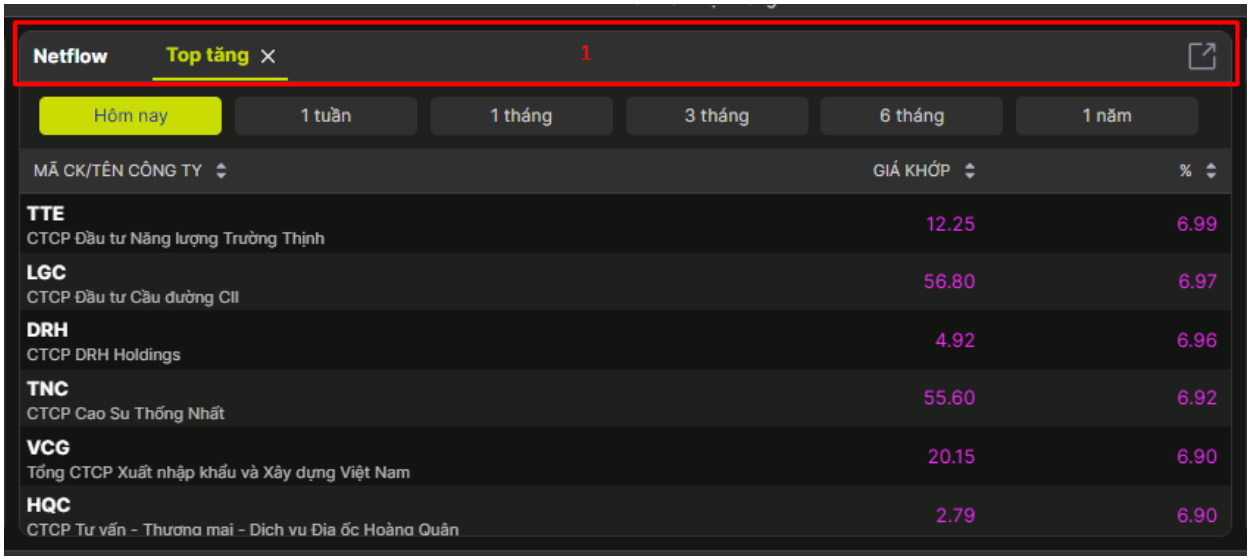

- Giữ chuột và kéo thả để vị trí mong muốn
- 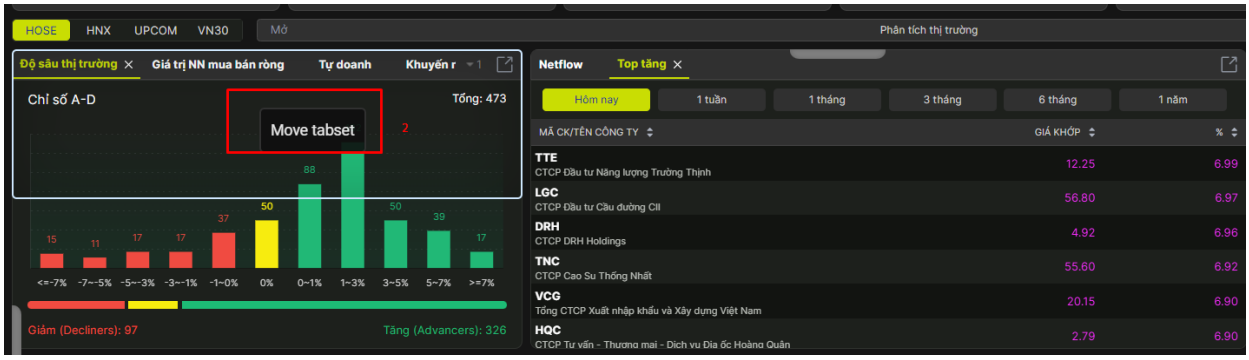

– 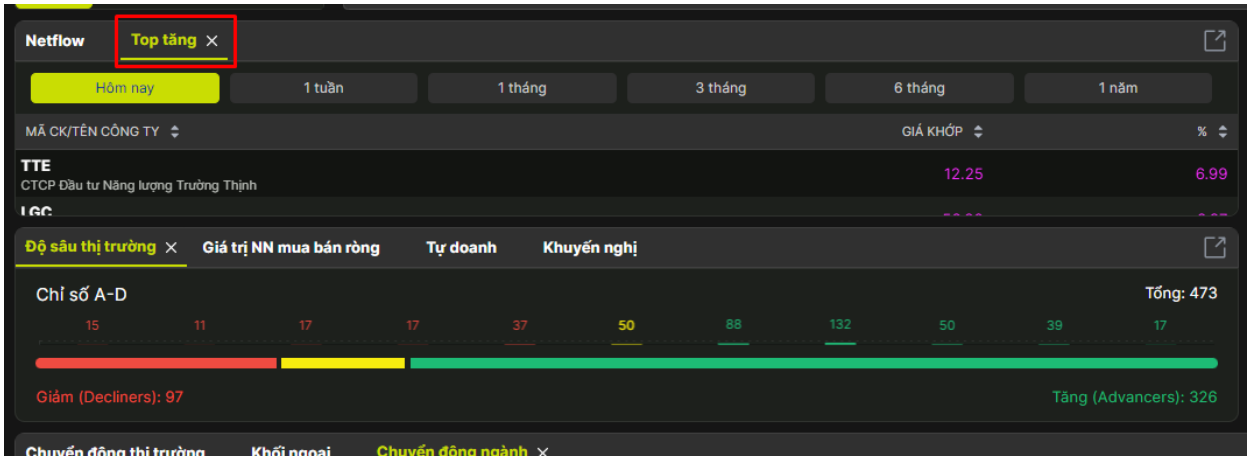

Chức năng lưu bảng

– Mục đích: Lưu lại bảng có bố cục mong muốn như người dùng đã sắp xếp đối với các lần đăng nhập sau

– Hướng dẫn thực hiện:

(1) Nhấn vào mở và chọn lưu lại mẫu

– 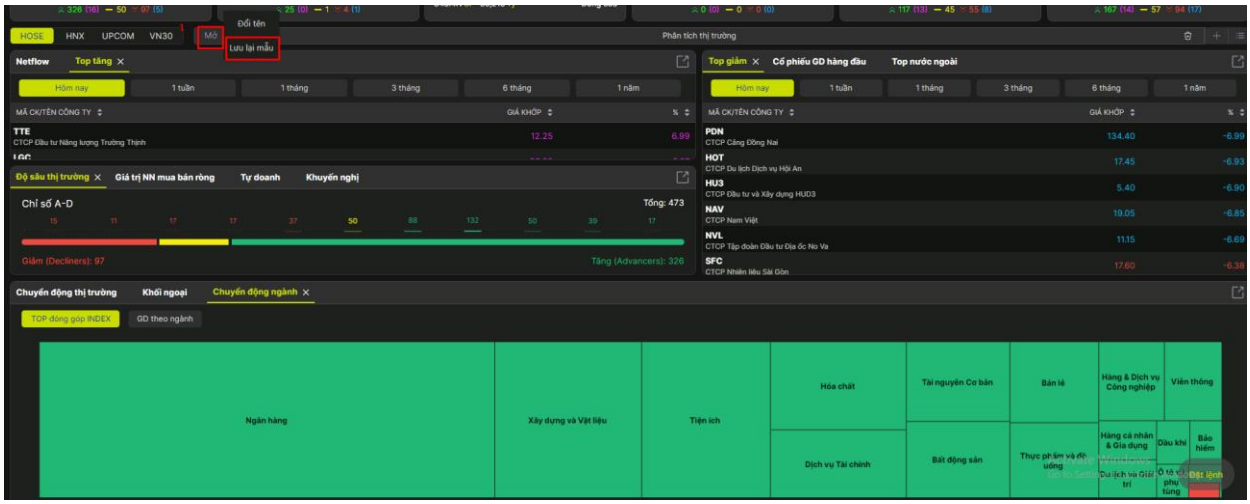

(2) Điền tên bảng, mô tả và nhấn lưu

– 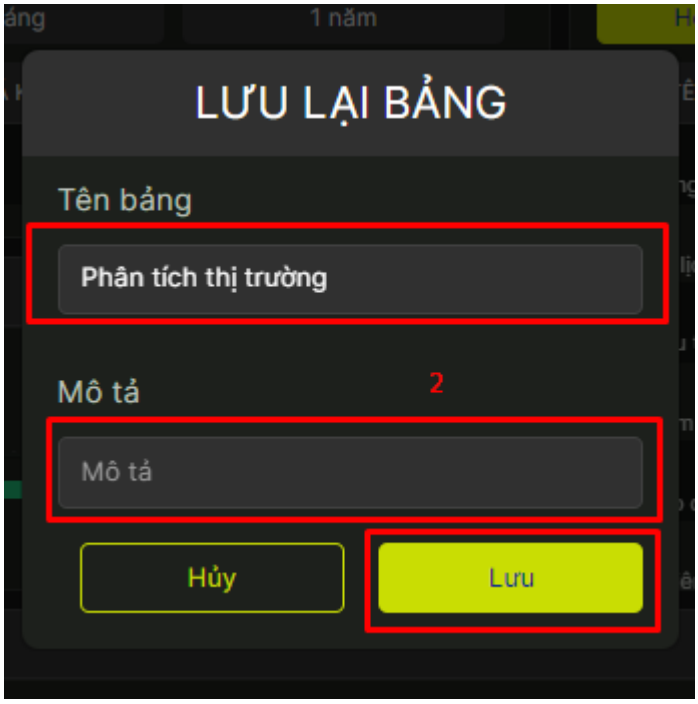

– Nhấn vào dấu cộng để xem bảng mình đã lưu

– 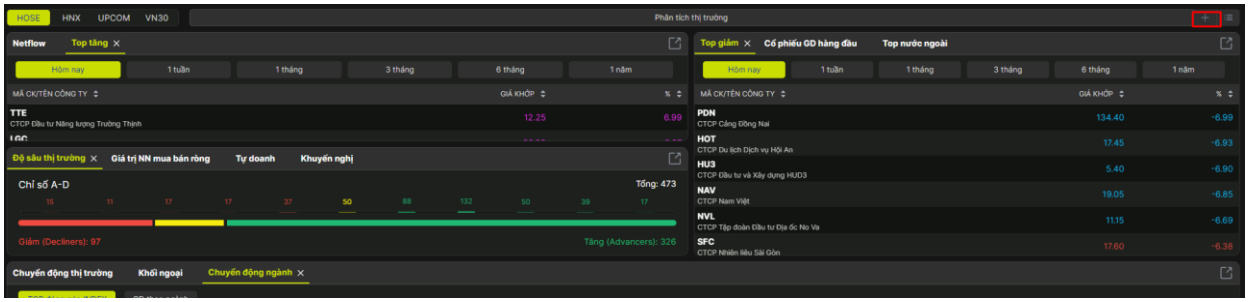

– 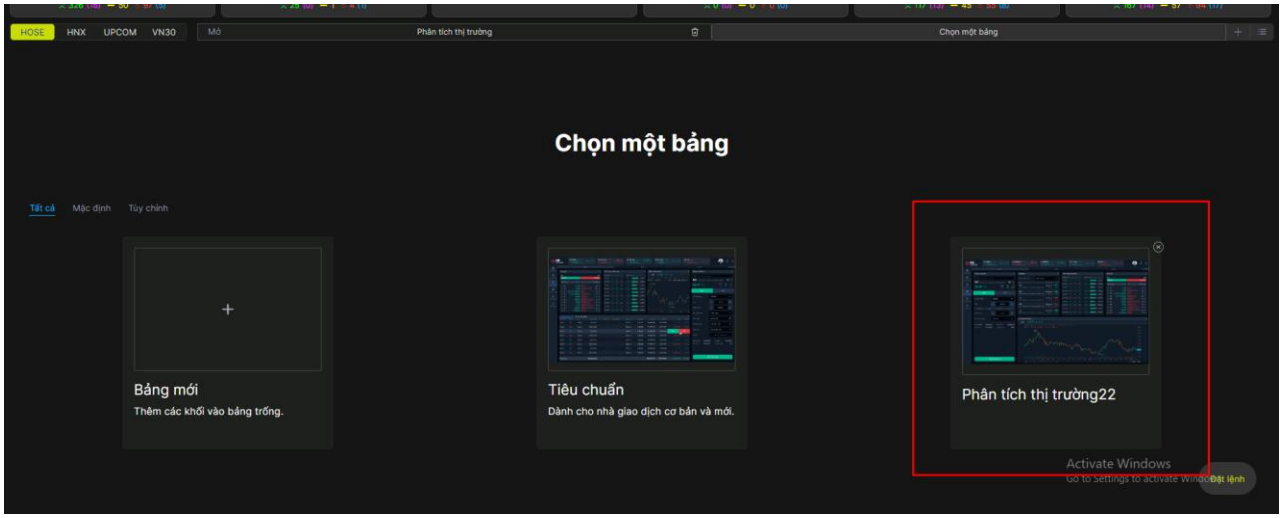

Chức năng đổi tên bảng

– Mục đích: KH có thể lưu tên bảng để dễ dàng sử dụng bố cục theo các mục đích khác nhau

– Hướng dẫn thực hiện:

– Nhấn vào mở chọn đổi tên

– 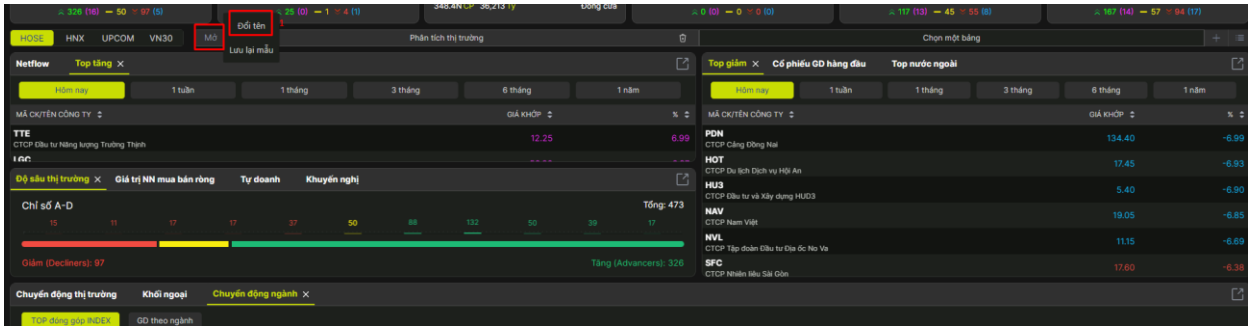

– Điền tên bảng muốn lưu và nhấn "OK". Hoặc nhấn "Hủy" để đóng hộp thoại và không đổi tên nữa.

–

Chức năng mở bảng bố cục đã có

– Mục đích: Người dùng mở những bảng bố cục đã lưu hoặc mặc định

– Hướng dẫn thực hiện:

– Nhấn vào biểu tượng dấu cộng

– 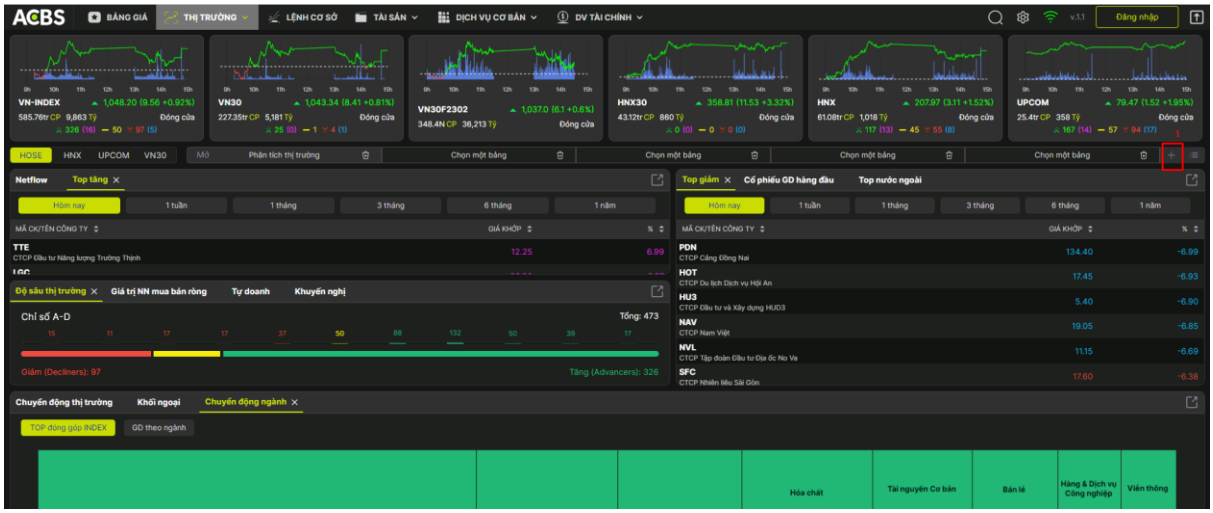

– Nhấn vào bố cục bảng muốn hiển thị

– 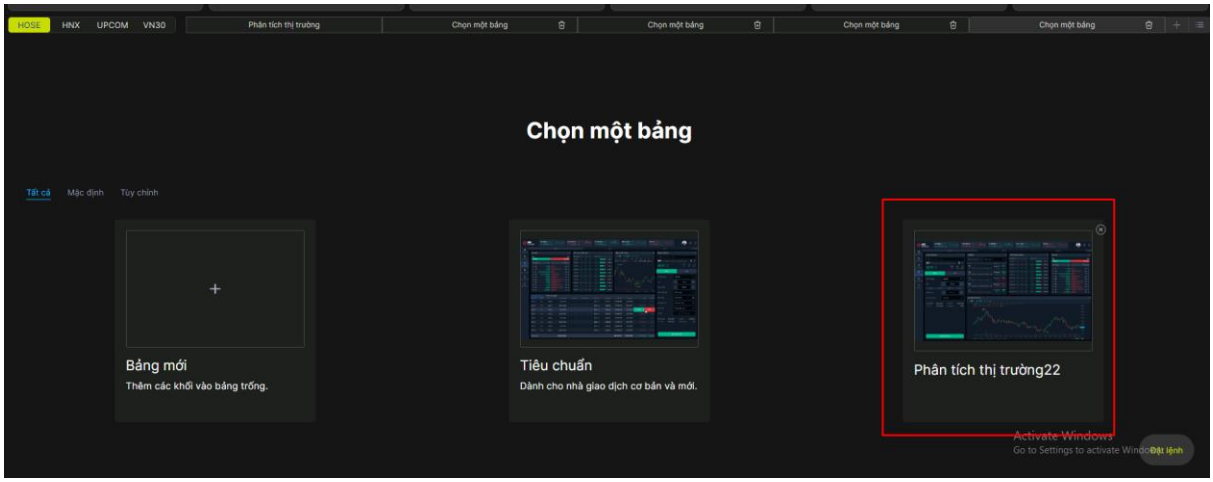

– Lưu ý: Chỉ mở tối đa 5 bảng, nếu hơn hệ thống sẽ báo lỗi

–

Chức năng xóa bảng

– Mục đích: Tắt hiển thị những bố cục bảng giá không sử dụng đến ở thanh bảng giá

– Thực hiện: Chọn bảng bố cục muốn xóa và nhấn vào biểu tượng thùng rác

–

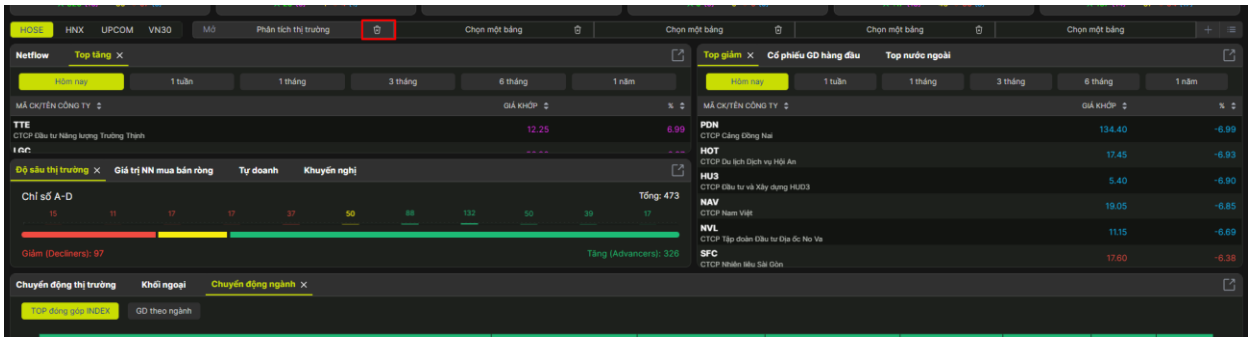

Chức năng tạo bảng bố cục mới

– Mục đích: Hiển thị bảng trống, người dùng kéo thả để tự sắp xếp bố cục khối

– Hướng dẫn thực hiện:

– Nhấn vào biểu tượng dấu +

– Chọn bảng mới

–

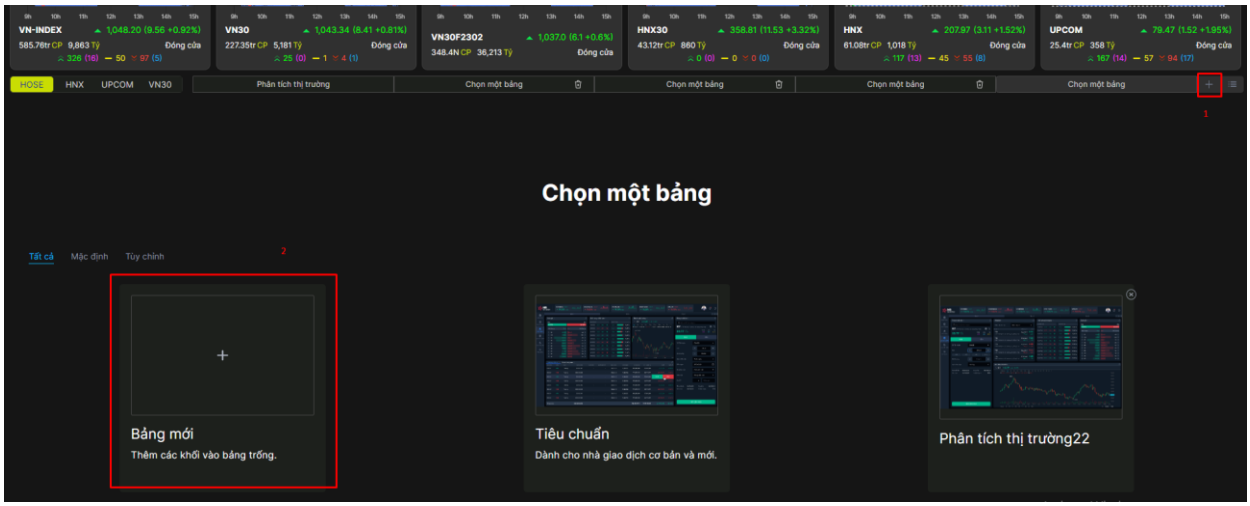

– Nhấn vào menu vào kéo thả các khối đến các vị trí muốn đặt

–

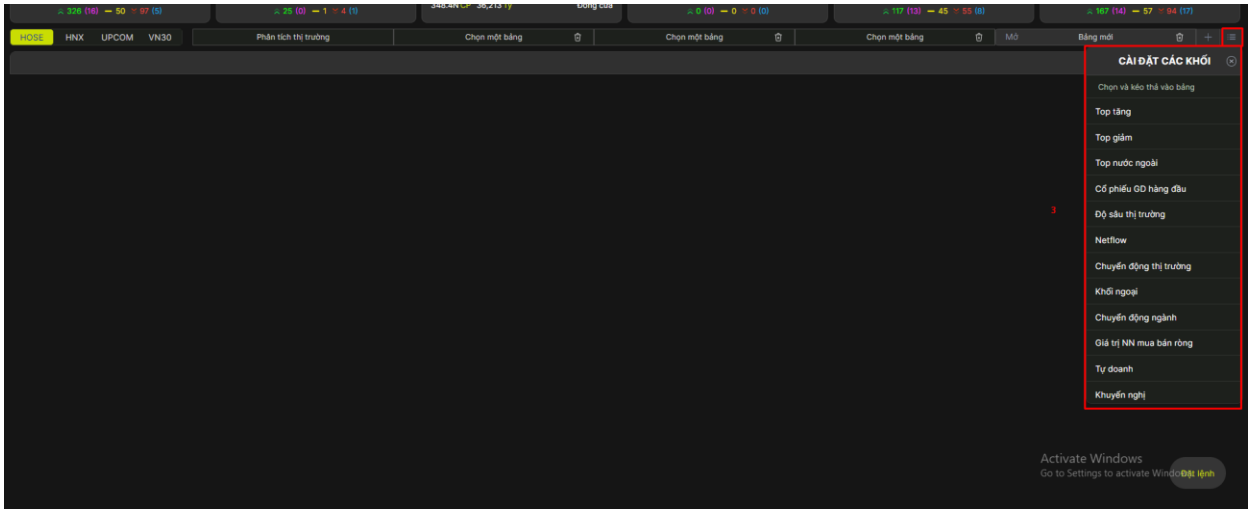

2. Phân tích kỹ thuật

– Đường dẫn: Thị trường / Phân tích kỹ thuật

– Mục đích: Cung cấp thông tin chi tiết của một mã chứng khoán: Giá trần/sàn/tham chiếu, giá mở/đóng cửa, giá khớp hiện tại, % thay đổi giá, khối lượng khớp, giá cao nhất, thấp nhất, lịch sử khớp lệnh, biểu đồ phân tích kỹ thuật, bảng giá, Phân bổ khớp lệnh

–

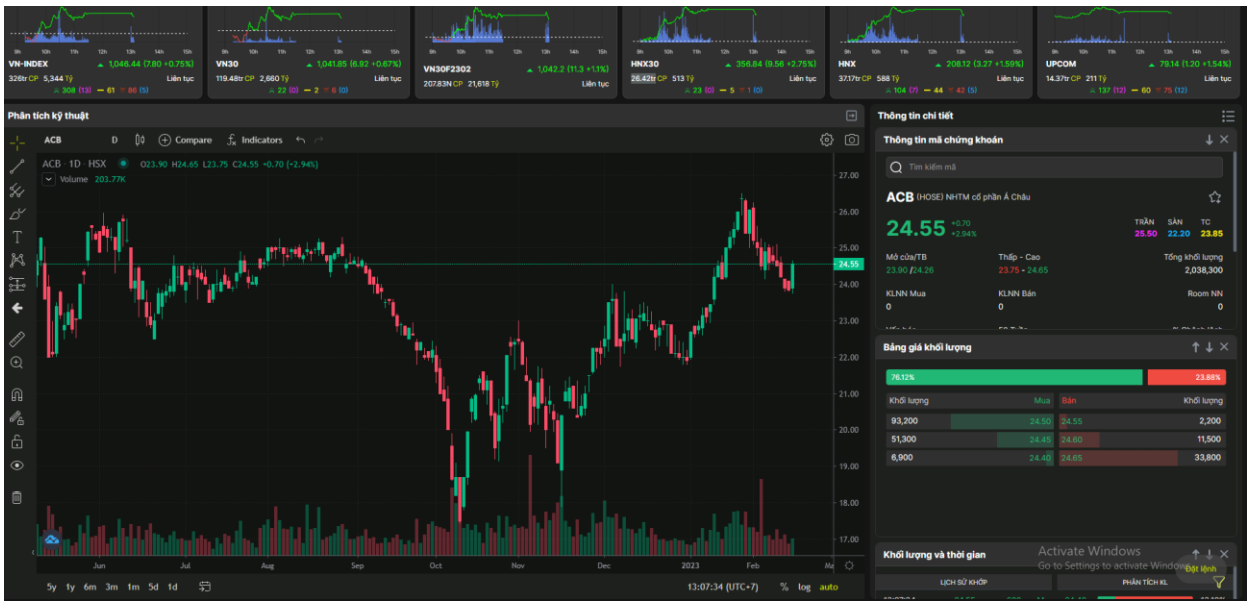

Chức năng hiển thị khối xem thông tin

– Nhấn vào biểu tượng 3 dấu gạch

– Chọn nội dung khối muốn hiển thị

– 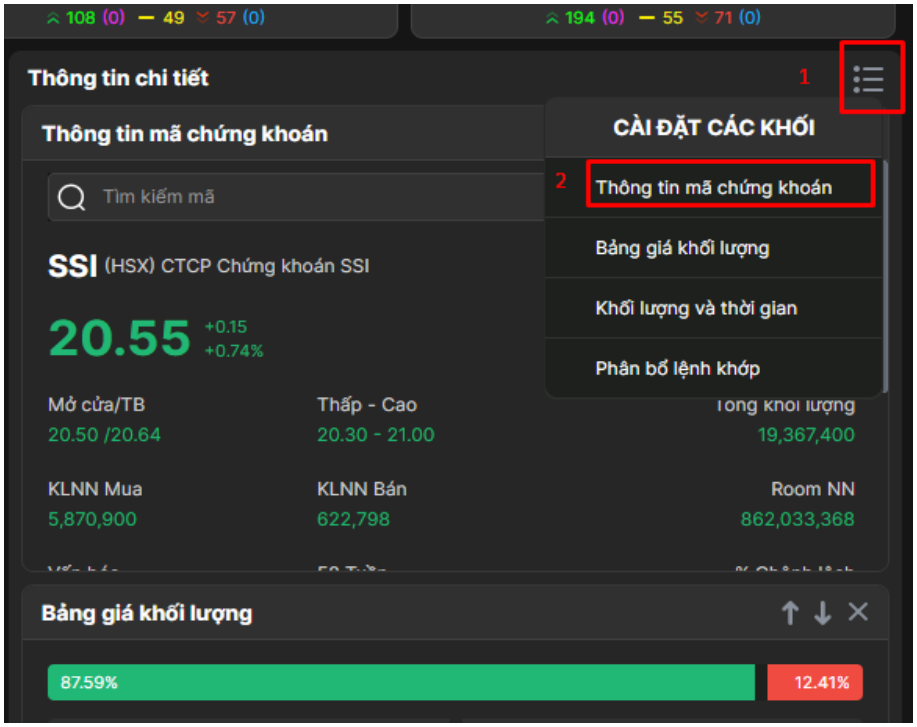

Chức năng sắp xếp thứ tự của các khối

– Nhấn vào dấu mũi tên để di chuyển khối lên trên hoặc xuống dưới

– 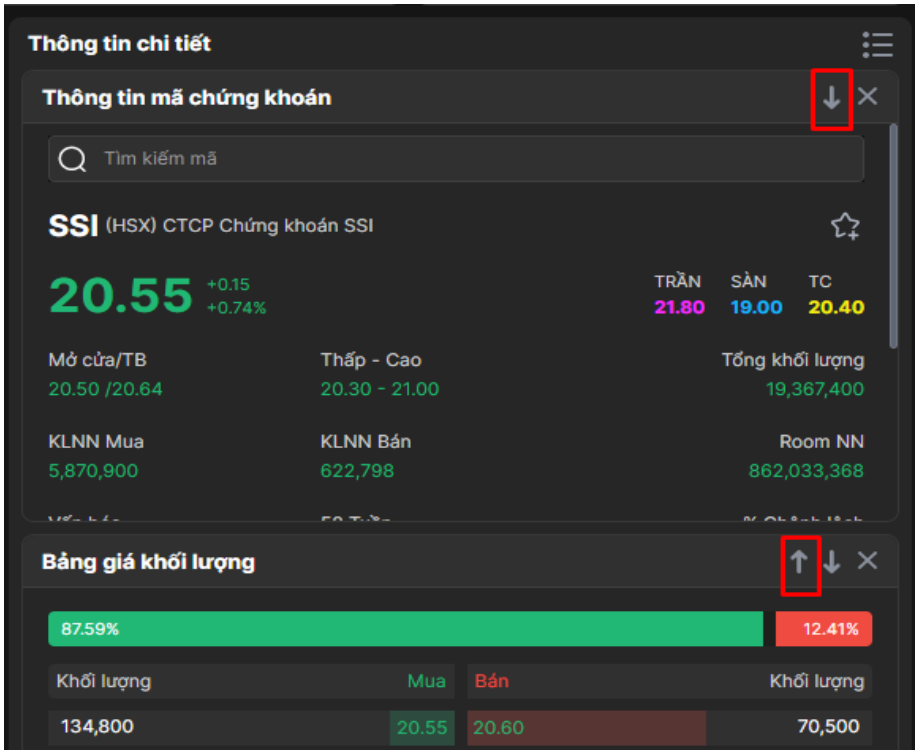

3. Bộ lọc

– Đường dẫn: Thị trường/ Bộ lọc

– Mục đích: Lọc ra các mã cổ phiếu theo tiêu chí:

  - Sàn
  - Ngành
  - Tiêu chí cơ bản
  - Phân tích cơ bản
  - Phân tích kỹ thuật
  - Tín hiệu về giá
  - Rút ngắn thời gian phân tích cổ phiếu, nâng cao hiệu quả đầu tư
  - Lọc cổ phiếu

– Người dùng chọn lựa các tiêu chí phù hợp -> Hệ thống tự động hiển thị kết quả là danh sách mã chứng khoán đúng với tiêu chí tìm kiếm mà NĐT lựa chọn. Trên danh sách kết quả hệ thống hiển thị đúng các thông tin của mã chứng khoán (Giá, Thay đổi, Vốn hóa...)

– 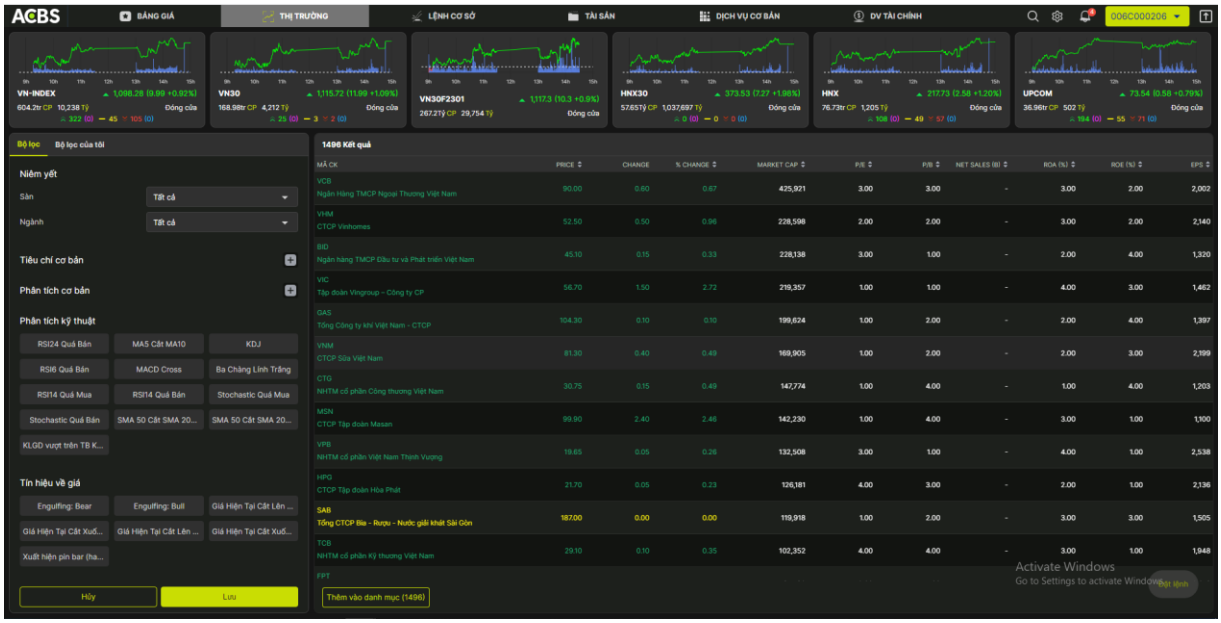

Lưu bộ lọc

– Mục đích: Sau khi lọc ra danh sách phù hợp với tiêu chí của người dùng, hệ thống cho phép lưu lại bộ lọc để dùng cho lần sau.

– Hướng dẫn thực hiện:

– Nhấn nút Lưu lại, hệ thống hiển thị màn hình nhập tên bộ lọc

– KH nhập và tên bộ lọc tùy ý sao cho dễ nhớ và không trùng tên với bộ lọc đã lưu trước đấy

– Nhấn nút "Lưu" để hệ thống lưu lại

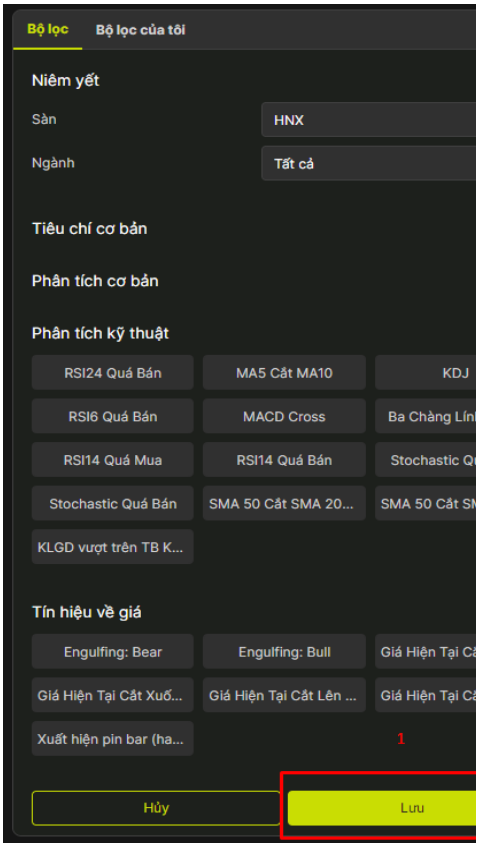

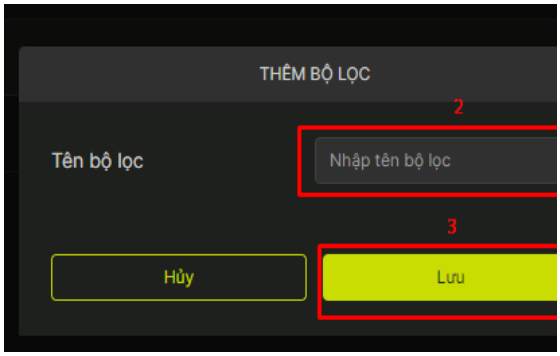

Xem lại các bộ lọc đã lưu

– Chọn bộ lọc muốn xem

– Nhấn áp dụng

– Xem kết quả

–

Xóa bộ lọc đã lưu

– Nhấn vào dấu x ở bộ lọc muốn xóa ⇨ Hiển thị thông báo xóa bộ lọc thành công

– 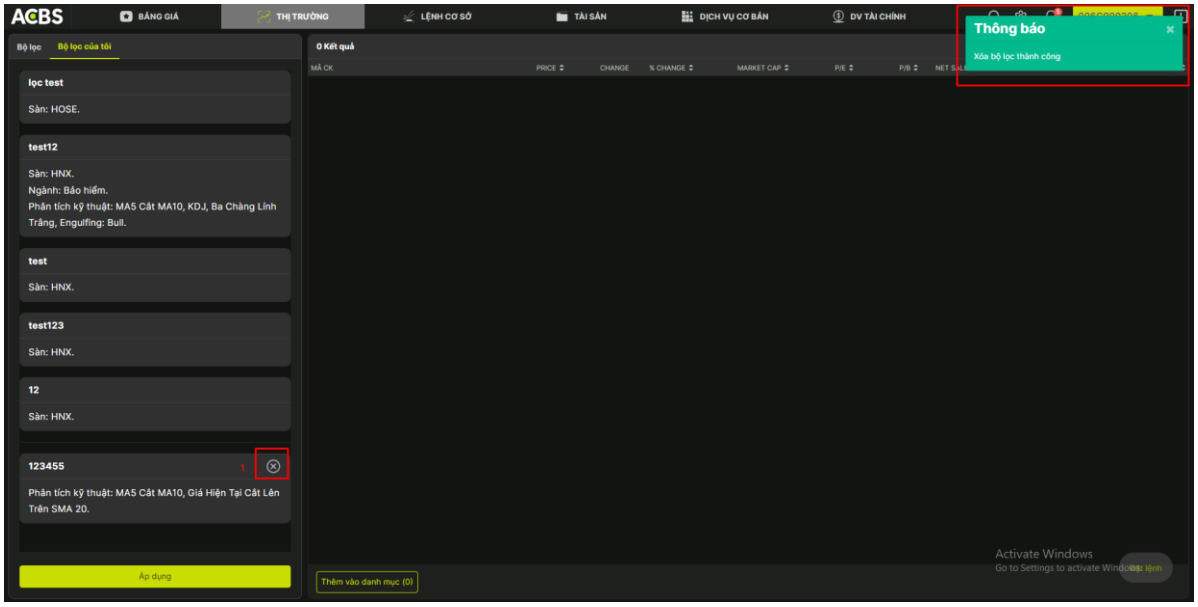

IV.GIAO DỊCH

1. Lệnh cơ sở

1.1. *Đặt lệnh thường*

– Đường dẫn: Web/ Lệnh cơ sở

– Mục đích: Nhập thông tin lệnh mua/bán chứng khoán để giao dịch

– Hướng dẫn thực hiện:

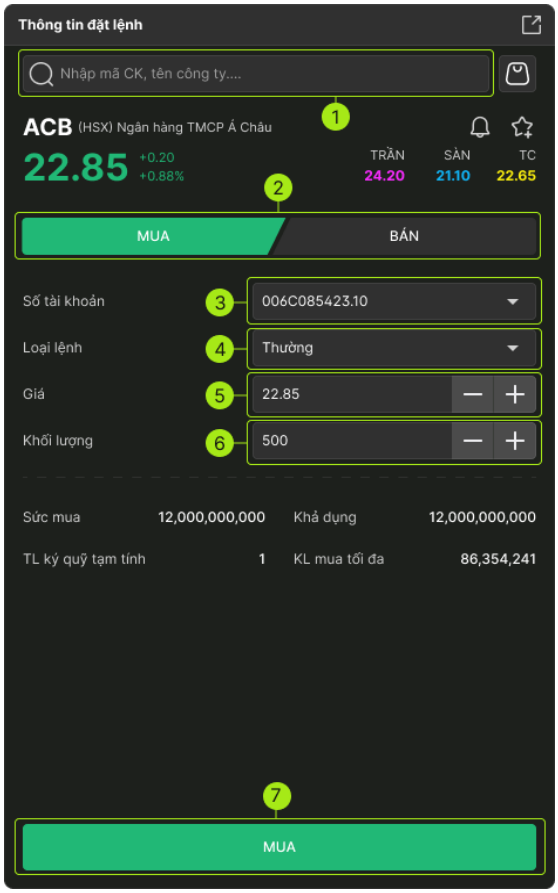

–

– Nhấn vào ô tìm kiếm để chọn mã chứng khoán. Ô tìm kiếm cho phép nhập giá trị và hiển thị danh sách mã chứng khoán gợi ý cho phép chọn.

– Hiển thị các thông tin: Tên mã chứng khoán (Sàn – Phiên)

– Hiển thị giá hiện tại, giá Trần, Sàn, TC của mã chứng khoán

– Điền giá hiện tại của mã chứng khoán vào ô giá đặt

– Chọn loại lệnh Mua/ Bán

– Chọn tài khoản khoản: Hiển thị tiểu khoản mặc định của khách hàng.

– Trường hợp tài khoản có nhiều tiểu khoản: khách hàng kích vào mũi tên để chọn tiểu khoản muốn đặt lệnh.

– Chọn loại lệnh = lệnh thường

– Nhập hoặc chọn Giá thị trường

  - Cho phép nhập giá
  - Cho phép chọn các giá thị trường theo sàn
    - Sàn HSX hiển thị các giá: ATC, MP, ATO
    - Sàn HNX hiển thị các giá: PLO, ATC, MOK, MAK, MTL

- Nhập khối lượng
    - Focus vào ô nhập khối lượng => hiển thị các khối lượng gợi ý gồm: +100; +200; +500; +1000; + 5000; +10K; +50K; +100K. Nhấn chọn các giá trị này => hiển thị tại ô Khối lượng được cộng dồn giá trị tương ứng
- Nhấn button Mua/Bán để đặt lệnh
- Các thông tin tổng hợp tài sản & sức mua
    - Giá trị lệnh: = Giá đặt * Khối lượng đặt
    - Sức mua: Hiển thị theo thông tin của tài khoản được chọn
    - Khả dụng: Hiển thị theo thông tin của tài khoản được chọn
    - KL mua tối đa: Hiển thị khi chọn loại lệnh MUA
    - KL bán tối đa: Hiển thị khi chọn loại lệnh BÁN
    - Tỷ lệ nợ: Chỉ hiển thị nếu tài khoản đặt lệnh là tài khoản Margin
- Xác nhận lệnh hệ thống mở màn hình xác nhận lệnh tổng hợp thông tin mua/bán đã nhập
- 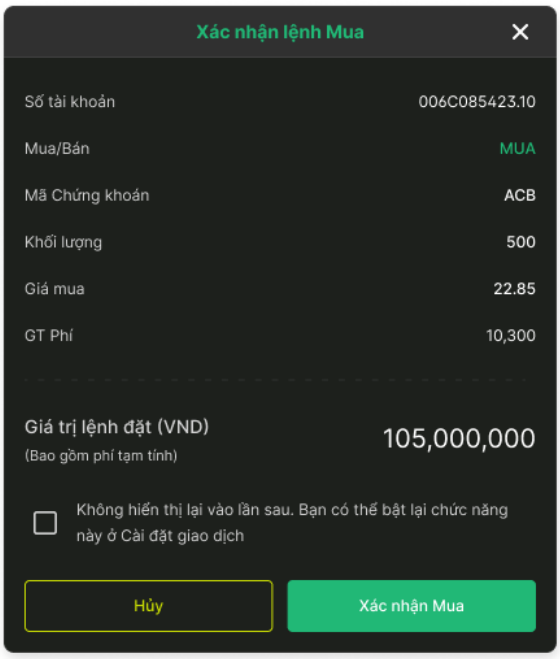

- Các thông tin hiển thị gồm:
  - Tên form: Xác nhận lệnh mua/ Xác nhận lệnh bán
  - Số tài khoản: hiển thị số tài khoản đặt lệnh
  - Loại lệnh: Mua/Bán
  - Mã chứng khoán
  - Khối lượng mua
  - Giá mua
  - Ô checkbox: Khi tích chọn ô checkbox sau đó thực hiện đặt lệnh thành công Đặt lệnh tiếp theo sẽ không hiển thị màn xác nhận này nữa
- Nhấn nút Hủy: Đóng màn hình xác nhận
- Nhấn nút Xác nhận Mua hoặc Xác nhận Bán: Bật hộp thoại Xác thực mã OTP
- Nhập mã OTP và nhấn Áp dụng

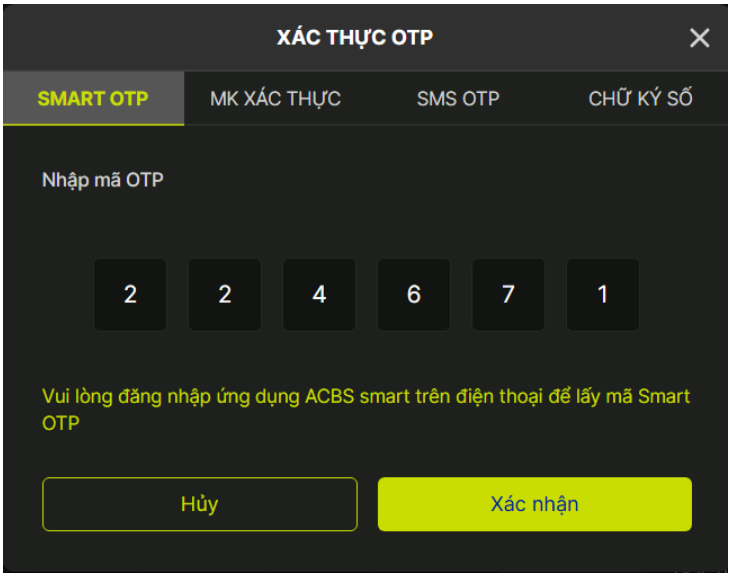

- Có 4 phương thức xác thực gồm: Smart OTP, SMS OTP, Mật khẩu xác thực và chữ ký số.
- Màn Xác thực hiển thị ban đầu theo loại xác thực được cài đặt mặc định.
- Nhấn nút Hủy: đóng hộp thoại xác thực OTP
- Nhấn nút Áp dụng: Nếu mã OTP đúng -> Hiển thị thông báo đặt lệnh thành công. Nếu mã OTP không hợp lệ -> Hiển thị thông báo lỗi.

1.2. Đặt lệnh điều kiện

A. Lệnh trước ngày

- Hình thức đặt lệnh trước phiên giao dịch từ 1 tới nhiều ngày với số lượng & giá đã được xác định
- Hệ thống sẽ tự động check khoảng này, điều kiện giá tham chiếu (nếu có) để xác định tính đúng đắn của lệnh
- Trước ngày thực hiện, lệnh được đưa vào hệ thống chờ của CTCK, thị trường mở cửa => check rules => hợp lệ thì chuyển lệnh vào hệ thống
- Điều kiện:
    - Không có điều kiện: Không cần xét tới điều kiện giá tham chiếu
    - Điều kiện về giá tham chiếu:
        - Giá tham chiếu >= giá đặt: Giá tham chiếu trong ngày phải thỏa mãn điều kiện >= giá đặt (người dùng nhập vào)
        - Giá tham chiếu <= giá đặt: Giá tham chiếu trong ngày phải thỏa mãn điều kiện <= giá đặt (người dùng nhập vào)
- Các bước thực hiện
    - Nhấn vào ô tìm kiếm để chọn mã chứng khoán. Ô tìm kiếm cho phép nhập giá trị và hiển thị danh sách mã chứng khoán gợi ý cho phép chọn.
    - Chọn loại lệnh Mua/ Bán
    - Chọn tài khoản khoản: Hiển thị tiểu khoản mặc định của khách hàng.
    - Trường hợp tài khoản có nhiều tiểu khoản: khách hàng kích vào mũi tên để chọn tiểu khoản muốn đặt lệnh.
    - Chọn loại lệnh = Trước ngày
    - Nhập giá, KL, chọn phương thức, điều kiện, đến ngày
    - Nhấn button Mua/Bán để đặt lệnh
    - Nhấn Xác nhận ở popup xác nhận
    - Nhập mã xác thực OTP

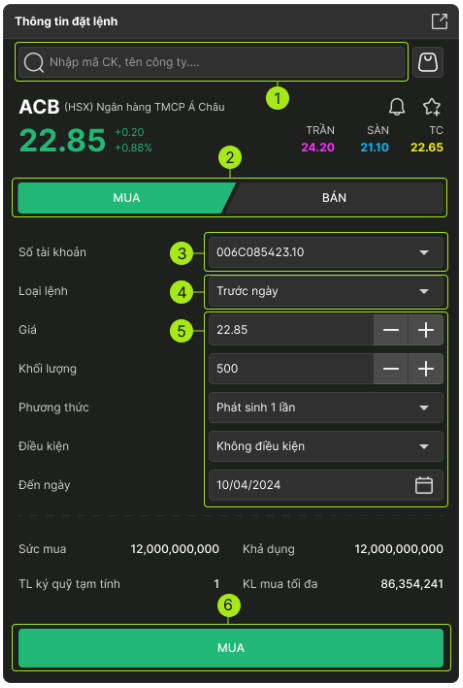

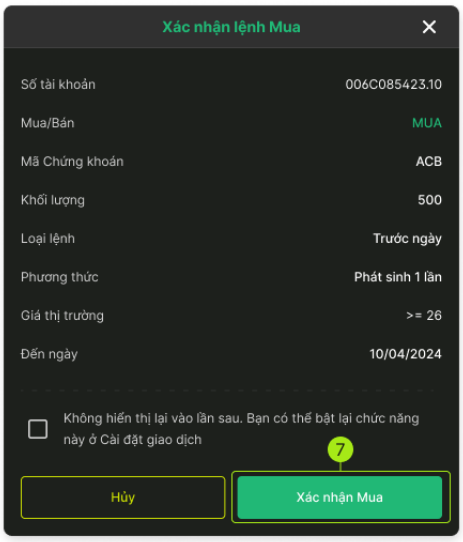

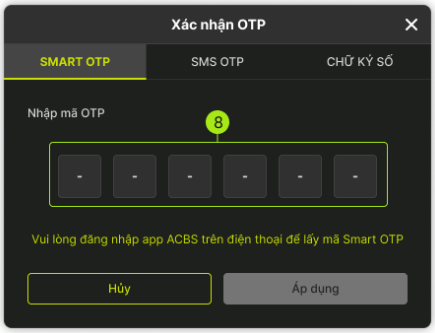

B. Lệnh xu hướng

– Xu hướng mua: Giúp Nhà đầu tư mua được cổ phiếu rẻ nhất có thể trong trường hợp dự đoán thị trường sẽ giảm nhằm thiểu hóa chi phí cho khách hàng.

– Xu hướng bán: Lệnh này giúp Nhà đầu tư bảo vệ được lợi nhuận tiềm năng của mình khi xu hướng thị trường lên

– Các bước thực hiện

- Nhấn vào ô tìm kiếm để chọn mã chứng khoán. Ô tìm kiếm cho phép nhập giá trị và hiển thị danh sách mã chứng khoán gợi ý cho phép chọn.
- Chọn loại lệnh Mua/ Bán
- Chọn tài khoản khoản: Hiển thị tiểu khoản mặc định của khách hàng.
- Trường hợp tài khoản có nhiều tiểu khoản: khách hàng kích vào mũi tên để chọn tiểu khoản muốn đặt lệnh.
- Chọn loại lệnh = Xu hướng
- Nhập KL, chọn phương thức, khoảng dừng, giá trị, biên trượt, giá mua thấp nhất/giá bán cao nhất, ngày hết hạn
- Nhấn button Mua/Bán để đặt lệnh
- Sau đó, nhấn Xác nhận ở popup xác nhận và Nhập mã xác thực OTP

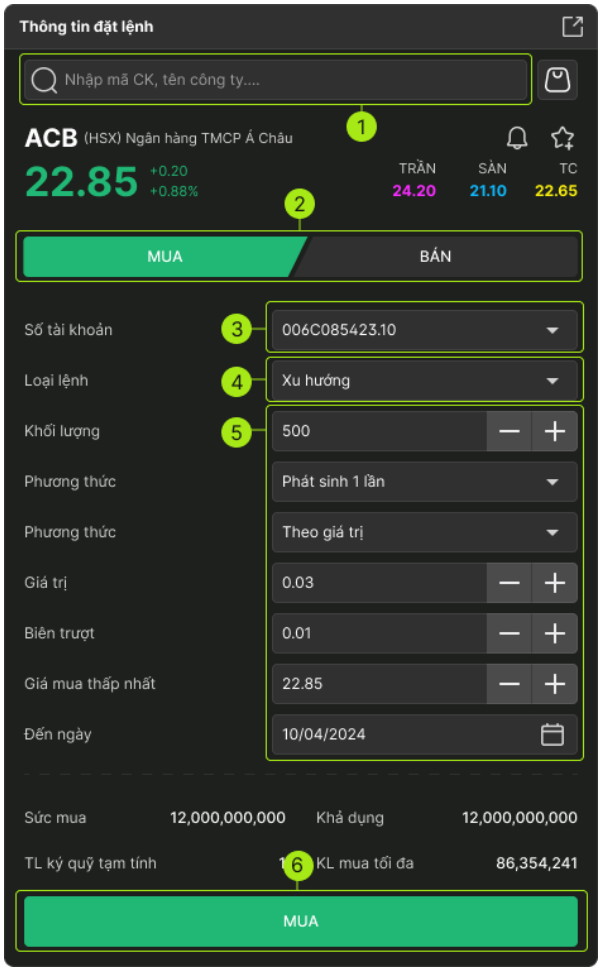

Các loại giá trong lệnh xu hướng

– Giá thị trường (MP_Market Price): là giá khớp cuối cùng của cổ phiếu hoặc chỉ số. Đầu ngày khi chưa có giá khớp gần nhất thì giá MP sẽ được xác định là giá tham chiếu

– Giá kích hoạt: (TP_Trigger Price): là giá được sử dụng để so sánh với giá thị trường của cổ phiếu để xác định điều kiện về giá của lệnh điều kiện có thỏa mãn hay không.

– Giá đặt lệnh: (OP_Oder Price): là giá của lệnh thật được phát sinh vào sàn khi lệnh thỏa mãn điều kiện về lệnh đặt

Để thực hiện được lệnh, cần thỏa mãn điều kiện

– Mua:

  - TP = MP + Khoảng dừng theo giá trị
  - Hoặc Tp(%) = MP + MP*Khoảng dừng %

- Tại mỗi thời điểm, sẽ tính được TPmin (dựa vào thông tin MP của mã CK và theo công thức trên) => Chuyển lệnh vào hệ thống khi và chỉ khi MP = Tpmin

– Bán
  - TP = MP - Khoảng dừng theo giá trị
  - Hoặc: TP(%) = MP - MP* Khoảng dừng %
  - Tại mỗi thời điểm, sẽ tính được TPmin (dựa vào thông tin MP của mã CK và theo công thức trên) => Phi lệnh vào sàn khi và chỉ khi MP = Tpmin

– Khoảng dừng theo giá trị: là việc KH thiết lập giá mua/bán điều kiện cao/thấp hơn giá thị trường 1 giá trị xác định do KH đặt ra.

– Khoảng dừng theo giá trị phần trăm: là việc KH thiết lập giá mua/bán điều kiện cao/thấp hơn giá thị trường 1 đơn vị phần trăm nào đó.

– Giá chênh lệch TP: Sử dụng trong trường hợp, KH muốn chắc chắn đến giá MP được khớp

– Giá chênh lệch sẽ được sử dụng:
  - Giá đặt mua = Giá MP + Giá chênh lệch
  - Giá đặt bán = Giá MP – Giá chênh lệch

– Giá mua thấp nhất/ Giá bán cao nhất:
  - Nhập giá mua thấp nhất: là giá mua mà khách hàng mong muốn đạt được. Khi giá kích hoạt được điều chỉnh theo giá thị trường giảm tới giá mua thấp nhất này thì lệnh sẽ được kích hoạt để đưa vào sàn
  - Giá đặt mua = MAX (MP + Giá chênh lệch TP, Giá mua thấp nhất (tuỳ chọn))
  - Nhập giá bán cao nhất: là giá bán mà khách hàng mong muốn đạt được. Khi giá kích hoạt được điều chỉnh theo giá thị trường tăng lên tới mức giá bán cao nhất này thì lệnh sẽ được kích hoạt để đưa vào sàn
  - Giá đặt bán = MIN (MP – Giá chênh lệch TP, Giá bán cao nhất (tuỳ chọn)

Ví dụ 1 (Lệnh mua xu hướng): Đặt lệnh mua xu hướng với khoảng dừng tuyệt đối là 20. Diễn biến thị trường như đồ thị bên dưới:

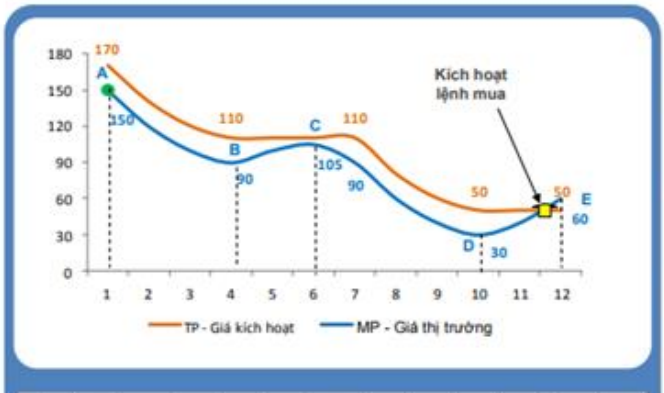

Điểm	A			B		C				D		E
MP	150	120	100	90	100	105	90	60	40	30	40	60
TP	170	140	120	110	110	110	110	80	60	50	50	50

- Tại A: Mức MP_A = 150 => $TP_A = MP_A$ + khoảng dừng = 150 + 20 = 170
- Tại B: Thị trường giảm => MP_B và TP_B giảm tương ứng $TP_B = MP_B$ + 20 = 90 + 20 = 110
- Tại C: Thị trường tăng => TP_C không đổi = 110
  $MP_C < TP_C$: Chưa thỏa điều kiện kích hoạt lệnh.
- Tại D: Thị trường giảm => MP_D và TP_D giảm tương ứng $TP_D = MP_D$ + 20 = 30 + 20 = 50
- Tại E: Thị trường tăng => TP_E không đổi = 50
  $MP_E > TP_E$: Thỏa điều kiện kích hoạt lệnh. Lệnh được đặt vào sàn với giá đặt lệnh
  $OP_E = MP_E$ = 60

Ví dụ 2 (Lệnh bán xu hướng): Đặt lệnh bán xu hướng với khoảng dừng tương đối là 20%. Diễn biến thị trường như đồ thị bên dưới:

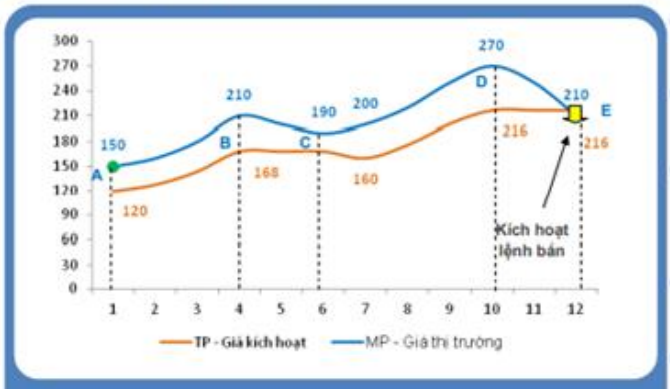

Điểm	A			B		C				D		E
MP	150	160	180	210	200	190	200	220	250	270	250	210
TP	120	128	144	168	168	168	160	176	200	216	216	216

- Tại A: Mức MP_A = 150 => $TP_A = MP_A$ *(1 - khoảng dừng%) = 120
- Tại B: Thị trường tăng=> MP_B và TP_B tăng tương ứng $TP_B = MP_B$ *(1 – 20%) = 168
- Tại C: Thị trường giảm => TP_C không đổi = 168
  $MP_C > TP_C$: Chưa thỏa điều kiện kích hoạt lệnh.
- Tại D: Thị trường tăng => MP_D và TP_D tăng tương ứng $TP_D = MP_D$ *(1 – 20%) = 216
- Tại E: Thị trường giảm => TP_E không đổi = 216
  $MP_E > TP_E$: Thỏa điều kiện kích hoạt lệnh. Lệnh được đặt vào sàn với giá đặt lệnh
  $OP_E = MP_E$ = 210

–

C. Tranh mua/bán

– Là lệnh giúp Khách hàng có thể đặt lệnh mua bán chứng khoán với khả năng khớp lệnh cao nhất, lệnh sẵn sàng Mua/Bán với bất cứ mức giá nào. Trong thời gian hiệu lực của lệnh, hệ thống sẽ tự động chuyển đổi giá của lệnh đặt giữa các phiên sao cho lệnh đặt của Quý khách luôn có mức giá ưu tiên khớp cao nhất. VD: sàn HOSE, phiên 1, hệ thống tự động cập nhật giá của lệnh thành ATO để ưu tiên khớp, sang phiên 2, hệ thống tự động đổi giá của lệnh thành lệnh mua giá trần, lệnh bán giá sàn, …

Các bước thực hiện

– Nhấn vào ô tìm kiếm để chọn mã chứng khoán. Ô tìm kiếm cho phép nhập giá trị và hiển thị danh sách mã chứng khoán gợi ý cho phép chọn.

– Chọn loại lệnh Mua/ Bán

– Chọn tài khoản khoản: Hiển thị tiểu khoản mặc định của khách hàng.

– - Trường hợp tài khoản có nhiều tiểu khoản: khách hàng kích vào mũi tên để chọn tiểu khoản muốn đặt lệnh.

– Chọn loại lệnh = Tranh mua/bán

– Nhập KL, ngày hết hạn, chọn phương thức

– Nhấn button Mua/Bán để đặt lệnh

– Sau đó, nhấn Xác nhận ở popup xác nhận và Nhập mã xác thực OTP

–

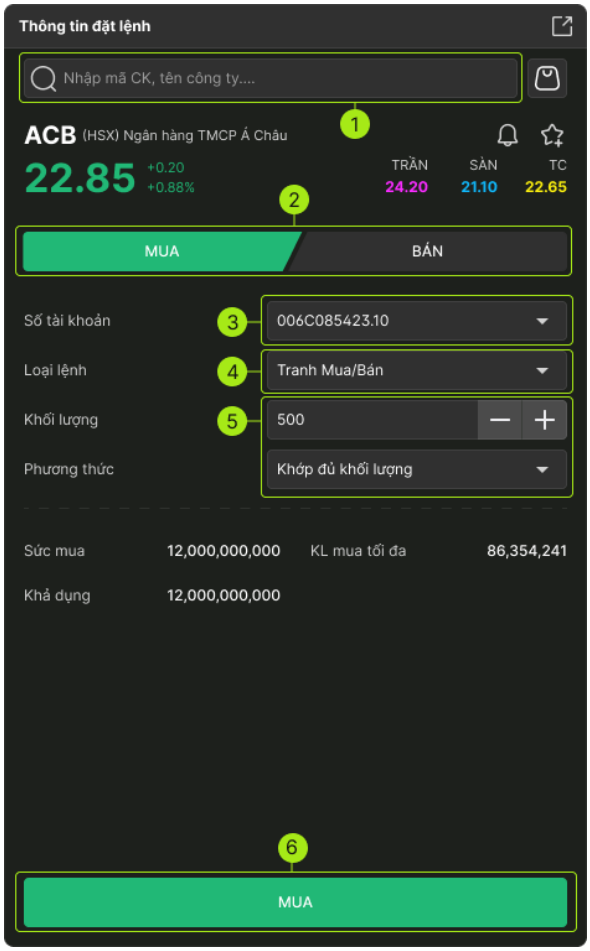

D. Lệnh chốt lãi

– Là mức giá bán được Khách hàng thiết lập cao hơn giá bình quân mua 1 khoảng giá trị tuyệt đối hoặc theo phần trăm nào đó

– Nếu nhập Giá trị chênh lệch b:

– Kích hoạt nếu giá thị trường >= a+b

– Nếu nhập phần trăm chênh lệch c%

– Kích hoạt nếu giá thị trường >= a*(1+c%)

– Lệnh chốt lãi chỉ áp dụng với lệnh BÁN

– Giá trị chênh lệch: Mức giá mong muốn của NĐT khi đặt lệnh chốt lãi, khoảng giá so với giá bình quân mua

– Kick hoạt nếu giá thị trường >= giá a: Nếu giá khớp hiện tại của mã CK >= giá a à lệnh sẽ được kích hoạt

– Hệ thống tự động đẩy lệnh với giá đặt = Giá bình quân + chênh lệch giá (Hoặc Giá bình quân + Giá bình quân * Tỷ lệ chênh lệch)

Các bước thực hiện

– Nhấn vào ô tìm kiếm để chọn mã chứng khoán. Ô tìm kiếm cho phép nhập giá trị và hiển thị danh sách mã chứng khoán gợi ý cho phép chọn.

– Chọn tài khoản khoản: Hiển thị tiểu khoản mặc định của khách hàng.

– - Trường hợp tài khoản có nhiều tiểu khoản: khách hàng kích vào mũi tên để chọn tiểu khoản muốn đặt lệnh.

– Chọn loại lệnh = Chốt lãi

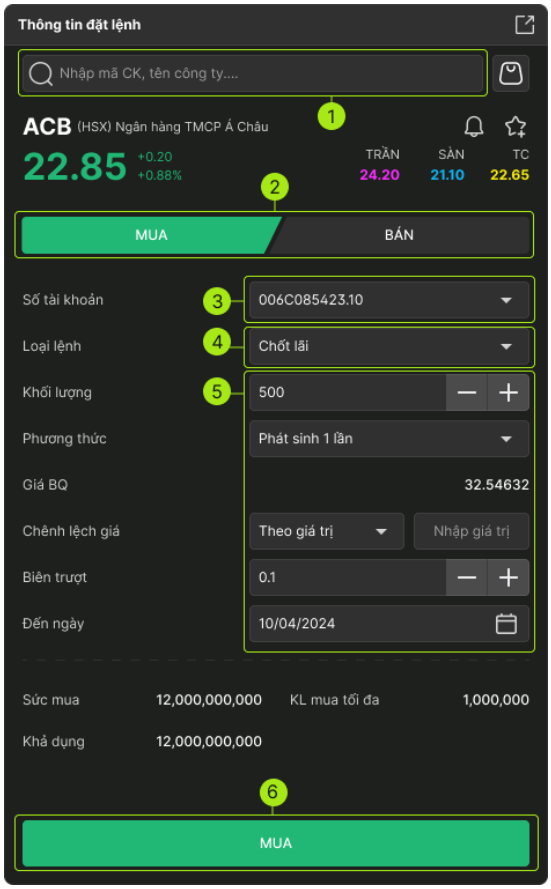

–

– Nhập KL, phương thức, chọn chênh lệch giá & nhập giá trị, biên trượt, ngày hết hạn
– Nhấn button Bán để đặt lệnh
– Nhấn Xác nhận ở popup xác nhận
– Sau đó, nhấn Xác nhận ở popup xác nhận và Nhập mã xác thực OTP

E. Lệnh cắt lỗ

– Là mức giá bán được Khách hàng thiết lập thấp hơn giá bình quân mua 1 khoảng giá trị tuyệt đối hoặc theo phần trăm nào đó
– Nếu nhập Giá trị chênh lệch b:
– Kích hoạt nếu giá thị trường >= a - b
– Nếu nhập Phần trăm chênh lệch c%:
– Kích hoạt nếu giá thị trường >= a (1 - c%)
– Lệnh cắt lỗ chỉ áp dụng đối với lệnh BÁN
– Giá trị chênh lệch: Mức giá mong muốn của NĐT khi đặt lệnh cắt lỗ, khoảng giá so với giá bình quân mua
– Kích hoạt nếu giá thị trường <= giá a: Nếu giá khớp hiện tại của mã CK <= giá a => Lệnh sẽ được kích hoạt
– Hệ thống tự động đẩy lệnh với giá đặt = Giá bình quân - chênh lệch giá (Hoặc giá bình quân - giá bình quân * tỷ lệ chênh lệch)
– Đối với lệnh sàn HSX, bước giá của từng khoảng khác nhau => Giá đặt mua thực sẽ được làm tròn lên so với giá đặt (tính toán), Giá đặt bán thực sẽ làm tròn xuống so với giá đặt

Các bước thực hiện

– Nhấn vào ô tìm kiếm để chọn mã chứng khoán. Ô tìm kiếm cho phép nhập giá trị và hiển thị danh sách mã chứng khoán gợi ý cho phép chọn.

– Chọn tài khoản khoản: Hiển thị tiểu khoản mặc định của khách hàng.

– Trường hợp tài khoản có nhiều tiểu khoản: khách hàng kích vào mũi tên để chọn tiểu khoản muốn đặt lệnh.

– Chọn loại lệnh = cắt lỗ

– Nhập KL, phương thức, chọn chênh lệch giá & nhập giá trị, biên trượt, ngày hết hạn

– Nhấn button Bán để đặt lệnh

– Nhấn Xác nhận ở popup xác nhận

– Sau đó, nhấn Xác nhận ở popup xác nhận và Nhập mã xác thực OTP

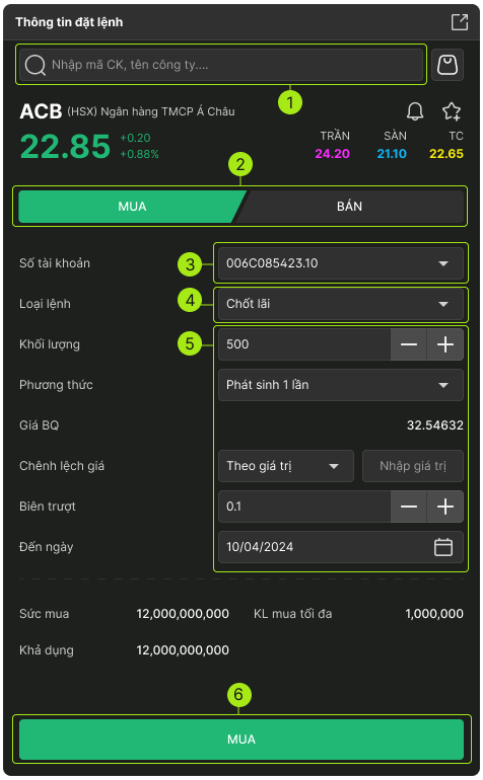

F. Lệnh MIT

– Là dạng lệnh điều kiện mà sẽ trở thành lệnh thị trường khi chứng khoán chạm đến 1 mức giá nhất định

– Lệnh MIT cho phép NĐT mua hoặc bán 1 chứng khoán tại mức giá trị mong muốn mà không cần phải chủ động theo dõi thị trường

– 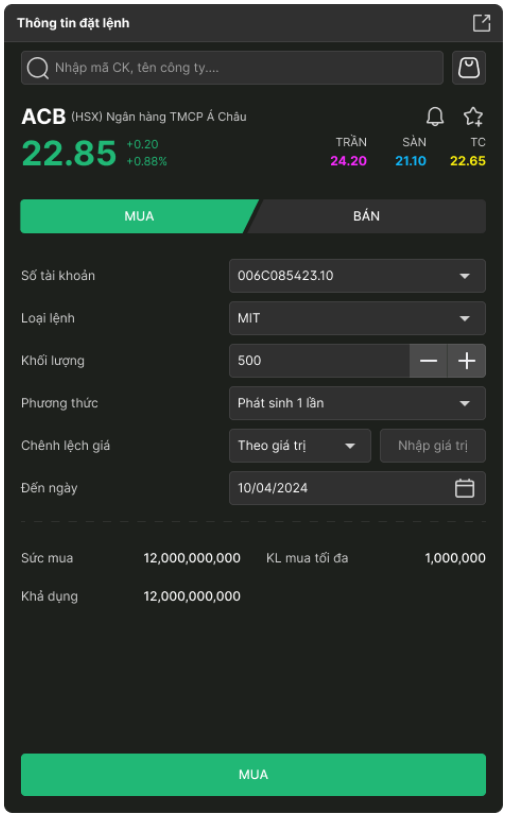

G. Lệnh mua định kỳ

– Là lệnh đầu tư có hệ thống trong 1 khoảng thời gian được xác định trước

– Đối với các mã CP niêm yết sàn HSX: loại lệnh ATO, giá mua tại mức giá mở cửa, phương thức khớp lệnh định kỳ

– Đối với các mã CP niêm yết sàn HNX, UPCOM: loại lệnh LO, giá mua tại mức giá trần, phương thức khớp lệnh liên tục

– Thời gian kích hoạt giao dịch: 8h45 tại ngày thực hiện giao dịch

– Tần suất: hàng ngày/hàng tuần/hàng tháng

– Ngày kết thúc: là ngày thực hiện lệnh mua định kỳ lần cuối

Các bước thực hiện

– Nhấn vào ô tìm kiếm để chọn mã chứng khoán. Ô tìm kiếm cho phép nhập giá trị và hiển thị danh sách mã chứng khoán gợi ý cho phép chọn.

– Chọn tài khoản khoản: Hiển thị tiểu khoản mặc định của khách hàng.

– Trường hợp tài khoản có nhiều tiểu khoản: khách hàng kích vào mũi tên để chọn tiểu khoản muốn đặt lệnh.

– Chọn loại lệnh =Mua định kỳ

- Nhập Giá trị, chọn tần suất nhập ngày hết hạn
- Nhấn button Mua/ Bán để đặt lệnh
- Nhấn Xác nhận ở popup xác nhận
- Nhập mã xác thực OTP
- 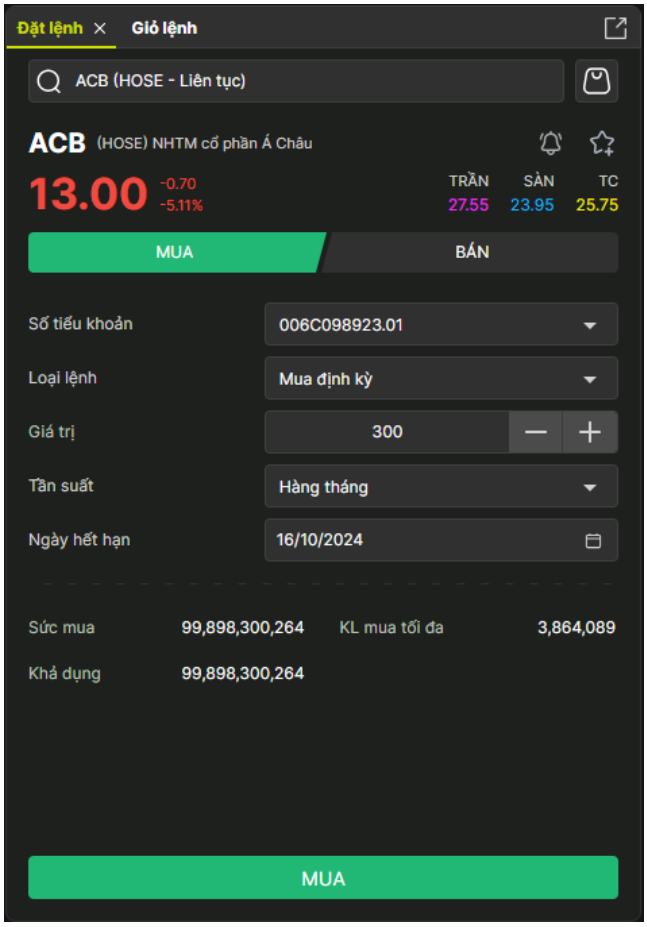

1.3. Sổ lệnh thường

- Đường dẫn: Web/Lệnh cơ sở/ Sổ lệnh
- Mục đích: Hiển thị thông tin các lệnh đã đặt trong ngày. Cho phép thực hiện Sửa lệnh, Hủy lệnh đối với các lệnh và phiên giao dịch cho phép
- 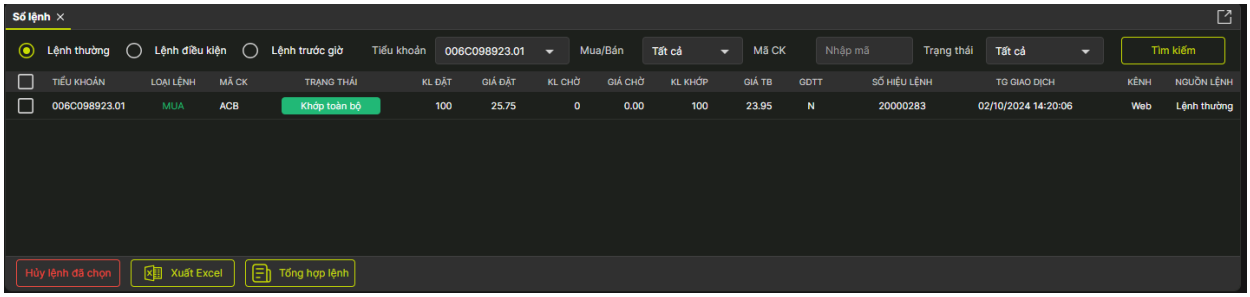

- Các bộ lọc gồm:

- Tiểu khoản: Mặc định ban đầu tích chọn tài khoản được set mặc định. Cho phép chọn xem sổ lệnh theo 1 hoặc nhiều hoặc tất cả tài khoản
- Mua/Bán: gồm Tất cả, Mua, Bán; mặc định giá trị ban đầu là Tất cả
- Mã CK: Hiển thị danh sách mã chứng khoán có trong sổ lệnh. Giúp lọc nhanh các lệnh theo mã chứng khoán được tích chọn. Giá trị mặc định ban đầu: tìm kiếm theo tất cả
- Trạng thái: gồm có Tất cả. Chờ khớp, Khớp 1 phần, Khớp toàn bộ, Đã hủy, Từ chối, Hết hạn, Chờ xử lý, Lệnh mới. Giá trị mặc định là Tất cả

– Các thông tin hiển thị tại Sổ lệnh thường gồm:
  - Tiểu khoản
  - Ô check box
  - Loại lệnh
  - Mã CK
  - Trạng thái – được update realtime
  - KL đặt – được update realtime khi sửa lệnh thành công
  - Giá đặt – được update realtime khi sửa lệnh thành công
  - KL chờ
  - Giá chờ
  - KL khớp – được update realtime
  - Giá TB
  - GDTT
  - Số hiệu lệnh
  - TG giao dịch
  - Kênh
  - Nguồn lệnh

– Các button chức năng:

– 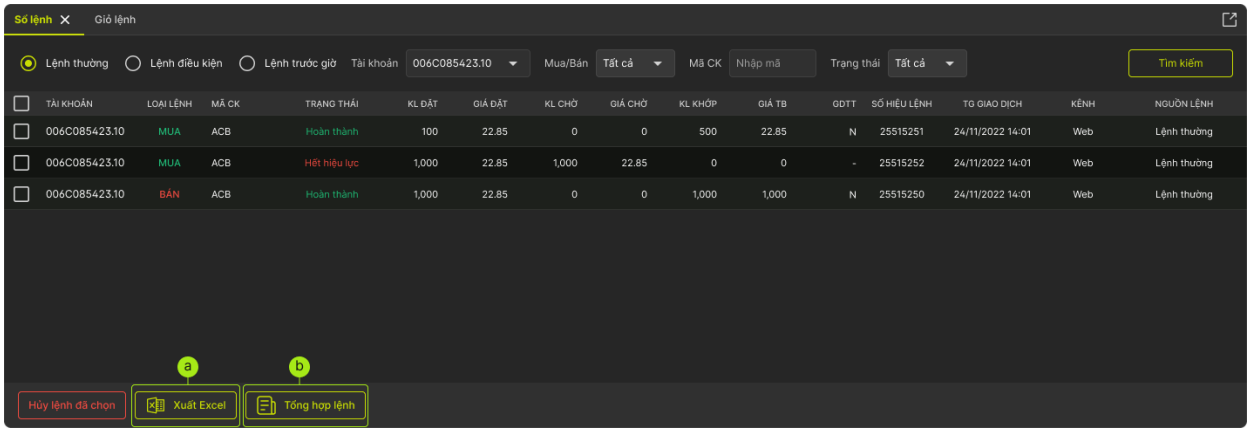

(a) Button xuất file excel: Nhấn vào icon => tự động xuất file excel sổ lệnh trong ngày về máy

(b) Button tổng hợp lệnh: Nhấn vào icon Tổng hợp => hiển thị popup thông tin tổng hợp giao dịch của các lệnh khớp

– 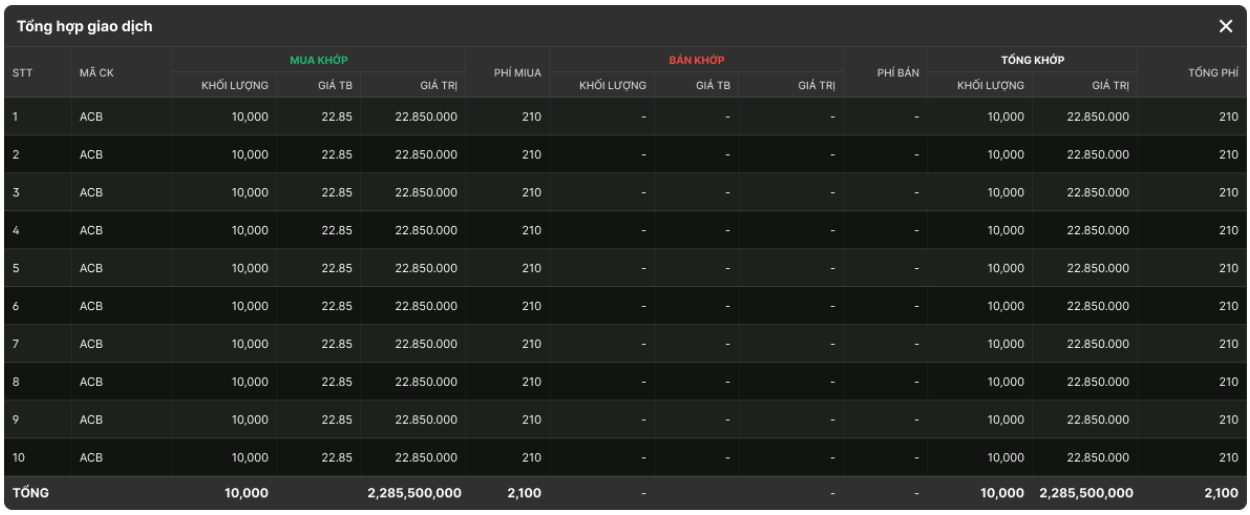

Tổng hợp giao dịch

STT	MÃ CK	MUA KHỚP			PHÍ MIUA	BÁN KHỚP			PHÍ BÁN	TỔNG KHỚP		TỔNG PHÍ
		KHỐI LƯỢNG	GIÁ TB	GIÁ TRỊ		KHỐI LƯỢNG	GIÁ TB	GIÁ TRỊ		KHỐI LƯỢNG	GIÁ TRỊ	
1	ACB	10,000	22.85	22.850.000	210	-	-	-	-	10,000	22.850.000	210
2	ACB	10,000	22.85	22.850.000	210	-	-	-	-	10,000	22.850.000	210
3	ACB	10,000	22.85	22.850.000	210	-	-	-	-	10,000	22.850.000	210
4	ACB	10,000	22.85	22.850.000	210	-	-	-	-	10,000	22.850.000	210
5	ACB	10,000	22.85	22.850.000	210	-	-	-	-	10,000	22.850.000	210
6	ACB	10,000	22.85	22.850.000	210	-	-	-	-	10,000	22.850.000	210
7	ACB	10,000	22.85	22.850.000	210	-	-	-	-	10,000	22.850.000	210
8	ACB	10,000	22.85	22.850.000	210	-	-	-	-	10,000	22.850.000	210
9	ACB	10,000	22.85	22.850.000	210	-	-	-	-	10,000	22.850.000	210
10	ACB	10,000	22.85	22.850.000	210	-	-	-	-	10,000	22.850.000	210
TỔNG		10,000		2,285,500,000	2,100	-		-	-	10,000	2,285,500,000	2,100

1.4 Sổ lệnh điều kiện

– Đường dẫn: Web/Lệnh cơ sở/ Sổ lệnh

– Mục đích: Hiển thị thông tin các lệnh điều kiện đã đặt. Cho phép thực hiện Sửa lệnh, Hủy lệnh đối với các lệnh và phiên giao dịch cho phép

– Đường dẫn: Web/Lệnh cơ sở/ Sổ lệnh/Lệnh điều kiện

–

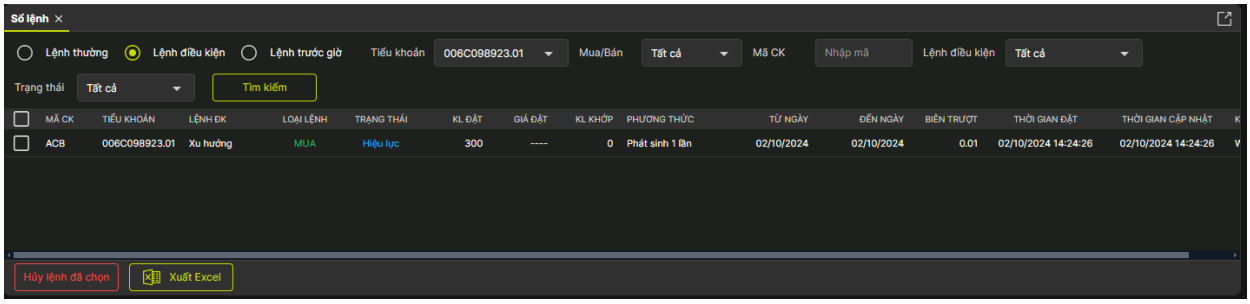

– Các bộ lọc gồm:
  - Tiểu khoản: Mặc định ban đầu tích chọn tài khoản được set mặc định. Cho phép chọn xem sổ lệnh theo 1 hoặc nhiều hoặc tất cả tài khoản
  - Mua/Bán: gồm Tất cả, Mua, Bán; mặc định giá trị ban đầu là Tất cả
  - Mã CK: Hiển thị danh sách mã chứng khoán có trong sổ lệnh. Giúp lọc nhanh các lệnh theo mã chứng khoán được tích chọn. Giá trị mặc định ban đầu: tìm kiếm theo tất cả
  - Lệnh điều kiện
  - Trạng thái: gồm có Hiệu lực, Hoàn thành, Hết hiệu lực, Đã hủy . Giá trị mặc định là Tất cả
– Các thông tin hiển thị tại Sổ lệnh thường gồm:
  - Ô check box
  - Mã CK
  - Tiểu khoản
  - Lệnh ĐK
  - Loại lệnh
  - Trạng thái – được update realtime
  - KL đặt – được update realtime khi sửa lệnh thành công
  - Giá đặt – được update realtime khi sửa lệnh thành công
  - KL khớp – được update realtime
  - Phương thức
  - Từ ngày
  - Đến ngày
  - Biên trượt
  - Thời gian đặt

- Thời gian cập nhật
- Kênh

– Button xuất file excel: Nhấn vào icon => tự động xuất file excel sổ lệnh về máy

1.5 Sổ lệnh trước giờ

– Đường dẫn: Web/Lệnh cơ sở/ Sổ lệnh

– Mục đích: Hiển thị thông tin các lệnh điều kiện đã đặt. Cho phép thực hiện Sửa lệnh, Hủy lệnh đối với các lệnh và phiên giao dịch cho phép

– Đường dẫn: Web/Lệnh cơ sở/ Lệnh trước giờ

– 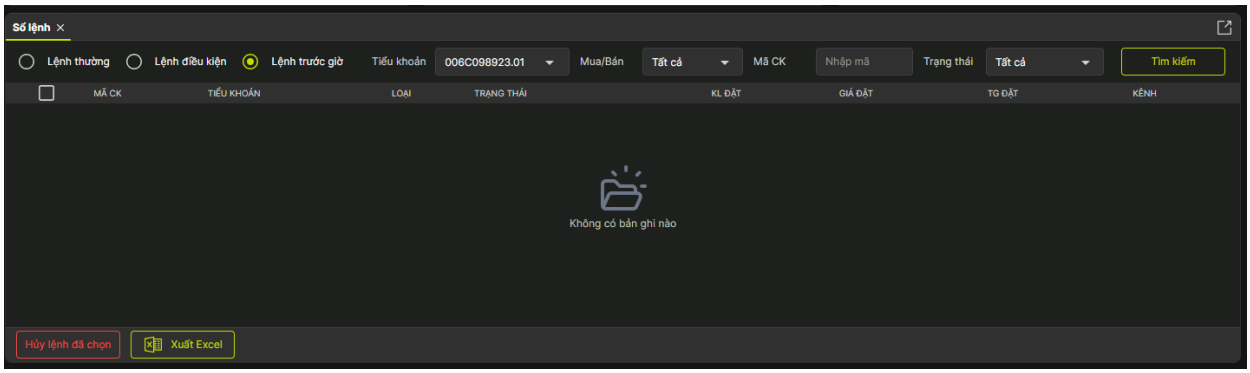

– Các bộ lọc gồm:
  - Tiểu khoản: Mặc định ban đầu tích chọn tài khoản được set mặc định. Cho phép chọn xem sổ lệnh theo 1 hoặc nhiều hoặc tất cả tài khoản
  - Mua/Bán: gồm Tất cả, Mua, Bán; mặc định giá trị ban đầu là Tất cả
  - Mã CK: Hiển thị danh sách mã chứng khoán có trong sổ lệnh. Giúp lọc nhanh các lệnh theo mã chứng khoán được tích chọn. Giá trị mặc định ban đầu: tìm kiếm theo tất cả
  - Trạng thái: gồm có Hiệu lực, Hoàn thành, Hết hiệu lực, Đã hủy . Giá trị mặc định là Tất cả

– Các thông tin hiển thị tại Sổ lệnh thường gồm:
  - Ô check box
  - Mã CK
  - Tiểu khoản
  - Loại
  - Trạng thái – được update realtime

- KL đặt – được update realtime khi sửa lệnh thành công
- Giá đặt – được update realtime khi sửa lệnh thành công
- TG đặt
- Kênh

– Button xuất file excel: Nhấn vào icon => tự động xuất file excel sổ lệnh về máy

1.6 Sửa lệnh

– Đối với sàn HNX, UPCOM khi lệnh có trạng thái Lệnh mới hoặc chờ khớp có thể sửa giá và khối lượng.

– Đối với sàn HOSE, cho phép sửa Giá của lệnh có trạng thái Lệnh mới hoặc chờ khớp. Không cho phép sửa khối lượng

– Các bước thực hiện sửa lệnh:

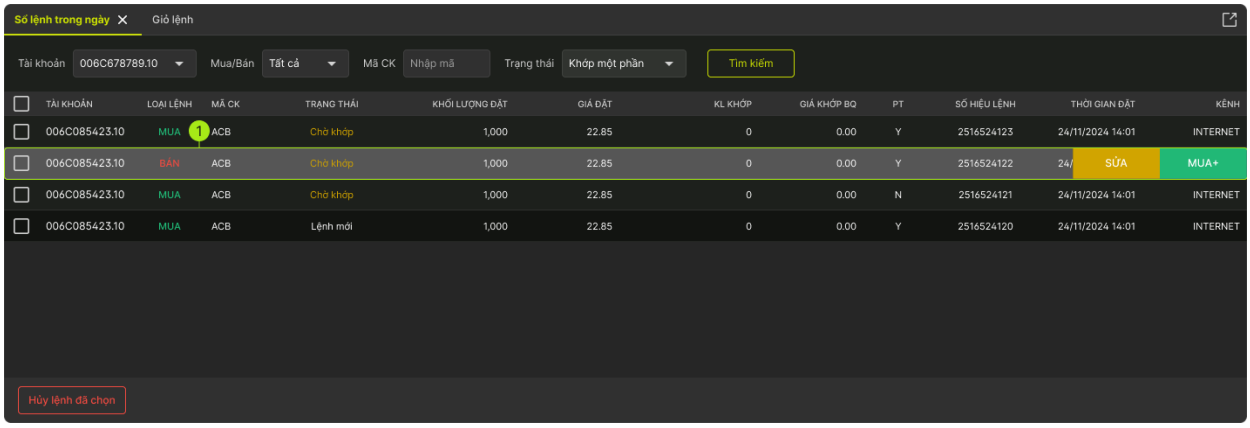

–

(1) Xác định lệnh chờ khớp muốn sửa và nhấp vào nút sửa

– Với các lệnh có trạng thái (vd: Khớp toàn bộ, Đã hủy..) không hiển thị button Hủy

– Với các lệnh trong phiên hợp lệ cho phép sửa lệnh => hiển thị button Sửa

– Xác định dòng lệnh và nhấn vào Nhấn vào button Mua+ / (Bán+) => điền thông tin mã chứng khoán sang form đặt lệnh

(2) Nhập giá và khối lượng muốn sửa

–

– Giá và khối lượng chặn không cho nhập các giá trị chữ, ký tự đặc biệt

(3) Chọn Xác nhận hoặc Hủy

– Nhấn " Xác nhận"

  - Hiển thị popup nhập mã xác thực OTP nếu thông tin lệnh sửa hợp lệ.
  - Thông báo lỗi trong các trường hợp giá sửa không hợp lệ (lớn hơn giá trần/ nhỏ hơn giá sàn); Khối lượng không hợp lệ (vượt quá sức mua/ KL có thể bán)

– Nhấn "Hủy" : đóng popup sửa lệnh

(4) Nhập xác thực OTP

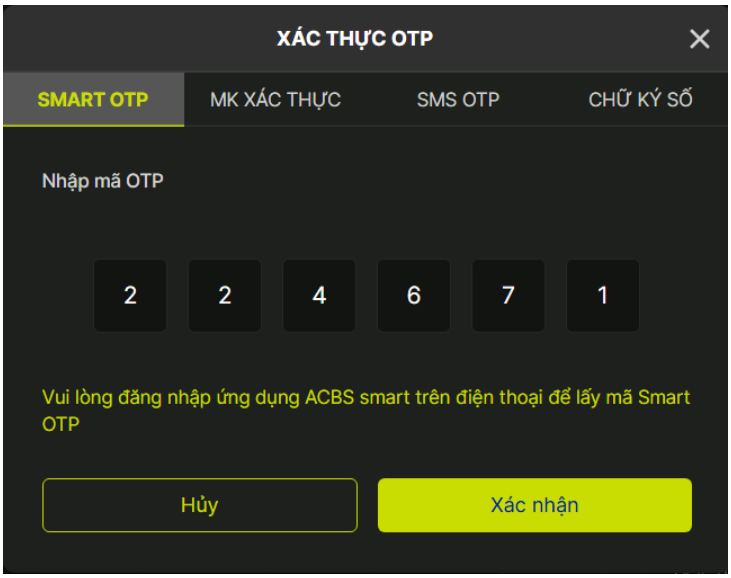

–

– Có 4 phương thực xác thực gồm: Smart OTP, SMS OTP, Mật khẩu xác thực và Chữ ký số.

– Màn Xác thực hiển thị ban đầu theo loại xác thực được cài đặt mặc định.

  - Nhấn button Hủy: đóng popup xác thực OTP

- Nhấn button Áp dụng: Nếu mã OTP đúng => hiển thị thông báo đặt lệnh thành công. Nếu mã OTP không hợp lệ => Hiển thị thông báo lỗi

1.7 Hủy lệnh

– Các bước thực hiện

– 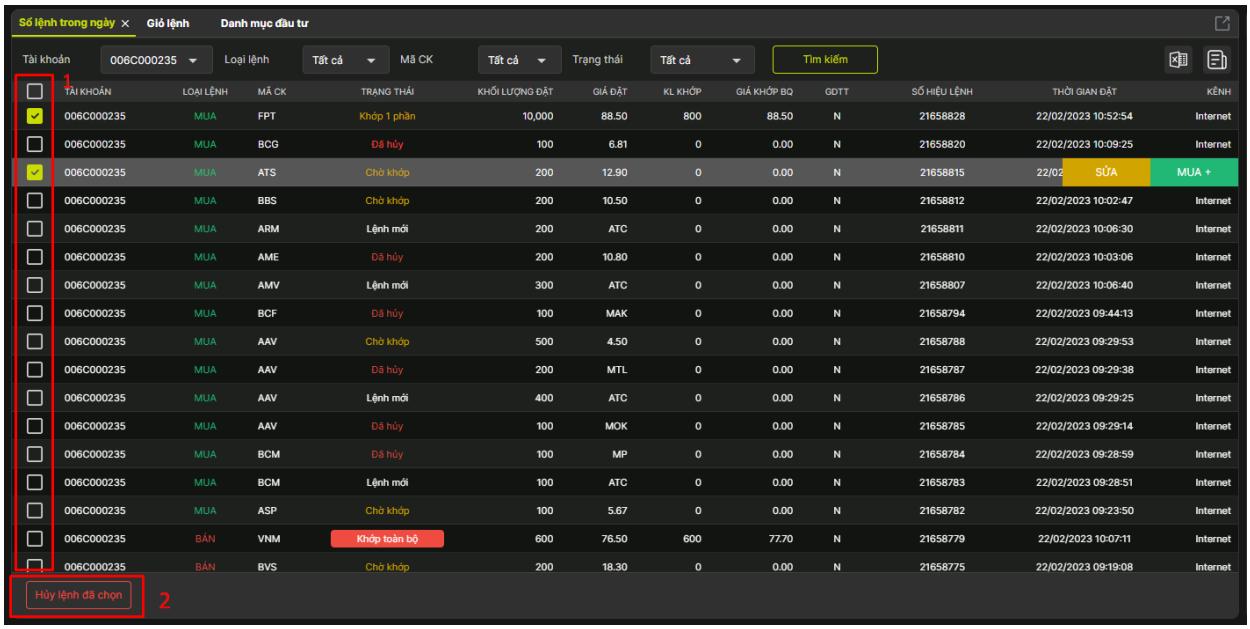

(1) Tích chọn các lệnh muốn hủy

– Có thể tích chọn 1 hoặc nhiều hoặc tất cả lệnh.

– Các lệnh có trạng thái Lệnh mới/ Chờ khớp => cho phép tích chọn để hủy

– Các lệnh có trạng thái Khớp toàn bộ/ Từ chối/ Đã hủy.. => Không cho tích chọn để hủy

(2) Nhấn button " Hủy lệnh đã chọn" => hiển thị popup xác nhận

– 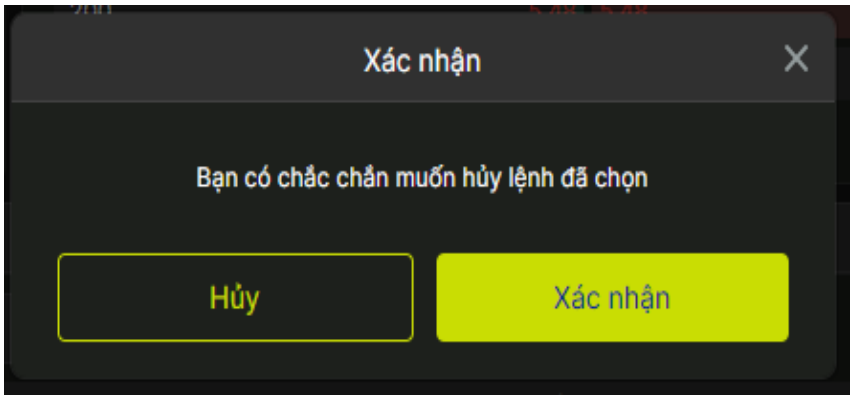

(3) Nhấn "Hủy" / "Đồng ý" ở popup xác nhận

– Chọn Hủy => đóng popup

– Chọn Xác nhận => Hiển thị màn xác thực OTP

(4) Nhập OTP mã xác thực OTP

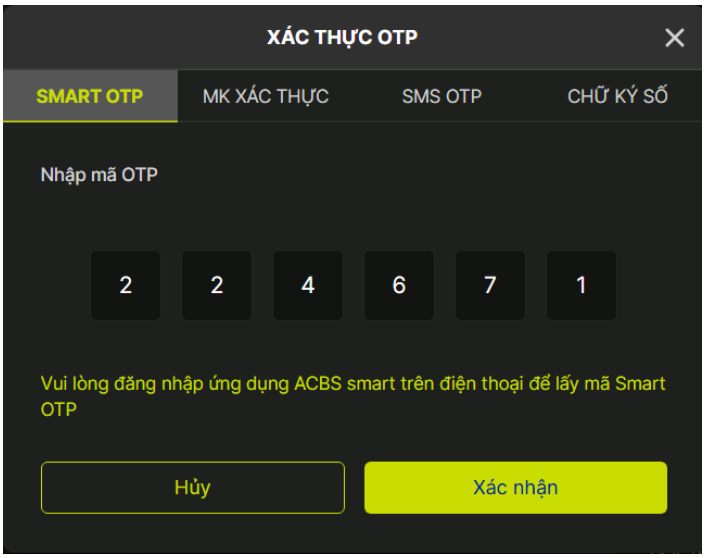

–

– Có 4 phương thực xác thực gồm: Smart OTP, SMS OTP, MK Xác thực và chữ ký số .

– Màn Xác thực hiển thị ban đầu theo loại xác thực được cài đặt mặc định.

  - Nhấn button Hủy: đóng popup xác thực OTP
  - Nhấn button Áp dụng: Nếu mã OTP đúng => hiển thị thông báo đặt lệnh thành công. Nếu mã OTP không hợp lệ => Hiển thị thông báo lỗi.

1.8 Danh mục đầu tư

– Đường dẫn: Web/ Lệnh cơ sở

– Mục đích: Hiển thị thông tin danh sách mã chứng khoán khách hàng đang đầu tư. Có chức năng Bán tất cả danh mục nhằm hỗ trợ khách hàng bán nhanh mã chứng khoán

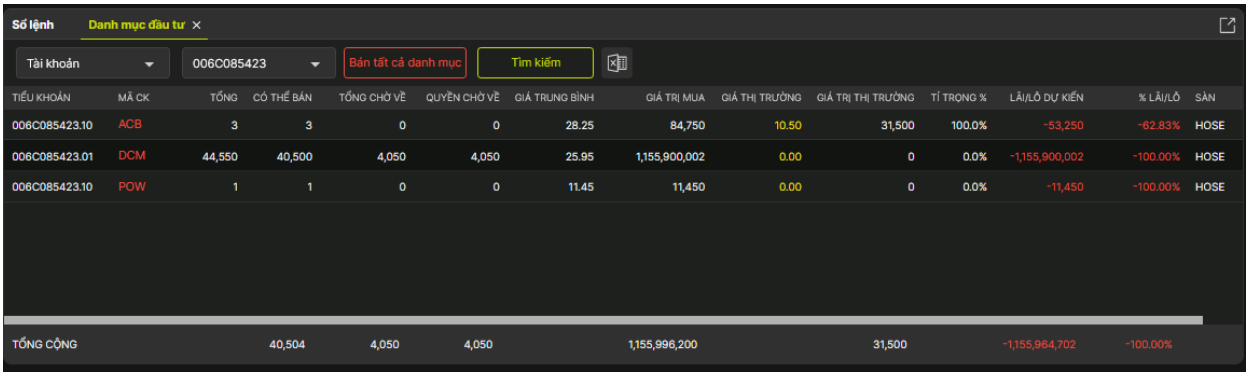

–

1.8.1. Xem danh mục đầu tư

– Chọn tài khoản trong danh sách tài khoản để xem thông tin danh mục đầu tư của tài khoản đó. Mặc định load dữ liệu hiển thị theo tài khoản được set mặc định

– Nhấn icon refresh: load lại danh sách danh mục đầu tư

– Các thông tin hiển thị gồm:

- Tiểu khoản
- Sàn: gồm HOSE, HNX, UPCOM
- Mã CK
- Tổng
- Có thể bán
- Tổng chờ về
- Giá trung bình
- Giá trị mua
- Giá thị trường – Hiển thị giá trị realtime
- Giá trị thị trường – Hiển thị giá trị realtime
- Tỷ trọng %
- Lãi/lỗ dự kiến
- % Lãi/lỗ

1.8.2 Đặt lệnh từ Danh mục đầu tư

Đặt lệnh Mua/ Bán từ danh mục đầu tư

– 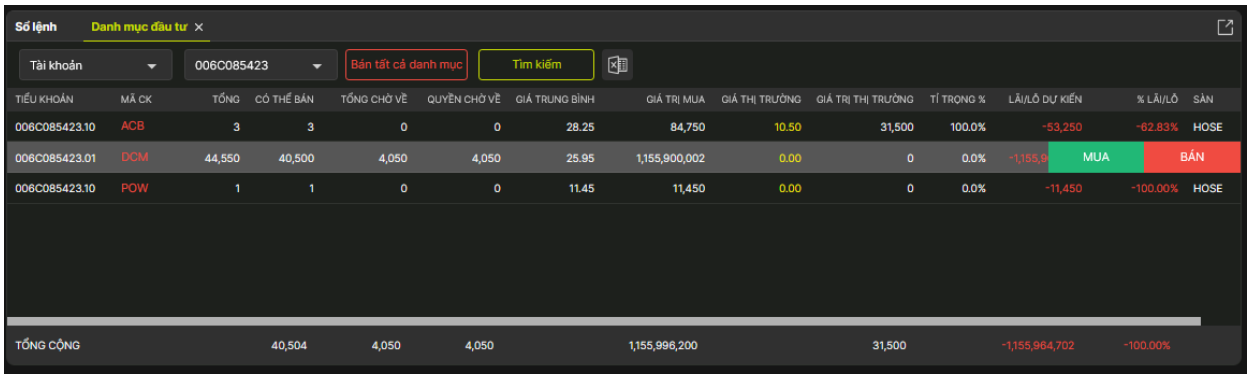

– Focus vào dòng thông tin mã chứng khoán => Hiển thị button MUA, BÁN.

– Nhấn chọn button MUA/BÁN => điền thông tin mã chứng khoán vào màn hình đặt lệnh

– Thực hiện tiếp các bước để đặt lệnh

Đặt bán tất cả danh mục

– Tích chọn một/ nhiều hoặc tất cả dòng tại danh mục đầu tư

– Nhấn button "Bán tất cả danh mục" => bật popup "Bán tất cả danh mục" có hiển thị thông tin các mã chứng khoán được tích chọn.

– Các thông tin hiển thị gồm: Mã CK, Khả dụng bán, KL bán, Giá bán

– 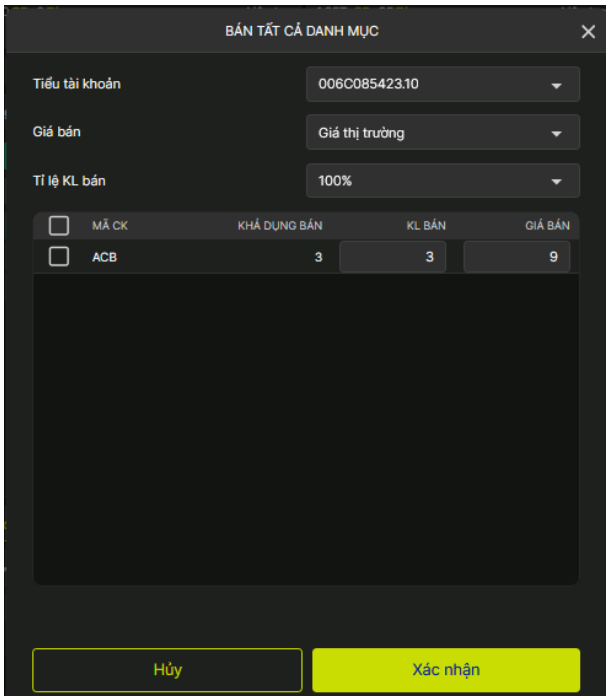

– Chọn tỷ lệ KL bán. Tỷ lệ mặc định ban đầu là 100%, các mức tỷ lệ gợi ý lựa chọn gồm (100%, 50%, 20%, 10%) và chọn loại giá bán (Giá LO hoặc giá thị trường)

– Nhấn "Hủy" => đóng popup "Bán tất cả danh mục"

– Nhấn "Xác nhận" => chuyển sang popup "Xác nhận đặt lệnh bán"

– 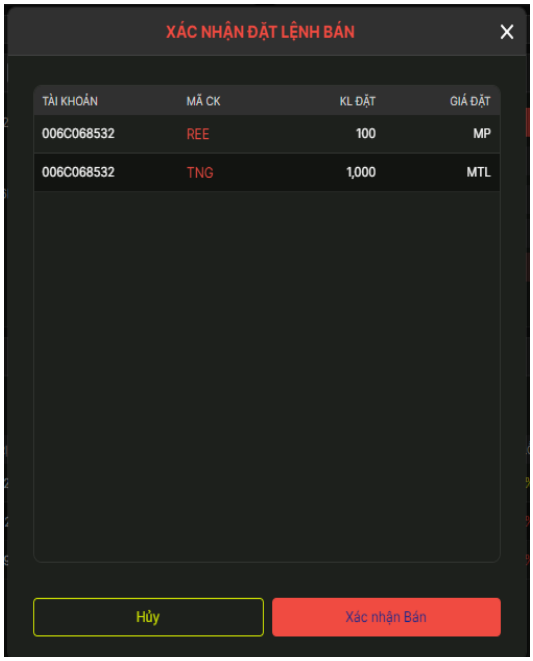

– Tại màn "Xác nhận đặt lệnh bán"
– Các thông tin hiển thị gồm:
  - Tài khoản
  - Mã CK
  - KL đặt: hiển thị giá trị = Giao dịch * Tỷ lệ KL bán
  - Giá đặt: sàn HSX – giá MP; sàn HNX – giá MTL; sàn UPCOM – giá sàn
– Nhấn "Hủy" : đóng popup "Xác nhận đặt lệnh bán"
– Nhấn "Xác nhận Bán" => Bật popup Xác nhận OTP
– Nhập OTP mã xác thực OTP

– 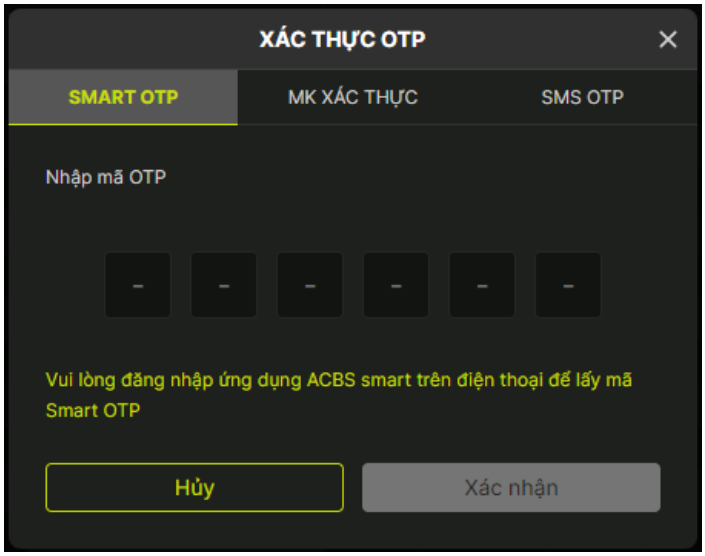

– Có 4 phương thực xác thực gồm: Smart OTP, SMS OTP, chữ ký số và MK xác thực.

– Màn Xác thực hiển thị ban đầu theo loại xác thực được cài đặt mặc định.

– + Nhấn button Hủy: đóng popup xác thực OTP

– + Nhấn button Áp dụng: Nếu mã OTP đúng => hiển thị thông báo đặt lệnh thành công. Nếu mã OTP không hợp lệ => Hiển thị thông báo lỗi.

1.9 Giỏ lệnh

– Đường dẫn: Lệnh cơ sở

– Mục đích: Tạo lệnh sẵn giúp thao tác đặt lệnh nhanh

1.9.1. Tạo lệnh vào giỏ lệnh:

– Cách 1: Tạo từng lệnh

(1) Tại form đặt lệnh / Nhấn chọn biểu tượng Giỏ lệnh => Hiển thị màn hình thêm tạo lệnh

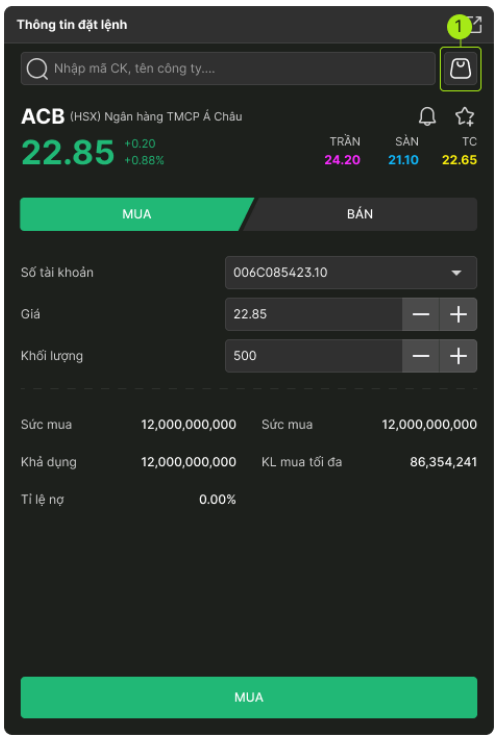

–

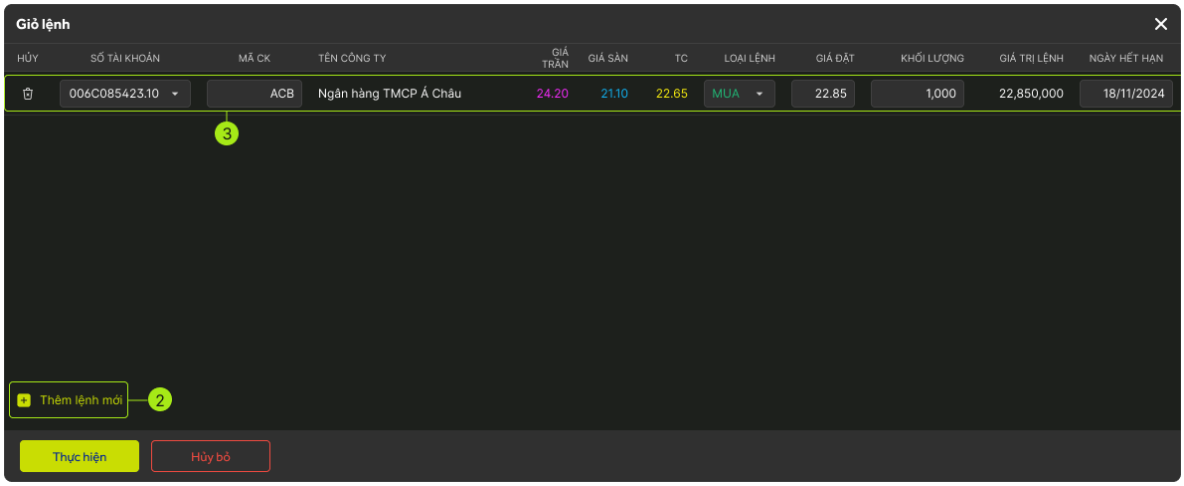

(2) Nhấn vào Thêm lệnh mới để hiển thị thêm dòng để điền thông tin lệnh

(3) Điền các thông tin gồm: Số tài khoản, Mã chứng khoán, Loại lệnh, Giá đặt, Khối lượng, Ngày hết hạn

(4) Nhấn Thực hiện để thêm lệnh vào giỏ lệnh -> Hiển thị hộp thoại Xác nhận

– Nhấn Xác nhận -> Thêm mới lệnh vào giỏ lệnh thành công

– Nhấn Hủy bỏ -> Đóng màn hình thêm lệnh vào giỏ lệnh

– Nhấn biểu tượng Hủy Xóa dòng lệnh

–

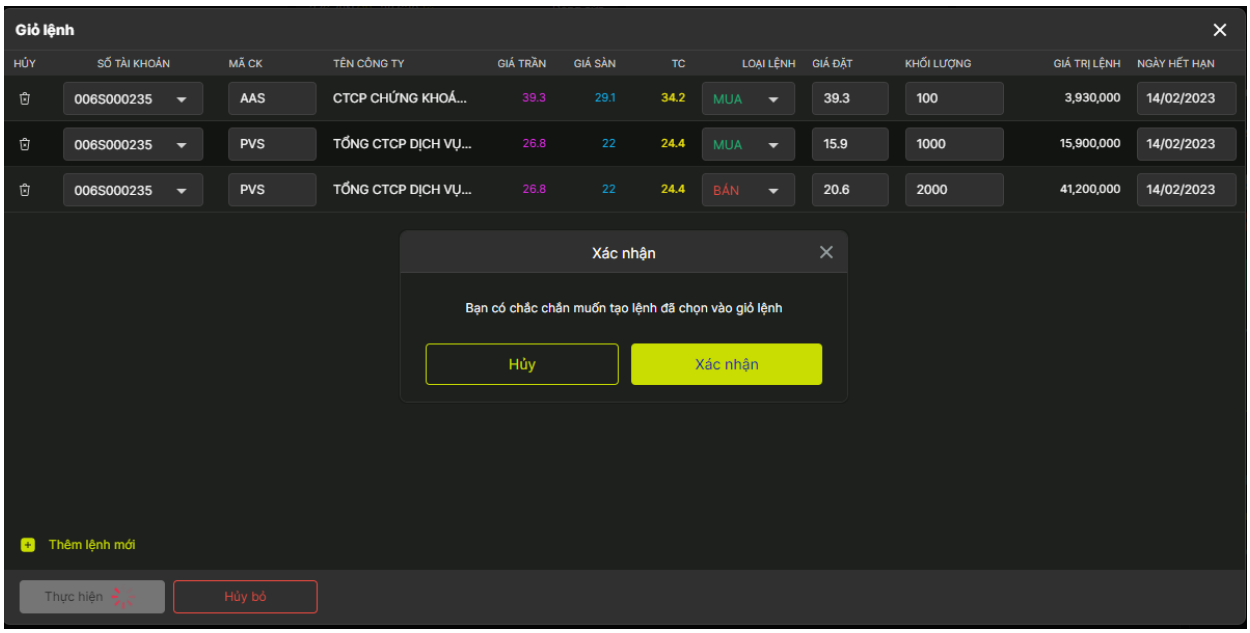

Cách 2: Import danh sách lệnh vào giỏ lệnh

(1) Tại tab giỏ lệnh -> Nhấn chọn biểu tượng lấy mẫu import để lấy tệp excel mẫu import về máy.

– Điền thông tin lệnh đặt theo ví dụ từ tệp mẫu import

– 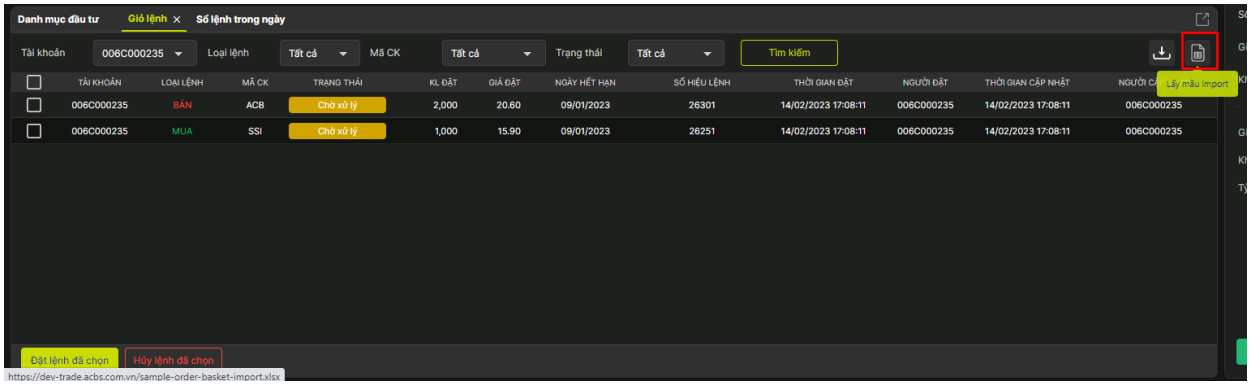

(2) Nhấn vào biểu tượng Import giỏ lệnh. Chọn tệp lệnh mới tạo -> Danh sách lệnh được import vào form giỏ lệnh

– 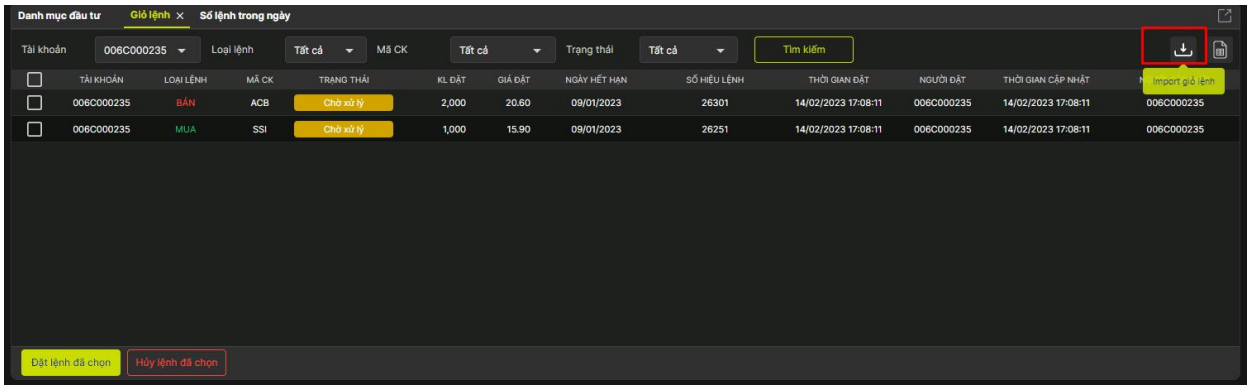

– 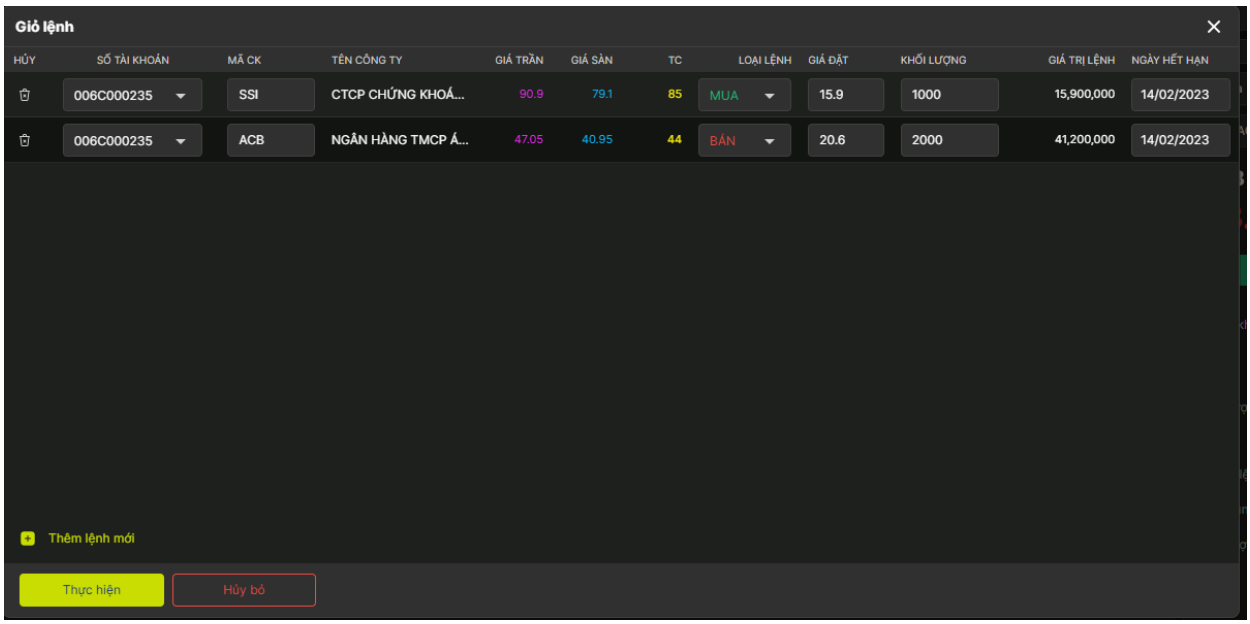

(3) Tiếp tục thao tác giống khi thêm từng lệnh. Có thể sửa, xóa các lệnh import.

(4) Nhấn Thực hiện để thêm lệnh vào giỏ lệnh -> Hiển thị hộp thoại Xác nhận

– Nhấn Xác nhận -> Thêm mới lệnh vào giỏ lệnh thành công

– Nhấn Hủy bỏ -> Đóng màn hình thêm lệnh vào giỏ lệnh

– Nhấn biểu tượng Hủy -> Xóa dòng lệnh

–

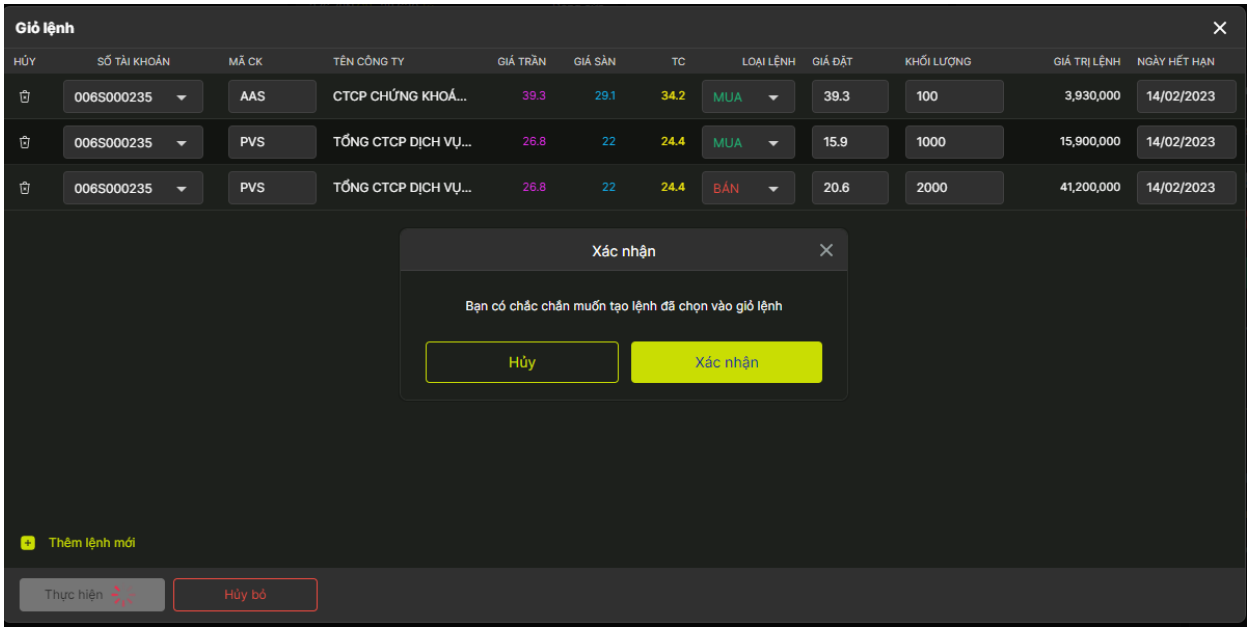

1.9.2. Đặt lệnh từ Giỏ lệnh

(1) Tại tab Giỏ lệnh có thể tìm kiếm danh sách lệnh theo bộ lọc: Tài khoản, Loại lệnh, Mã CK, Trạng thái

–

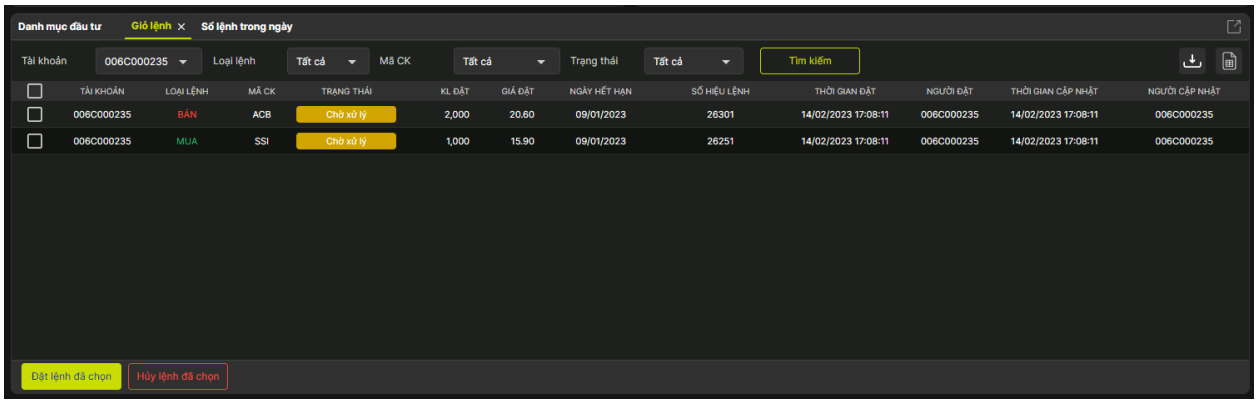

(2) Tích chọn 1 hoặc nhiều hoặc tất cả lệnh -> Nhấn nút Đặt lệnh đã chọn -> Hiển thị hộp thoại xác nhận

–

– Nhấn Xác nhận -> Kiểm tra điều kiện để cho phép đặt lệnh hoặc thông báo lỗi

– Nhấn Hủy -> Đóng hộp thoại Xác nhận

(3) Tích chọn 1 hoặc nhiều hoặc tất cả lệnh -> Nhấn nút Hủy lệnh đã chọn -> hiển thị hộp thoại xác nhận

–

– Nhấn Xác nhận -> Hủy lệnh đã chọn

– Nhấn Hủy -> Đóng hộp thoại xác nhận

– Sau khi Đặt lệnh hoặc Hủy lệnh thành công -> Tải lại thông tin danh sách giỏ lệnh

1.10 Bảng giá

– Mục đích : Hiển thị 3 mức giá mua và bán tốt nhất của mã CK để người dùng có thể dễ dàng đặt lệnh

– 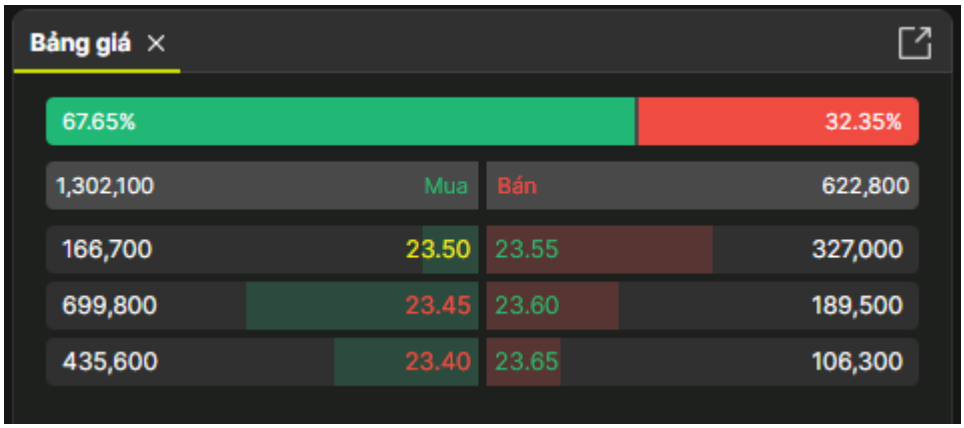

1.11 Chi tiết cổ phiếu

– Hiển thị thông tin của mã bao gồm: Giá mở cửa, TB, Giá thấp- cao, Tổng khối lượng, Tổng khối lượng, Tổng giá trị... giúp khách hàng có cái nhìn tổng quát hơn về mã CK

– 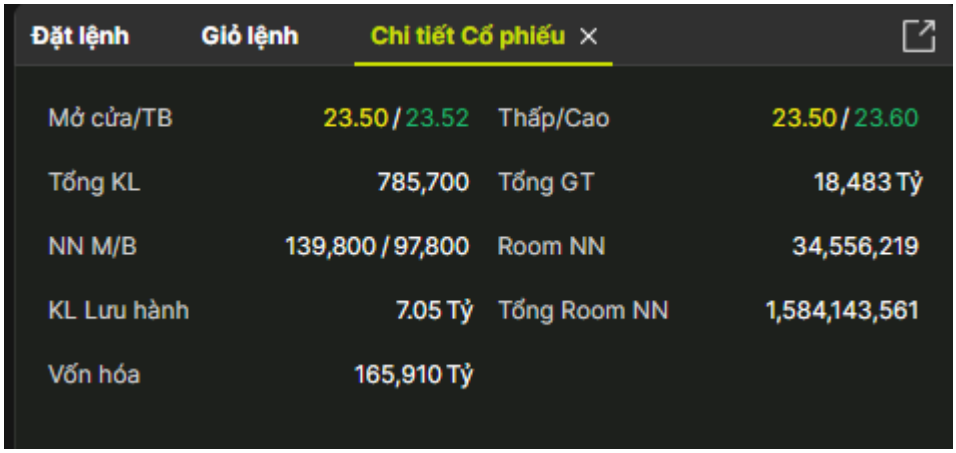

1.12 Khối lượng và thời gian

– Hiển thị 30 bản ghi lịch sử khớp lệnh mua bán so với thời điểm hiện tại, biểu đồ phân tích KL giao dịch mua bán ở từng bước giá ở các thời điểm hiện tại, 1 ngày trước và 5 ngày trước

–

1.13 Danh sách theo dõi

– Hiển thị danh sách mã CK ở danh mục sở hữu và danh mục yêu thích, giúp người dùng theo dõi biến động giá của các mã CK đang sở hữu và mã CK đang quan tâm

– Khối lượng và thời gian | Danh sách theo dõi

Chọn danh mục: Danh mục 1

MÃ CK	GIÁ TT	THAY ĐỔI	% THAY ĐỔI	TỔNG KL	TỔNG GT
ACB	22.40	+0.55	+2.39%	2,310,600	56.219B
BID121027	0.00	+0.00	+0.00%	0	0
BOT	2.90	+0.00	+0.00%	144,500	3,920B
BRS	22.85	-0.30	+2.69%	1,254,647	2,85B
MBB	17.35	-0.25	-1.59%	1,614,145	14,544B

1.14 Biểu đồ MTC

– Hiển thị biến động về giá và khối lượng của mã CK trong ngày

–

1.15 Biểu đồ 30D

– Hiển thị biểu đồ nến biến động giá và khối lượng theo ngày của mã CK

– 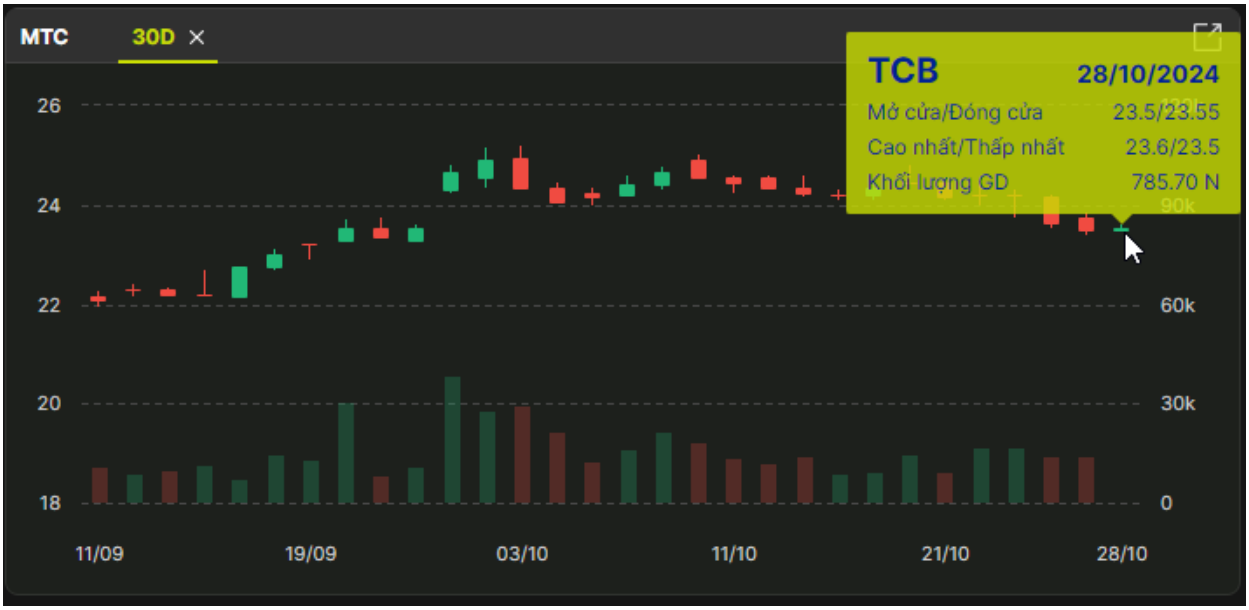

1.16 Chức năng cài đặt khối trong giao diện chi tiết mã chứng khoán

– Mục đích: Giúp người dùng có thể sắp xếp cách hiển thị các khối quan tâm theo các vị trí mà người dùng mong muốn

– Hướng dẫn thực hiện:

– Chọn biểu tượng dấu 3 gạch -> Hiển thị menu các khối

– 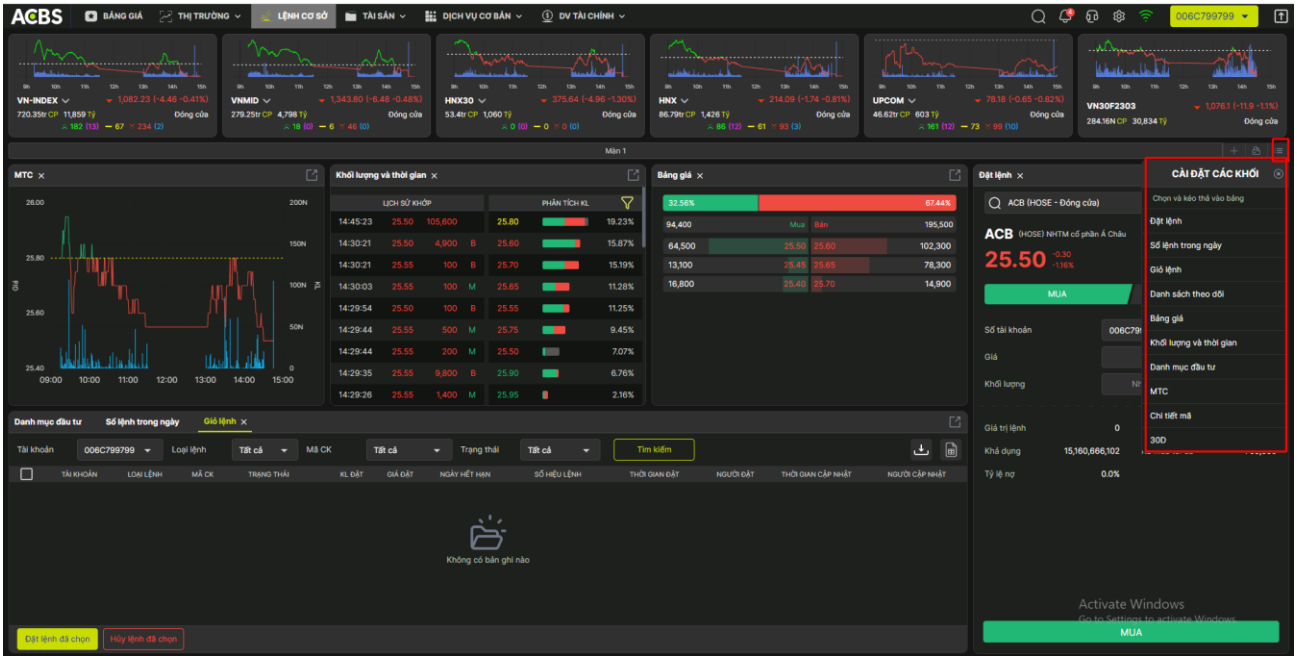

– Nhấn vào khối muốn hiển thị và kéo thả đến vị trí muốn đặt

– 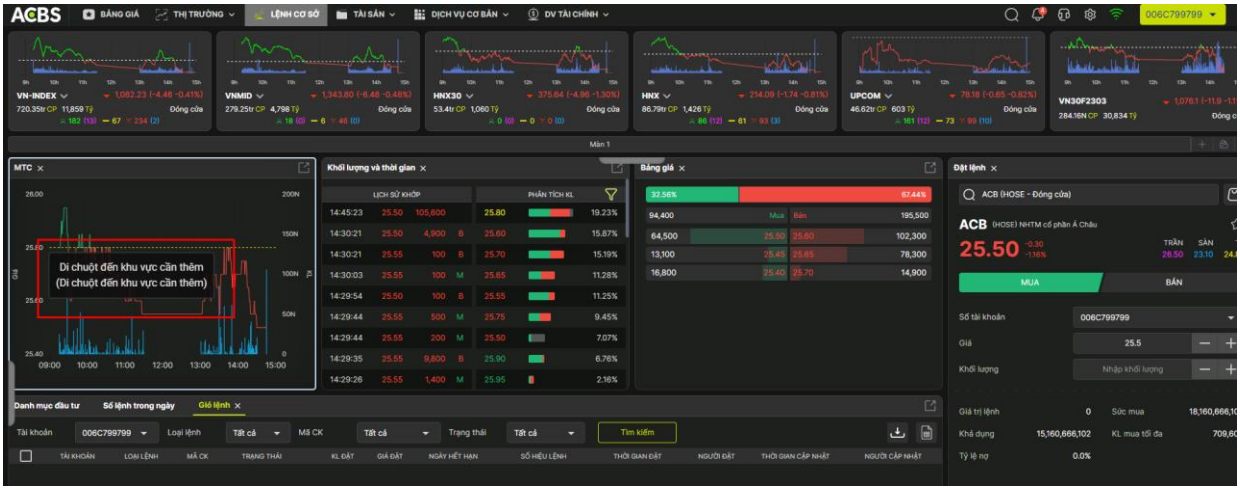

– Nhấn chuột -> Khối sẽ vào đúng vị trí

– 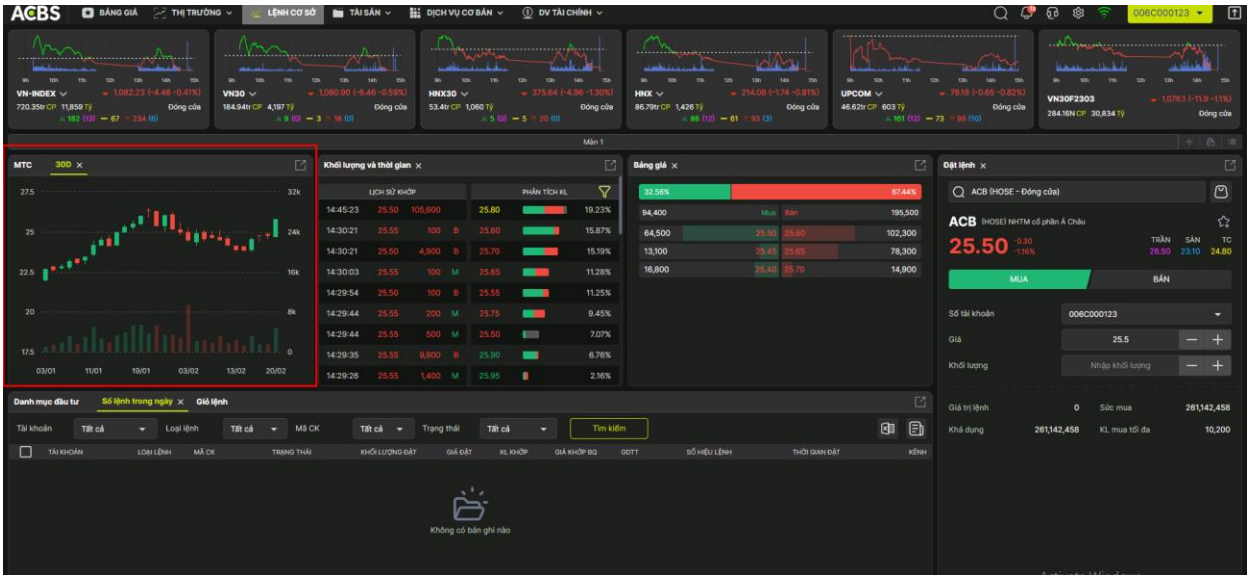

– Lưu ý: Trong trường hợp khối đã có sẵn trên màn hình khi nhấn vào tên khối ở menu sẽ có thông báo "Chức năng đã mở"

– 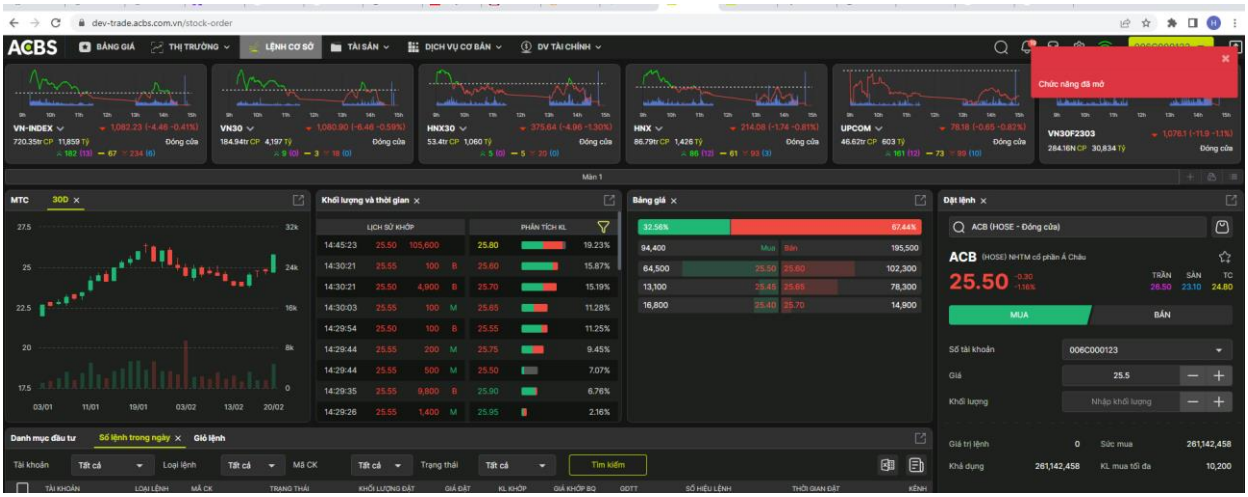

1.16.1. Chức năng điều chỉnh kích thước của khối

- Mục đích: Điều chỉnh kích thước của khối theo mong muốn
- Hướng dẫn thực hiện:
- Di chuột đến viền của khối để hiển thị biểu tượng kéo
- Giữ và kéo chuột để điều chỉnh độ rộng, chiều cao của khối
- 1.16.2. Chức năng di chuyển vị trí của khối
- Mục tiêu: Sắp xếp khối ở các vị trí mong muốn
- Hướng dẫn thực hiện :
- Nhấp và giữ chuột ở vị trí header của khối
- 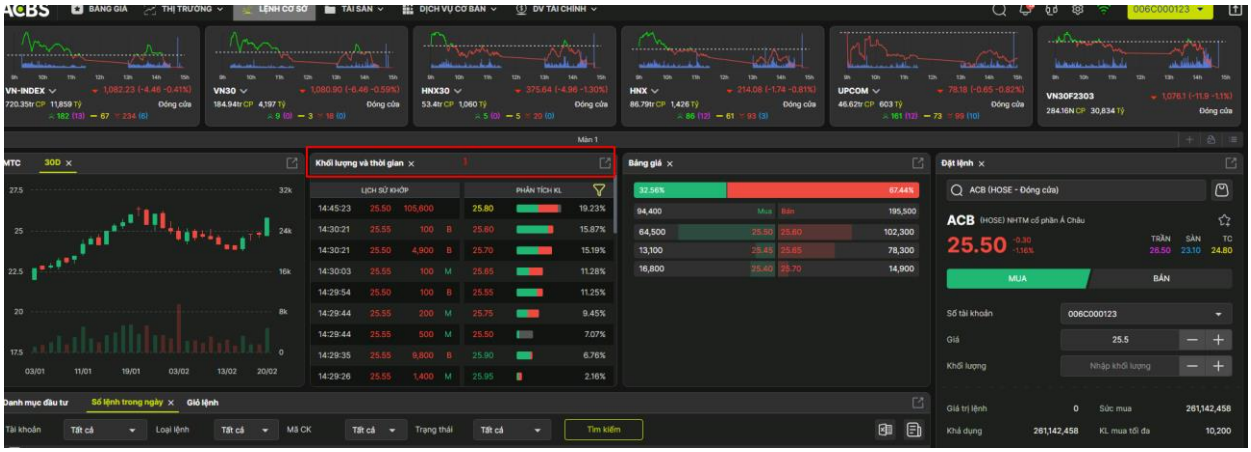
- Giữ chuột và kéo thả để vị trí mong muốn
- 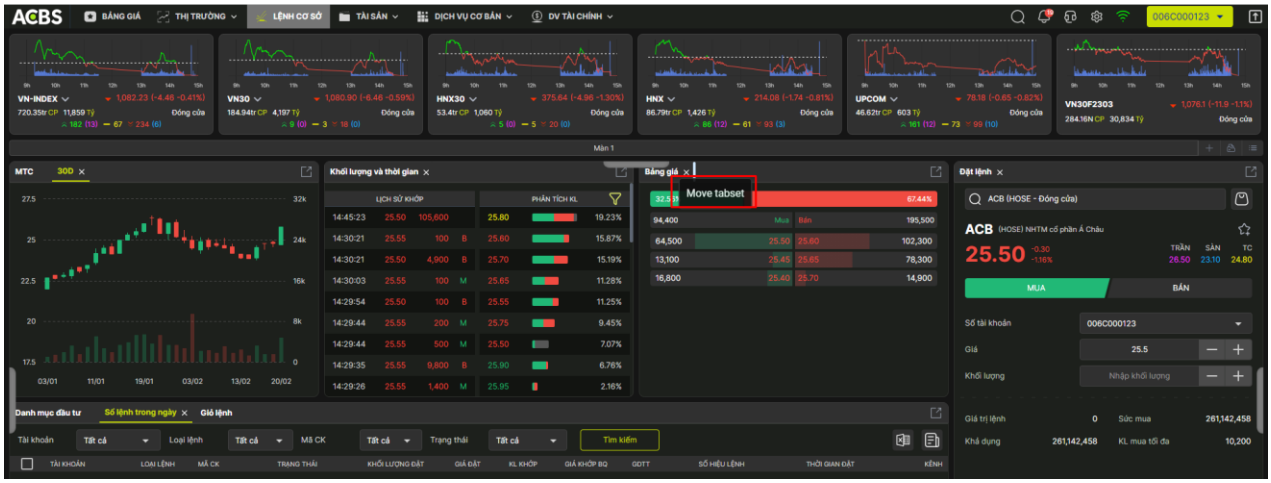

–

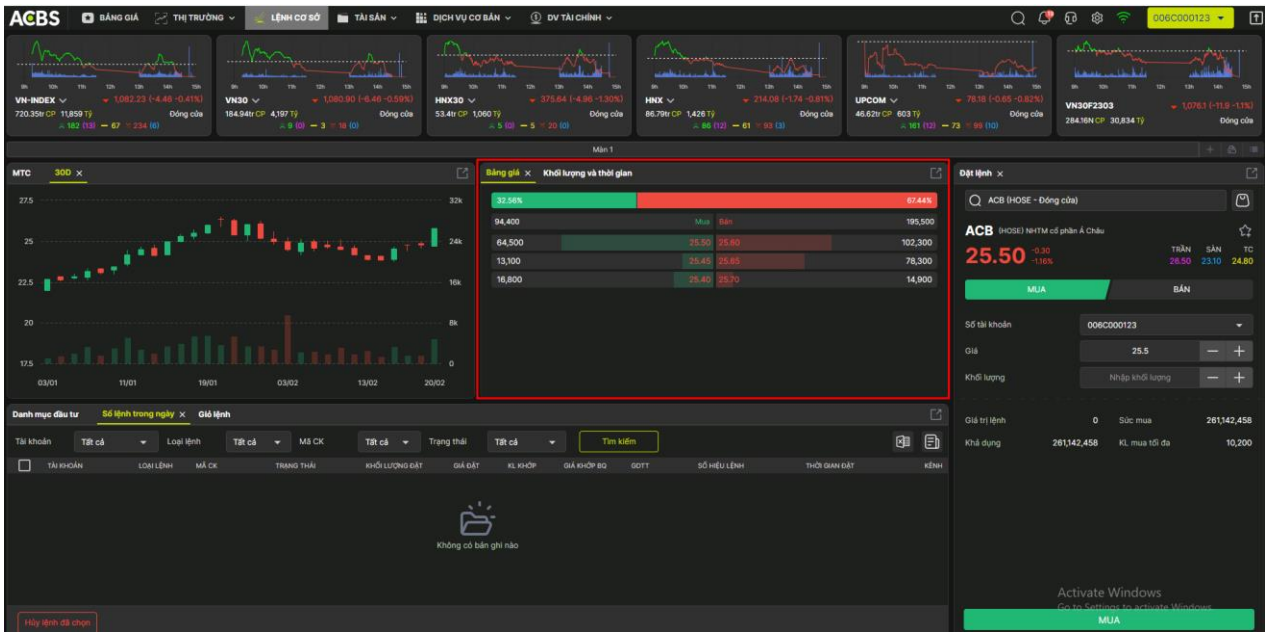

1.16.3. Chức năng lưu bảng

– Mục đích: Lưu lại bảng có bố cục mong muốn như người dùng đã sắp xếp đối với các lần đăng nhập sau

– Hướng dẫn thực hiện:

– Nhấn vào Mở và chọn lưu lại mẫu

–

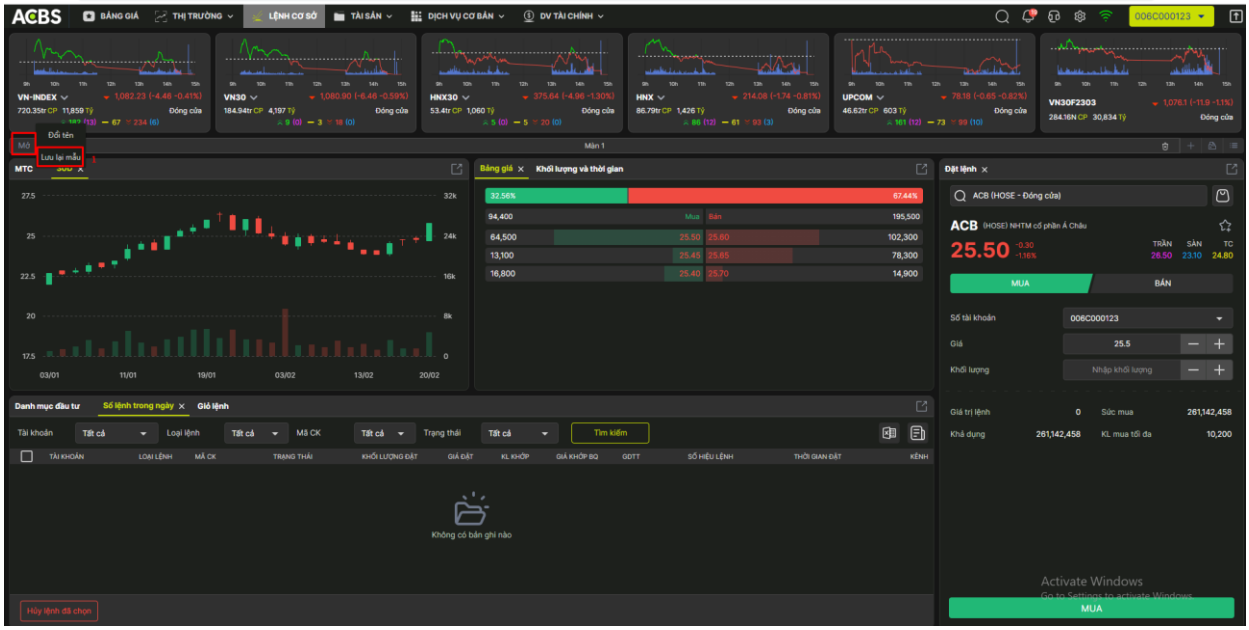

– Điền tên bảng, mô tả và nhấn lưu

– 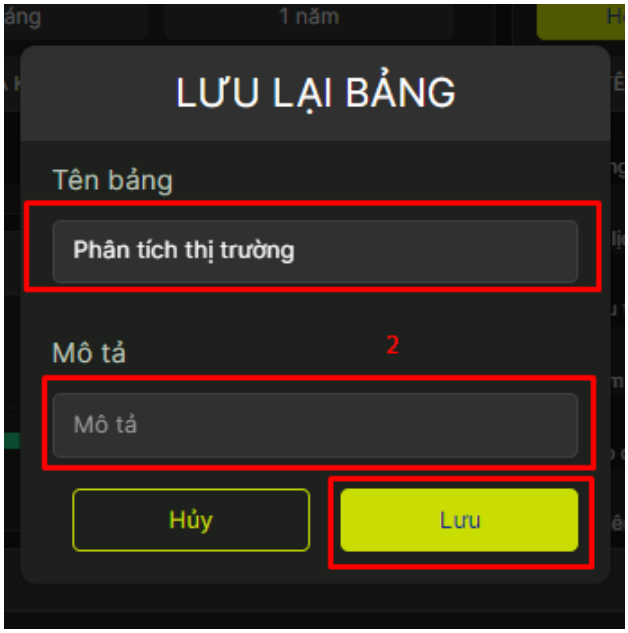

– Nhấn vào dấu cộng để xem bảng mình đã lưu

– 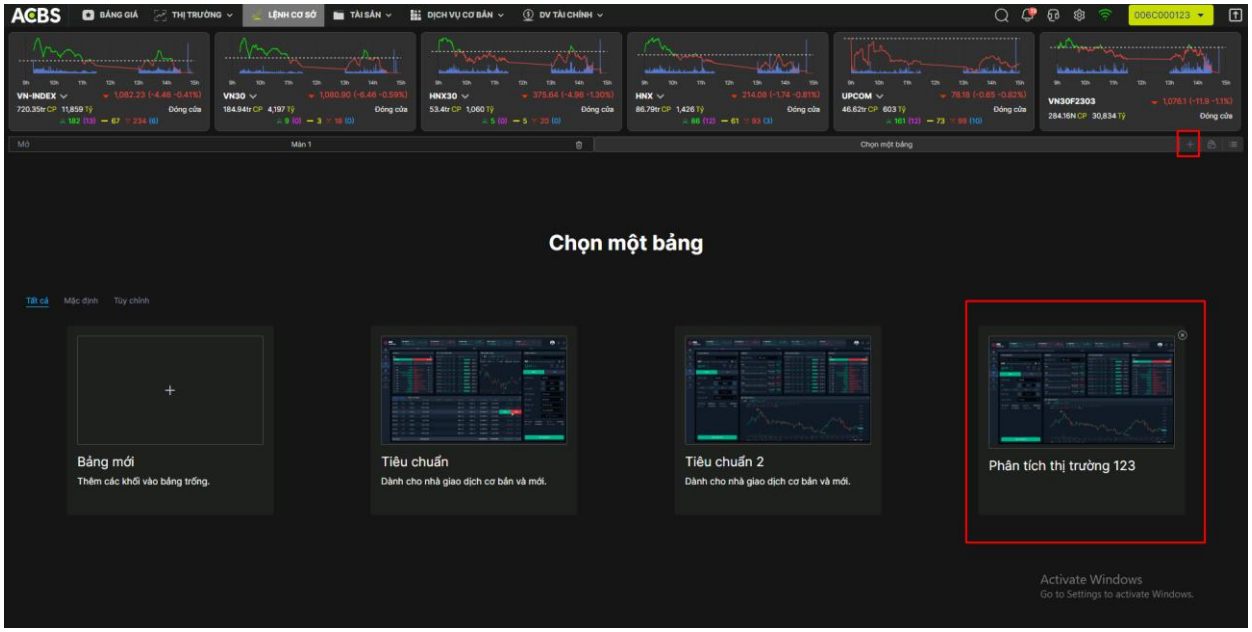

1.16.4. Chức năng đổi tên bảng

– Mục đích: Người dùng có thể lưu tên bảng để dễ dàng sử dụng bố cục theo các mục đích khác nhau

– Hướng dẫn thực hiện

– Nhấn vào mở chọn đổi tên

– 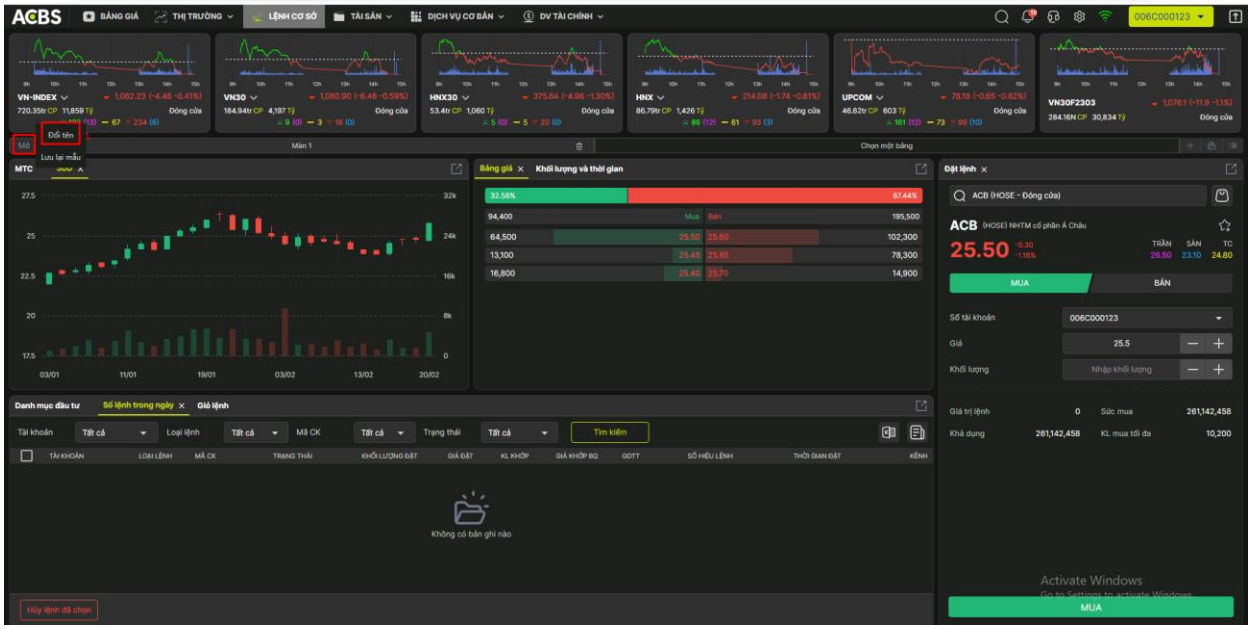

– Điền tên bảng muốn lưu và nhấn OK. Nhấn hủy để đóng hộp thoại và không đổi tên nữa

–

1.16.5. Chức năng mở bảng bố cục đã có

– Mục đích: Người dùng mở những bảng bố cục đã lưu hoặc mặc định, Bảng tiêu chuẩn lưu bố cục mặc định ban đầu

– Hướng dẫn thực hiện:

– Nhấn vào biểu tượng dấu cộng

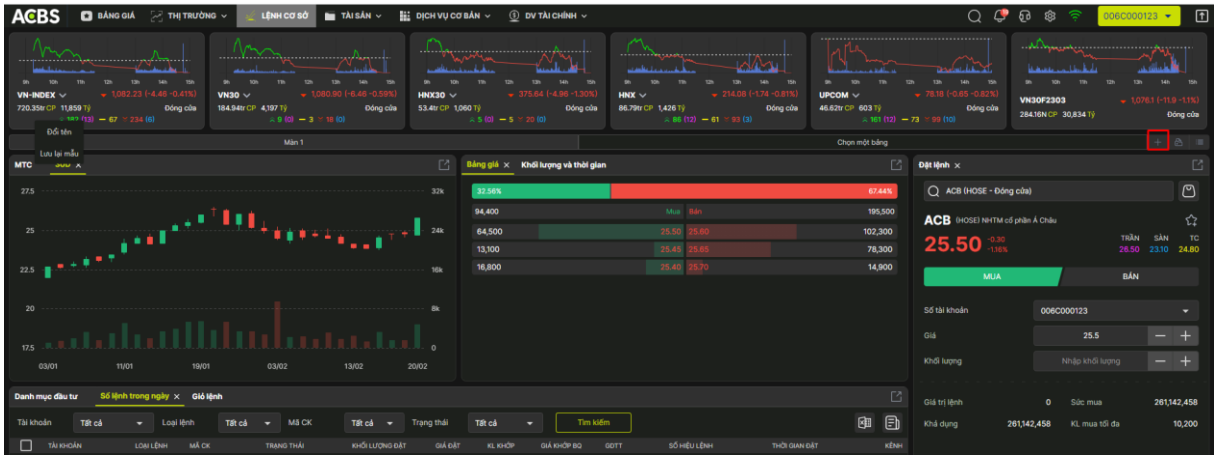

– Nhấn vào bố cục bảng muốn hiển thị

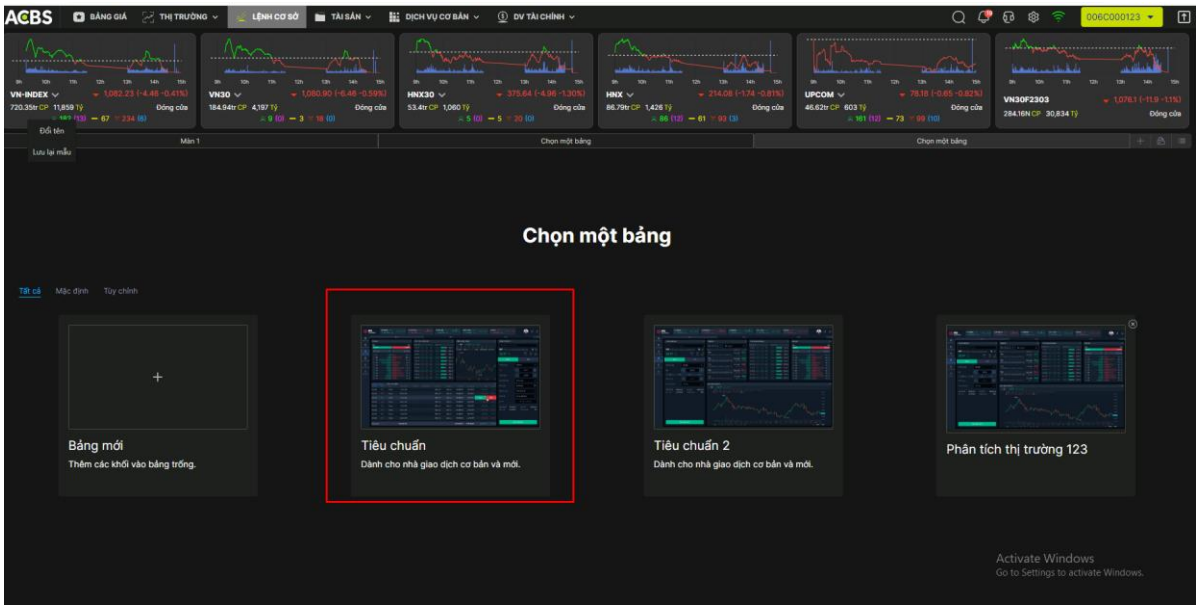

– Lưu ý: Chỉ mở tối đa 5 bảng, nếu mở quá sẽ báo lỗi

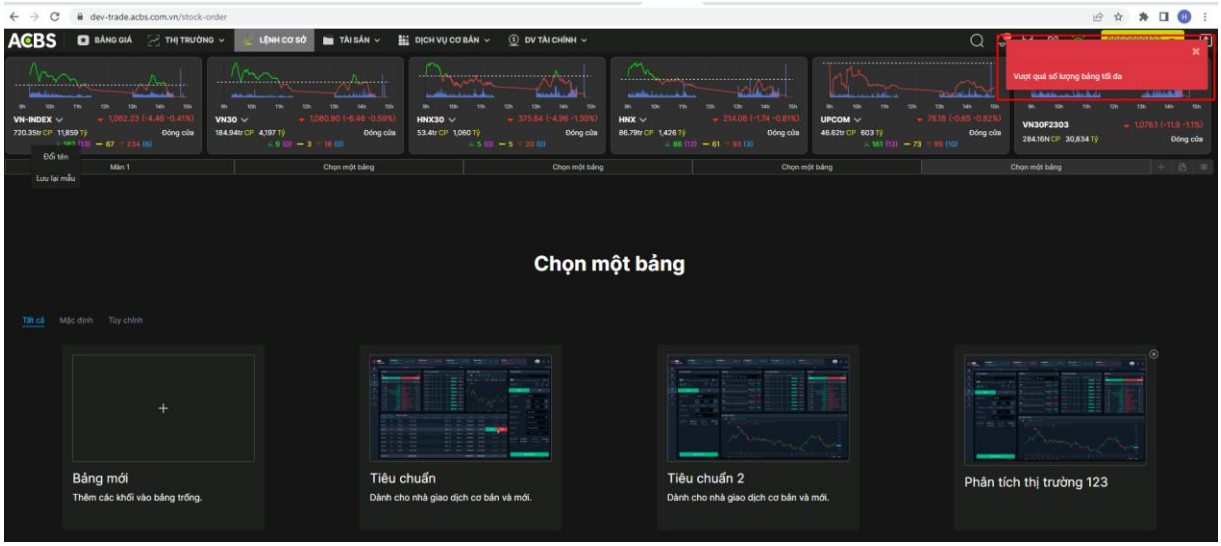

1.16.6. Chức năng xóa bảng

– Mục đích: Tắt hiển thị những bố cục bảng giá không sử dụng đến ở thanh bảng giá

– Thực hiện: Chọn bảng bố cục muốn xóa và nhấn vào biểu tượng thùng rác

– 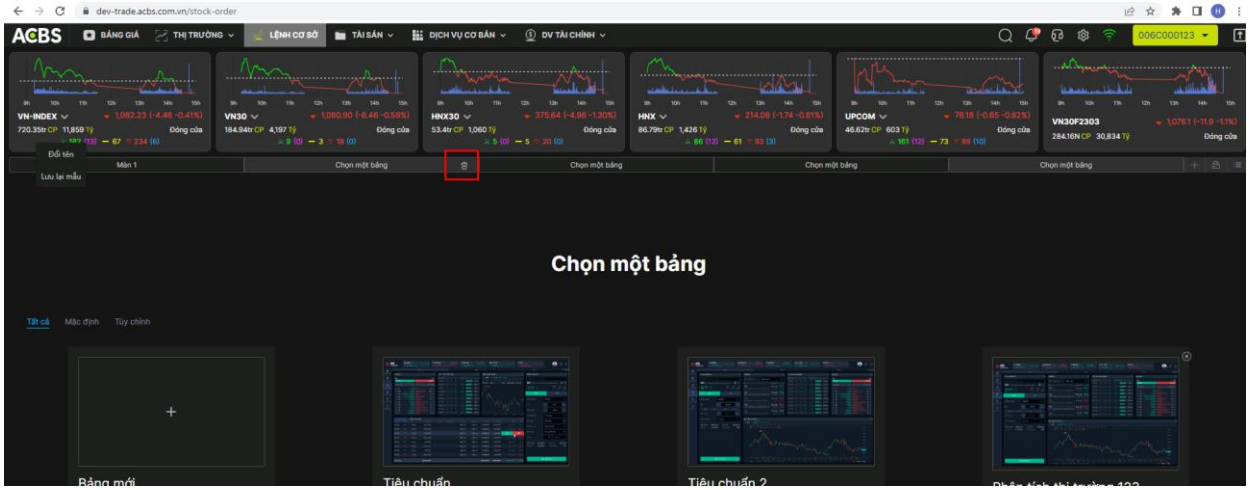

1.16.7. Chức năng tạo bảng bố cục mới

– Mục đích: Hiển thị bảng trống trơn, người dùng kéo thả để tự sắp xếp bố cục khối

– Hướng dẫn thực hiện:

– Nhấn vào biểu tượng dấu +

– Chọn bảng mới

– 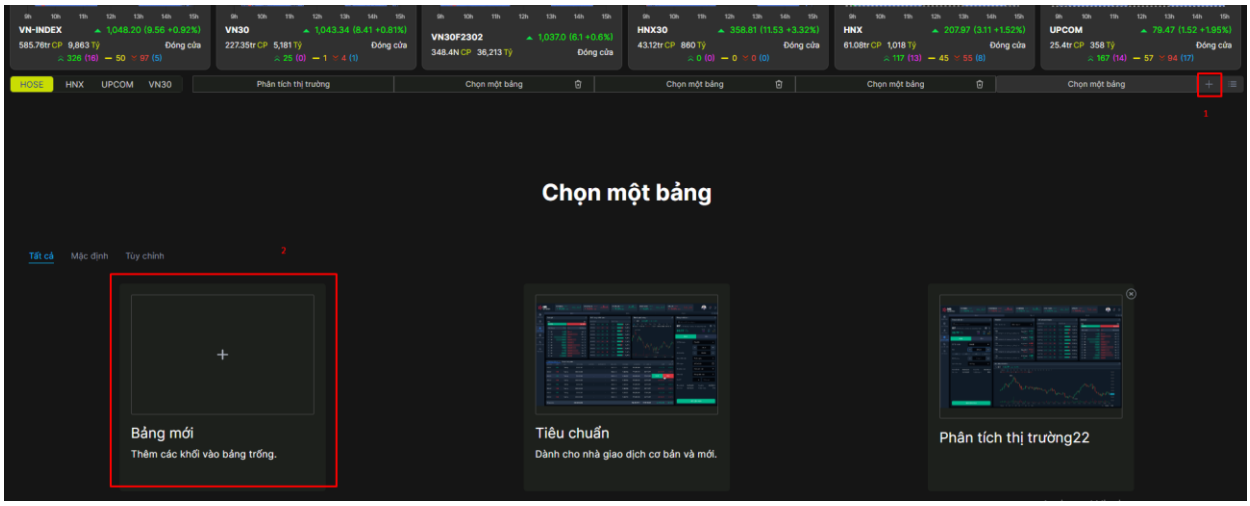

– Nhấn vào menu vào kéo thả các khối đến các vị trí muốn đặt

–

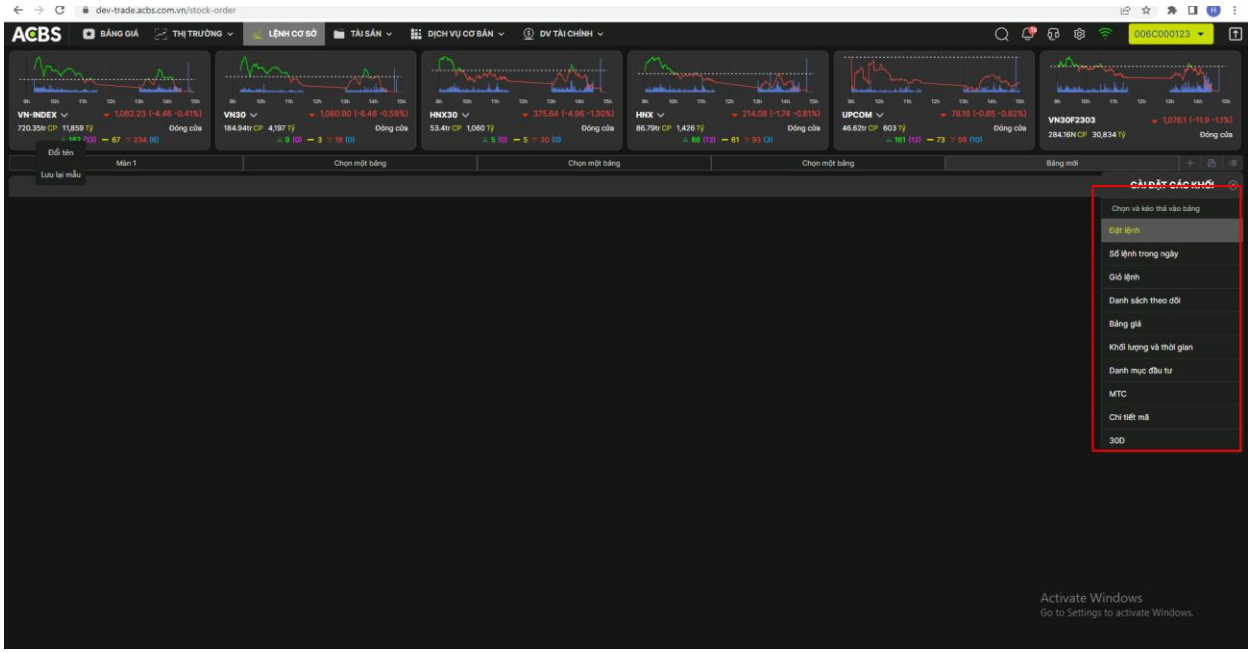

2. Lệnh phái sinh

2.1. Đặt lệnh phái sinh

- Đường dẫn: Web/ Lệnh phái sinh
- Mục đích: Nhập thông tin lệnh mua/bán chứng khoán để giao dịch
- Hướng dẫn thực hiện:

2.1.1. Lệnh thường

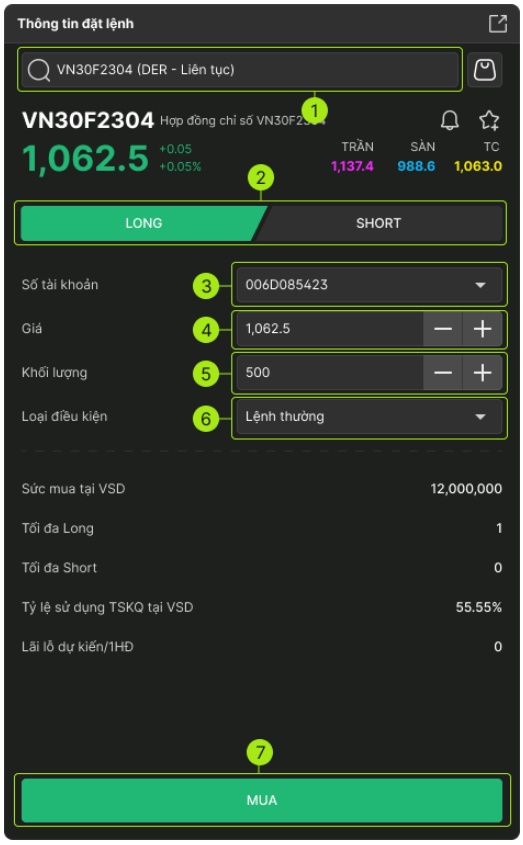

–

– Nhấn vào ô tìm kiếm để chọn mã chứng khoán. Ô tìm kiếm cho phép nhập và hiển thị danh sách mã chứng khoán gợi ý cho phép chọn

– Chọn mã chứng khoán:
  - Hiển thị tên mã chứng khoán (Sàn – Phiên)
  - Hiển thị giá hiện tại, giá trần, sàn, tham chiếu của mã chứng khoán

– Điền giá hiện tại của mã chứng khoán vào ô giá đặt

– Chọn loại lệnh Long/Short

– Chọn tài khoản: Hiển thị tiểu khoản mặc định của KH

– Nhập giá/Chọn giá
  - Cho phép nhập giá
  - Cho phép chọn các giá thị trường
  - Nhấn +/- giá sẽ đi từ giá sàn và tăng giảm theo đúng bước giá

– Nhập Khối lượng

    - Focus vào ô khối lượng -> Hiển thị các khối lượng gợi ý: +1, +2, +5, +10, +15, +20, +25, +50. Nhấn chọn các giá trị này hiển thị tại ô khối lượng được cộng dồn giá trị tương ứng
    - Nhấn +/- khối lượng đi từ 1 và tăng giảm 1 đơn vị
- Loại điều kiện
    - Hiển thị mặc định là: Lệnh thường
    - Nhấn vào mũi tên hiển thị danh sách loại lệnh cho phép thực hiện: Lệnh thường, Time, Up, Down, T-Up, T-Down, OCO, BullBear
- Nhấn nút Long/Short để đặt lệnh
- Ngoài ra, trên màn hình còn hiển thị các thông tin về tài sản và sức mua
    - Sức mua tại VSD: Hiển thị theo thông tin tài khoản
    - Tối đa Long: Hiển thị theo thông tin tài khoản
    - Tối đa Short: Hiển thị theo thông tin tài khoản
    - Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ tại VSD: Hiển thị theo thông tin tài khoản
    - Lãi lỗ dự kiến/1 HĐ: Chỉ tính trong trường hợp loại đặt lệnh khác vị thế hiện tại, nếu cùng loại lệnh đặt thì =0. Đối với vị thế mở sẽ luôn =0. Đối với vị thế đóng, tính theo:
        - Vị thế hiện tại là Long: Lãi lỗ / 1 HĐ = (giá đặt - giá trung bình) * hệ số nhân
        - Vị thế hiện tại là Short: Lãi lỗ / 1 HĐ = (giá đặt - giá trung bình) *(-1) * hệ số nhân
        - Hệ số nhân = 100.000 đối với chỉ số VN30, đối với TPCP thì hệ số nhân = 10.000
- Màn xác nhận lệnh

– 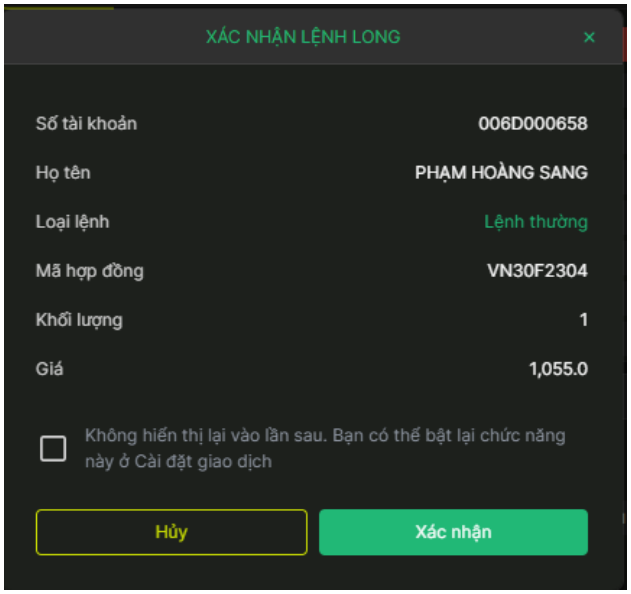

– Các thông tin hiển thị gồm:
  - Số tài khoản: Là số tài khoản thực hiện đặt lệnh
  - Họ tên: Họ tên chủ tài khoản đặt lệnh
  - Loại lệnh: Tên loại lệnh (Lệnh thường)
  - Mã hợp đồng
  - Khối lượng
  - Giá
  - Hộp kiểm: Tích chọn ô hộp kiểm và thực hiện đặt lệnh thành công Đặt lệnh tiếp theo sẽ không hiển thị màn xác nhận này nữa
– Nhấn nút Hủy: Đóng màn hình xác nhận
– Nhấn nút Xác nhận: Bật hộp thoại Xác thực OTP
– Nhập mã OTP và nhấn Xác nhận

–

2.1.2. Lệnh Time

–

– Tương tự lệnh thường

– Loại điều kiện = Time

– Giờ kích hoạt:

  - Nhấn vào thời gian giờ-phút-giây để sửa thời gian kích hoạt

- Nhấn vào biểu tượng đồng hồ: Hiển thị danh sách thời gian cho KH chọn

2.1.3. Lệnh Up/T-Up/Down/T-Down

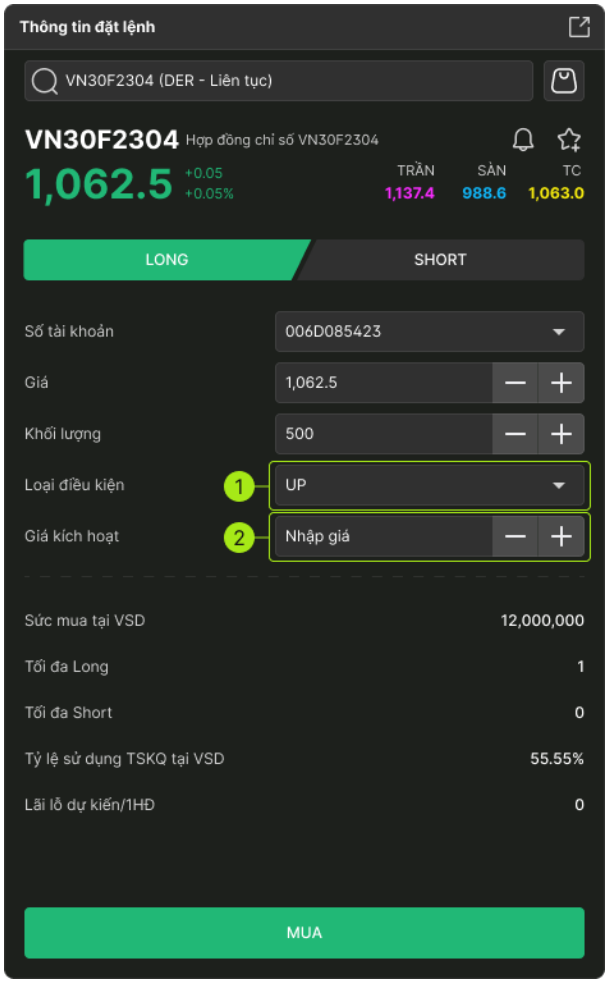

-
- Tương tự lệnh thường
- Loại điều kiện = Up/T-Up/Down/T-Down
- Giá kích hoạt:
  - Up/T-UP: Giá kích hoạt > Giá thị trường
  - Down/T-Down: Giá kích hoạt < Giá thị trường

2.1.4. Lệnh OCO

- Chốt lời theo giá kỳ vọng hoặc cắt lỗ tự động trong trường hợp giá diễn biến xấu. Là lệnh đóng vị thế với giá kỳ vọng kết hợp cùng lệnh cắt lỗ, lệnh OCO thường được sử dụng đi kèm với một vị thế đang mở

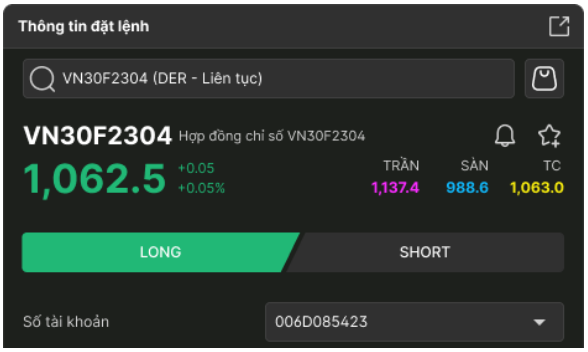

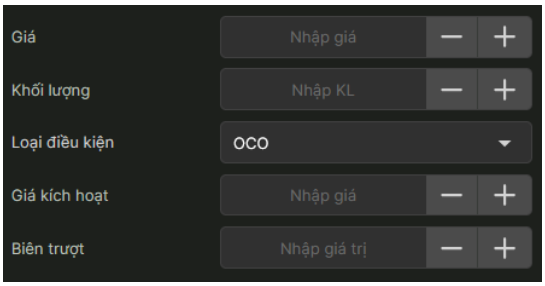

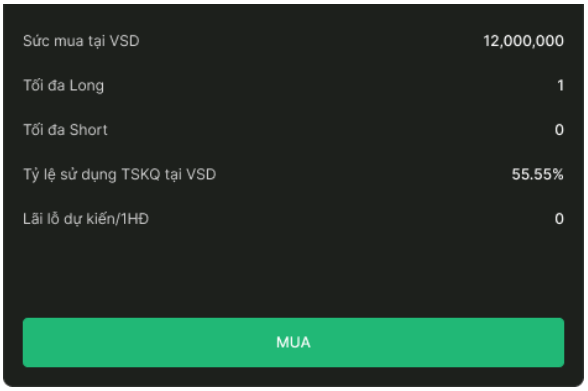

- Tương tự lệnh thường: lệnh OCO chỉ cho phép nhập giá LO
- Loại điều kiện = OCO
- Giá kích hoạt:
    - Đối với lệnh Long: Giá kích hoạt > Giá thị trường
    - Đối với lệnh Short: Giá kích hoạt < Giá thị trường
- Biên trượt:
    - Nhập giá trị: Cho phép người dùng nhập vào ký tự số và thập phân
    - Nhấn +/- tăng giảm theo bước giá 0.1

2.1.5. Lệnh BullBear

– 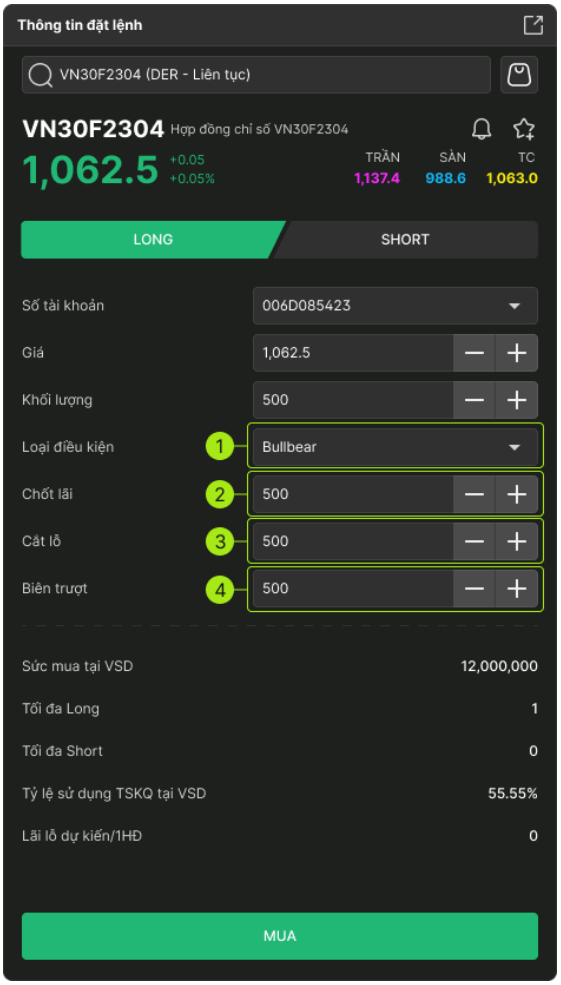

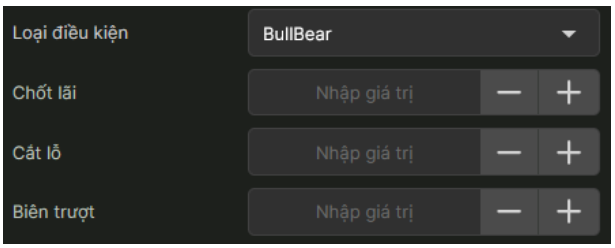

- Tương tự Lệnh thường: Lệnh BullBear chỉ cho phép nhập giá LO
- Loại điều kiện = BullBear
- Chốt lãi
    - Đối với lệnh Long: Giá đặt - Chốt lãi > Giá sàn
    - Đối với lệnh Short: Giá đặt + Chốt lãi < Giá trần
- Cắt lỗ
    - Đối với lệnh Long: Giá đặt - Cắt lỗ > Giá sàn
    - Đối với lệnh Short: Giá đặt + Cắt lỗ < Giá trần

– Biên trượt: tương tự OCO

2.2. Vị thế mở

– Đường dẫn: Web/ Lệnh phái sinh/ Vị thế đóng

– Mục đích: Màn hình xem danh sách các vị thế mở của NĐT

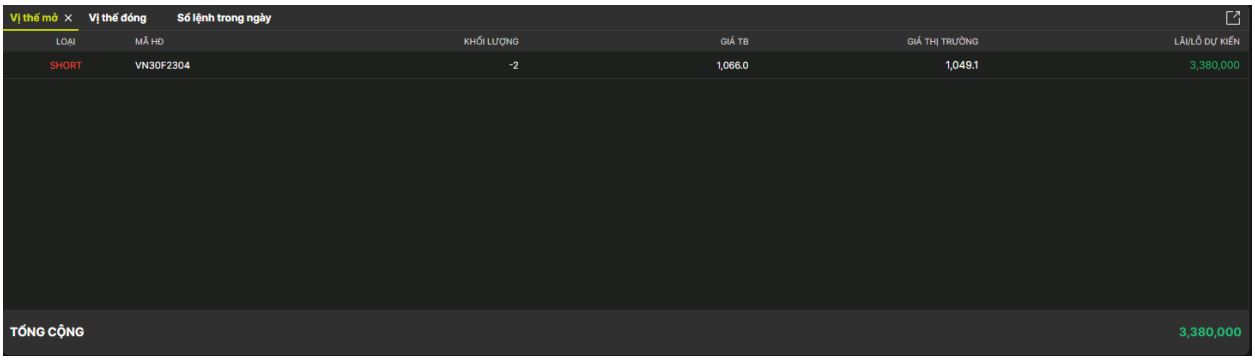

– Hiển thị các thông tin
  - Loại lệnh
  - Mã HĐ
  - Khối lượng
  - Giá TB
  - Giá thị trường
  - Lãi/Lỗ dự kiến
  - Tổng cộng

– Nút Đóng nhanh vị thế/Lệnh đối ứng
  - Nút Đóng nhanh vị thế: Mở màn Đặt lệnh điền giá và khối lượng, loại lệnh đối ứng
  - Nút Lệnh đối ứng: Mở màn Xác nhận lệnh điền giá và khối lượng, loại lệnh đối ứng

2.3. Vị thế đóng

– Đường dẫn: Web/ Lệnh phái sinh/ Vị thế mở

– Mục đích: Màn hình xem danh sách các vị thế mở của KH

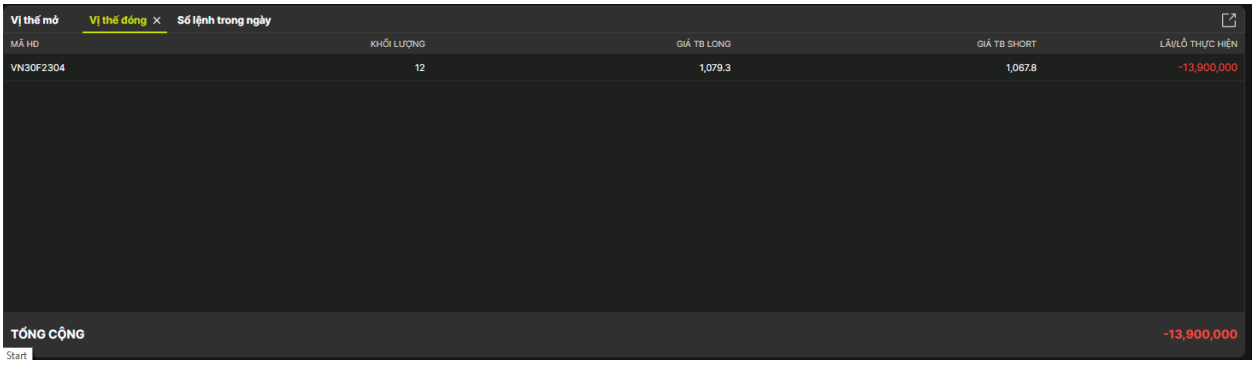

– Hiển thị các thông tin
  - Mã hợp đồng
  - Khối lượng
  - Giá trung bình Long
  - Giá trung bình Short
  - Lãi/Lỗ thực hiện
  - Tổng cộng

2.4. Sổ lệnh

– Mục đích: Hiển thị thông tin sổ lệnh trong ngày của KH

– 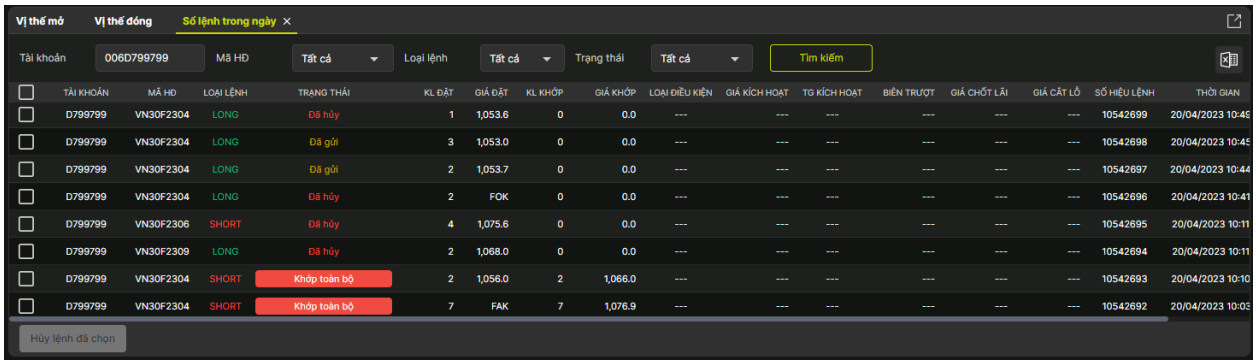

– Các bộ lọc:
  - Tài khoản: là tài khoản phái sinh
  - Mã HĐ: Hiển thị danh sách mã có trong sổ lệnh. Chọn phép tìm kiếm và tích chọn 1 hoặc nhiều mã. Mặc định là tìm kiếm tất cả
  - Loại lệnh : Gồm tất cả, Long, Short. Mặc định là tất cả
  - Trạng thái: cho phép lọc và tìm kiếm theo loại trạng thái

– Thông tin hiển thị:
  - Check box: Chọn lệnh để hủy
  - Tài khoản

- Mã HĐ
- Loại lệnh
- Trạng thái: update real time
- KL đặt: update real time khi sửa lệnh thành công
- Giá đặt: update real time khi sửa lệnh thành công
- KL khớp: update real time
- Giá khớp: update real time
- Loại điều kiện
- Giá kích hoạt
- TG kích hoạt
- Biên trượt
- Giá chốt lãi
- Giá cắt lỗ
- Số hiệu lệnh
- Thời gian
- Kênh

– Nút và biểu tượng chức năng:

– Biểu tượng xuất tệp excel: Nhấn vào biểu tượng -> Tự động xuất tệp excel sổ lệnh về máy

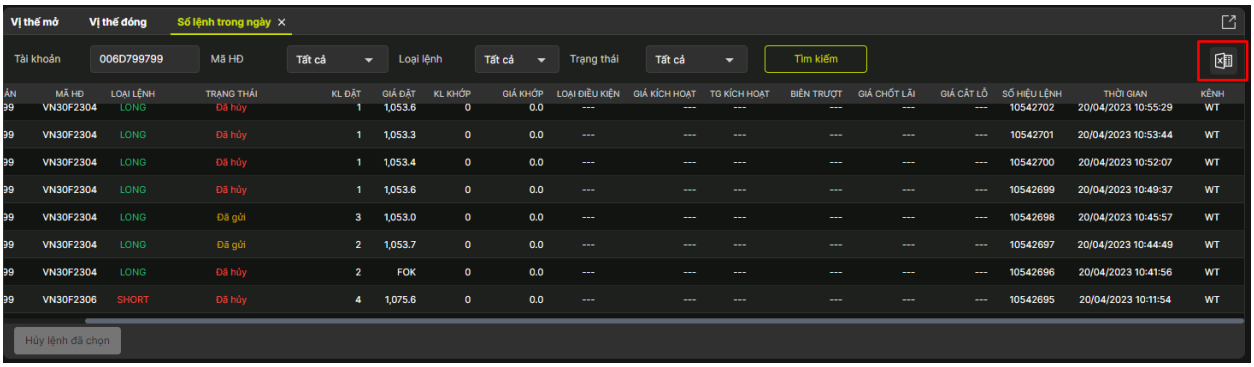

MÃ HĐ	LOẠI LỆNH	TRẠNG THÁI	KL ĐẶT	GIÁ ĐẶT	KL KHỚP	GIÁ KHỚP	LOẠI ĐIỀU KIỆN	GIÁ KÍCH HOẠT	TG KÍCH HOẠT	BIÊN TRƯỢT	GIÁ CHỐT LÃI	GIÁ CẮT LỖ	SỐ HIỆU LỆNH	THỜI GIAN	KÊNH
VN30F2304	LONG	Đã hủy	1	1,053.6	0	0.0	---	---	---	---	---	---	10542702	20/04/2023 10:55:29	WT
VN30F2304	LONG	Đã hủy	1	1,053.3	0	0.0	---	---	---	---	---	---	10542701	20/04/2023 10:53:44	WT
VN30F2304	LONG	Đã hủy	1	1,053.4	0	0.0	---	---	---	---	---	---	10542700	20/04/2023 10:52:07	WT
VN30F2304	LONG	Đã hủy	1	1,053.6	0	0.0	---	---	---	---	---	---	10542699	20/04/2023 10:49:37	WT
VN30F2304	LONG	Đã gửi	3	1,053.0	0	0.0	---	---	---	---	---	---	10542698	20/04/2023 10:45:57	WT
VN30F2304	LONG	Đã gửi	2	1,053.7	0	0.0	---	---	---	---	---	---	10542697	20/04/2023 10:44:49	WT
VN30F2304	LONG	Đã hủy	2	FOK	0	0.0	---	---	---	---	---	---	10542696	20/04/2023 10:41:56	WT
VN30F2306	SHORT	Đã hủy	4	1,075.6	0	0.0	---	---	---	---	---	---	10542695	20/04/2023 10:11:54	WT

–

– Chi tiết lệnh: Nhấn vào dòng bản ghi sẽ mở hộp thoại Chi tiết lệnh

– Màn thực hiện gồm các thông tin: Thao tác, Khối Lượng, Giá, Trạng thái, Thời gian, Loại điều kiện, Giá kích hoạt, Thời gian kích hoạt, Biên trượt, Giá chốt lãi, Giá cắt lỗ, Người thực hiện

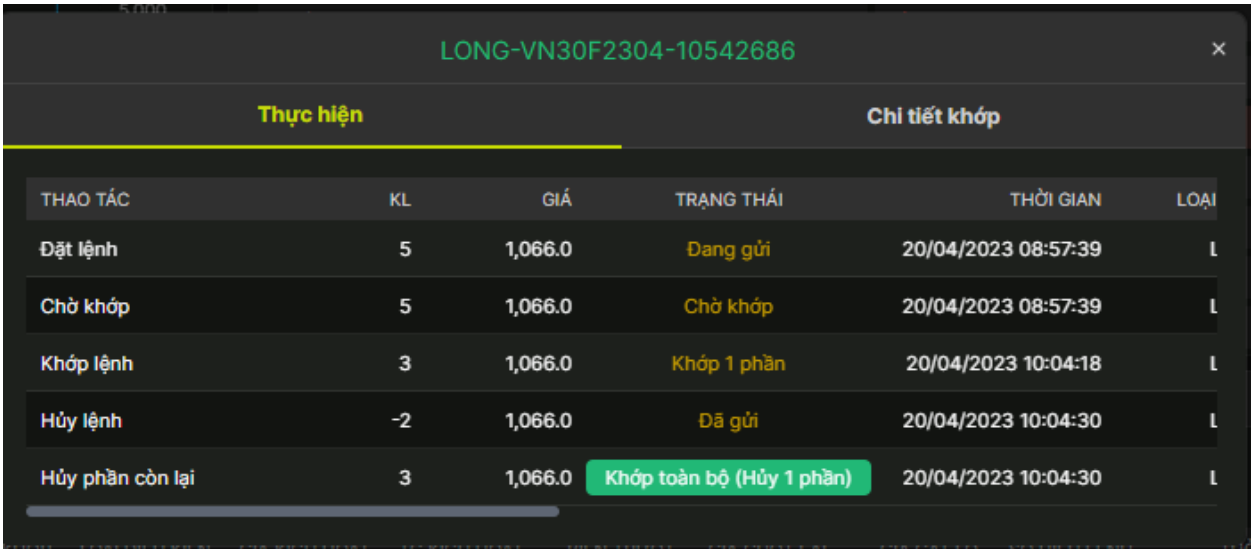

THAO TÁC	KL	GIÁ	TRẠNG THÁI	THỜI GIAN	LOẠI
Đặt lệnh	5	1,066.0	Đang gửi	20/04/2023 08:57:39	L
Chờ khớp	5	1,066.0	Chờ khớp	20/04/2023 08:57:39	L
Khớp lệnh	3	1,066.0	Khớp 1 phần	20/04/2023 10:04:18	L
Hủy lệnh	-2	1,066.0	Đã gửi	20/04/2023 10:04:30	L
Hủy phần còn lại	3	1,066.0	Khớp toàn bộ (Hủy 1 phần)	20/04/2023 10:04:30	L

– Màn chi tiết khớp: Khối lượng khớp, Giá khớp, Thời gian

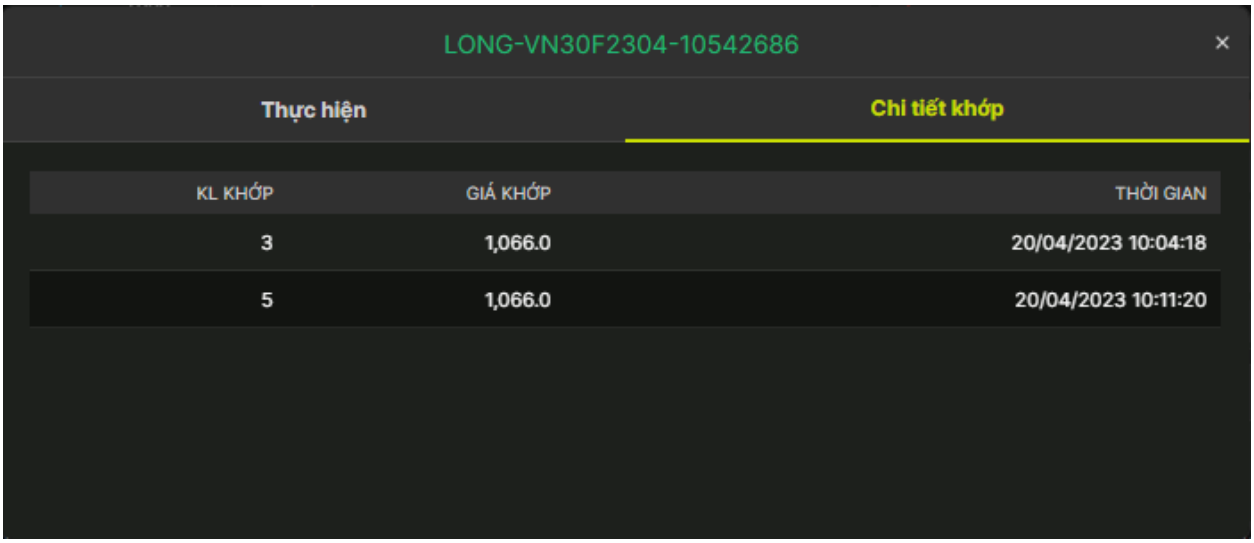

KL KHỚP	GIÁ KHỚP	THỜI GIAN
3	1,066.0	20/04/2023 10:04:18
5	1,066.0	20/04/2023 10:11:20

2.4.1. Sửa lệnh

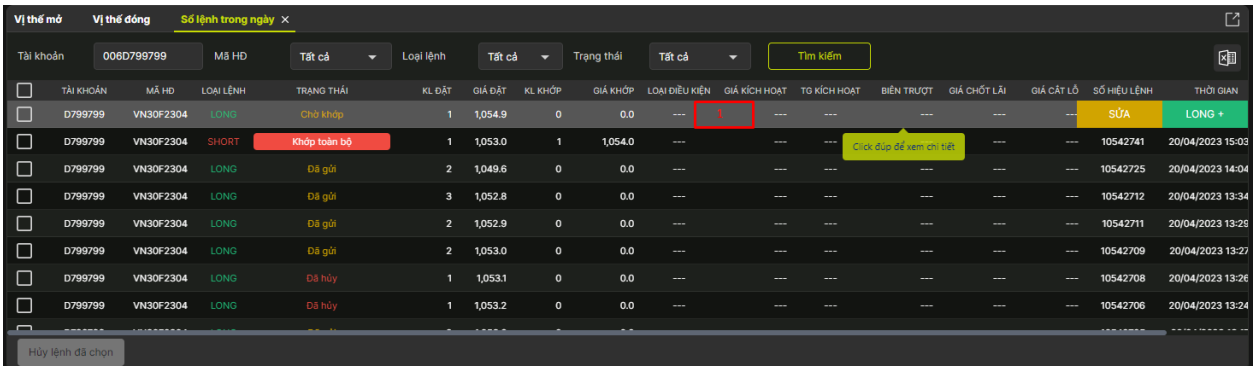

TÀI KHOẢN	MÃ HĐ	LOẠI LỆNH	TRẠNG THÁI	KL ĐẶT	GIÁ ĐẶT	KL KHỚP	GIÁ KHỚP	LOẠI ĐIỀU KIỆN	GIÁ KÍCH HOẠT	TG KÍCH HOẠT	BIÊN TRƯỢT	GIÁ CHỐT LÃI	GIÁ CẮT LỖ	SỐ HIỆU LỆNH	THỜI GIAN
D799799	VN30F2304	LONG	Chờ khớp	1	1,054.9	0	0.0	---	1	---	---	---	---	SỬA	LONG +
D799799	VN30F2304	SHORT	Khớp toàn bộ	1	1,053.0	1	1,054.0	---	---	---	---	---	---	10542741	20/04/2023 15:03
D799799	VN30F2304	LONG	Đã gửi	2	1,049.6	0	0.0	---	---	---	---	---	---	10542725	20/04/2023 14:04
D799799	VN30F2304	LONG	Đã gửi	3	1,052.8	0	0.0	---	---	---	---	---	---	10542712	20/04/2023 13:34
D799799	VN30F2304	LONG	Đã gửi	2	1,052.9	0	0.0	---	---	---	---	---	---	10542711	20/04/2023 13:29
D799799	VN30F2304	LONG	Đã gửi	2	1,053.0	0	0.0	---	---	---	---	---	---	10542709	20/04/2023 13:27
D799799	VN30F2304	LONG	Đã hủy	1	1,053.1	0	0.0	---	---	---	---	---	---	10542708	20/04/2023 13:26
D799799	VN30F2304	LONG	Đã hủy	1	1,053.2	0	0.0	---	---	---	---	---	---	10542706	20/04/2023 13:24

– Rê chuột vào lệnh muốn sửa

– Với các lệnh trạng thái Khớp toàn bộ, Đã hủy, Đã gửi,...không hiển thị nút Sửa

– Với các lệnh hợp lệ cho phép sửa lệnh ⍰ Hiển thị nút Sửa

- Hiển thị Long +/ Short + tương ứng với loại lệnh Long/Short
- Nhấn Sửa Mở form Sửa lệnh Long/Short
- Nhập giá và khối lượng muốn sửa
-

- Thao tác sửa giá và KL
- Nếu Giá, KL không hợp lệ sẽ hiển thị thông báo
- Nhấn Xác nhận hoặc Hủy
- Nhấn Xác nhận: Thông báo thành công/Thông báo lỗi như: Lệnh không hợp lệ,...
- Nhấn Hủy: Đóng hộp thoại

2.4.2 Hủy lệnh

- 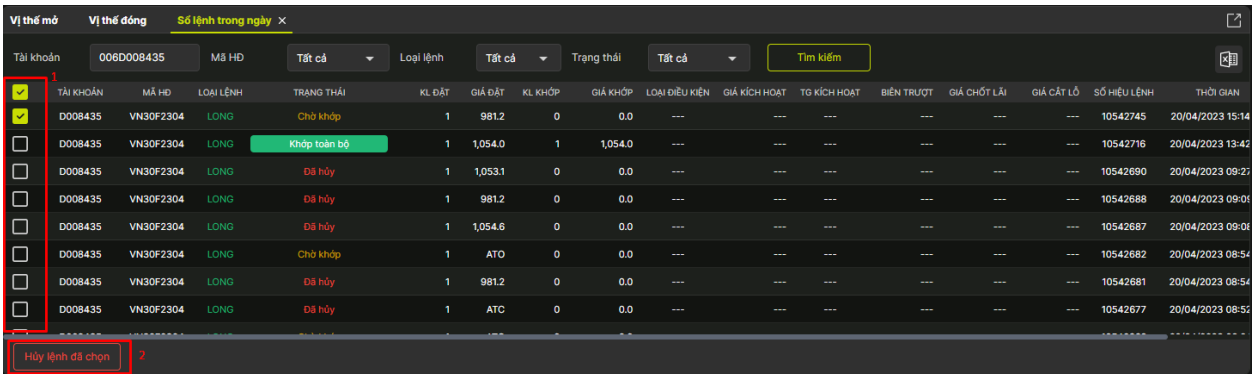

- Nhấn chọn các lệnh muốn hủy
- Có thể chọn 1 hoặc nhiều hoặc tất cả lệnh
- Lệnh có trạng thái Khớp toàn bộ/Đã hủy,...không cho tích chọn
- Nhấn nút Hủy lệnh đã chọn Hiển thị hộp thoại Xác nhận

– 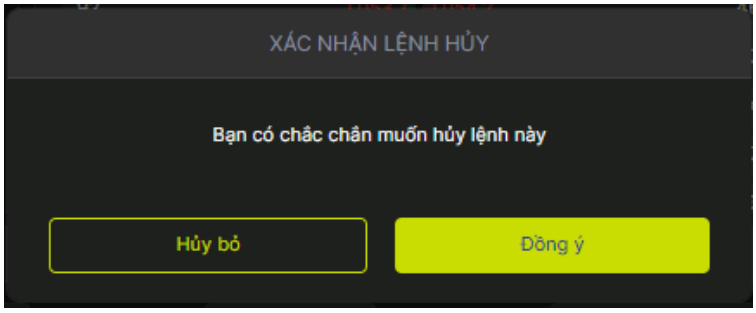

– Nhấn Hủy Đóng hộp thoại Xác nhận

– Nhấn Đồng ý Thông báo thành công/thất bại

2.5. Bảng giá

– Mục đích: Hiển thị 10 mức giá mua và bán tốt nhất của mã để người dùng dễ dàng đặt lệnh

– 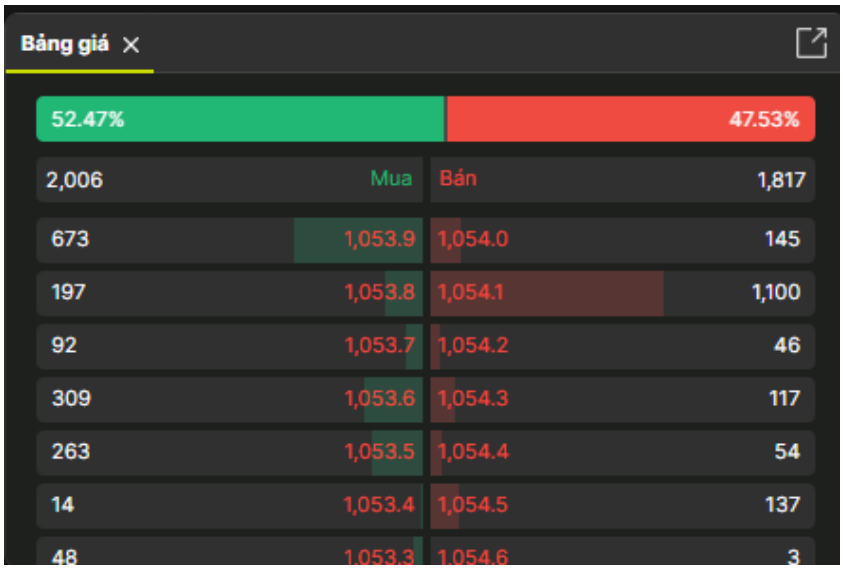

2.6. Biểu đồ MTC

– Mục đích: Hiển thị biến động về giá và KL của mã HĐ trong ngày

– 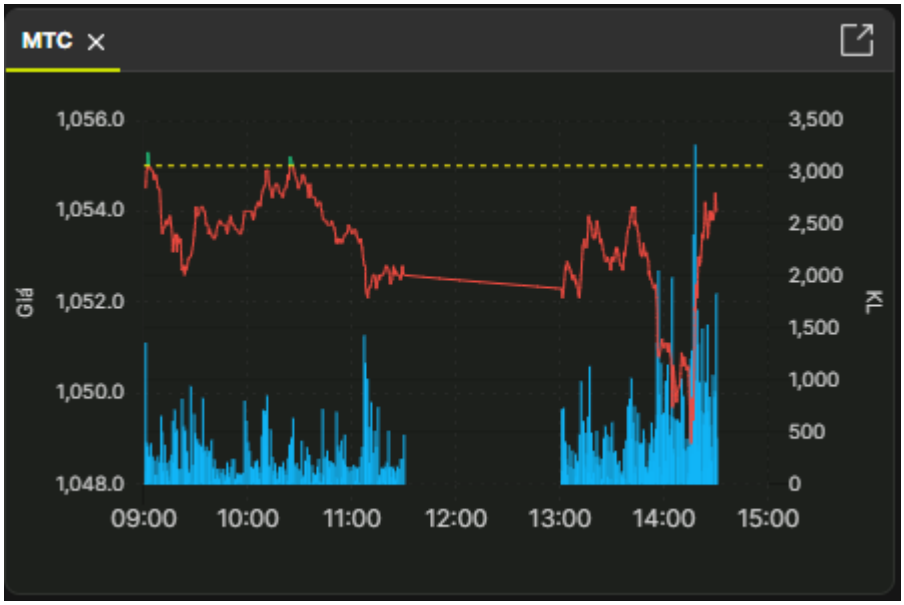

2.7. Khối lượng và thời gian

– Mục đích: Hiển thị lịch sử khớp lệnh mua bán so với thời điểm hiện tại, biểu đồ phân tích KL giao dịch mua bán ở từng bước giá ở các thời điểm hiện tại, 1 ngày trước và 5 ngày trước

–

2.8. Danh mục phái sinh

– Mục đích: Hiển thị danh sách mã phái sinh giúp người dùng theo dõi biến động giá

–

Vị thế mở | Vị thế đóng | Sổ lệnh trong ngày | Danh mục Phái sinh

MÃ CK	GIÁ TT	KHỐI LƯỢNG	THAY ĐỔI	% THAY ĐỔI	TỔNG KL	TỔNG GT
VN30F2304	1,053.9	4	-1.10	-0.10 %	149,234	15,712.02
VN30F2305	1,047.0	1	-5.50	-0.50 %	30,729	3,225.98
VN30F2306	1,044.1	1	-5.70	-0.50 %	121	12.67
VN30F2309	1,040.5	1	-5.50	-0.50 %	38	3.97

V. QUẢN LÝ TÀI KHOẢN

1. Báo cáo tài sản cơ sở

– Đường dẫn: Tài sản/ Báo cáo tài sản

– Mục đích: Tổng hợp và liệt kê tài sản bao gồm: Thông tin tài sản cơ sở; Tiền, Thông tin tài khoản Dịch vụ tài chính (DVTC), Danh mục đầu tư; Tiền bán chờ về, Thông tin quyền, Phân bổ danh mục

– Các bước thao tác và giải thích:

1.1. Thông tin tài sản cơ sở

– 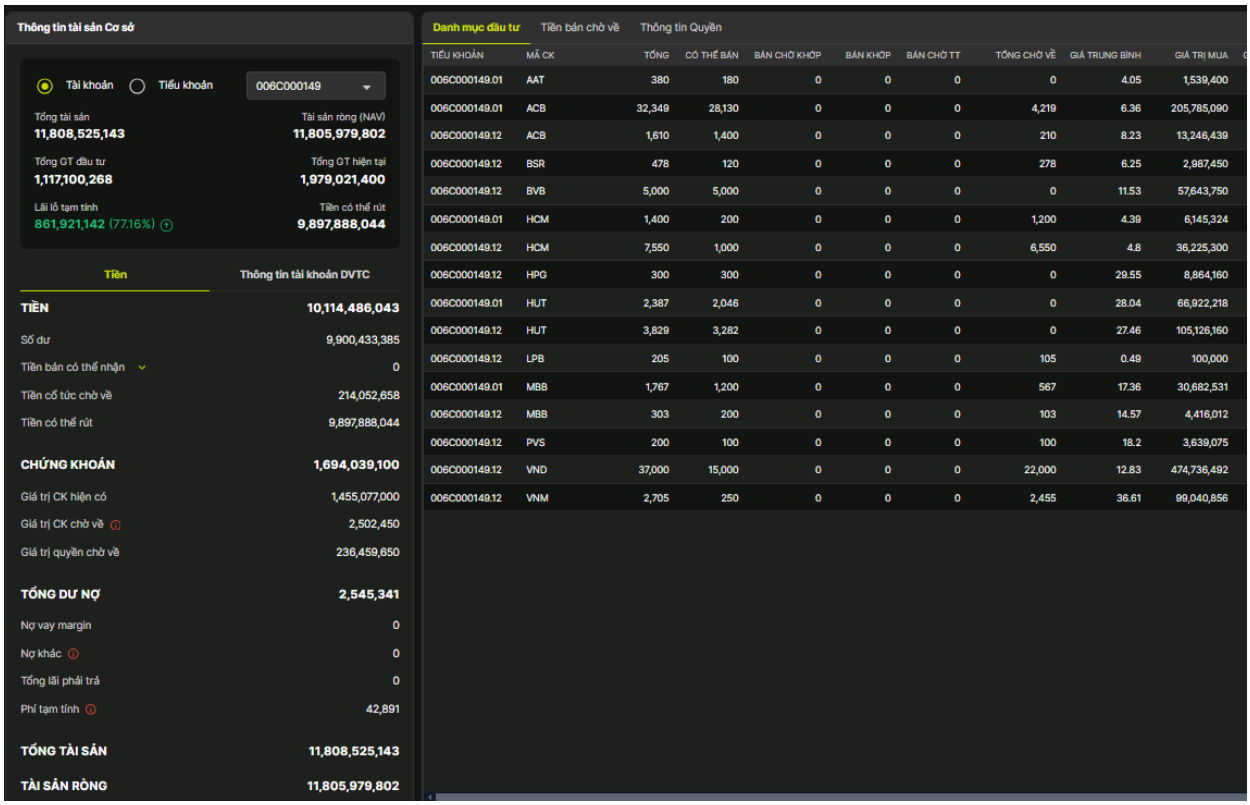

Thông tin tài sản Cơ sở

Tài khoản | Tiểu khoản | 006C000149

Tổng tài sản: 11,808,525,143
Tài sản ròng (NAV): 11,805,979,802
Tổng GT đầu tư: 1,117,100,268
Tổng GT hiện tại: 1,979,021,400
Lãi lỗ tạm tính: 861,921,142 (77.16%)
Tiền có thể rút: 9,897,888,044

Tiền | Thông tin tài khoản DVTC

TIỀN	**10,114,486,043**
Số dư	9,900,433,385
Tiền bán có thể nhận	0
Tiền cổ tức chờ về	214,052,658
Tiền có thể rút	9,897,888,044
CHỨNG KHOÁN	**1,694,039,100**
Giá trị CK hiện có	1,455,077,000
Giá trị CK chờ về	2,502,450
Giá trị quyền chờ về	236,459,650
TỔNG DƯ NỢ	**2,545,341**
Nợ vay margin	0
Nợ khác	0
Tổng lãi phải trả	0
Phí tạm tính	42,891
TỔNG TÀI SẢN	**11,808,525,143**
TÀI SẢN RÒNG	**11,805,979,802**

Danh mục đầu tư | Tiền bán chờ về | Thông tin Quyền

TIỂU KHOẢN	MÃ CK	TỔNG	CÓ THỂ BÁN	BÁN CHỜ KHỚP	BÁN KHỚP	BÁN CHỜ TT	TỔNG CHỜ VỀ	GIÁ TRUNG BÌNH	GIÁ TRỊ MUA
006C000149.01	AAT	380	180	0	0	0	0	4.05	1,539,400
006C000149.01	ACB	32,349	28,130	0	0	0	4,219	6.36	205,785,090
006C000149.12	ACB	1,610	1,400	0	0	0	210	8.23	13,246,439
006C000149.12	BSR	478	120	0	0	0	278	6.25	2,987,450
006C000149.12	BVB	5,000	5,000	0	0	0	0	11.53	57,643,750
006C000149.01	HCM	1,400	200	0	0	0	1,200	4.39	6,145,324
006C000149.12	HCM	7,550	1,000	0	0	0	6,550	4.8	36,225,300
006C000149.12	HPG	300	300	0	0	0	0	29.55	8,864,160
006C000149.01	HUT	2,387	2,046	0	0	0	0	28.04	66,922,218
006C000149.12	HUT	3,829	3,282	0	0	0	0	27.46	105,126,160
006C000149.12	LPB	205	100	0	0	0	105	0.49	100,000
006C000149.01	MBB	1,767	1,200	0	0	0	567	17.36	30,682,531
006C000149.12	MBB	303	200	0	0	0	103	14.57	4,416,012
006C000149.12	PVS	200	100	0	0	0	100	18.2	3,639,075
006C000149.12	VND	37,000	15,000	0	0	0	22,000	12.83	474,736,492
006C000149.12	VNM	2,705	250	0	0	0	2,455	36.61	99,040,856

- Thông tin hiển thị gồm:
    - Tổng tài sản,
    - Tổng GT đầu tư
    - Lãi lỗ tạm tính
    - Tài sản ròng (NAV)
    - Tổng GT hiện tại
    - Tiền có thể rút
- Tiền
    - TIỀN = Tổng số dư + Tiền bán chờ về + tiền cổ tức chờ về
    - Số dư
    - Tiền bán có thể nhận = Tiền bán chờ về (T0, T1, T2, Tiền đã ứng trước)
    - Tiền cổ tức chờ về
    - Tiền có thể rút
- CHỨNG KHOÁN = Giá trị CK hiện có + Giá trị CK chờ về + Giá trị quyền chờ về
    - Giá trị CK hiện có
    - Giá trị CK chờ về (bao gồm giá trị CK mua chờ về T2,T1 và mua trong ngày đã khớp + chờ khớp)
    - Giá trị quyền chờ về
- TỔNG DƯ NỢ
    - Nợ vay margin
    - Nợ khác (bao gồm các loại nợ chậm thanh toán: Nợ phí lưu ký, nợ phí lưu ký, nợ phí SMS, nợ phí giao dịch Phái sinh)
    - Tổng lãi phải trả
    - Phí tạm tính (bao gồm phí lưu ký tạm tính trong kỳ, phí sms tạm tính trong kỳ)
- TỔNG TÀI SẢN
- TÀI SẢN RÒNG
- Thông tin tài khoản DVTC
    - Hạn mức tài khoản
    - Hạn mức còn lại

- Hạn mức bảo lãnh đã cấp
- Tổng tiền mua trong ngày
- Tiền thiếu
- Cần giải ngân
- Bảo lãnh cần nộp
- TL ký quỹ duy trì
- TL ký quỹ xử lý

– CHỨNG KHOÁN ĐỊNH GIÁ
  - Giá trị CK hiện có
  - Giá trị CK chờ về

– TỔNG TÀI SẢN ĐỊNH GIÁ

– TỔNG TÀI SẢN RÒNG ĐỊNH GIÁ
  - Tỷ lệ hiện tại
  - Trạng thái tài khoản
  - Tiền mặt cần bổ sung
  - Giá trị CK cần bổ sung
  - Giá trị CK cần bán

1.2. Danh mục đầu tư

Danh mục đầu tư | Tiền bán chờ về | Thông tin Quyền

TIỂU KHOẢN	MÃ CK	TỔNG	CÓ THỂ BÁN	BÁN CHỜ KHỚP	BÁN KHỚP	BÁN CHỜ TT	TỔNG CHỜ VỀ	GIÁ TRUNG BÌNH	GIÁ TRỊ MUA	GIÁ THỊ TRƯỜNG	GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG	TỈ TRỌNG %	LÃI/LỖ DỰ KIẾN	% LÃI/LỖ	CHỜ VỀ T+0	CHỜ VỀ T+1	CHỜ VỀ T+2	QUYỀN CHỜ VỀ	HẠN CHẾ CN	PH
006C000149.01	AAT	380	180	0	0	0	0	4.05	1,539,400	3.35	1,273,000	0.1%	-266,400	-17.31%	0	0	0	0	0	
006C000149.01	ACB	32,349	28,130	0	0	0	4,219	6.36	205,785,090	13.40	433,476,600	21.9%	227,691,510	110.65%	0	0	0	4,219	0	
006C000149.12	ACB	1,610	1,400	0	0	0	210	8.23	13,246,439	13.40	21,574,000	1.1%	8,327,561	62.87%	0	0	0	210	0	
006C000149.12	BSR	478	120	0	0	0	278	6.25	2,987,450	26.10	12,475,800	0.6%	9,488,350	317.61%	0	0	0	278	0	
006C000149.12	BVB	5,000	5,000	0	0	0	0	11.53	57,643,750	11.50	57,500,000	2.9%	-143,750	-0.25%	0	0	0	0	0	
006C000149.01	HCM	1,400	200	0	0	0	1,200	4.39	6,145,324	28.30	39,620,000	2.0%	33,474,676	544.72%	0	0	0	1,200	0	
006C000149.12	HCM	7,550	1,000	0	0	0	6,550	4.8	36,225,300	28.30	213,665,000	10.8%	177,439,700	489.82%	0	0	0	6,550	0	
006C000149.12	HPG	300	300	0	0	0	0	29.55	8,864,160	26.45	7,935,000	0.4%	-929,160	-10.48%	0	0	0	0	0	
006C000149.01	HUT	2,387	2,046	0	0	0	0	28.04	66,922,218	66.00	157,542,000	8.0%	90,619,782	135.41%	0	0	0	0	0	
006C000149.12	HUT	3,829	3,282	0	0	0	0	27.46	105,128,160	66.00	252,714,000	12.8%	147,587,840	140.39%	0	0	0	0	0	
006C000149.12	LPB	205	100	0	0	0	105	0.49	100,000	32.10	6,580,500	0.3%	6,480,500	6,480.50%	0	0	0	105	0	
006C000149.01	MBB	1,767	1,200	0	0	0	567	17.36	30,682,531	24.65	43,556,550	2.2%	12,874,019	41.96%	0	0	0	567	0	
006C000149.12	MBB	303	200	0	0	0	103	14.57	4,416,012	24.65	7,468,950	0.4%	3,052,938	69.13%	0	0	0	103	0	
006C000149.12	PVS	200	100	0	0	0	100	18.2	3,639,075	53.00	10,600,000	0.5%	6,960,925	191.28%	0	0	0	100	0	
006C000149.12	VND	37,000	15,000	0	0	0	22,000	12.83	474,736,492	14.30	529,100,000	26.7%	54,363,508	11.45%	0	0	0	22,000	0	
006C000149.12	VNM	2,705	250	0	0	0	2,455	36.61	99,040,856	68.00	183,940,000	9.3%	84,899,144	85.72%	0	0	0	2,455	0	

– Danh mục đầu tư là tập hợp các tài sản do NĐT nắm giữ, có thể bao gồm Cổ phiếu, trái phiếu, ETF gồm các thông tin:
  - Tiểu khoản
  - Mã CK
  - Tổng
  - Có thể bán

    - Bán chờ khớp
    - Bán khớp
    - Bán chờ TT
    - Tổng chờ về
    - Giá trung bình
    - Giá trị mua
    - Giá thị trường
    - Giá trị thị trường
    - Tỷ trọng %
    - Lãi/lỗ dự kiến
    - % Lãi lỗ
    - Chờ về T+0
    - Chờ về T+1
    - Chờ về T+2
    - Quyền chờ về
    - Hạn chế CN
    - Phong tỏa
    - Cầm cố
    - Glá TC
    - GT chứng khoán
    - Sàn
    - Tổng (Giá trị mua, Giá trị thị trường, Lãi lỗ dự kiến, % Lãi /lỗ)
- Tiền bán chờ về
    - Tiểu khoản
    - Ngày về
    - Tổng tiền bán
    - Phí bán
    - Thuế
    - Đã ứng trước
    - Có thể nhận
- Thông tin quyền

- Tiểu khoản
- Mã CK
- Loại thực hiện quyền
- Ngày chốt
- Ngày TTDK
- Ngày TT
- Tỷ lệ
- CK sở hữu
- Tiền được nhận
- CK được nhận
- Quyền có thể chuyển
- Ngày chuyển GD
- Trạng thái

– Button Xuất excel: tải 1 file excel gồm các thông tin danh mục đầu tư hoặc tiền bán chờ về hoặc thông tin quyền về máy

– Biểu tượng Tải lại: Load lại thông tin

Đặt lệnh mua/ bán từ màn thông tin Danh mục đầu tư:

– Focus vào dòng thông tin chứng khoán -> Hiển thị nút Mua/Bán

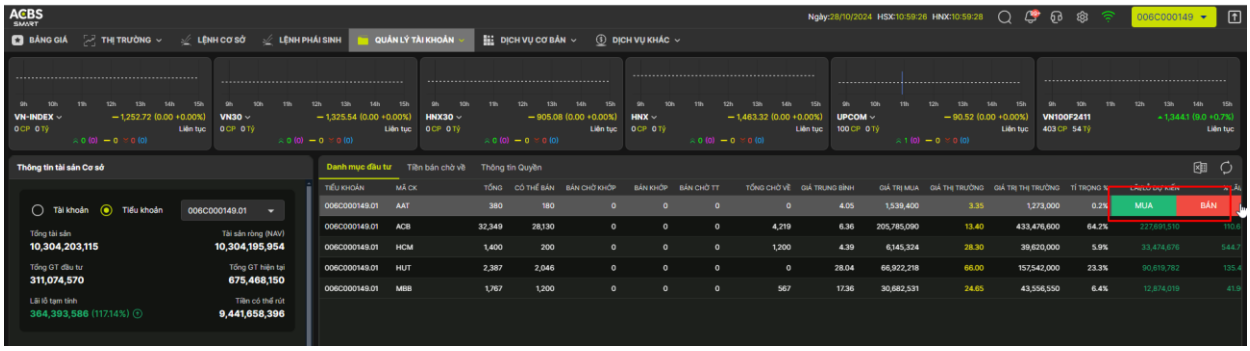

– Nhấn chọn nút Mua/ Bán -> Bật hộp thoại đặt lệnh và điền thông tin mã chứng khoán vào

– 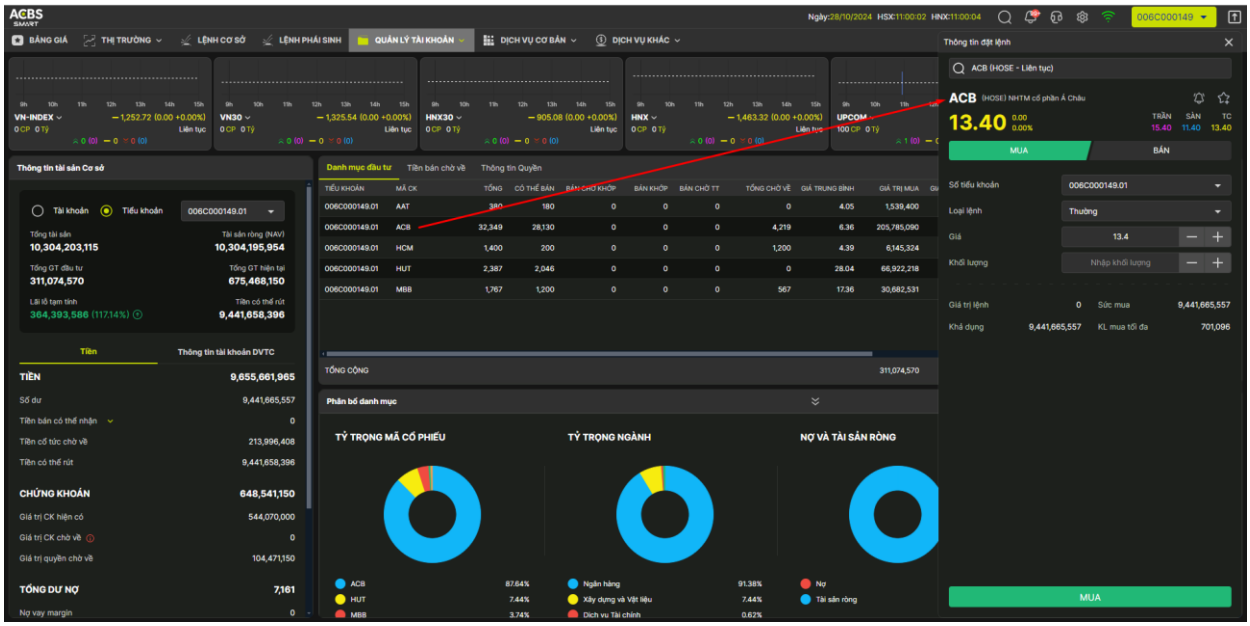

1.3. Phân bổ danh mục

– 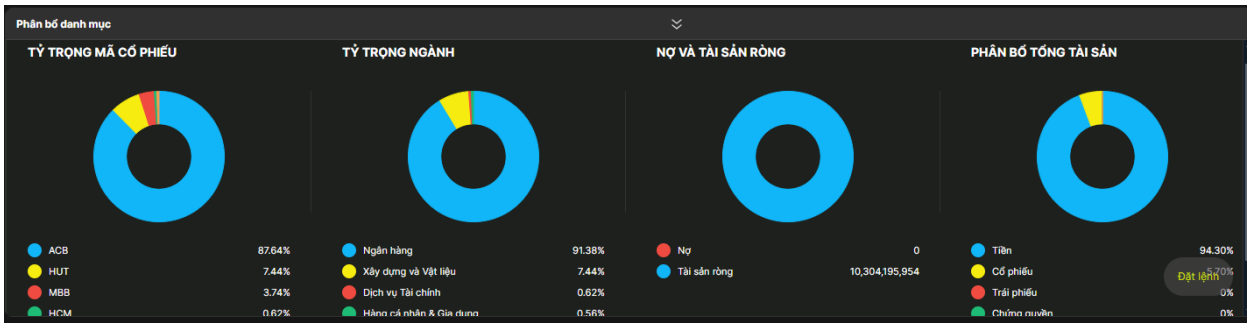

– Hiển thị 4 đồ thị:
  - Đồ thị tỷ trọng mã Cổ phiếu: Biểu diễn tỷ lệ của từng mã chứng khoán mà khách hàng sở hữu
  - Đồ thị tỷ trọng ngành: Biểu diễn tỷ lệ của ngành đang đầu tư
  - Đồ thị nợ và tài sản ròng: Biểu diễn tỷ lệ của Tài sản ròng và Nợ
  - Đồ thị Phân bổ Tổng Tài sản: Biểu diễn tỷ lệ của Tiền, Cổ phiếu, Trái phiếu, Chứng quyền, Phái sinh
  - Khi rê chuột vào đồ thị > Hiển thị chú thích Khối lượng CK, Giá trị CK hoặc tiền và tỷ lệ % tương ứng

2. Báo cáo tài sản phái sinh

– Đường dẫn: Quản lý tài khoản/ Báo cáo tài sản phái sinh

– Mục đích: Tổng hợp thông tin tài sản: Tổng quan, thông tin tài khoản tiền, đánh giá tài sản

– 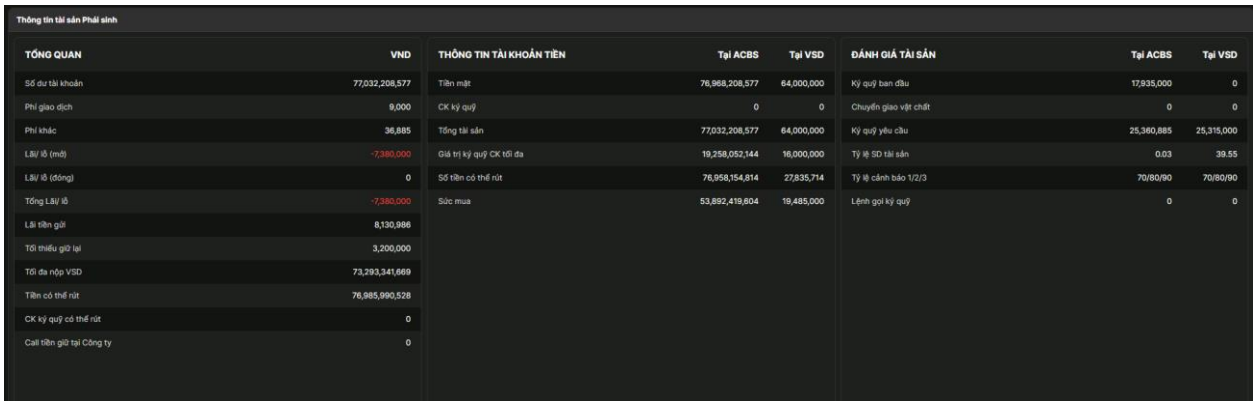

Thông tin tài sản Phái sinh

TỔNG QUAN	VND
Số dư tài khoản	77,032,208,577
Phí giao dịch	9,000
Phí khác	36,885
Lãi/ lỗ (mở)	-7,380,000
Lãi/ lỗ (đóng)	0
Tổng Lãi/ lỗ	-7,380,000
Lãi tiền gửi	8,130,986
Tối thiểu giữ lại	3,200,000
Tối đa nộp VSD	73,293,341,669
Tiền có thể rút	76,985,990,528
CK ký quỹ có thể rút	0
Call tiền giữ tại Công ty	0

THÔNG TIN TÀI KHOẢN TIỀN	Tại ACBS	Tại VSD
Tiền mặt	76,968,208,577	64,000,000
CK ký quỹ	0	0
Tổng tài sản	77,032,208,577	64,000,000
Giá trị ký quỹ CK tối đa	19,258,052,144	16,000,000
Số tiền có thể rút	76,958,154,814	27,835,714
Sức mua	53,892,419,604	19,485,000

ĐÁNH GIÁ TÀI SẢN	Tại ACBS	Tại VSD
Ký quỹ ban đầu	17,935,000	0
Chuyển giao vật chất	0	0
Ký quỹ yêu cầu	25,360,885	25,315,000
Tỷ lệ SD tài sản	0.03	39.55
Tỷ lệ cảnh báo 1/2/3	70/80/90	70/80/90
Lệnh gọi ký quỹ	0	0

– Tổng quan
  - Số dư tài khoản
  - Phí giao dịch
  - Phí khác
  - Lãi/lỗ (mở)
  - Lãi/lỗ (đóng)
  - Tổng Lãi/lỗ
  - Lãi tiền gửi
  - Tối thiểu giữ lại
  - Tối đa nộp VSD
  - Tiền có thể rút
  - CK ký quỹ có thể rút
  - Call tiền giữ tại công ty
– Thông tin tài khoản tiền
  - Tiền mặt
  - CK ký quỹ
  - Tổng tài sản
  - Giá trị ký quỹ CK tối đa
  - Số tiền có thể rút
  - Sức mua
– Đánh giá tài sản
  - Ký quỹ ban đầu

- Chuyển giao vật chất
- Kỹ quỹ yêu cầu
- Tỷ lệ SD tài sản
- Tỷ lệ cảnh báo 1/2/3
- Lệnh gọi ký quỹ

3. Thống kê lãi lỗ cơ sở

– Đường dẫn: Quản lý tài khoản/ Thống kê lãi lỗ cơ sở

– Mục đích: Tổng hợp thông tin lãi lỗ của từng tiểu khoản

– 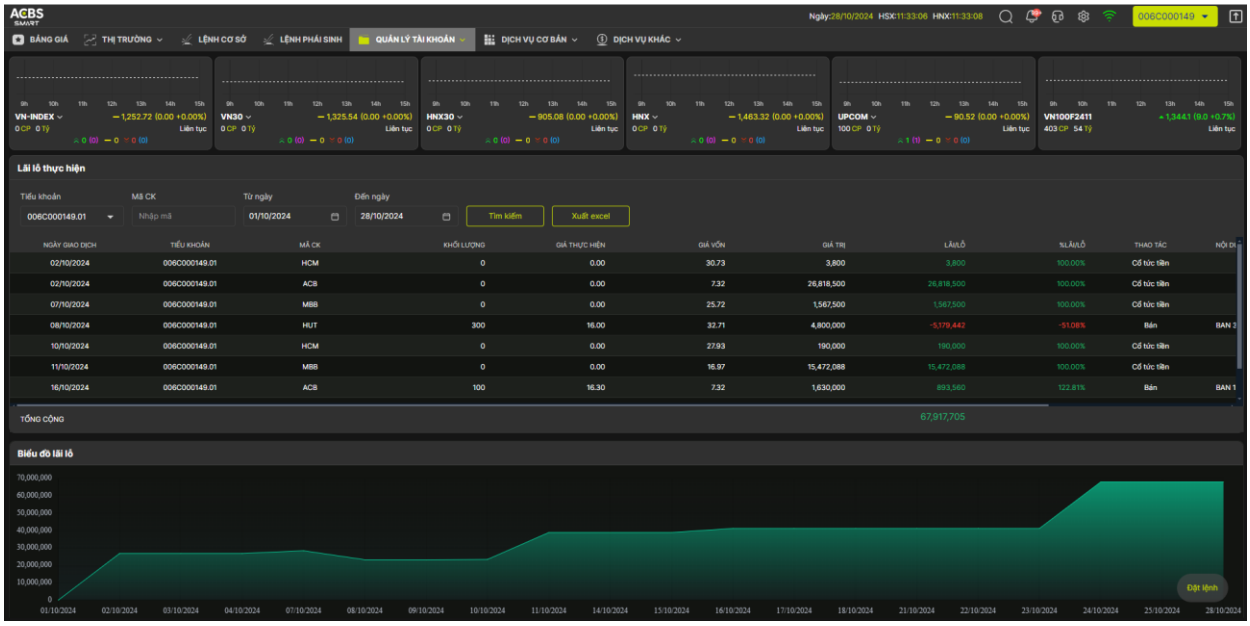

– Các bước thực hiện:

- Chọn tiểu khoản
- Nhập mã CK
- Nhập từ ngày-đến ngày (không vượt quá 30 ngày)
- Nhấn tìm kiếm

4. Sao kê tài khoản

– Đường dẫn: Quản lý tài khoản / Sao kê tài khoản

– Mục đích: Liệt kê phát sinh giao dịch tiền, chứng khoán trong khoảng thời gian

– Các bước thực hiện và giải thích

4.1. Sao kê tiền Cơ sở

– 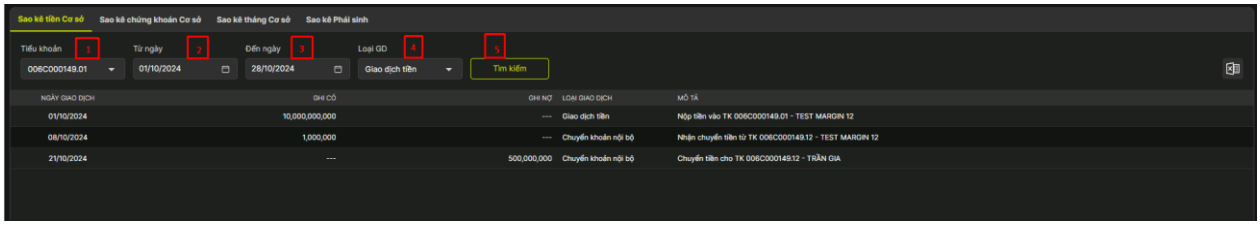

– Chọn tiểu khoản

– Nhập/Chọn giá trị Từ ngày

– Nhập/Chọn giá trị Đến ngày

– Chọn loại giao dịch (Giao dịch tiền, Lãi, Ứng trước, Thực hiện quyền, Phí lưu ký, Khác)

– Nhấn nút Tìm kiếm -> Hiển thị thông tin

– Tìm kiếm thông tin cho phép tìm kiếm trong tối đa 30 ngày

– Nhấn biểu tượng xuất tệp -> Cho phép tải thông tin về máy

– 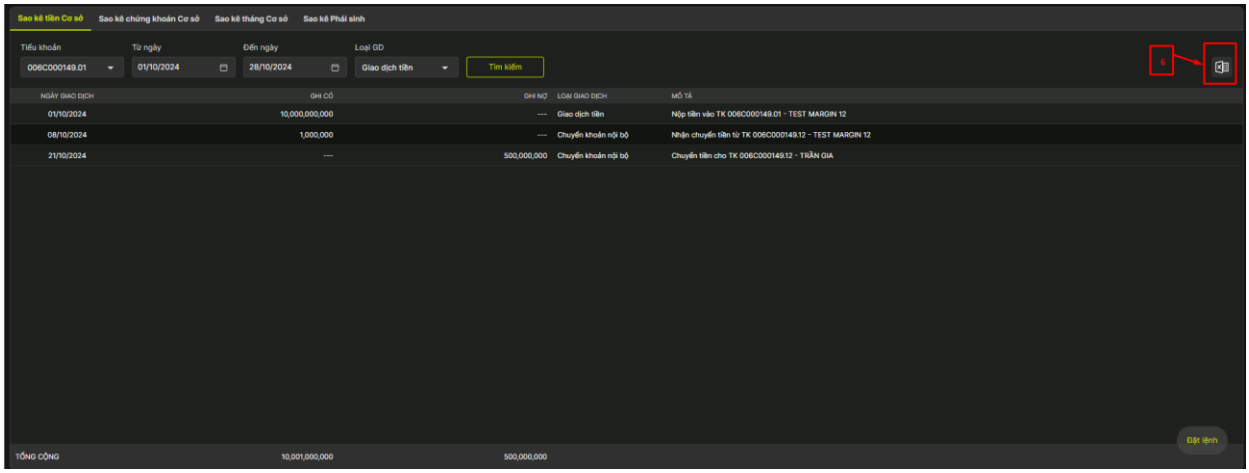

– Các thông tin hiển thị gồm:

  - Ngày giao dịch
  - Ghi có
  - Ghi nợ
  - Loại giao dịch
  - Mô tả

– Dòng tổng cộng: Tính tổng Ghi nợ và Ghi có

4.2. Sao kê chứng khoán Cơ sở

– 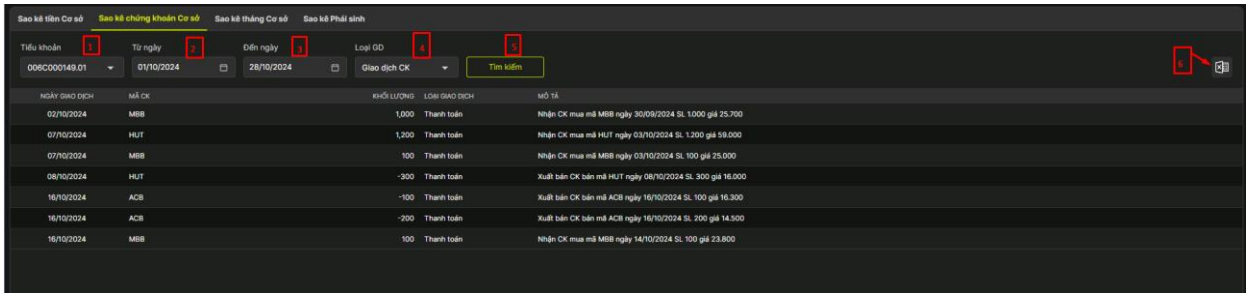

– Chọn tài khoản: Hiển thị mặc định tài khoản được thiết lập mặc định

– Nhập/ chọn giá trị Từ ngày

– Nhập/ chọn giá trị Đến ngày

– Chọn Loại GD (gồm: Lưu ký, Thực hiện quyền, Vay mượn CK, Giao dịch CK, Cầm cố)

– Nhấn nút Tìm kiếm -> Hiển thị thông tin

– Tìm kiếm thông tin cho phép tìm kiếm trong tối đa 30 ngày

– Các thông tin hiển thị gồm:

  - Ngày giao dich
  - Mã CK
  - Khối lượng
  - Loại giao dịch
  - Mô tả
  - Nhấn biểu tượng xuất tệp -> Cho phép tải thông tin về máy

4.3. Sao kê tháng Cơ sở

– 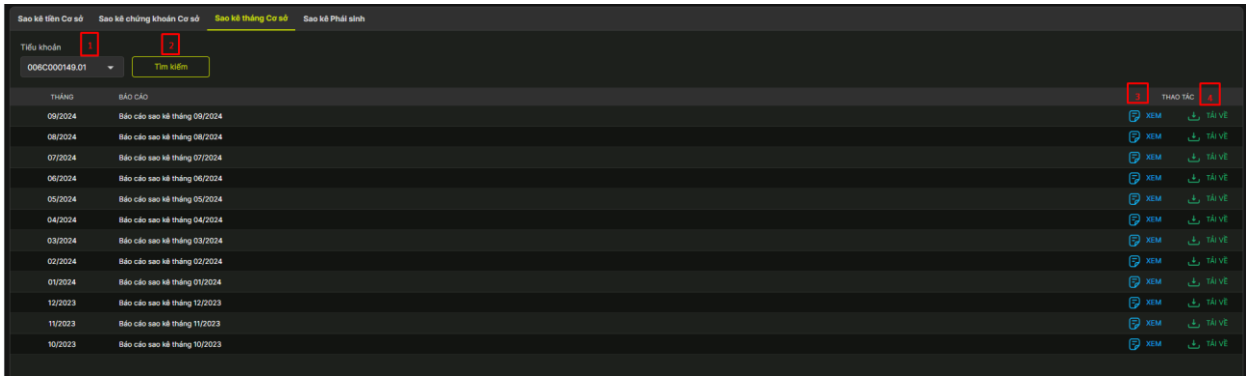

– Bộ lọc: Chọn Tiểu khoản

– Nhấn nút Tìm kiếm

– Dữ liệu đầu ra:

  - Tháng

- Báo cáo
- Thao tác

– Chọn Tài khoản: Hiển thị tài mặc định tài khoản được thiết lập mặc định
– Nhấn nút Tìm kiếm: Hiển thị dữ liệu theo tài khoản được chọn
– Nhấn nút Xem: Cho phép xem thông tin sao kê của tháng định dạng pdf
– Nhấn nút Tải về: Cho phép tải tệp báo cáo về máy định dạng excel

4.4 Sao kê phái sinh

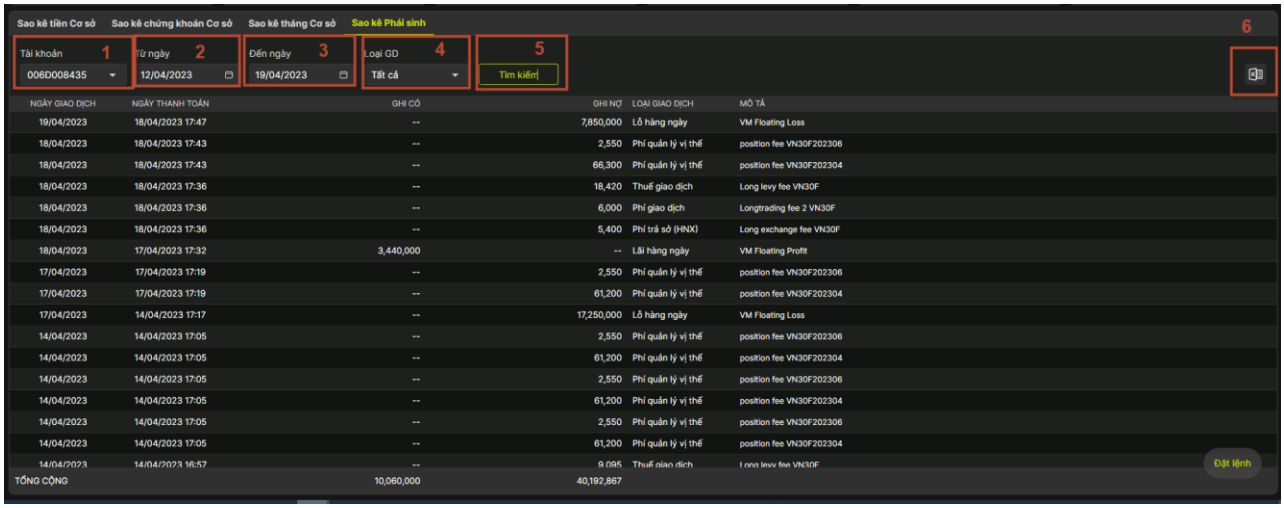

– Bộ lọc:
  - Tiểu khoản
  - Nhập từ ngày -đến ngày (tìm kiếm trong tối đa 30 ngày)
  - Chọn loại giao dịch (gồm: Giao dịch CK, Thực hiện quyền, Cầm cố, Khác)
  - Nhấn Tìm kiếm
– Nội dung hiển thị:
  - Ngày giao dịch
  - Ngày thanh toán
  - Ghi có
  - Ghi nợ
  - Loại giao dịch
  - Mô tả
  - Dòng tổng cộng: tính tổng Ghi nợ và Ghi có
– Nhấn biểu tượng xuất tệp: Cho phép tải tệp dữ liệu về máy

VI. DỊCH VỤ CƠ BẢN

1. Chuyển tiền cơ sở

– Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản/ Chuyển tiền cơ sở

– Mục đích: Thực hiện chuyển tiền từ tài khoản GDCK sang tài khoản của khách hàng tại ngân hàng

– Hướng dẫn thực hiện và giải thích

1.1. Tạo yêu cầu chuyển khoản ngân hàng

– Nhập thông tin phiếu chuyển khoản ngân hàng

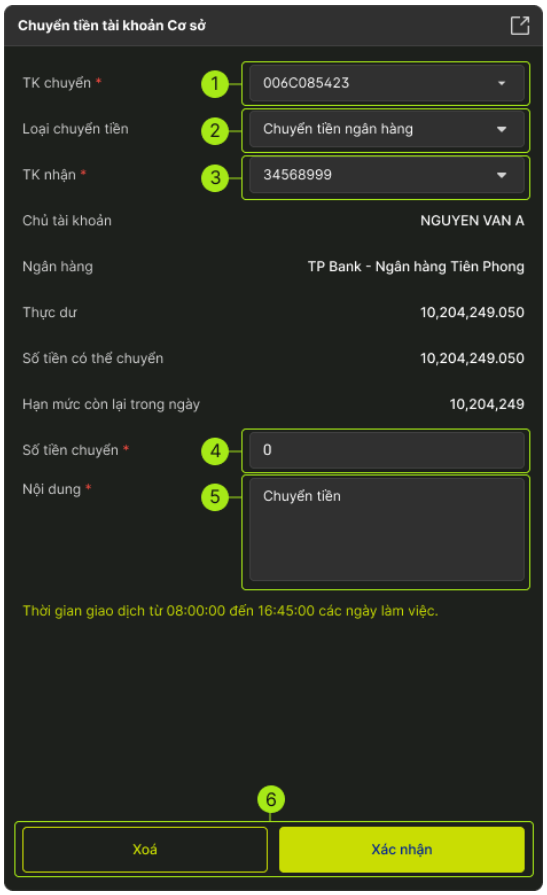

–

– Chọn tiểu khoản chuyển

– Mặc định hiển thị tiểu khoản được thiết lập mặc định tại cài đặt tài khoản giao dịch.

– Có thể chọn tài khoản khác trong danh sách tài khoản (không hiển thị tiểu khoản liên kết trực tiếp Ngân hàng ACB)

– Chọn loại chuyển tiền: CK ngân hàng

– Chọn tài khoản nhận: Chỉ được chọn tài khoản nhận trong danh sách tài khoản khách hàng đã đăng ký trước

– Nhập số tiền chuyển: là trường bắt buộc nhập. chỉ cho phép nhập số dương

– Nhập Nội dung (bắt buộc). Mặc định hiển thị ban đầu là Chuyển tiền, có thể nhập sửa xóa nội dung

– Nhấn "Hủy" hoặc "Thực hiện"

– Nhấn "Thực hiện"-> Điều kiện thực hiện:

– Bắt buộc nhập đầy đủ thông tin

– Số tiền tối thiểu ≤ Số tiền chuyển ≤ Số tiền tối đa

– 0 ≤ Số tiền chuyển ≤ Khả dụng

– Số tiền chuyển khoản không vượt quá Hạn mức còn lại trong ngày

– Thời gian thực hiện tạo phiếu nằm trong khoản Thời gian hợp lệ

– Ngoài các khoảng thời gian giao dịch -> Hệ thống thông báo thời gian thực hiện không hợp lệ

– Nhấn "Hủy" -> Xóa dữ liệu tại ô Số tiền chuyển và Nội dung

– Nhấn "Thực hiện" ở hộp thoại xác nhận => Nếu thông tin chuyển tiền hợp lệ -> Mở màn hình xác nhận chuyển khoản

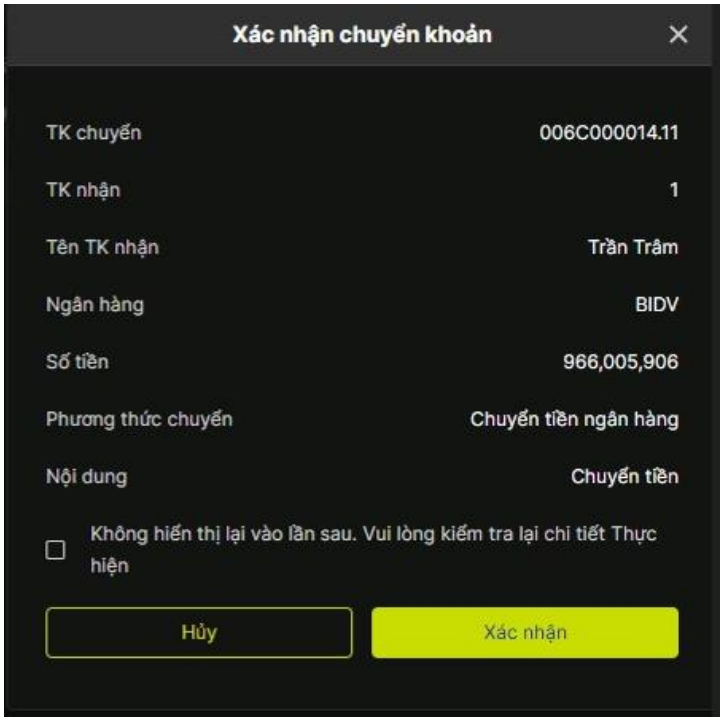

–

– Thông tin hiển thị tại màn xác nhận chuyển khoản gồm:

- TK chuyển
- TK nhận
- Tên TK nhận
- Ngân hàng
- Số tiền
- Phương thức chuyển
- Nội dung

– Nút Hủy/ Xác nhận

– Chọn nút Hủy/Xác nhận tại màn xác nhận chuyển khoản

– Chọn nút Hủy => Đóng màn xác nhận thông tin chuyển khoản

– Chọn nút Xác nhận => Chuyển sang màn xác thực OTP

– Nhập mã xác thực OTP

–

– Có 4 phương thực xác thực gồm: Smart OTP, SMS OTP, chữ ký số và MK Xác thực.

– Màn Xác thực hiển thị ban đầu theo loại xác thực được cài đặt mặc định.

– Nhấn nút Hủy: đóng hộp thoại xác thực OTP

– Nhấn nút Áp dụng: Nếu mã OTP đúng Hiển thị thông báo đặt lệnh thành công. Nếu mã OTP không hợp lệ Hiển thị thông báo lỗi.

1.2. Tạo yêu cầu chuyển khoản nội bộ

– Nhập thông tin chuyển khoản

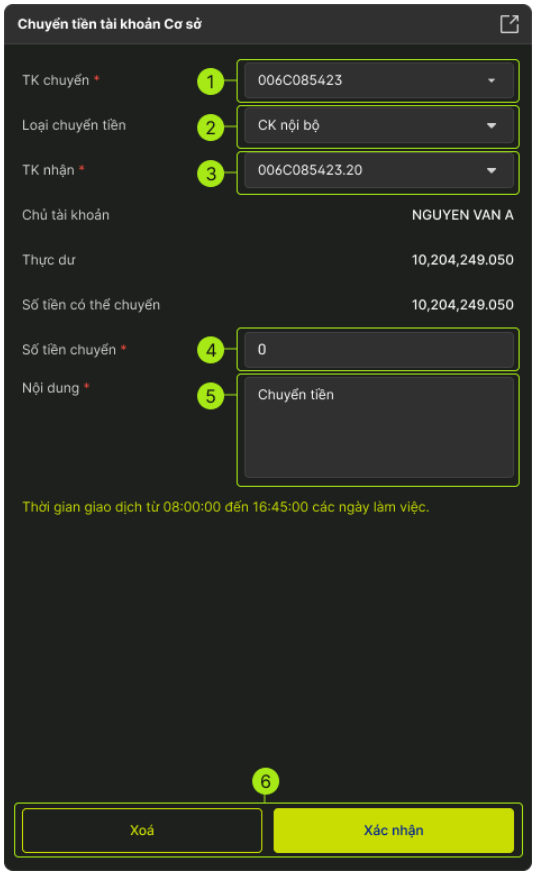

–

–

– Chọn tiểu khoản chuyển

– Mặc định hiển thị tiểu khoản được thiết lập mặc định tại cài đặt tài khoản giao dịch.

– Có thể chọn tài khoản khác trong danh sách tài khoản (không hiển thị tiểu khoản liên kết trực tiếp Ngân hàng ACB)

– Chọn loại chuyển tiền: CK nội bộ

– Chọn tài khoản nhận: Chỉ được chọn tài khoản nhận trong danh sách tài khoản khách hàng đã đăng ký trước

– Nhập số tiền chuyển: là trường bắt buộc nhập. chỉ cho phép nhập số dương

– Nhập Nội dung (bắt buộc). Mặc định hiển thị ban đầu là Chuyển tiền, có thể nhập sửa xóa nội dung

– Nhấn "Hủy" hoặc "Thực hiện"

– Nhấn "Thực hiện" Điều kiện thực hiện:

– Bắt buộc nhập đầy đủ thông tin

- Số tiền tối thiểu ≤ Số tiền chuyển ≤ Số tiền tối đa
- 0 ≤ Số tiền chuyển ≤ Khả dụng
- Số tiền chuyển khoản không vượt quá Hạn mức còn lại trong ngày
- Thời gian thực hiện tạo phiếu nằm trong khoản Thời gian hợp lệ
- Ngoài các khoảng thời gian giao dịch -> Hệ thống thông báo thời gian thực hiện không hợp lệ
- Nhấn "Hủy" -> Xóa dữ liệu tại ô Số tiền chuyển và Nội dung
- Nhấn "Thực hiện" ở hộp thoại xác nhận => Nếu thông tin chuyển tiền hợp lệ

 Mở màn hình xác nhận chuyển khoản

- Nhấn xác nhận và xác thực OTP ở popup xác thực
- 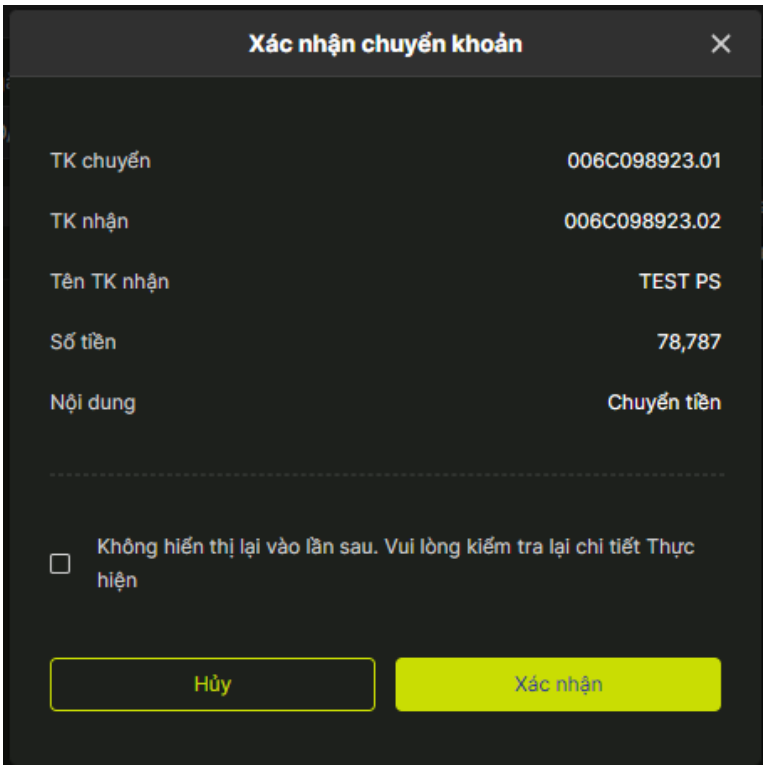

–

1.3. Lịch sử chuyển tiền

–

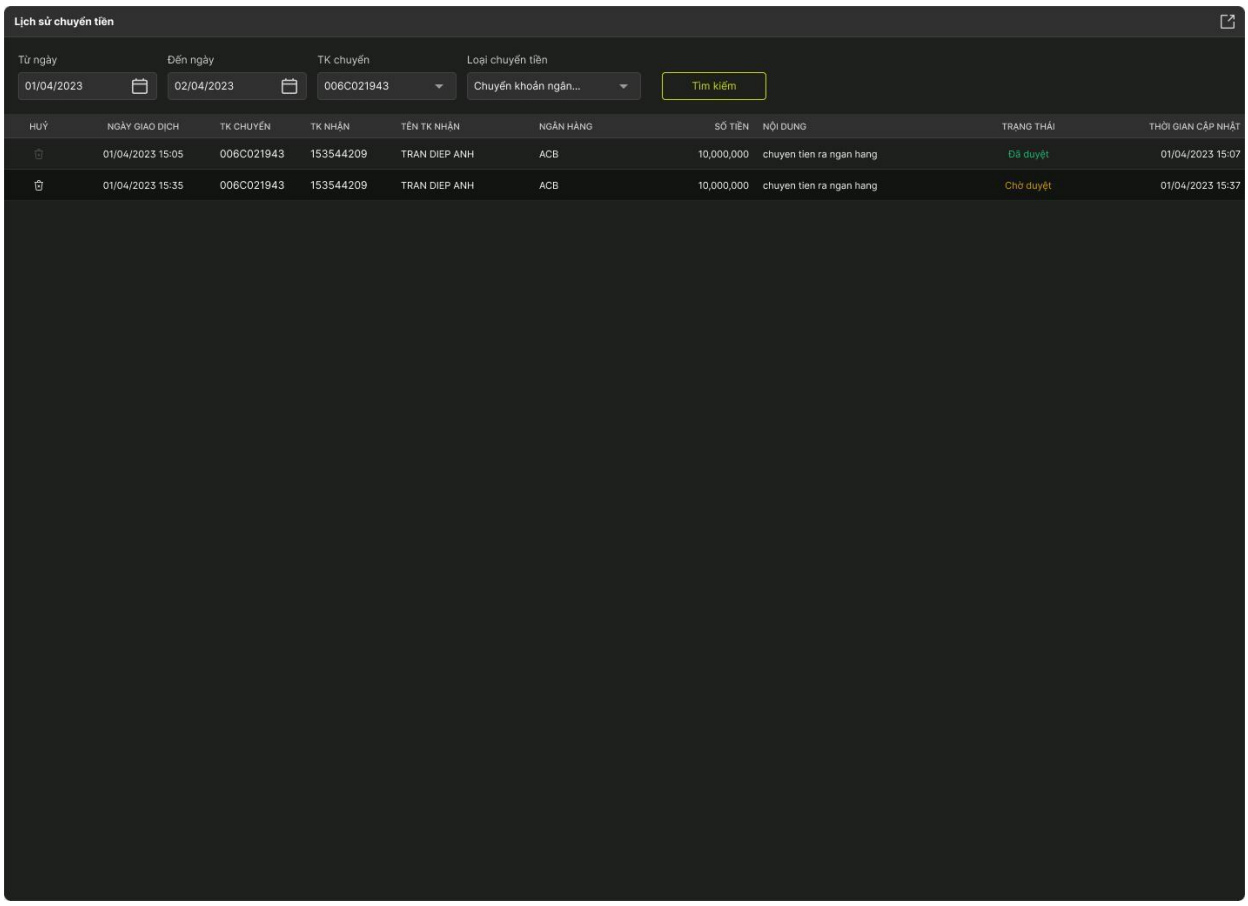

– Bộ lọc gồm :
  - Từ ngày: Mặc định ban đầu hiển thị khi vào form là đầu tháng
  - Đến ngày: Mặc định ban đầu hiển thị khi vào form là ngày T (với T là ngày hiện tại)

    - Tiểu khoản chuyển: Mặc định tích chọn tài khoản được thiết lập mặc định. Có thể chọn 1 hoặc tất cả tài khoản
    - Loại chuyển tiền
- Lịch sử chuyển tiền ngân hàng cho tìm kiếm dữ liệu trong khoảng thời gian 30 ngày
- Tại lịch sử chuyển tiền cho phép thực hiện hủy lệnh chuyển tiền đối với các lệnh có trạng thái Chưa duyệt và thỏa mãn điều kiện hủy lệnh.
- Các thông tin hiển thị tại màn lịch sử chuyển tiền ngân hàng gồm:
    - Cột icon Hủy: Enable với những giao dịch có trạng thái Chưa duyệt. disable ion Hủy với những lệnh có trạng thái Đã hủy hoặc Đã duyệt
    - Ngày giao dịch
    - TK chuyển
    - Tên TK nhận
    - Số tiền
    - Nội dung
    - Trạng thái
    - Thời gian cập nhật
- Các thông tin hiển thị tại màn lịch sử chuyển tiền nội bộ gồm:
    - Cột icon Hủy: Enable với những giao dịch có trạng thái Chưa duyệt. disable ion Hủy với những lệnh có trạng thái Đã hủy hoặc Đã duyệt
    - Ngày giao dịch
    - TK chuyển
    - Tên TK nhận
    - Số tiền
    - Nội dung
    - Trạng thái
    - Thời gian cập nhật

1.4. Hủy yêu cầu chuyển khoản ngân hàng

- Tại lịch sử chuyển tiền ngân hàng, Nhấn vào icon Hủy

– Đối với các lệnh thỏa mãn điều kiện hủy -> Bật hộp thoại Xác nhận hủy. Đối với các lệnh có trạng thái Chưa duyệt nhưng không thỏa mãn điều kiện hủy -> hiển thị thông báo lỗi " Lệnh không được phép hủy"

– 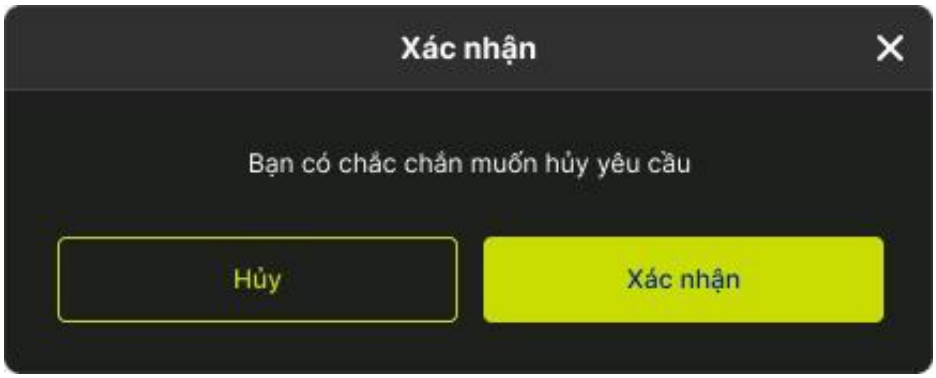

– Nhấn Hủy/ Xác nhận tại màn xác nhận

– Nhấn Xác nhận tại hộp thoại xác nhận => Bật hộp thoại yêu cầu xác thực OTP

– Nhấn Hủy tại hộp thoại xác nhận => Đóng hộp thoại xác nhận

– Nhập mã OTP và nhấn Áp dụng

–

– Có 4 phương thực xác thực gồm: Smart OTP, SMS OTP, chữ ký số và MK xác thực

– Màn Xác thực hiển thị ban đầu theo loại xác thực được cài đặt mặc định

– Nhấn nút Hủy: đóng hộp thoại xác thực OTP

– Nhấn nút Áp dụng: Nếu mã OTP đúng => Hiển thị thông báo đặt lệnh thành công. Nếu mã OTP không hợp lệ => Hiển thị thông báo lỗi

2. Ứng trước tiền bán

– 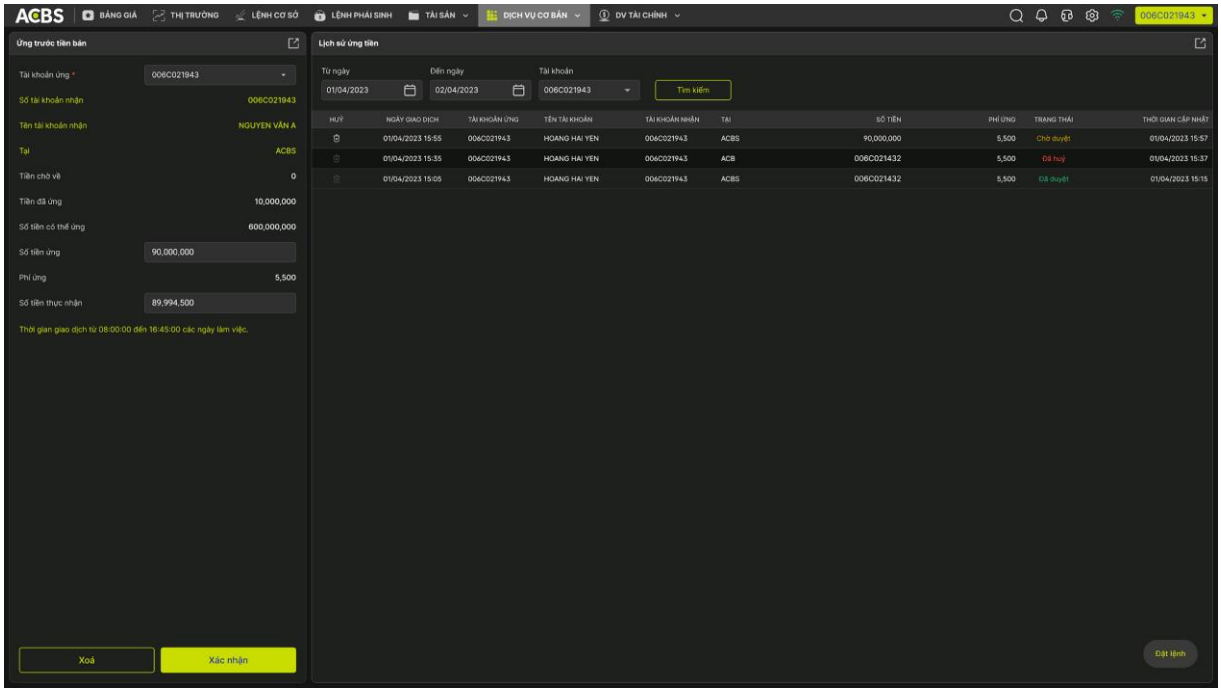

2.1. Tạo yêu cầu ứng trước tiền bán

– Trường Tài khoản ứng: Hiển thị tài khoản mặc định được thiết lập trong Cài đặt

– Số tiền có thể ứng = Tiền chờ về - Tiền đã ứng

– Số tiền ứng <= Số tiền có thể ứng

2.2. Hướng dẫn thực hiện Ứng trước tiền bán

– Chọn Tiểu khoản ứng

– Nhập 1 trong 2 trường Số tiền ứng hoặc số tiền thực nhận, giao diện sẽ tự động hiển thị dữ liệu trường còn lại và phí ứng

– Nhấn nút "Xác nhận"

– 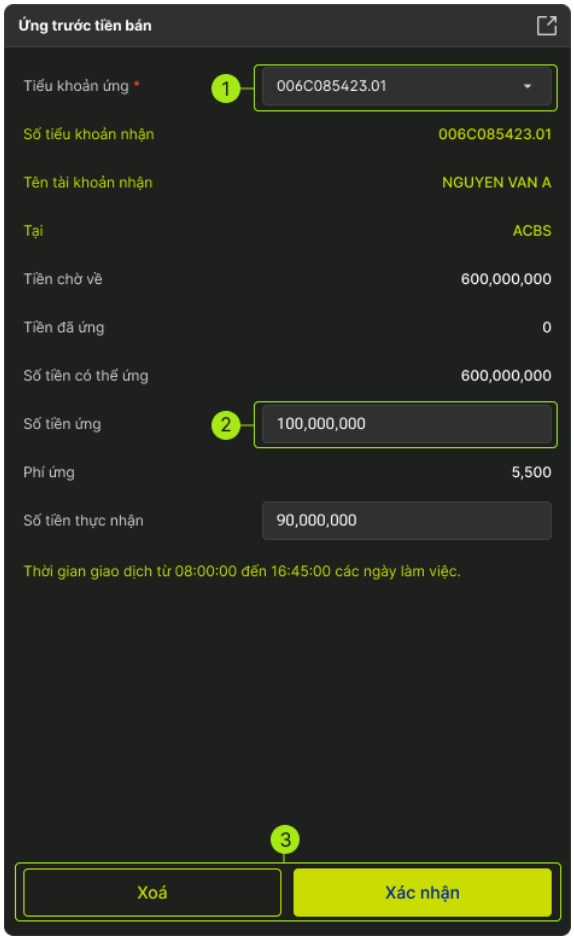

– Nhấn "Xác nhận" ở hộp thoại Xác nhận ứng tiền

– Nhập mã OTP và nhấn nút "Áp dụng" để xác nhận ứng tiền thành công

– 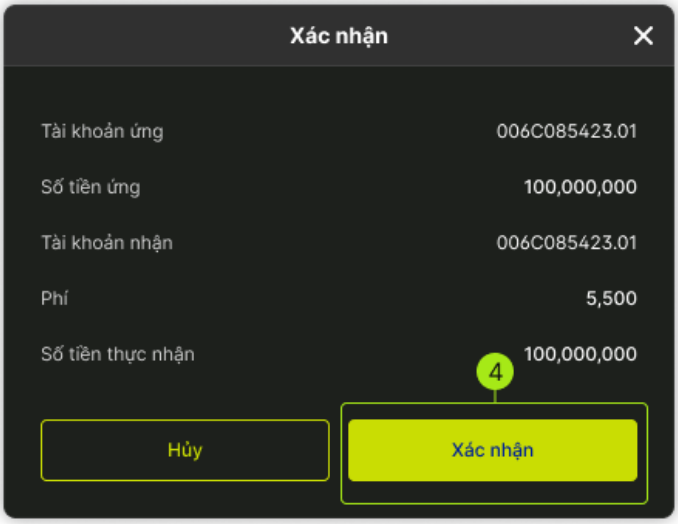

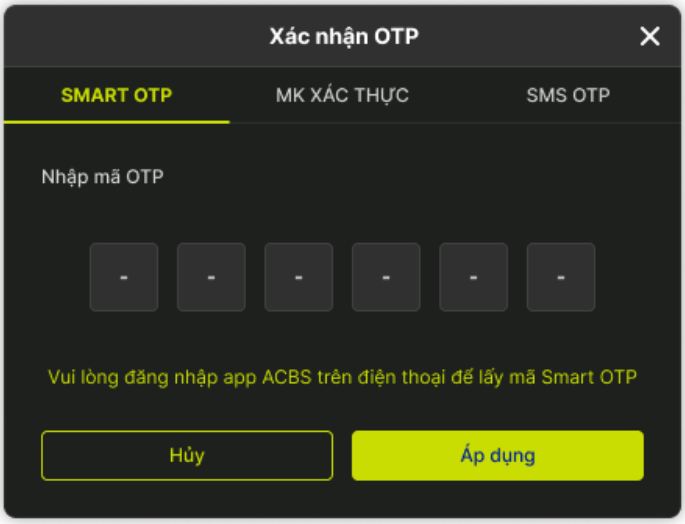

–

2.3. Lịch sử ứng trước

– Mục đích: Xem các giao dịch ứng trước người dùng đã tạo và trạng thái xác nhận

– Bộ lọc: Ngày hiện tại là T
  - Từ ngày: ngày đầu tháng
  - Đến ngày: là T
  - Tài khoản: hiển thị tài khoản mặc định được thiết lập ở cài đặt

– Thông tin hiển thị:
  - Ngày giao dịch
  - Tiểu khoản ứng
  - Tên tài khoản
  - Tiểu khoản nhận
  - Tại
  - Số tiền
  - Phí ứng
  - Trạng thái
  - Thời gian cập nhật

– 2.4. Hủy yêu cầu ứng trước

– Mục đích: Khách hàng hủy những yêu cầu ứng trước chưa được duyệt

– Hướng dẫn thực hiện:

– Rê chuột vào yêu cầu ứng trước muốn hủy và nhấn vào biểu tượng Hủy

– Nhấn Đồng ý ở hộp thoại xác nhận

– Nhập mã OTP và nhấn Áp dụng

3. Chuyển tiền phái sinh

3.1. Chuyển tiền phái sinh

– Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản/Chuyển tiền phái sinh

– Mục đích: Thực hiện chuyển tiền từ tài khoản cơ sở sang phái sinh, phái sinh sang cơ sở và phái sinh ra Ngân hàng

– Các bước thực hiện: Tạo yêu cầu chuyển tiền

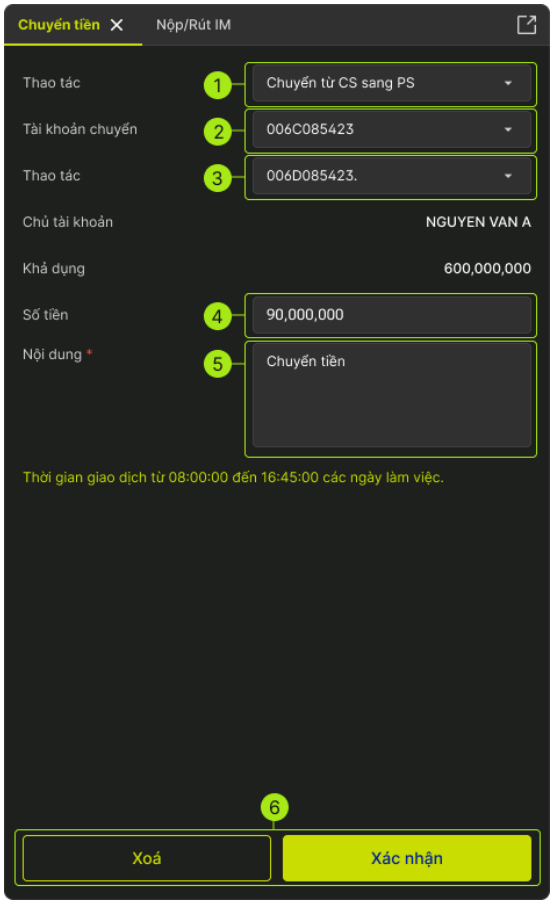

–

– Chọn thao tác: Chuyển từ cơ sở sang phái sinh, phái sinh sang cơ sở, phái sinh ra ngân hàng

– Tài khoản chuyển: Tự động update theo loại thao tác mà KH chọn, cho phép KH chọn tài khoản mong muốn

– Tài khoản nhận: Tự động cập nhật theo loại thao tác mà KH chọn

– Nhập số tiền chuyển: Là trường bắt buộc và cho phép nhập

– Nhập nội dung: Mặc định hiển thị ban đầu là "Nop tien vao TK phai sinh" có thể sửa
– Nhấn nút Thực hiện hoặc Xóa
– Nhấn Xóa: Xóa thông tin số tiền
– Nhấn Thực hiện: Kiểm tra đủ điều kiện mở hộp thoại xác thực OTP

3.2. Nộp rút ký quỹ

– Đường dẫn : Dịch vụ cơ bản/Chuyển tiền phái sinh
– Mục đích: Thực hiện Nộp/rút ký quỹ từ VSD
– Các bước thực hiện tạo yêu cầu nộp/rút ký quỹ
– Chọn thao tác : Nộp ký quỹ, Rút ký quỹ
– Tiểu khoản: tự động update theo loại thao tác mà KH chọn, cho phép KH chọn tk mong muốn
– Nhập số tiền chuyển: là trường bắt buộc, cho phép nhập
– Nhập nội dung: Mặc định hiển thị ban đầu là "Nop tien vao tai khoan ky quy VSD" có thể sửa
– Nhấn nút Thực hiện hoặc Xóa
– Nhấn Xóa: Xóa thông tin số tiền
– Nhấn Thực hiện: Kiểm tra đủ điều kiện mở hộp thoại xác thực OTP
–

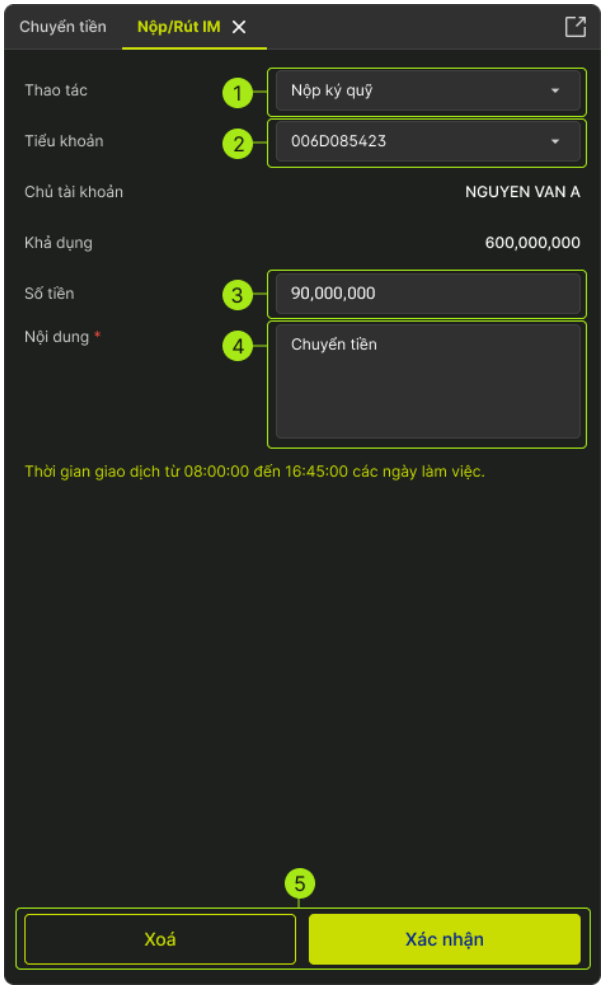

3.3. Lịch sử chuyển tiền phái sinh

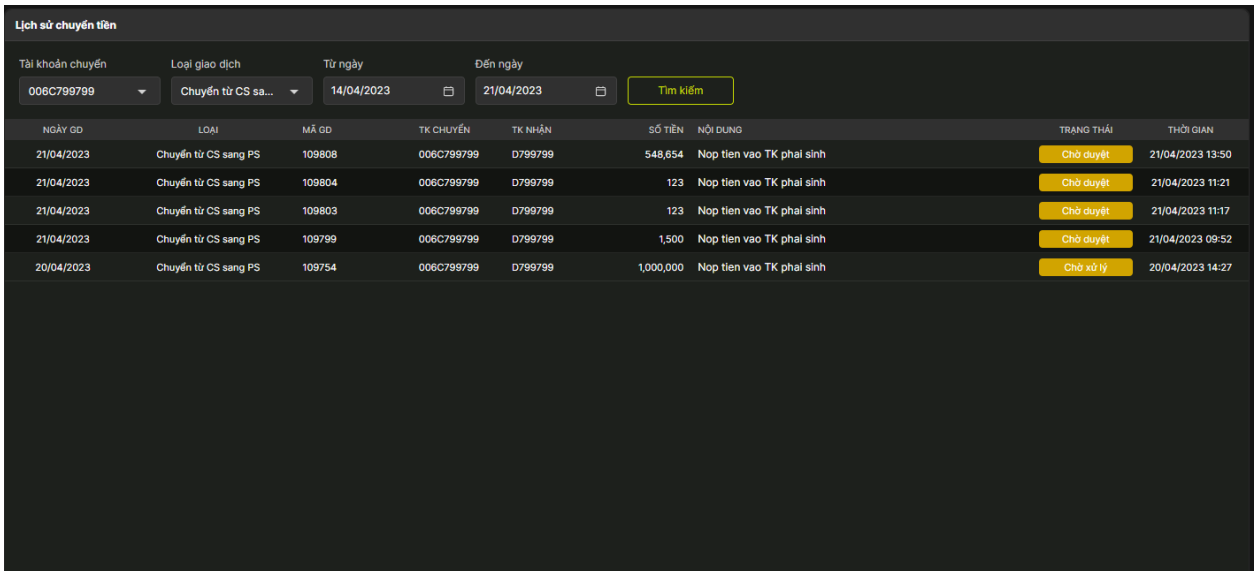

- Các bộ lọc gồm:
  - Tài khoản chuyển: Hiển thị mặc định là tk đăng nhập. User chọn loại giao dịch, ô TK chuyển sẽ update theo loại giao dịch đó

- Loại giao dịch : Chuyển từ cơ sở sang phái sinh, chuyển từ phái sinh sang cơ sở, chuyển từ phái sinh ra ngân hàng, nộp rút ký quỹ
- Từ ngày: Ngày đầu tháng
- Đến ngày: ngày hiện tại

– Cho phép tìm kiếm trong khoảng 30 ngày
– Nút Tìm kiếm
– Các bước thực hiện
– Chọn loại giao dịch => TK sẽ tự động hiển thị đúng theo loại giao dịch
– Chọn từ ngày đến ngày muốn xem lịch sử
– Nhấn Tìm kiếm -> Hiển thị danh sách các yêu cầu chuyển tiền

4. Thực hiện quyền (Đăng ký mua phát hành thêm)

– Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản/Thực hiện quyền
– Mục đích: Cho phép đăng ký phát hành thêm, hủy thông tin đăng ký mua phát hành thêm

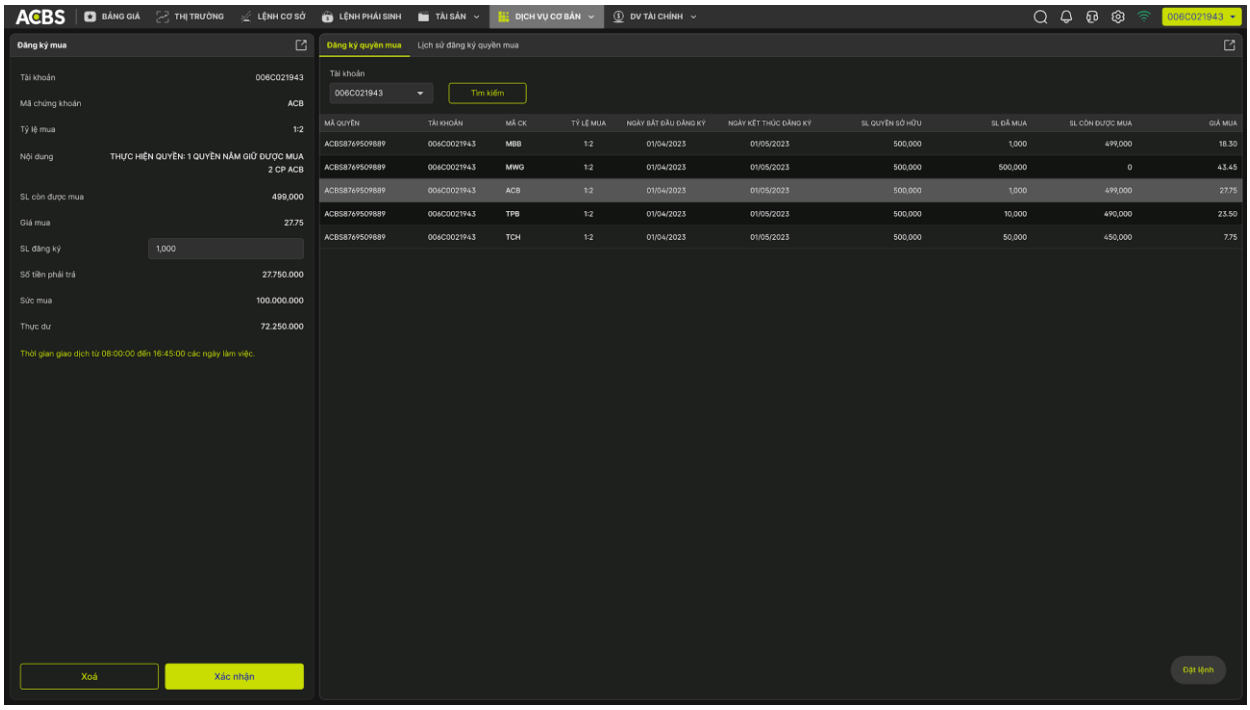

– Bộ lọc Tiểu khoản: là tài khoản mặc định được thiết lập trong cài đặt
– Khi vào mà Đăng ký quyền mua, sẽ tự động hiển thị các quyền của tài khoản mặc định
– Lưới: Thông tin các quyền có SL quyền sở hữu > 0

4.1. Hướng dẫn thực hiện Đăng ký phát hành thêm

– Chọn Tiểu khoản muốn đăng ký, nhấn Tìm Kiếm Thông tin thực hiện quyền sẽ hiện ở dưới theo điều kiện đã lọc

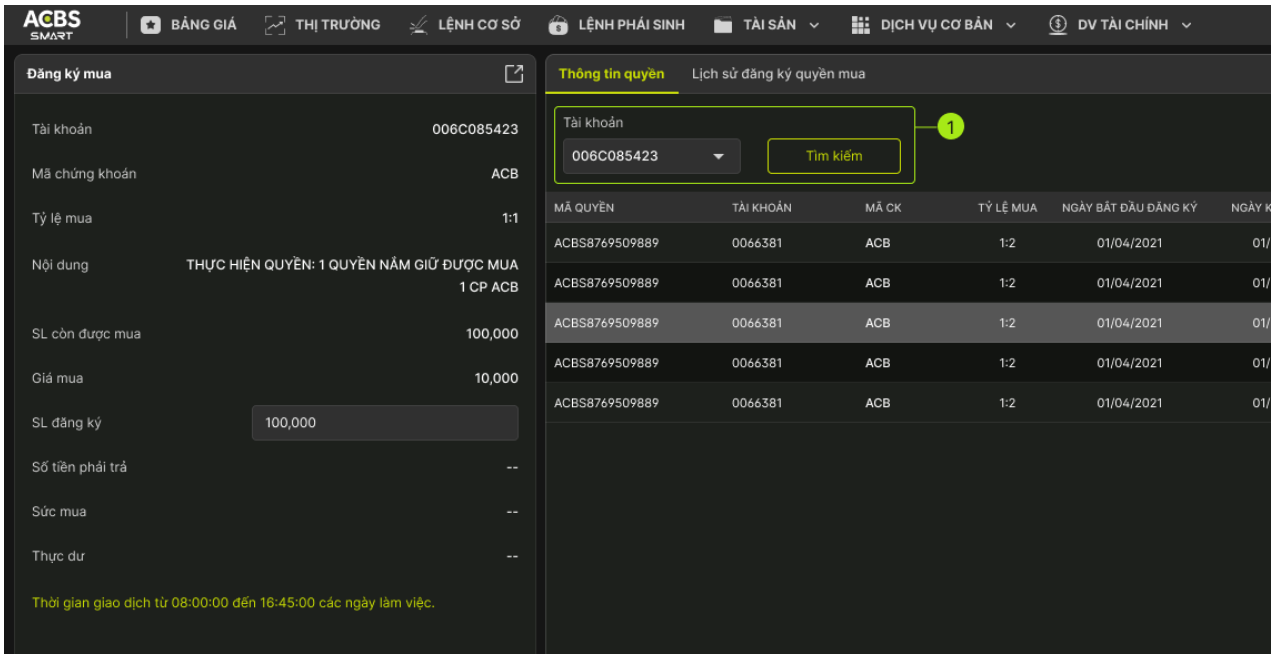

–

– Nhấn vào dòng mã quyền muốn thực hiện Đăng ký mua: Tự động điền thông tin các trường: Tiểu khoản, Mã chứng khoán, Tỷ lệ mua, Nội dung, SL còn được mua, Giá mua, Sức mua, Thực dư

– Nhập vào SL đăng ký, hệ thống tính Số tiền phải trả = Giá mua * SL đăng ký

– 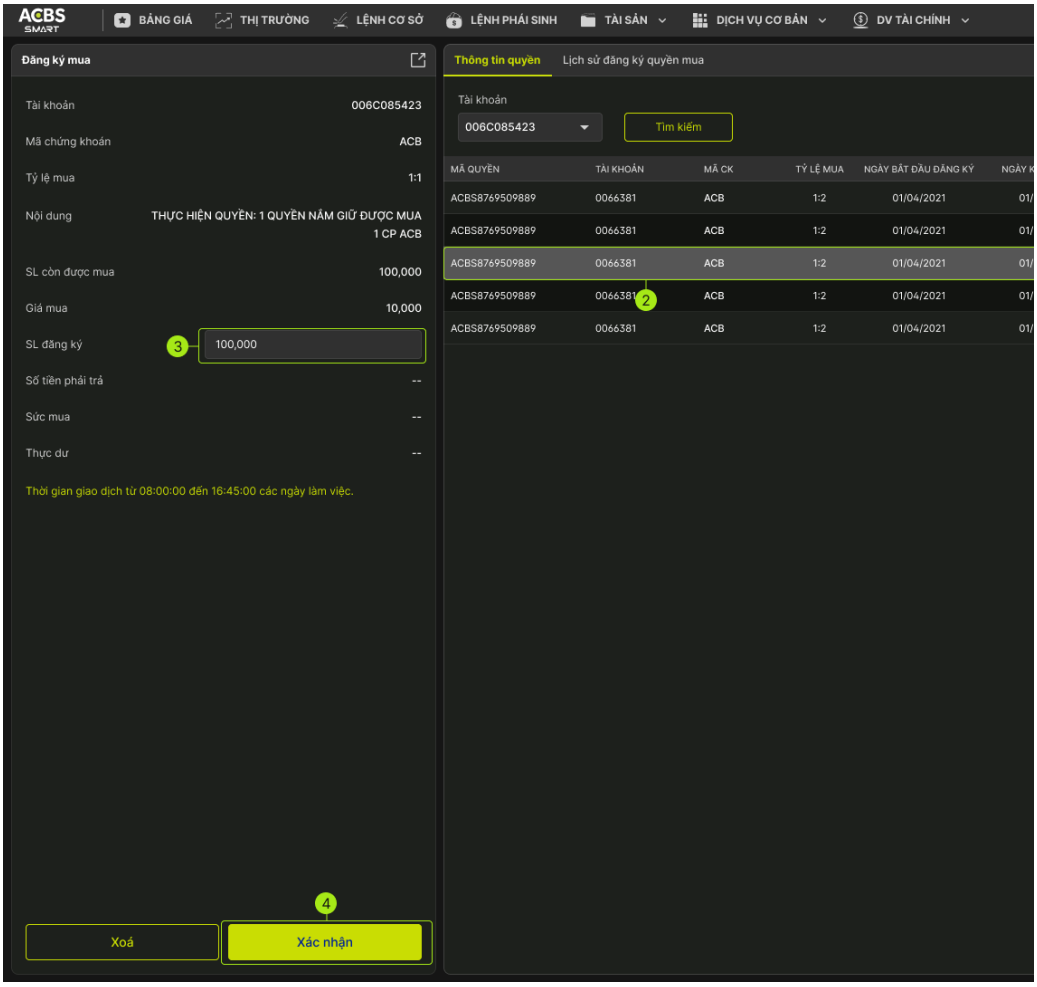

– Nhấn "Xác nhận"

– Trường hợp thực hiện Đăng ký ngoài khoảng thời gian giao dịch sẽ hiển thị thông báo: Đã hết giờ giao dịch mua phát hành thêm

– Nhấn "Xác nhận" ở hộp thoại Xác nhận đăng ký mua

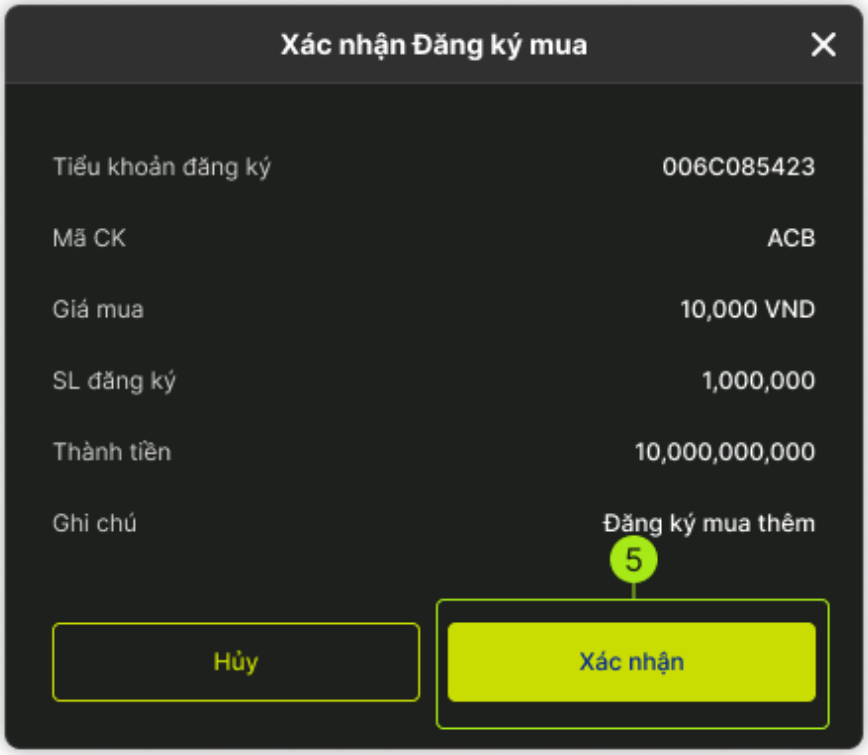

– Xác thực theo phương thức tương ứng

– 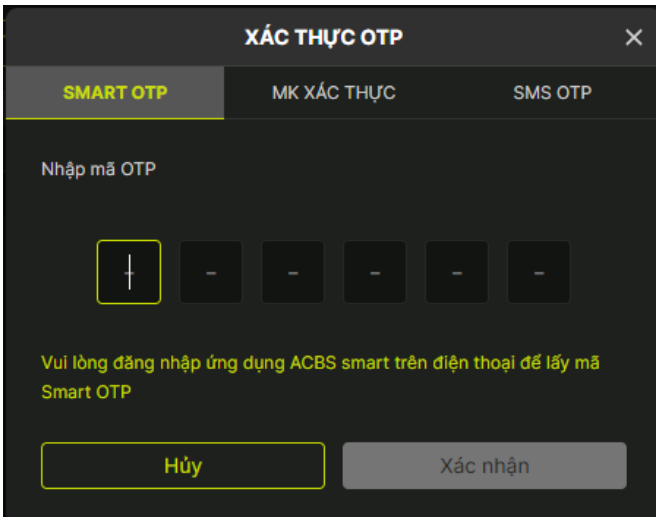

4.2. Lịch sử đăng ký quyền mua

– 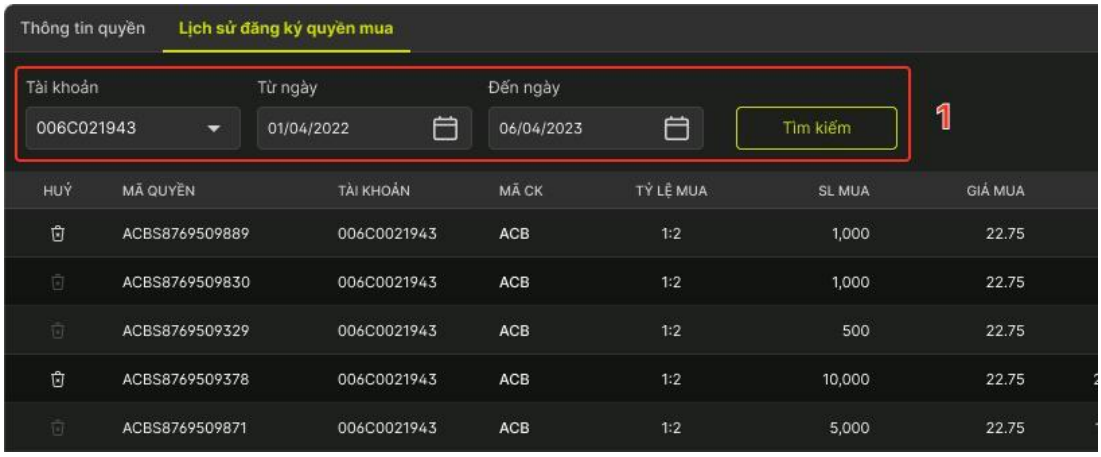

– Bộ lọc:

  - Từ ngày – Đến ngày
  - Tiểu khoản

– Hủy đăng ký quyền mua

  - Nhấn vào icon thùng rác ở dòng quyền muốn thực hiện thao tác Hủy quyền mua

– 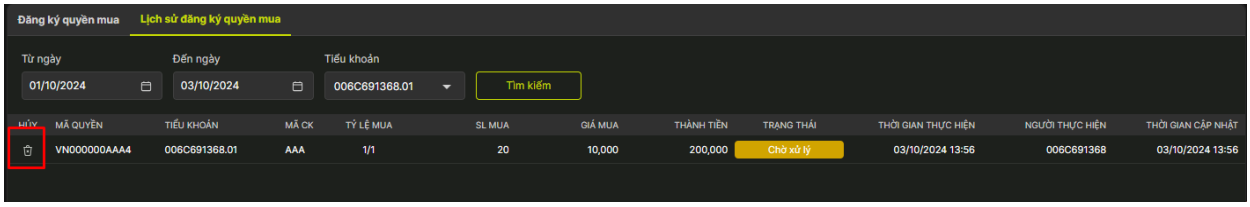

  - Nhấn Xác nhận ở popup Xác nhận Hủy đăng ký mua và xác thực OTP để hủy

– 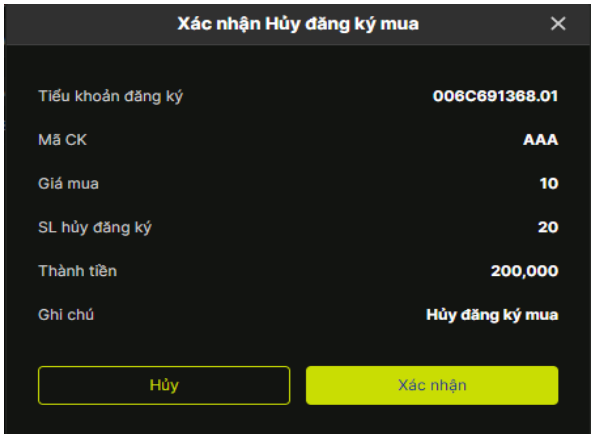

5. Lịch sử lệnh

5.1. Lịch sử lệnh cơ sở - lệnh thường

– Đường dẫn: Web/Dịch vụ cơ bản/Lịch sử lệnh

– Mục đích: Cho phép người dùng xem lịch sử đặt lệnh cơ sở

– Thông tin hiển thị:

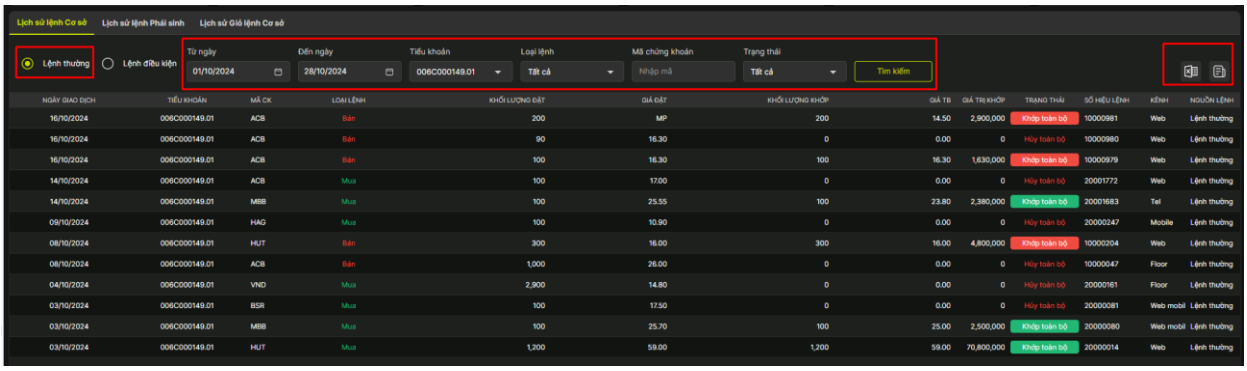

– Các bộ lọc:

- Từ ngày: Hiển thị giá trị mặc định ban đầu là ngày đầu tháng
- Đến ngày: Hiển thị giá trị mặc định ban đầu là ngày hiện tại
- Tài khoản: Mặc định tích chọn tài khoản được thiết lập mặc định. Cho phép chọn 1 hoặc nhiều hoặc tất cả tài khoản
- Loại lệnh: gồm các giá trị Tất cả, Mua, Bán; mặc định ban đầu hiển thị theo Tất cả
- Mã chứng khoán: Hiển thị danh sách mã chứng khoán tại danh sách lịch sử lệnh -> Hỗ trợ lọc nhanh danh sách lệnh theo mã chứng khoán được tích chọn. Mặc định ban đầu hiển thị theo tất cả
- Trạng thái: mặc định ban đầu hiển thị theo tất cả.

– Lịch sử lệnh cơ sở cho phép tìm kiếm trong khoản thời gian 30 ngày. Tìm kiếm theo khoảng thời gian > 30 ngày -> Thông báo lỗi

– Biểu tượng xuất tệp excel hỗ trợ xuất dữ liệu về máy dưới dạng tệp excel

– Các bước hướng dẫn tìm kiếm lịch sử lệnh:

- Chọn lệnh thường
- Nhập thông tin bộ lọc
- Nhập (hoặc chọn) Từ ngày - đến ngày
- Chọn Tiểu khoản
- Chọn loại lệnh
- Chọn Mã chứng khoán
- Chọn Trạng thái
- Nhấn Tìm kiếm

– Biểu tượng xuất tệp excel: hỗ trợ xuất dữ liệu về máy dưới dạng file excel

– Biểu tượng tổng hợp giao dịch

– Nhấn biểu tượng Tổng hợp giao dịch -> Hiển thị thông tin tổng hợp của các giao dịch khớp lệnh

– Tổng hợp giao dịch

		MUA KHỚP				BÁN KHỚP				TỔNG KHỚP		
STT	MÃ CK	KHỐI LƯỢNG	GIÁ TB	GIÁ TRỊ	PHÍ MUA	KHỐI LƯỢNG	GIÁ TB	GIÁ TRỊ	PHÍ BÁN (GỒM THUẾ)	KHỐI LƯỢNG	GIÁ TRỊ	TỔNG PHÍ (GỒM THUẾ)
1	ADG	100	56,700	5,670,000	0	0	0	0	0	100	5,670,000	0
2	HAH	300	31,200	9,360,000	0	0	0	0	0	300	9,360,000	0
3	BVS	0	0	0	0	500	18,900	9,450,000	0	500	9,450,000	0
4	FPT	100	114,300	11,430,000	0	0	0	0	0	100	11,430,000	0
5	AAA	0	0	0	0	6,700	57,037.31	382,150,000	0	6,700	382,150,000	0
6	VNM	0	0	0	0	200	75,000	15,000,000	0	200	15,000,000	0
7	AGR	200	19,600	3,920,000	0	0	0	0	0	200	3,920,000	0
8	APH	100	67,600	6,760,000	0	0	0	0	0	100	6,760,000	0
TỔNG		800		37,140,000	0	7,400		406,600,000	0	8,200	443,740,000	0

– Các bước xem chi tiết lệnh tại Lịch sử lệnh

– Nhấn đúp vào dòng thông tin lịch sử lệnh -> Hiển thị thông tin chi tiết của lệnh (gồm tab thực hiện và chi tiết khớp)

– Các thông tin hiển thị tại Chi tiết lệnh: Sàn, Mã CK, Loại lệnh , Giá, Khối lượng, Thời gian nhập lệnh, Thời gian lệnh cuối, Sửa đổi, Giá trung bình, Khối lượng còn lại, Khối lượng đã khớp, Số lần khớp, Xác thực

– Chi tiết lệnh Mua ACB 20000295

Sàn	HOSE		
Mã CK	ACB		
Loại lệnh	Mua		
Giá	24.15	Giá trung bình	23.95
Khối lượng	300	Khối lượng còn lại	0
Thời gian nhập lệnh	02/10/2024 14:30:34	Khối lượng đã khớp	300
Thời gian lệnh cuối	02/10/2024 15:44:12	Số lần khớp	1
Sửa đổi	N	Xác thực	02/10/2024

Thực hiện | Chi tiết khớp

THAO TÁC	MÃ CK	TỔNG SỐ LƯỢNG	GIÁ	KÊNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
Đặt mới	ACB	300	24.15	Web	02/10/2024 14:30:34	

– Tab Thực hiện hiển thị gồm: Thao tác, Mã CK, Tổng số lượng, Giá, Kênh, Thời gian thực hiện, ghi chú

– Tab Chi tiết khớp: Gồm Giá khớp, Khối lượng khớp, Thời gian khớp

– 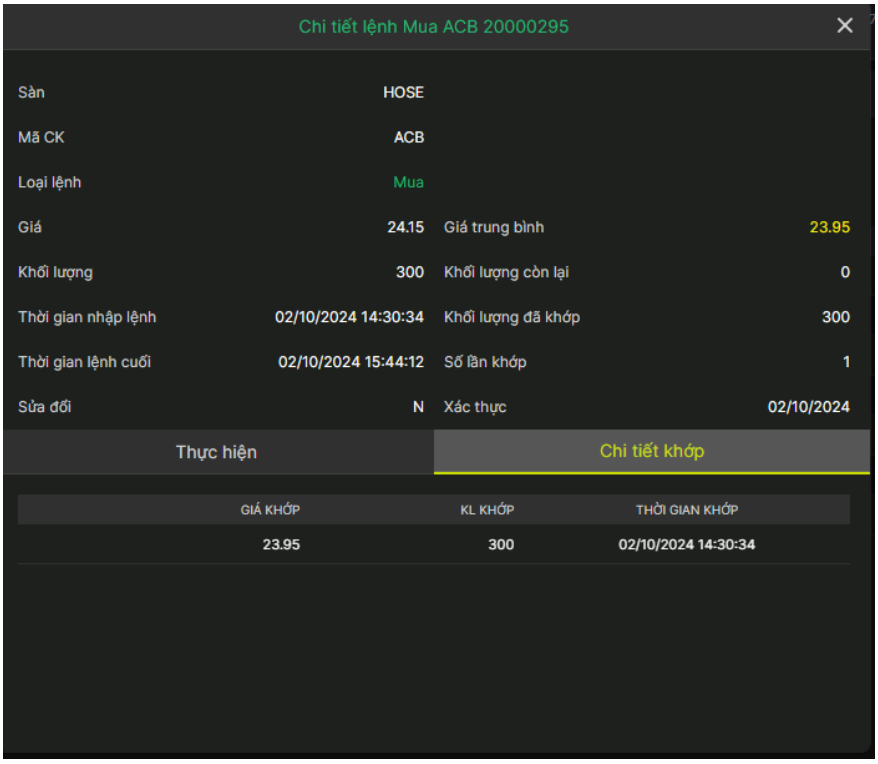

5.2. Lịch sử lệnh cơ sở- Lệnh điều kiện

– Các bước thực hiện

– Các bộ lọc:

- Từ ngày: Hiển thị giá trị mặc định ban đầu là đầu tháng
- Đến ngày: Hiển thị giá trị mặc định ban đầu là ngày hiện tại
- Tiểu khoản: Mặc định tích chọn tài khoản được set mặc định. Cho phép chọn 1 hoặc nhiều hoặc tất cả tiểu khoản
- Loại lệnh: gồm các giá trị Tất cả, Mua, Bán; mặc định ban đầu hiển thị theo Tất cả
- Mã chứng khoán: Hiển thị danh sách mã chứng khoán Cho phép nhập tìm kiếm theo mã CK. Mặc định ban đầu hiển thị theo tất cả
- Loại điều kiện
- Trạng thái: mặc định ban đầu hiển thị theo tất cả.

– Lịch sử lệnh cơ sở cho phép tìm kiếm trong khoản thời gian 30 ngày. Tìm kiếm theo khoảng thời gian > 30 ngày => thông báo lỗi

- Các bước thực hiện tìm kiếm lịch sử lệnh:
    - Chọn lệnh điều kiện
    - Nhập thông tin bộ lọc để tìm kiếm
    - Nhấn tìm kiếm
- Icon xuất file excel hỗ trợ xuất dữ liệu về máy dưới dạng file excel
- 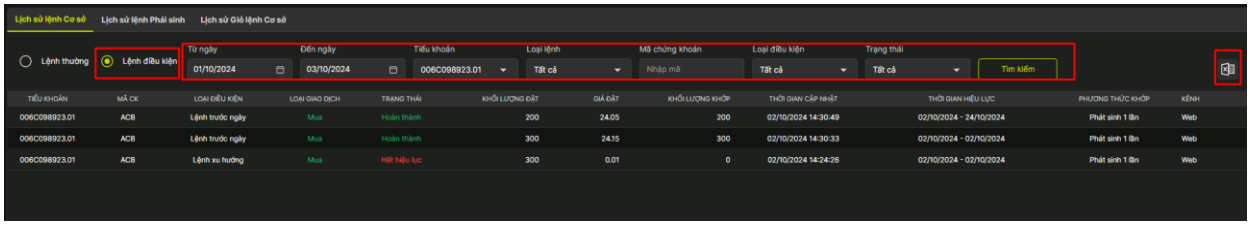

- Xem chi tiết lệnh
- Click đúp vào dòng thông tin lịch sử lệnh => hiển thị thông tin chi tiết của lệnh
- 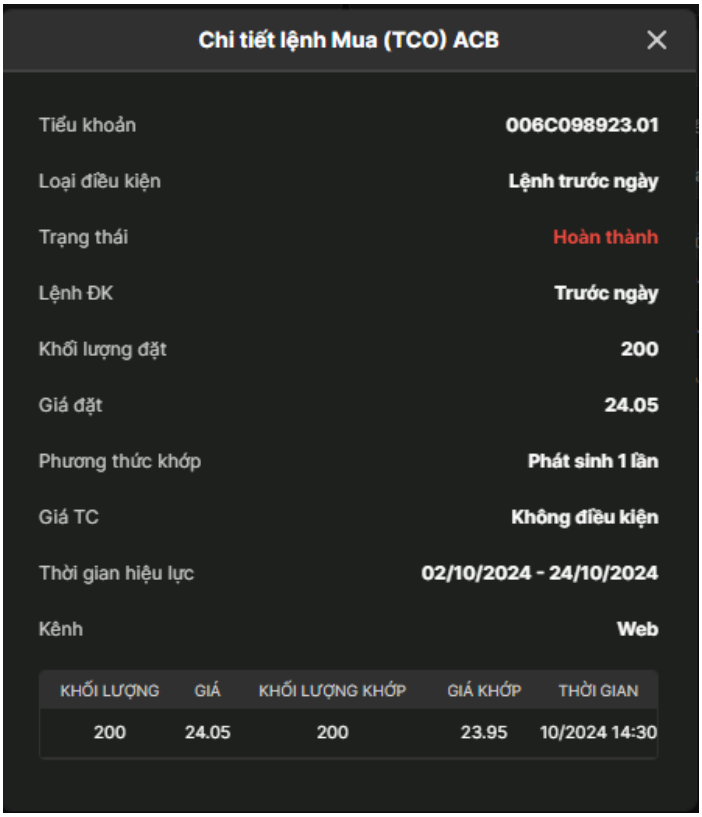

5.3. Lịch sử lệnh phái sinh

- Đường dẫn: Web/ Dịch vụ cơ bản/ Lịch sử lệnh
- Mục đích: cho phép người dùng xem lịch sử đặt lệnh phái sinh

– 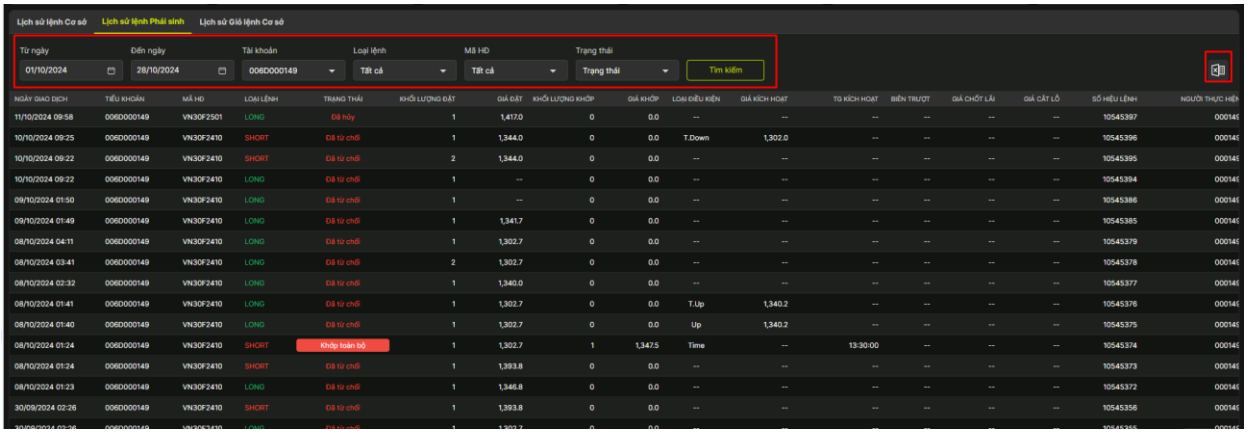

– Các bộ lọc:
  - Từ ngày: Hiển thị giá trị mặc định ban đầu là ngày đầu tháng
  - Đến ngày: Hiển thị giá trị mặc định ban đầu là ngày hiện tại
  - Tài khoản: TK phái sinh
  - Loại lệnh: gồm các giá trị Tất cả, Long, Short; mặc định ban đầu hiển thị theo Tất cả
  - Mã HĐ: Hiển thị danh sách mã chứng khoán tại danh sách lịch sử lệnh => hỗ trợ lọc nhanh danh sách lệnh theo mã chứng khoán được tích chọn. Mặc định ban đầu hiển thị theo tất cả
  - Trạng thái: mặc định ban đầu hiển thị theo tất cả
– Lịch sử lệnh cho phép tìm kiếm trong khoảng thời gian 30 ngày
– Biểu tượng xuất tệp excel hỗ trợ xuất dữ liệu về máy dưới dạng tệp excel
– Các bước thực hiện và hướng dẫn
  - Nhập từ ngày - đến ngày hợp lệ
  - Chọn tài khoản
  - Chọn loại lệnh
  - Chọn mã HĐ
  - Chọn trạng thái
  - Nhấn Tìm kiếm
– Nhấn biểu tượng xuất tệp -> Tự động xuất tệp excel về máy
– Xem chi tiết lệnh
– Nhấn đúp vào dòng lệnh -> Hiển thị thông tin chi tiết lệnh
– Tab Thực hiện: Thao tác, Cơ sở, Giá, Trạng thái, Thời gian, Loại lệnh

– 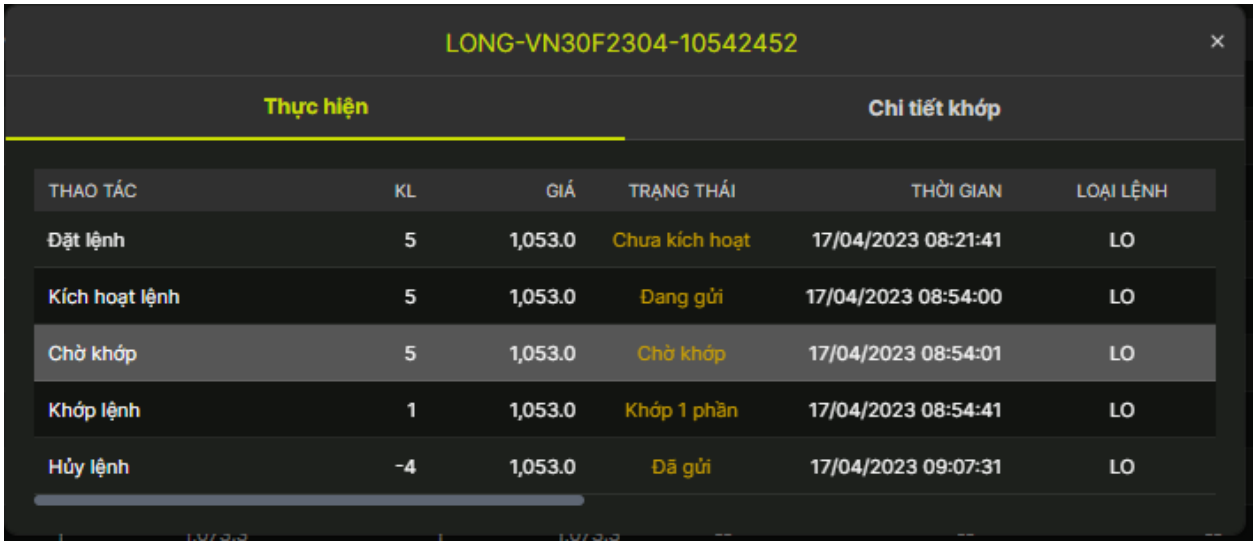

THAO TÁC	KL	GIÁ	TRẠNG THÁI	THỜI GIAN	LOẠI LỆNH
Đặt lệnh	5	1,053.0	Chưa kích hoạt	17/04/2023 08:21:41	LO
Kích hoạt lệnh	5	1,053.0	Đang gửi	17/04/2023 08:54:00	LO
Chờ khớp	5	1,053.0	Chờ khớp	17/04/2023 08:54:01	LO
Khớp lệnh	1	1,053.0	Khớp 1 phần	17/04/2023 08:54:41	LO
Hủy lệnh	-4	1,053.0	Đã gửi	17/04/2023 09:07:31	LO

– Tab Chi tiết khớp: Cơ sở khớp, Giá khớp, Thời gian

– 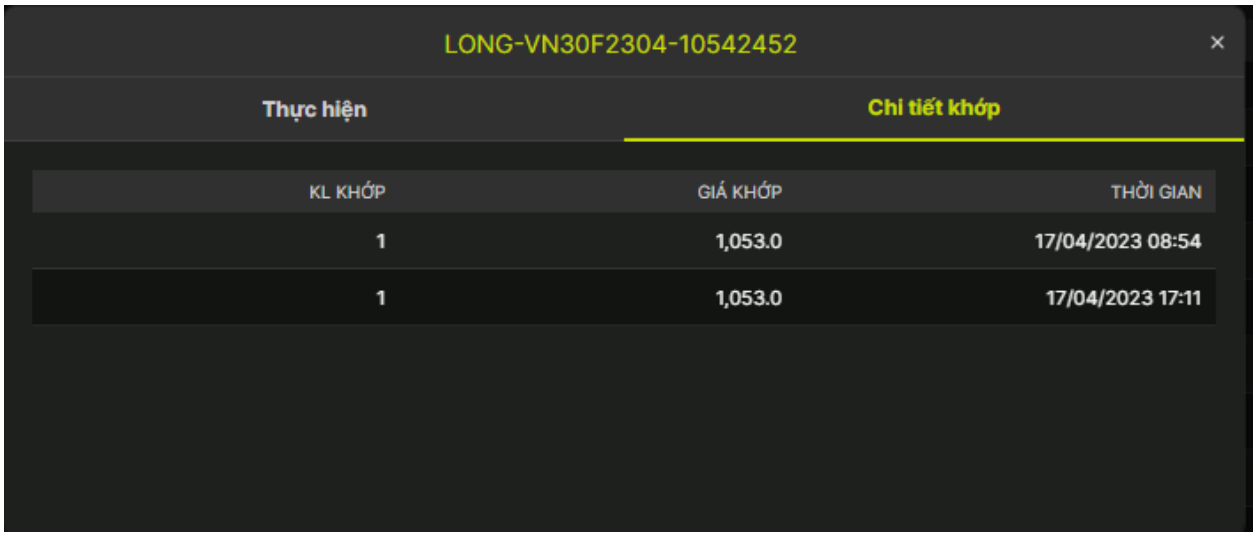

KL KHỚP	GIÁ KHỚP	THỜI GIAN
1	1,053.0	17/04/2023 08:54
1	1,053.0	17/04/2023 17:11

5.4. Lịch sử Giỏ lệnh Cơ sở

– 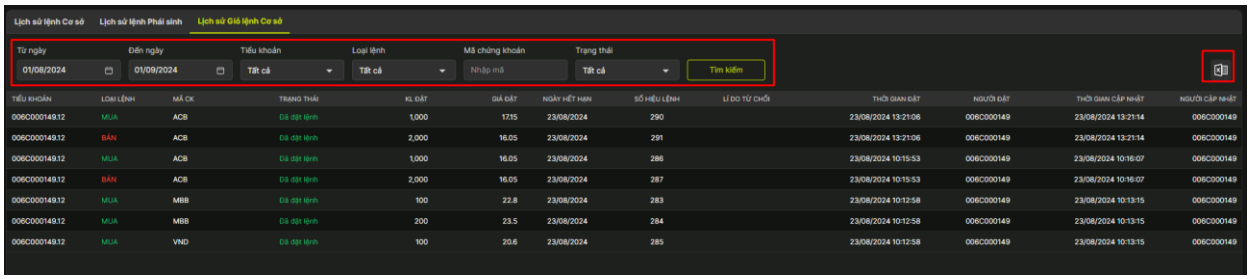

– Các bước thực hiện

– Các bộ lọc:

  - Chọn Từ ngày: Hiển thị giá trị mặc định ban đầu là đầu tháng
  - Đến ngày: Hiển thị giá trị mặc định ban đầu là ngày T (với ngày T là ngày hiện tại)

- Tiểu khoản: Cho phép chọn 1 hoặc nhiều tiểu khoản
- Loại lệnh: gồm các giá trị Tất cả, Mua, Bán; mặc định ban đầu hiển thị theo Tất cả
- Mã chứng khoán: Hiển thị danh sách mã chứng khoán Cho phép nhập tìm kiếm theo mã CK. Mặc định ban đầu hiển thị theo tất cả
- Trạng thái: mặc định ban đầu hiển thị theo tất cả.

– Lịch sử lệnh cơ sở cho phép tìm kiếm trong khoản thời gian 30 ngày. Tìm kiếm theo khoảng thời gian > 30 ngày => thông báo lỗi

– Nội dung hiển thị:
  - Tiểu khoản
  - Loại lệnh
  - Mã CK
  - Trạng thái
  - Khối lượng đặt
  - Giá đặt
  - Ngày hết hạn
  - Số hiệu lệnh
  - Lí do từ chối: di chuyển chuột đến dòng nội dung để xem đầy đủ lí do từ chối
  - Thời gian đặt
  - Người đặt
  - Thời gian cập nhật
  - Người cập nhật

– Icon xuất file excel hỗ trợ xuất dữ liệu về máy dưới dạng file excel

6. Xác nhận lệnh

6.1. Xác nhận lệnh cơ sở

– Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản / Xác nhận lệnh

– Mục đích: Nhà đầu tư xác nhận được lệnh

– Các bước thực hiện và giải thích

– 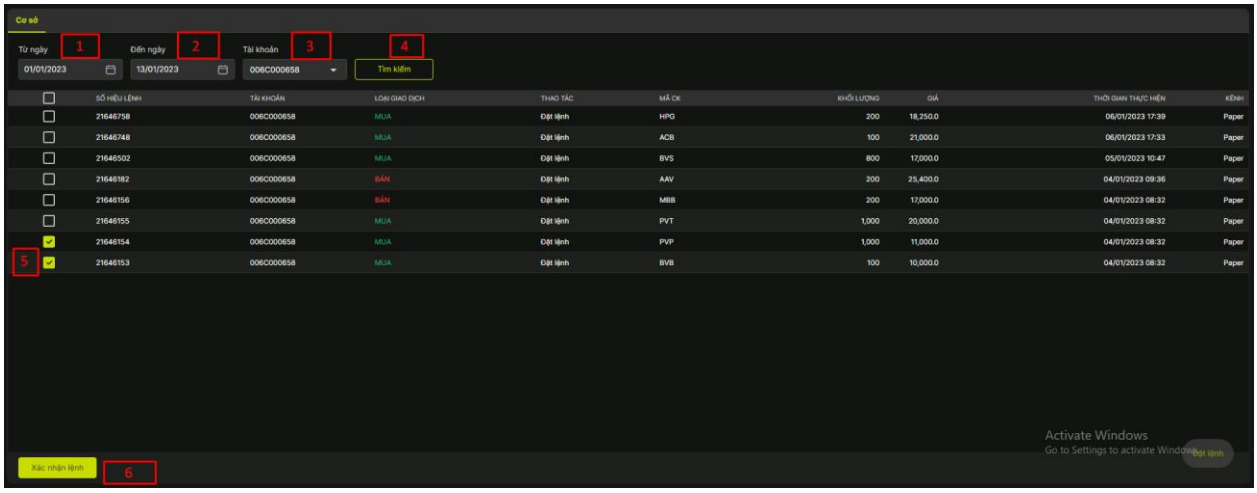

– Các bộ lọc:
  - Từ ngày: mặc định hiển thị ban đầu là ngày đầu tháng
  - Đến ngày: mặc định hiển thị ban đầu là T (với T là ngày hiện tại)
  - Tiểu khoản: mặc định hiển thị ban đầu là tiểu khoản được thiết lập mặc định. Có thể chọn các tiểu khoản khác trong danh sách tài khoản
– Cho phép tìm kiếm dữ liệu tối đa trong khoảng thời gian 30 ngày. Vượt quá khoảng thời gian tìm kiếm -> Hiển thị thông báo lỗi.
– Các bước thực hiện xác nhận lệnh:
  - Nhập hoặc chọn giá trị Từ ngày
  - Nhập hoặc chọn giá trị Đến ngày
  - Chọn tài khoản
  - Nhấn Tìm kiếm
– Tích chọn tại danh sách lênh. Có thể chọn 1 hoặc nhiều hoặc tất cả lệnh
– Nhấn nút "Xác nhận lệnh" -> Hiển thị màn hộp thoại xác nhận

– 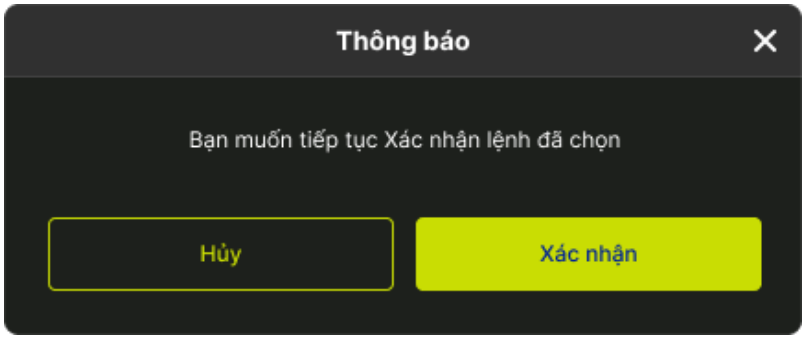

– Nhấn Hủy -> Đóng hộp thoại xác nhận

– Nhấn Xác nhận -> Thông báo xác nhận lệnh thành công và hiển thị lại danh sách lệnh

6.2. Xác nhận lệnh phái sinh

– Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản/ Xác nhận lệnh

– Mục đích: KH xác nhận được lệnh

– 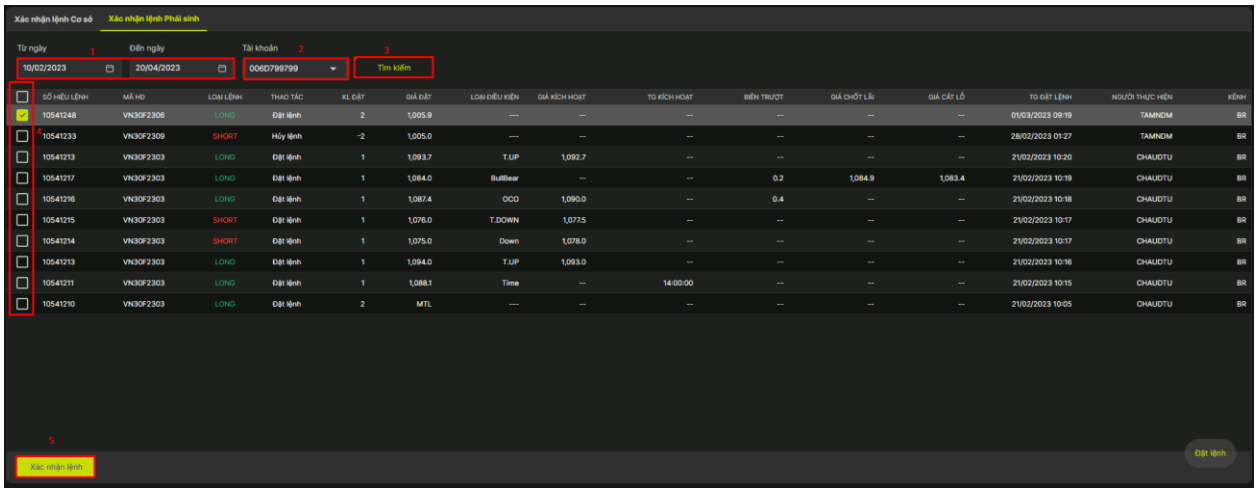

– Các bộ lọc:

  - Từ ngày: mặc định hiển thị ban đầu là ngày T-7 (với T là ngày hiện tại)
  - Đến ngày: mặc định hiển thị ban đầu là T (với T là ngày hiện tại)
  - Tài khoản

– Cho phép tìm kiếm dữ liệu tối đa trong khoảng thời gian 90 ngày

– Các bước thực hiện

  - Nhập từ ngày đến ngày
  - Chọn tài khoản
  - Nhấn tìm kiếm

– Chọn chọn lệnh muốn xác nhận, có thể chọn 1 hoặc nhiều hoặc tất cả

– Nhấn nút Xác nhận lệnh -> Hiển thị hộp thoại Xác nhận

– 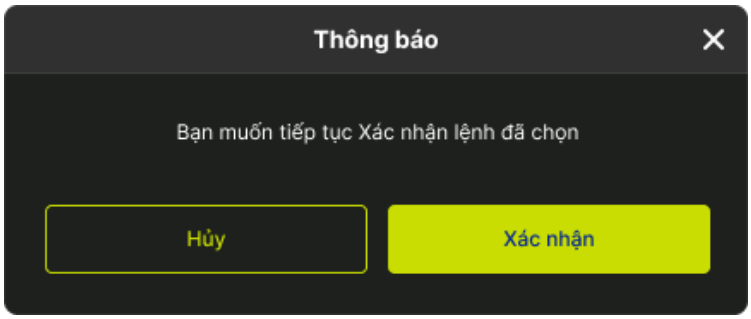

– Nhấn Hủy: đóng hộp thoại

– Nhấn Xác nhận : thông báo xác nhận lệnh thành công và hiển thị lại danh sách lệnh

7. Chuyển khoản Chứng khoán

– Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản / Chuyển khoản chứng khoán

– Mục đích: Thực hiện chuyển chứng khoán giữa các tiểu khoản thuộc cùng 1 tài khoản GDCK

– Chỉ được thực hiện chuyển CK trong thời gian giao dịch cho phép

7.1 Tạo yêu cầu chuyển khoản CK

– Các bước thực hiện: Tạo yêu cầu chuyển khoản chứng khoán

– Nhập thông tin yêu cầu chuyển khoản chứng khoán

– Tiểu khoản chuyển

– Tiểu khoản nhận

– Tích vào các mã CK muốn chuyển

– Nhập số CK muốn chuyển

– Nhấn nút "Thực hiện"

–

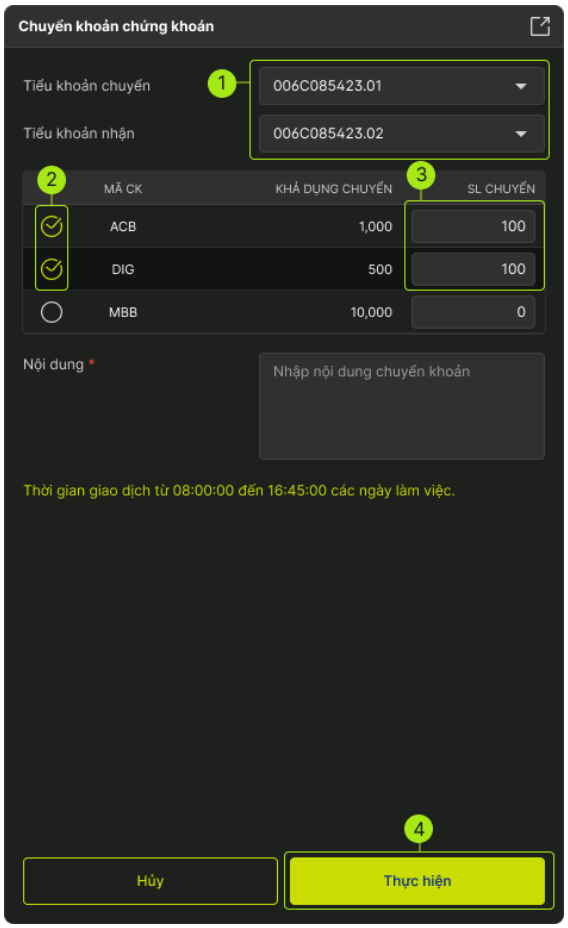

7.2 Lịch sử chuyển khoản chứng khoán

– Bộ lọc gồm:
  - Từ ngày- đến ngày: Thời gian thực hiện từ ngày- đến ngày
  - Tiểu khoản chuyển: Tiểu khoản thực hiện chuyển khoản chứng khoán
  - Trạng thái: trạng thái của các yêu cầu chuyển khoản

– 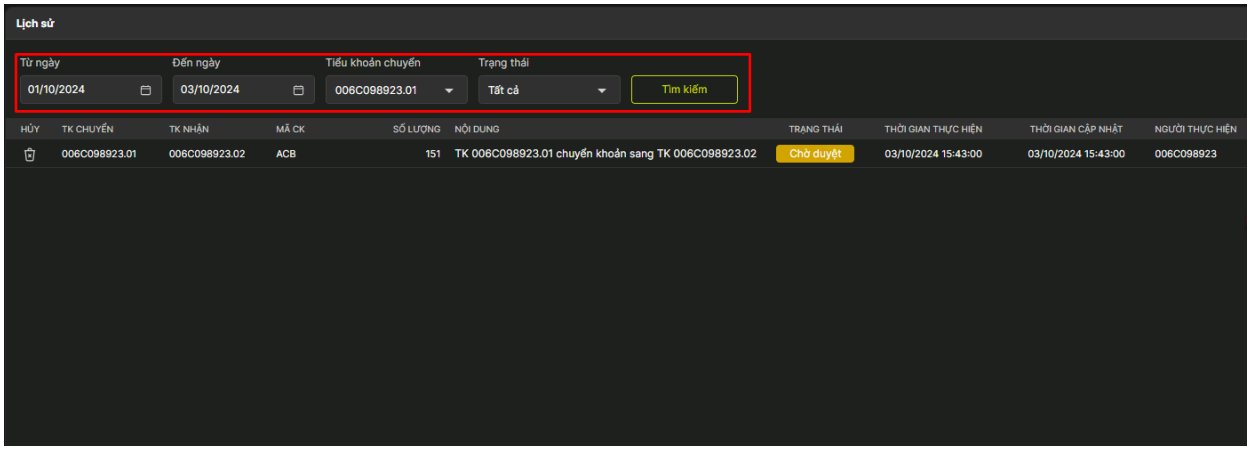

7.3 Hủy yêu cầu Chuyển khoản CK

– Cho phép người dùng hủy yêu cầu chuyển khoản CK nội bộ đang ở trạng thái chờ duyệt

– Các bước thực hiện:
  - Click vào biểu tượng thùng rác của yêu cầu muốn thực hiện hủy
  - Nhấn "Xác nhận" ở popup xác nhận

8. Thay đổi nhân viên chăm sóc tài khoản

– Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản / Nhân viên chăm sóc

– Mục đích: Cho phép xem thông tin nhân viên chăm sóc, thay đổi nhân viên chăm sóc và xem lịch sử thay đổi nhân viên chăm sóc

– Hiển thị các thông tin:
  - Tài khoản: chỉ hiển thị 1 tài khoản C
  - NV quản lý tài khoản
  - Chi nhánh
  - Email
  - Điện thoại
  - Mã nhân viên chăm sóc

8.1 Tạo yêu cầu thay đổi

- Nhấn vào button Thay đổi
- Nhập mã nhân viên tồn tại
- Tên nhân viên: hệ thống cập nhật tự động
- Chi nhánh: hệ thống cập nhật tự động
- Nhập lý do
- Nhấn nút Áp dụng: mở form xác thực OTP
- Nhập mã OTP hợp lệ
- Nhấn xác nhận: thông báo gửi yêu cầu thay đổi thành công
- Note: Nếu đang có yêu cầu thay đổi chờ xử lý thì nhấn nút Thay đổi thông báo lỗi

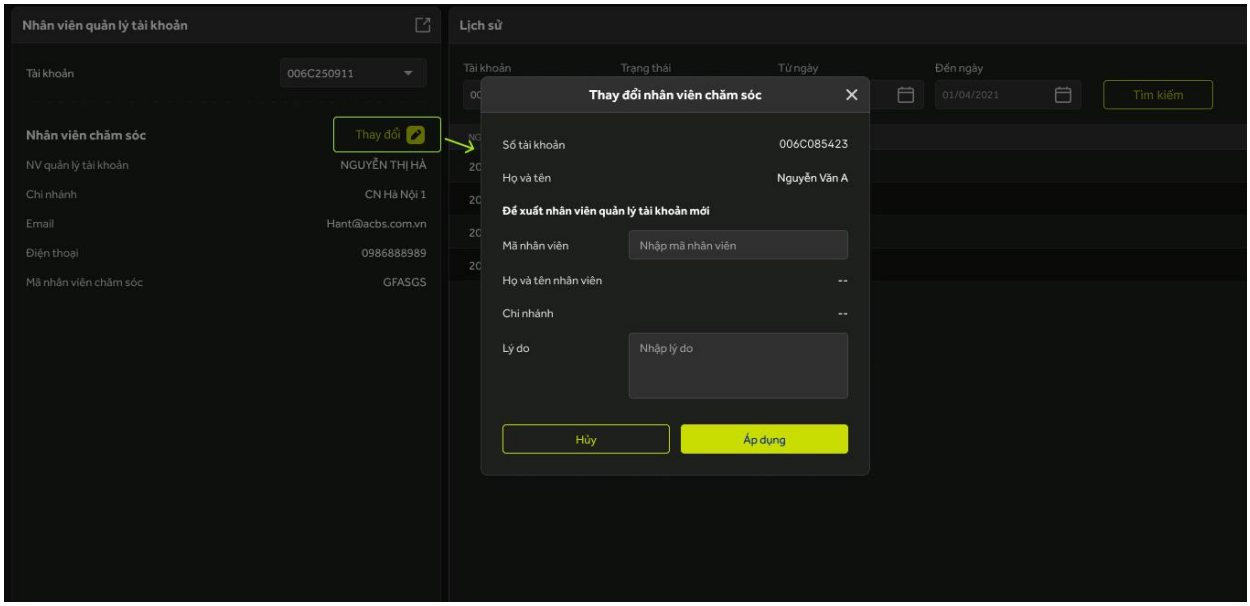

8.2 Lịch sử thay đổi

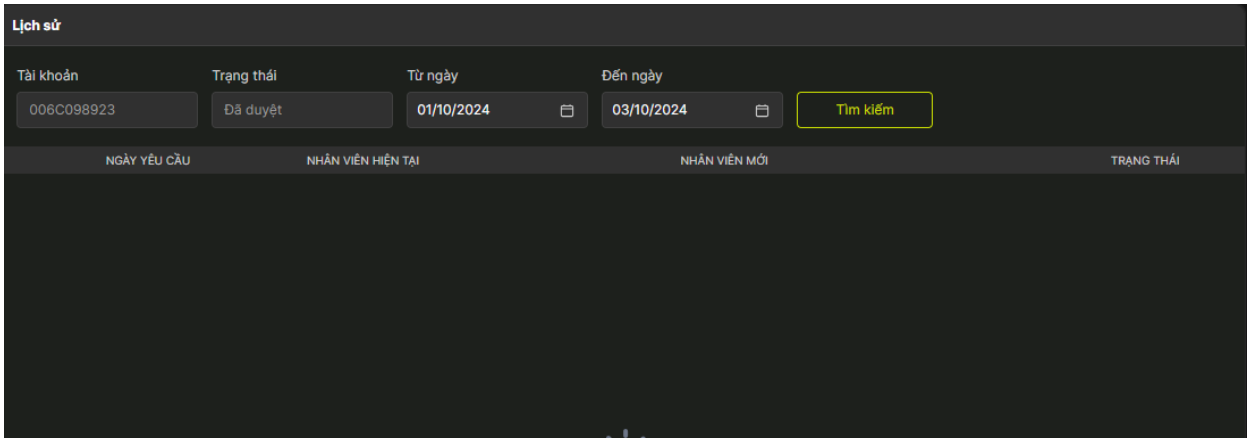

- Bộ lọc:
    - Tài khoản: Hiển thị tiểu khoản cơ sở
    - Trạng thái: Đã duyệt
    - Từ ngày: hiển thị mặc định ngày đầu tháng
    - Đến ngày: hiển thị là ngày hiện tại
    - Button Tìm kiếm
- Thông tin hiển thị:
    - Ngày yêu cầu
    - Nhân viên hiện tại
    - Nhân viên mới
    - Trạng thái

9. Hạn mức chuyển khoản online

- Đường dẫn: Web/ Dịch vụ cơ bản/ Hạn mức chuyển khoản Online
- Mục đích: Cho phép NĐT thay đổi hạn mức được phép thực hiện chuyển khoản trên các kênh online

9.1 Tạo yêu cầu

- Nhập số tiền
- Tick chọn đồng ý điều khoản điều kiện
- Nhấn Thực hiện
- Xác nhận ở popup Xác nhận và xác thực otp

– 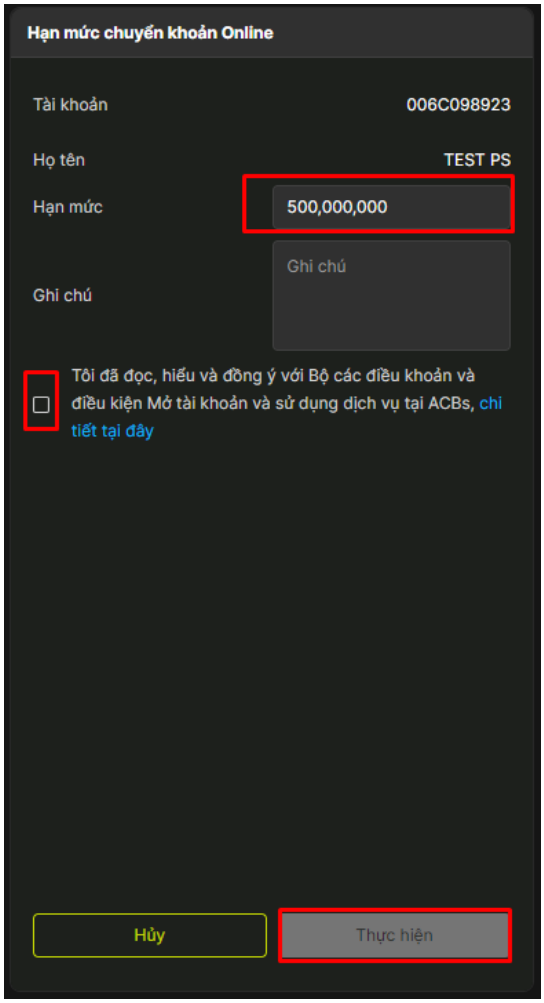

– Nếu có yêu cầu chưa duyệt thì không cho phép NĐT thay đổi hạn mức

9.2 Lịch sử

– Nhập thông tin bộ lọc => Nhấn Tìm kiếm

– 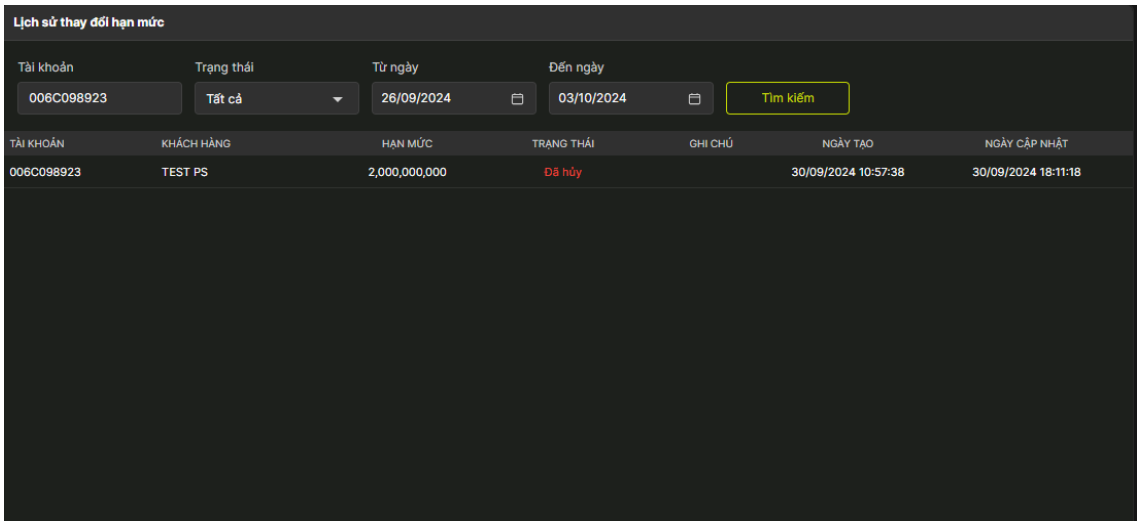

VII. DỊCH VỤ KHÁC

1. Khoản vay ký quỹ

- Đường dẫn: Dịch vụ tài chính / Gia hạn khoản vay
- Mục đích: Cho phép người dùng tạo đề nghị gia hạn khoản vay hoặc thanh toán khoản vay margin

1.1. Theo dõi dư nợ

- Bộ lọc:
    - Tiểu khoản: Tất cả
    - Trạng thái: có thể tùy chọn, hệ thống đang mặc định Nợ gốc còn lại
    - Từ ngày đến ngày: mặc định bỏ trống
    - Nút Tìm kiếm
- Hướng dẫn thực hiện tìm kiếm danh sách khoản vay:
- Tùy chỉnh lọc bộ lọc theo các điều kiện muốn tìm kiếm
- Nhấn Tìm kiếm và Danh sách các khoản nợ sẽ hiển thị theo bộ lọc
- 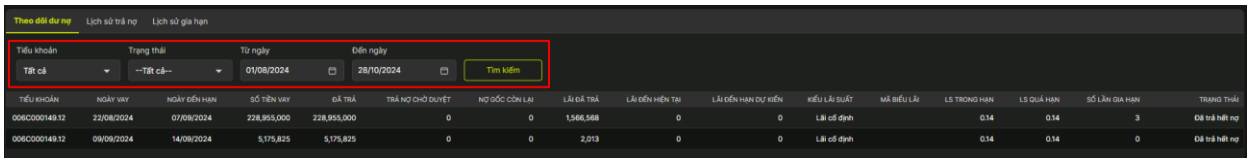

1.2. Lịch sử trả nợ

- Là những khoản mà NĐT đã trả
- Bộ lọc:
    - Tiểu khoản: Tất cả
    - Trạng thái
    - Từ ngày đến ngày: mặc định bỏ trống
    - Button Tìm kiếm
- Các bước thực hiện tìm kiếm danh sách khoản vay
- Tùy chỉnh lọc bộ lọc theo các điều kiện muốn tìm kiếm
- Nhấn Tìm kiếm

– 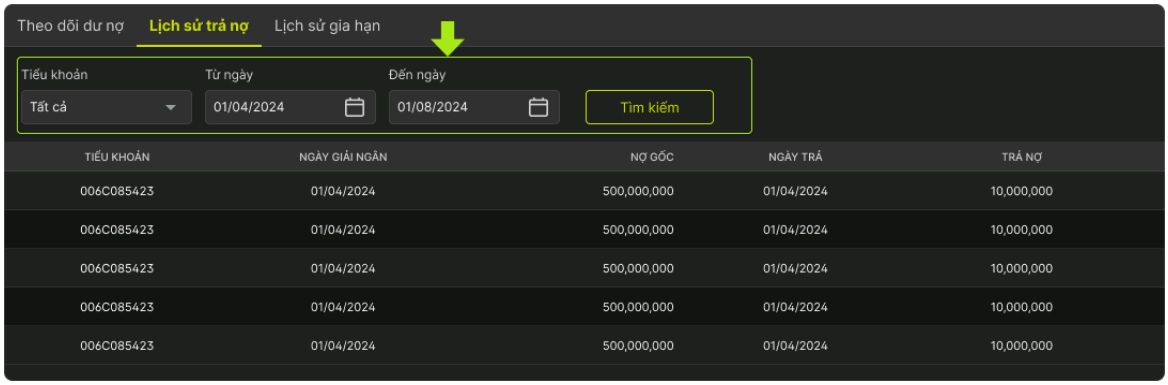

1.3. Lịch sử gia hạn

- Những khoản vay NĐT thực hiện gia hạn thêm thời gian
- Bộ lọc:
  - Tiểu khoản: Tất cả
  - Trạng thái
  - Từ ngày đến ngày: mặc định bỏ trống
  - Button Tìm kiếm
- Các bước thực hiện tìm kiếm danh sách khoản vay
- Tùy chỉnh lọc bộ lọc theo các điều kiện muốn tìm kiếm
- Nhấn Tìm kiếm
- 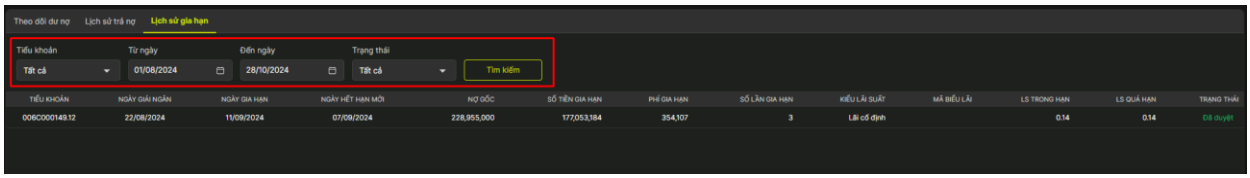

2. Đăng ký mua CW

- Đường dẫn: Dịch vụ tài chính / Đăng ký mua CW
- Mục đích: Cho phép đăng ký mua Chứng quyền, xem thông tin lịch sử đăng ký mua Chứng quyền

2.1. Hướng dẫn tạo yêu cầu đăng ký mua CW

- Tích vào các mã CW muốn mua
- Nhập khối lượng đăng ký mua
- Nhấn Đăng ký mua
- Nhấn Xác nhận ở form Xác nhận đăng ký mua chứng quyền
- Nhập OTP và nhấn Xác nhận
- 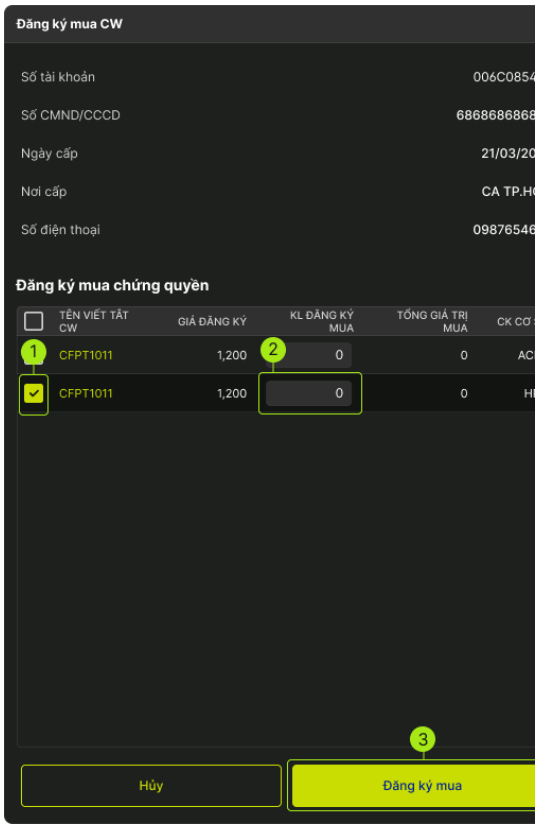

2.2. Lịch sử đăng ký mua CW

- Bộ lọc:
  - Tài khoản mặc định là tài khoản mặc định được thiết lập trong Cài đặt
  - Trạng thái
  - Từ ngày – Đến ngày
- Hướng dẫn thực hiện xem lịch sử: Tùy chỉnh bộ lọc -> Nhấn Tìm kiếm

–

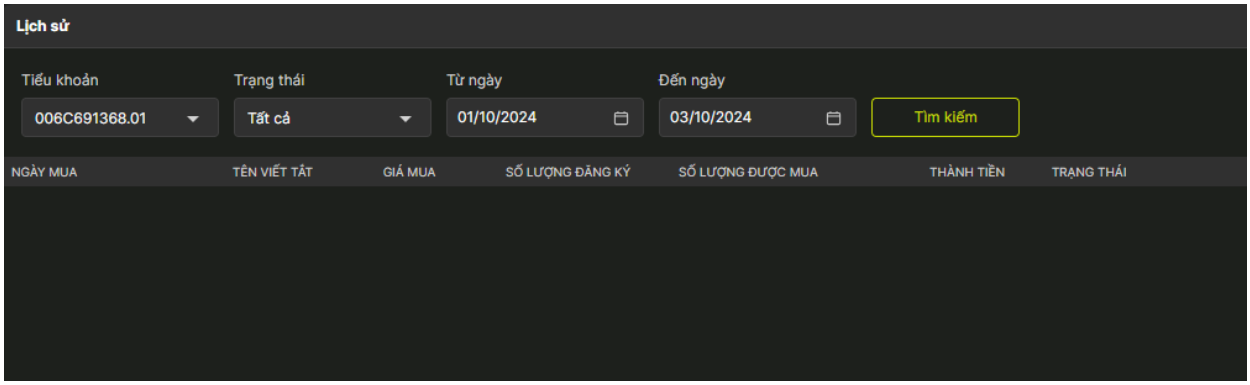

3. Giao dịch thỏa thuận

– Đường dẫn: Dịch vụ khác/ Giao dịch thỏa thuận

– Mục đích: cho phép KH giao dịch thỏa thuận giữa cùng thành viên và khác thành viên

– Chỉ cho phép giao dịch Bán

–

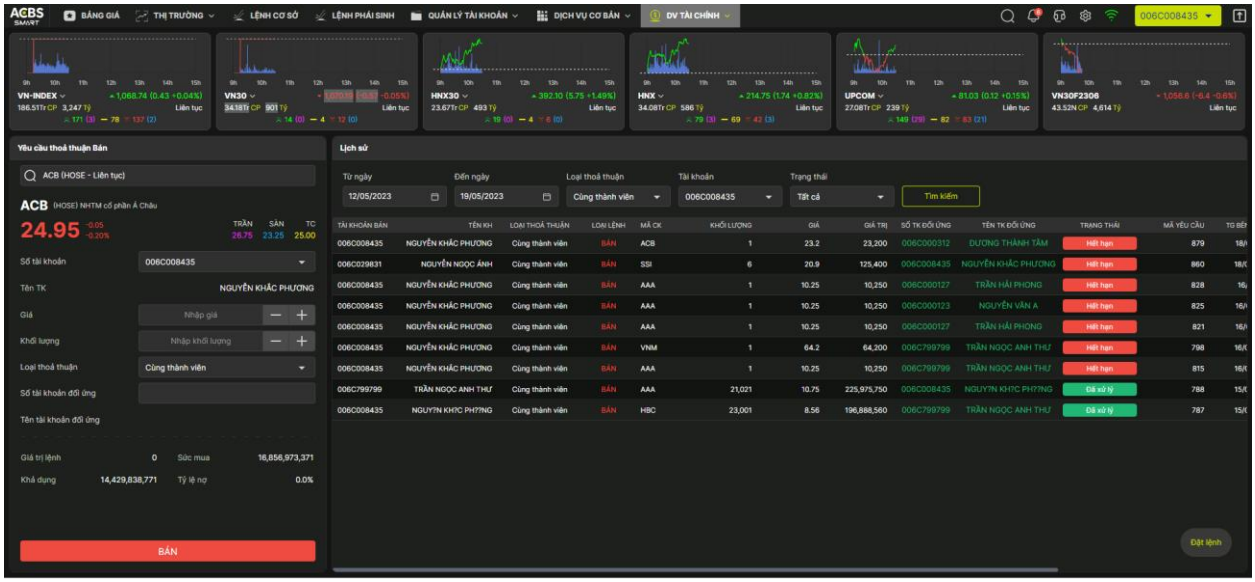

3.1 Tạo yêu cầu giao dịch thỏa thuận Bán

Cùng thành viên

Khác thành viên

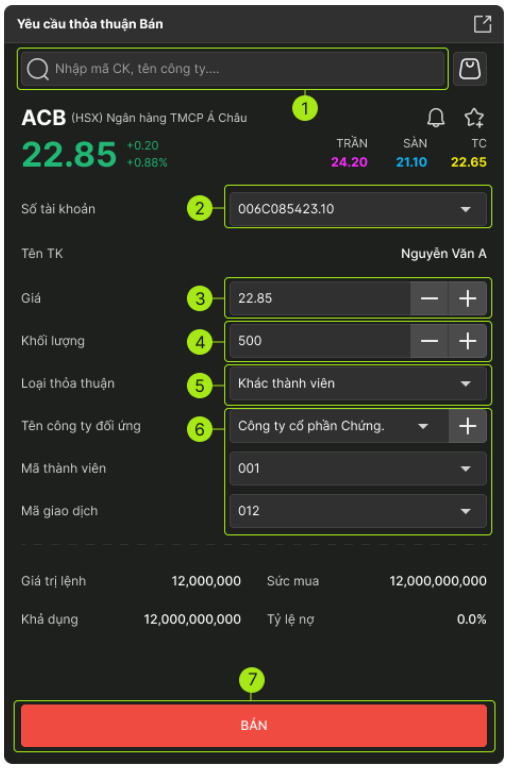

(1) Nhập mã CK => Hiển thị giá trần, sàn, tham chiếu

(2) Chọn số tài khoản tạo yêu cầu bán => Hiển thị tên tài khoản và thông tin về số dư của tài khoản

(3) Nhập giá: bước giá là 1

(4) Nhập khối lượng:

- Sàn HOSE: KL >=20.000 hoặc 1-99
- Sàn HNX: KL >=5.000 hoặc 1-99
- Sàn UPCOM không quy định

(5) Chọn loại thỏa thuận: Cùng thành viên, Khác thành viên

(6) Trường hợp user chọn Cùng thành viên: Nhập số tài khoản đối ứng, không cho phép giao dịch giữa 2 tk là ủy quyền và tiểu khoản của userlogin

- Trường hợp user chọn Khác thành viên:
- Chọn tên công ty đối ứng => Show mã thành viên và mã giao dịch (nếu có) tương ứng
- Thêm mới công ty đối ứng bằng cách nhấn nút +

(7) Nhấn Bán => Mở form Xác nhận

- Form Xác nhận Bán thỏa thuận Cùng thành viên

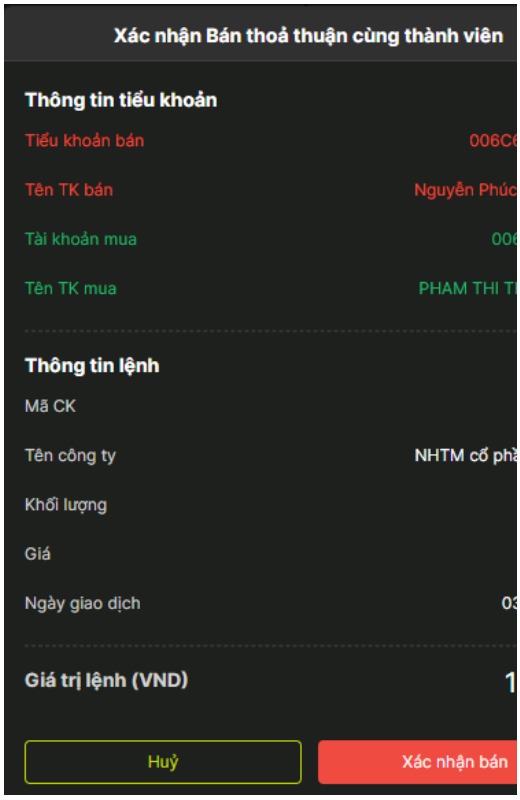

- Form Xác nhận Bán thỏa thuận Khác thành viên

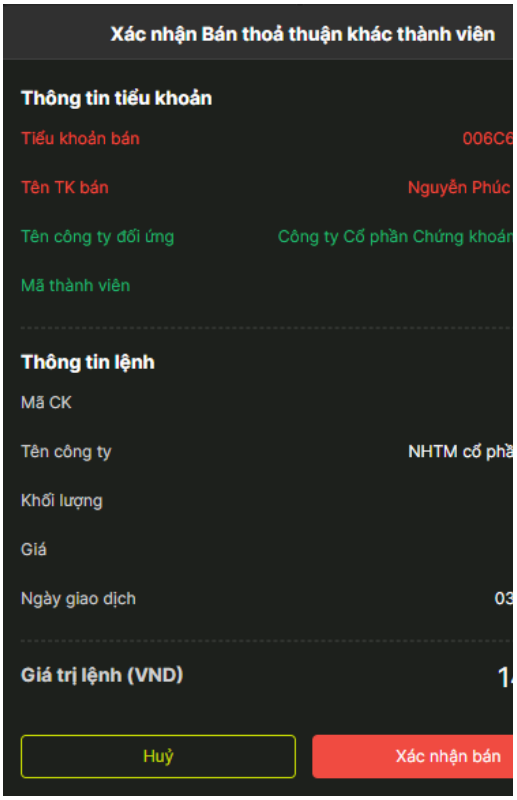

- Nhấn Hủy => Back về màn tạo yêu cầu
- Nhấn Xác nhận Bán => Mở form Xác thực OTP (xác thực từng lần)

3.2 Lịch sử giao dịch thỏa thuận

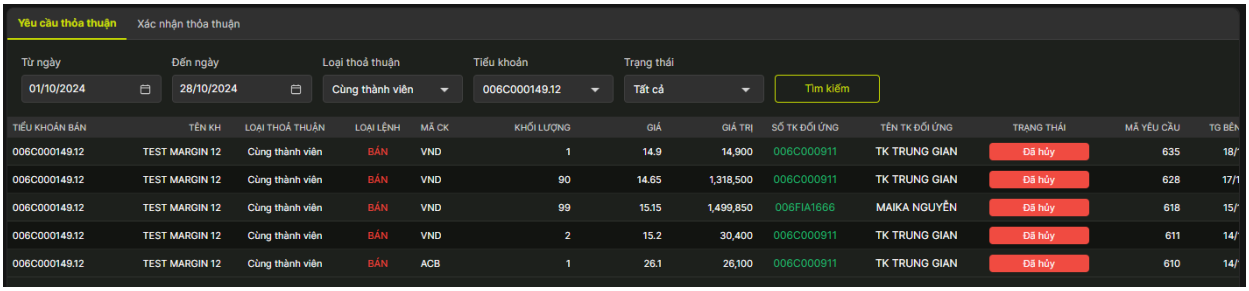

TIỂU KHOẢN BÁN	TÊN KH	LOẠI THOẢ THUẬN	LOẠI LỆNH	MÃ CK	KHỐI LƯỢNG	GIÁ	GIÁ TRỊ	SỐ TK ĐỐI ỨNG	TÊN TK ĐỐI ỨNG	TRẠNG THÁI	MÃ YÊU CẦU	TG BÊN
006C000149.12	TEST MARGIN 12	Cùng thành viên	BÁN	VND	1	14.9	14,900	006C000911	TK TRUNG GIAN	Đã hủy	635	18/
006C000149.12	TEST MARGIN 12	Cùng thành viên	BÁN	VND	90	14.65	1,318,500	006C000911	TK TRUNG GIAN	Đã hủy	628	17/1
006C000149.12	TEST MARGIN 12	Cùng thành viên	BÁN	VND	99	15.15	1,499,850	006FIA1666	MAIKA NGUYỄN	Đã hủy	618	15/
006C000149.12	TEST MARGIN 12	Cùng thành viên	BÁN	VND	2	15.2	30,400	006C000911	TK TRUNG GIAN	Đã hủy	611	14/
006C000149.12	TEST MARGIN 12	Cùng thành viên	BÁN	ACB	1	26.1	26,100	006C000911	TK TRUNG GIAN	Đã hủy	610	14/

- Bộ lọc:
  - Từ ngày-đến ngày
  - Loại thỏa thuận : Cùng thành viên, Khác thành viên
  - Tiểu khoản
  - Trạng thái: Chờ xác nhận, Chờ xử lý, Bên mua xác nhận, Đã xử lý, Thất bại, Bên mua từ chối, CTCK từ chối, Hết hạn
- Thông tin hiển thị:
  - Tài khoản bán
  - Tên KH
  - Loại thỏa thuận
  - Loại lệnh: Bán
  - Mã CK
  - Khối lượng
  - Giá
  - Giá trị
  - Số TK đối ứng
  - Tên TK đối ứng
  - Trạng thái
  - Mã yêu cầu
  - TG bên bán yêu cầu
  - TG cập nhật
  - TG ACBS phản hồi
  - Đối với TK bán sẽ hiển thị nút Hủy cho phép bên bán Hủy yêu cầu giao dịch thỏa thuận

– Đối với TK mua hiển thị nút Xác nhận mua (cho phép bên mua thao tác xác nhận giao dịch thỏa thuận) và nút Từ chối (từ chối yêu cầu giao dịch thỏa thuận)

VIII. CÀI ĐẶT

1. Cài đặt chung

– Mục đích: Người dùng thiết lập ngôn ngữ phù hợp muốn sử dụng, lựa chọn kích thước chữ phù hợp, lựa chọn hiển thị theme sáng hay theme tối

– 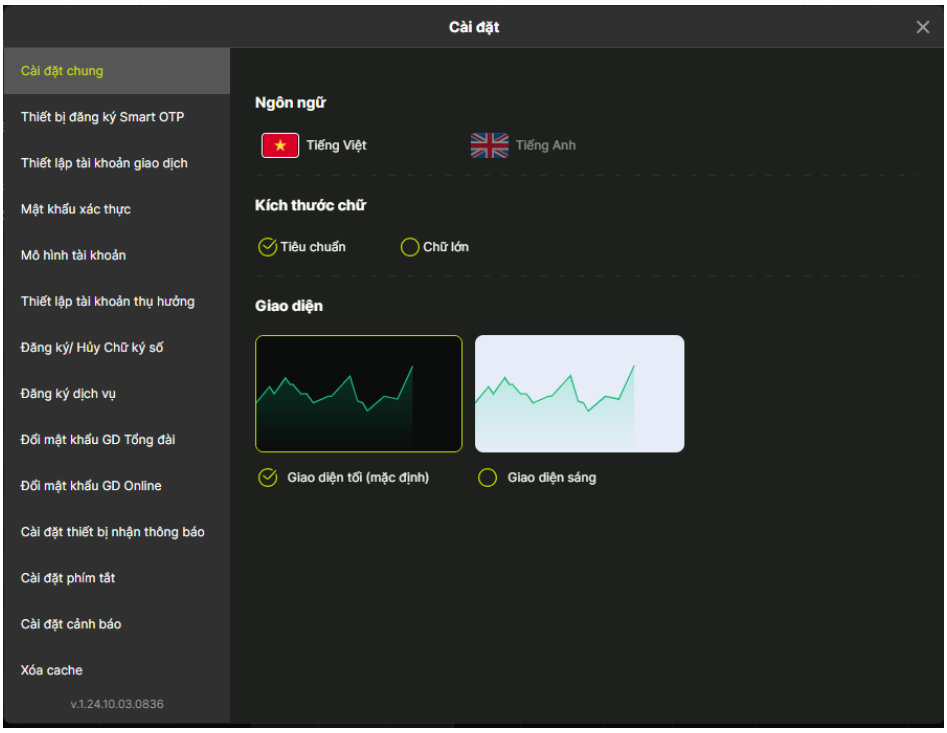

2. Thiết bị đăng ký Smart OTP

– Đường dẫn: Cài đặt / Thiết bị đăng ký Smart OTP

– Mục đích: Xem danh sách các thiết bị đã đăng ký sử dụng Smart OTP để giao dịch; Chức năng xóa thiết bị đang đăng ký Smart OTP

– Xem danh sách thiết bị đã đăng ký sử dụng Smart OTP:

  - Thiết bị: Thiết bị đã đăng ký Smart OTP
  - Ngày kích hoạt: Ngày kích hoạt sử dụng Smart OTP
  - Hủy kích hoạt: Hủy kích hoạt thiết bị sử dụng SmartOTP mong muốn

– Các bước thực hiện Xóa thiết bị đã đăng ký Smart OTP

– Click vào biểu tượng thùng rác ở thiết bị muốn xóa

– 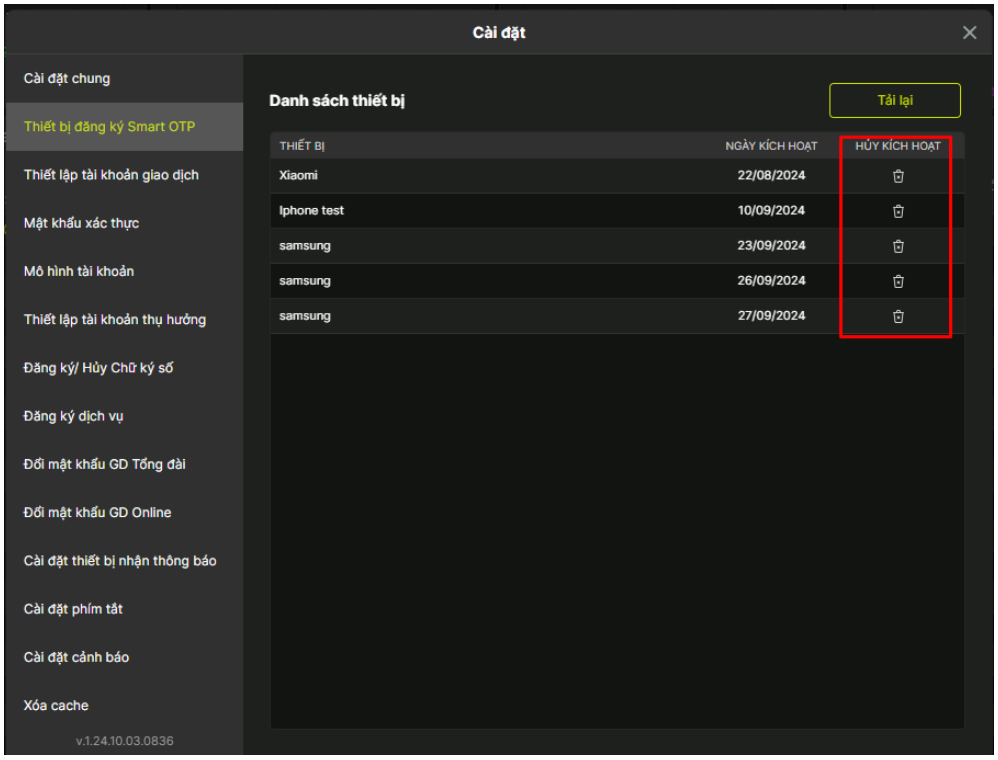

– Nhấn nút Xác nhận ở popup thông báo xác nhận hủy kích hoạt và xác thực OTP để hủy đăng ký thiết bị

– 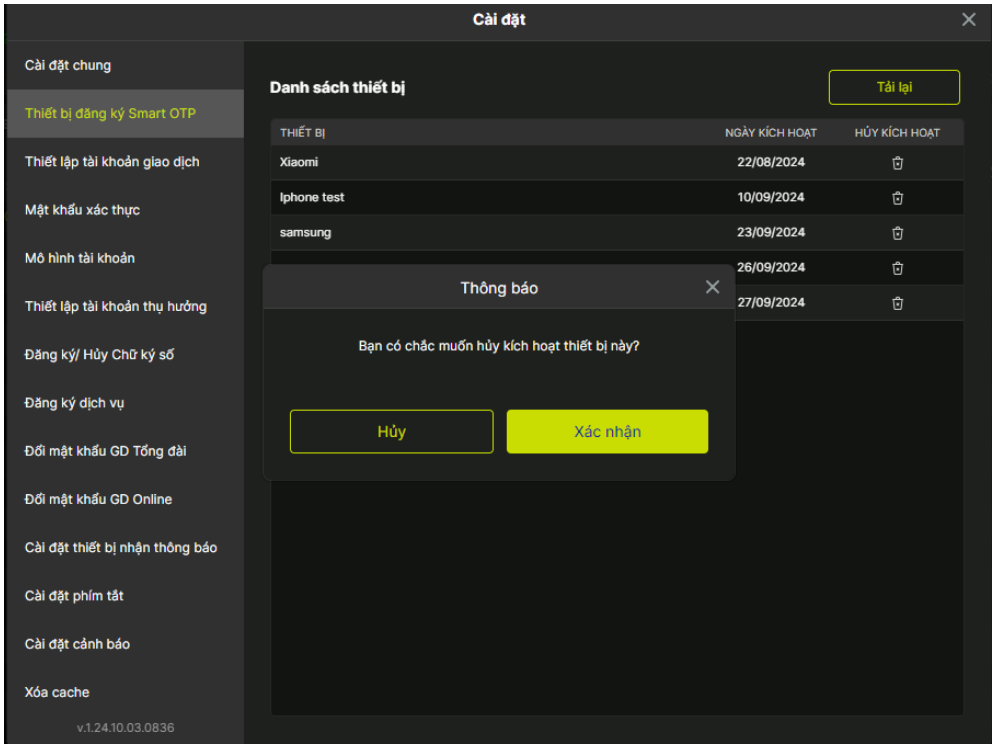

3. Thiết lập tài khoản giao dịch

– Đường dẫn: Cài đặt / Thiết lập tài khoản giao dịch

– Mục đích: Thiết lập tài khoản mặc định lúc giao dịch để khách hàng dễ dàng thao tác sử dụng, thiết lập phương thức xác thực cấp 2

– 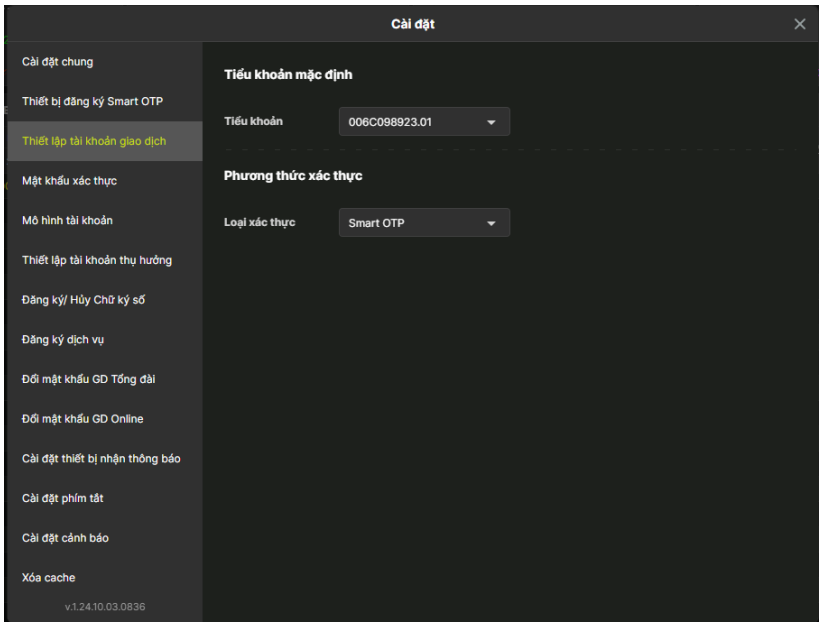

– Tiểu khoản mặc định: Chọn tiểu khoản người dùng thường xuyên giao dịch để thiết lập tiểu khoản mặc định khi thực hiện giao dịch

– 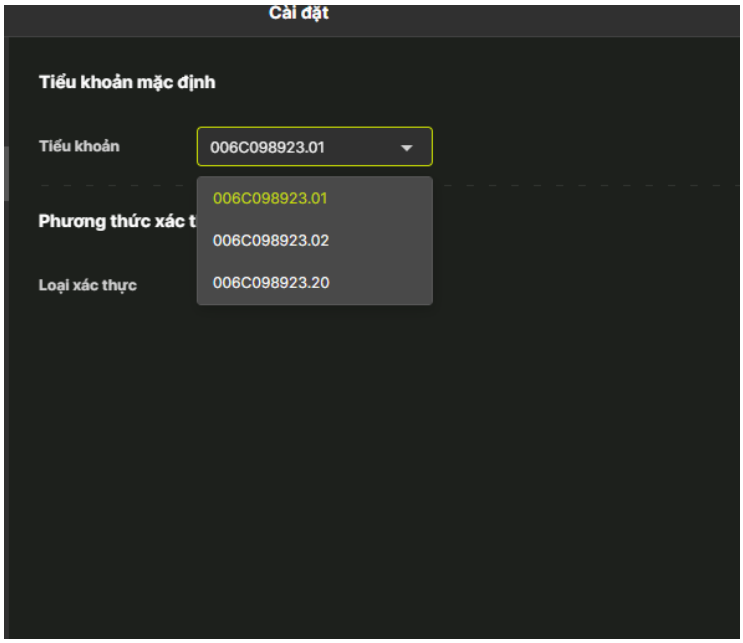

– Xác thực giao dịch: Người dùng thiết lập sử dụng SMS OTP, SmartOTP hay Chữ ký số. Khi thực hiện các giao dịch có xác thực OTP sẽ hiển thị mặc định phương thức xác thực người dùng đã thiết lập.

– 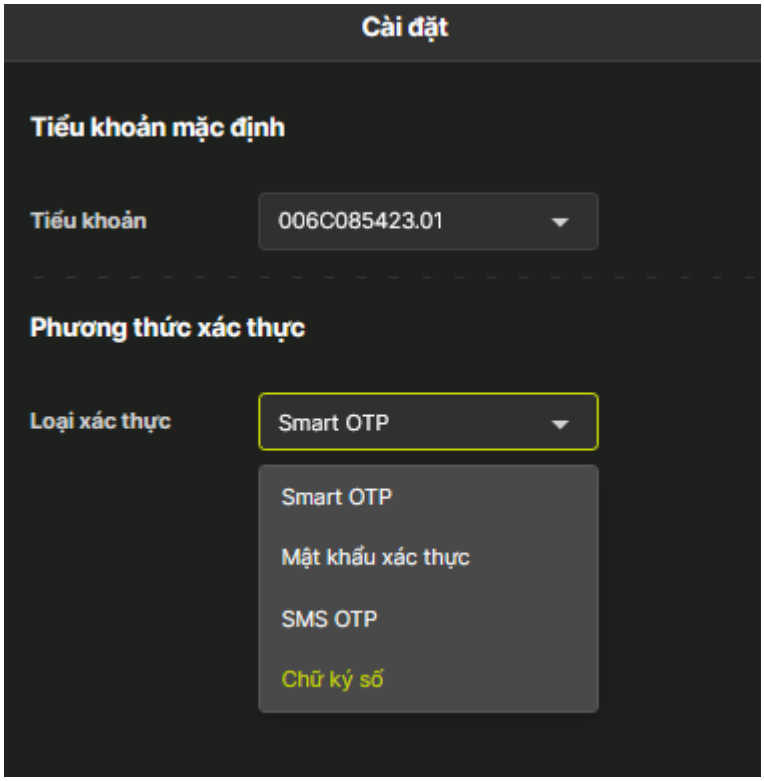

4. Mật khẩu xác thực

– Đường dẫn: Cài đặt / Đổi mật khẩu GD qua Internet
– Mục đích: Thay đổi mật khẩu đăng nhập
– Thay đổi mật khẩu xác thực
– Nhập mật khẩu hiện tại và mật khẩu mong muốn đổi (nhập đúng yêu cầu về mật khẩu)
– Nhấn nút Cập nhật
– Xác thực OTP để thay đổi mật khẩu xác thực

– 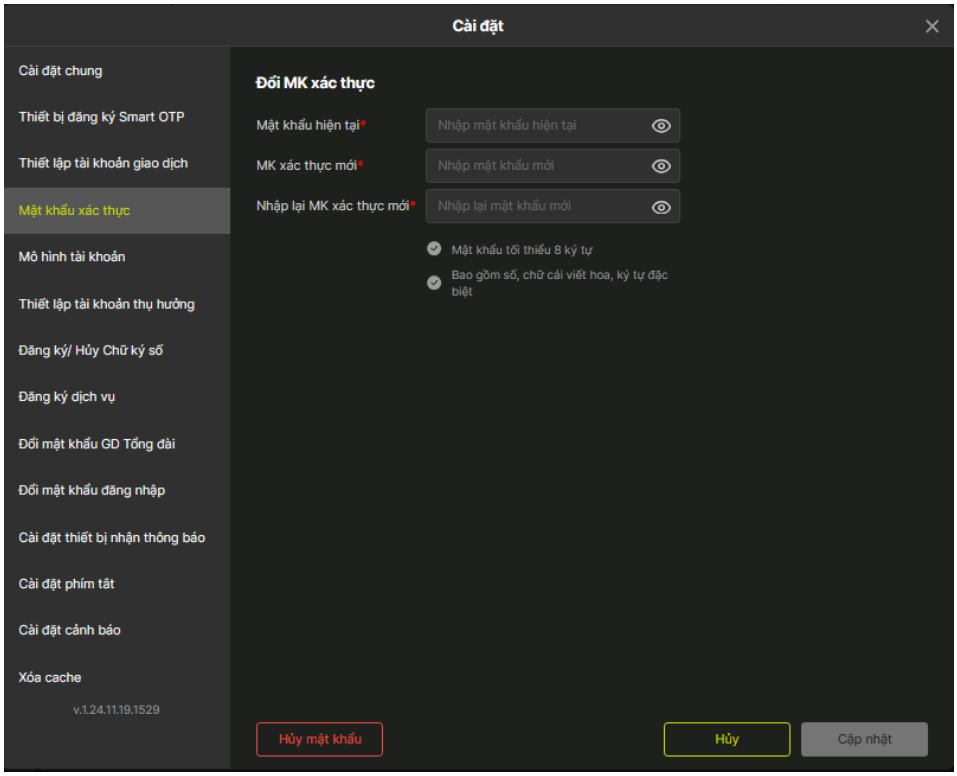

5. Mô hình tài khoản

– Đường dẫn: Cài đặt / Mô hình tài khoản

– Mục đích: Hiển thị số tiểu khoản và loại mô hình tương ứng

– 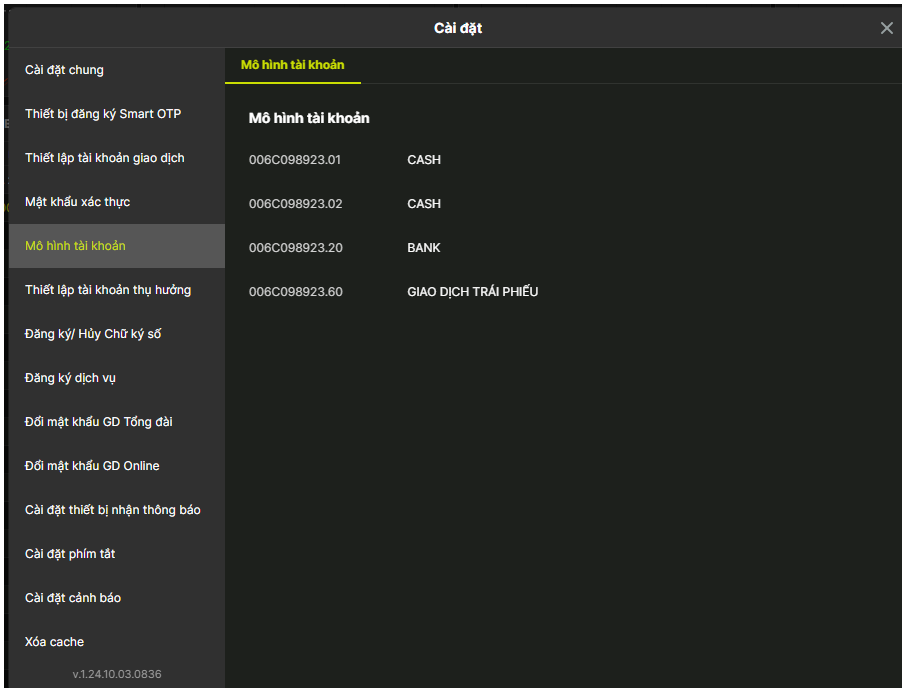

6. Thiết lập tài khoản thụ hưởng

– Đường dẫn: Cài đặt/Thiết lập tài khoản thụ hưởng

– Mục đích: Người dùng sử dụng chức năng để xem danh sách tài khoản thụ hưởng, xóa tài khoản thụ hưởng và thêm tài khoản thụ hưởng mới

– Các bước thực hiện:

– Danh sách tài khoản thụ hưởng

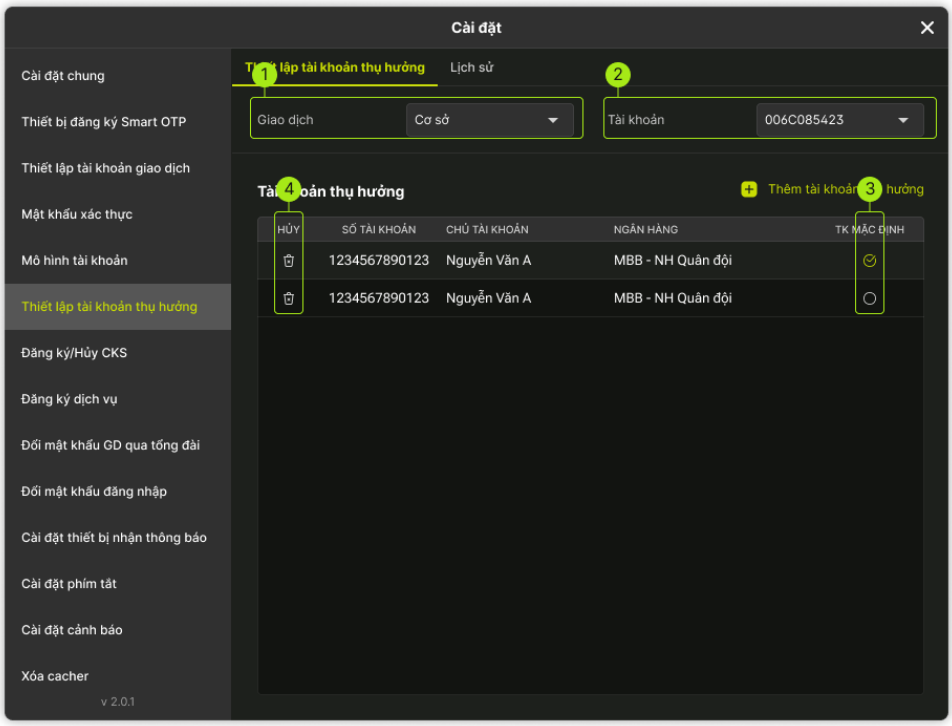

–

– Chọn loại giao dịch: hiển thị mặc định là giao dịch cơ sở

– Chọn tài khoản: giao dịch cơ sở hiển thị tài khoản mặc định theo thiết lập ở cài đặt

– Nhấn tick để thiết lập tài khoản mặc định: mở form xác nhận thiết lập tk mặc định => Nhấn xác nhận để thiết lập mặc định

– Nhấn icon thùng rác để hủy tài khoản thụ hưởng: mở form Xác nhận hủy tài khoản => Nhấn xác nhận => mở form xác thực OTP => Nhập đúng mã OTP để hủy hủy tk thụ hưởng thành công

Thêm tài khoản thụ hưởng

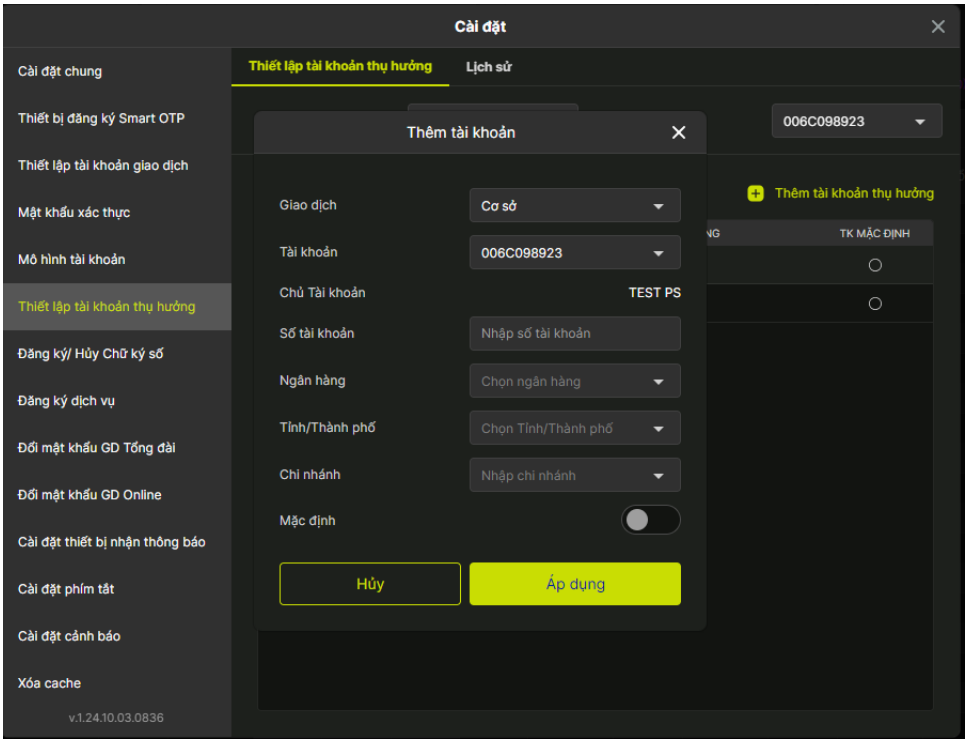

- Chọn loại giao dịch
- Chọn tài khoản
- Nhập số tài khoản
- Chọn ngân hàng
- Chọn tỉnh/tp
- Chọn chi nhánh
- Nhấn nút Áp dụng
- Chú ý: 1 tiểu khoản có tối đa 3 tài khoản thụ hưởng
- Lịch sử thiết lập tài khoản thụ hưởng

–

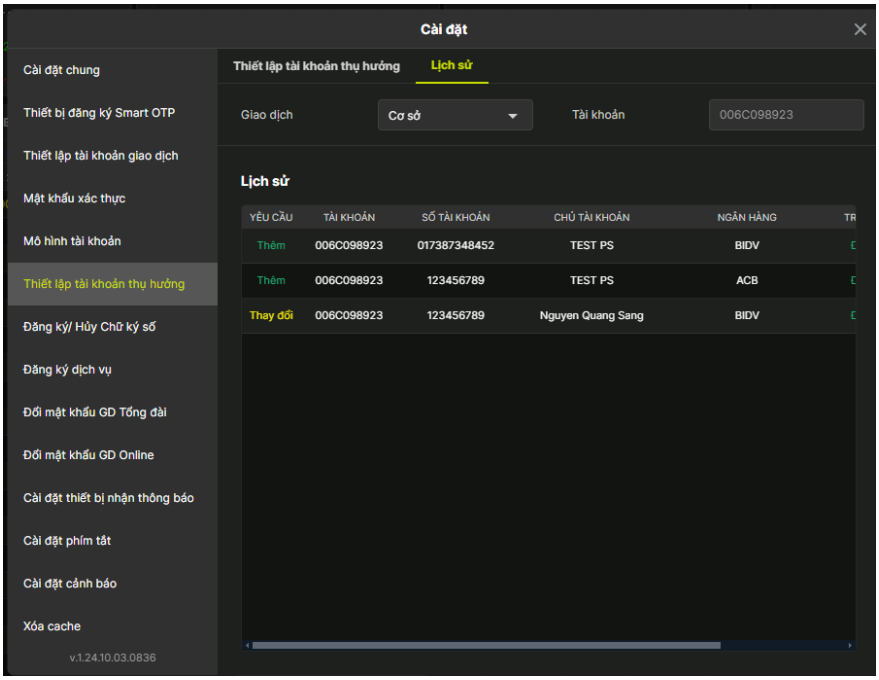

– Tìm kiếm theo bộ lọc hiển thị các thông tin bao gồm:
  - Yêu cầu
  - Tài khoản
  - Số tài khoản
  - Chủ tài khoản
  - Ngân hàng
  - Trạng thái
  - Ngày yêu cầu

7. Đăng ký/Hủy đăng ký chữ ký số

– Đường dẫn: Cài đặt/ Đăng ký/Hủy đăng ký chữ ký số

– Mục đích: Người dùng sử dụng chức năng để xem danh sách thiết bị đã đăng ký và đăng ký thiết bị mới

– Các bước thực hiện: đăng ký thiết bị chữ ký số

– Nhấn vào nút Tải lại: mở ra popup Danh sách chứng thư số

– Nhấn OK: dữ liệu token tự động fill vào các trường tương ứng

– Nhấn Đăng ký: Thông báo Thành công hoặc thất bại

– Lưu ý: 1 serial chỉ được đăng ký cho 1 tài khoản, 1 tài khoản có thể đăng ký được nhiều serial

–

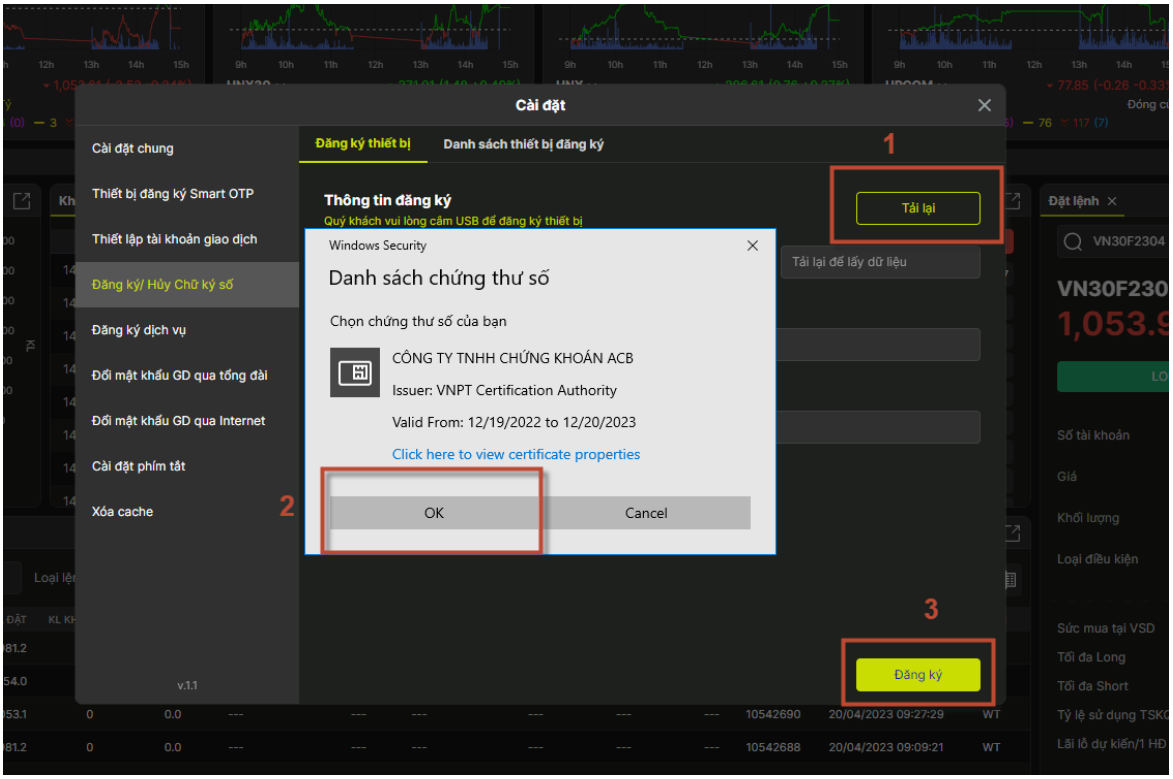

– Xem danh sách thiết bị đăng ký: Nhấn vào tab danh sách thiết đăng ký hiển thị danh sách đăng ký gồm các thông tin:

- Xóa
- Số serial
- Nhà cung cấp
- Ngày đăng ký
- Ngày hết hạn
- Họ tên
- CMND/CCCD
- Thông tin thiết bị
- IP đăng ký
- Trạng thái

– 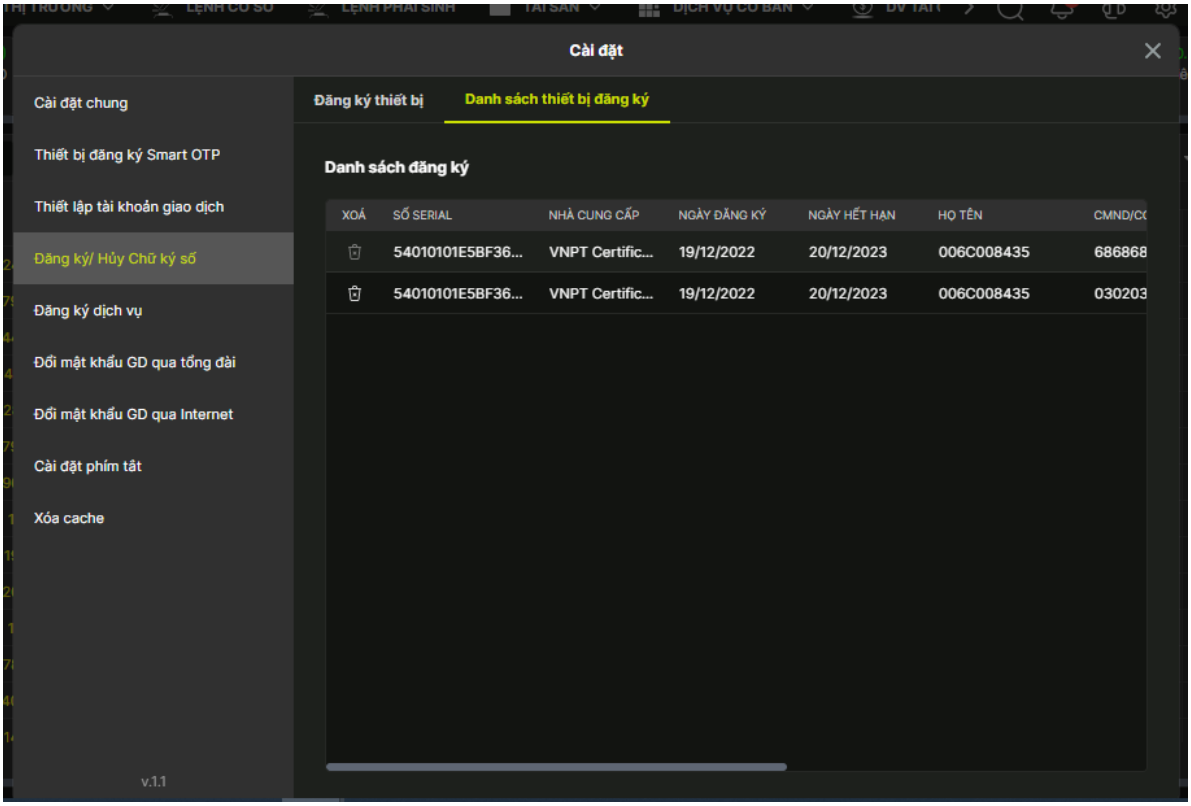

– Xóa thiết bị đăng ký chữ ký số : Nhấn vào icon xóa sẽ mở popup Xác nhận xóa, Nhấn button Xác nhận để hủy thành công

– 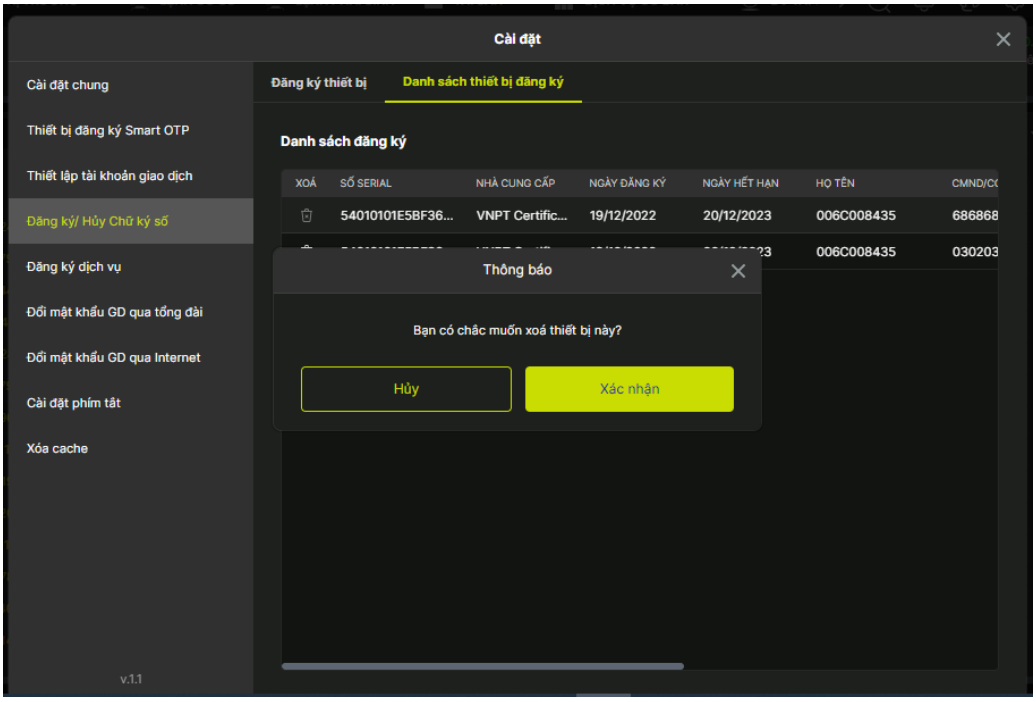

8. Đăng ký dịch vụ

– Đường dẫn: Cài đặt/Đăng ký dịch vụ

– Mục đích: Đăng ký các dịch vụ đặt lệnh hoặc nhận thông báo qua các kênh khác nhau

– Các bước thực hiện:

  - Nhấn đăng ký/hủy đăng ký (tick/bỏ tick) vào các dịch vụ
  - Nhấn cập nhật: mở form xác thực OTP
  - Nhập đúng mã OTP được gửi về SMS/Email
  - Nhấn xác nhận : thông báo "Đăng ký/Hủy đăng ký dịch vụ thành công"

Lưu ý:

– Đặt lệnh qua Internet: mặc định tick và không cho bỏ tick

– 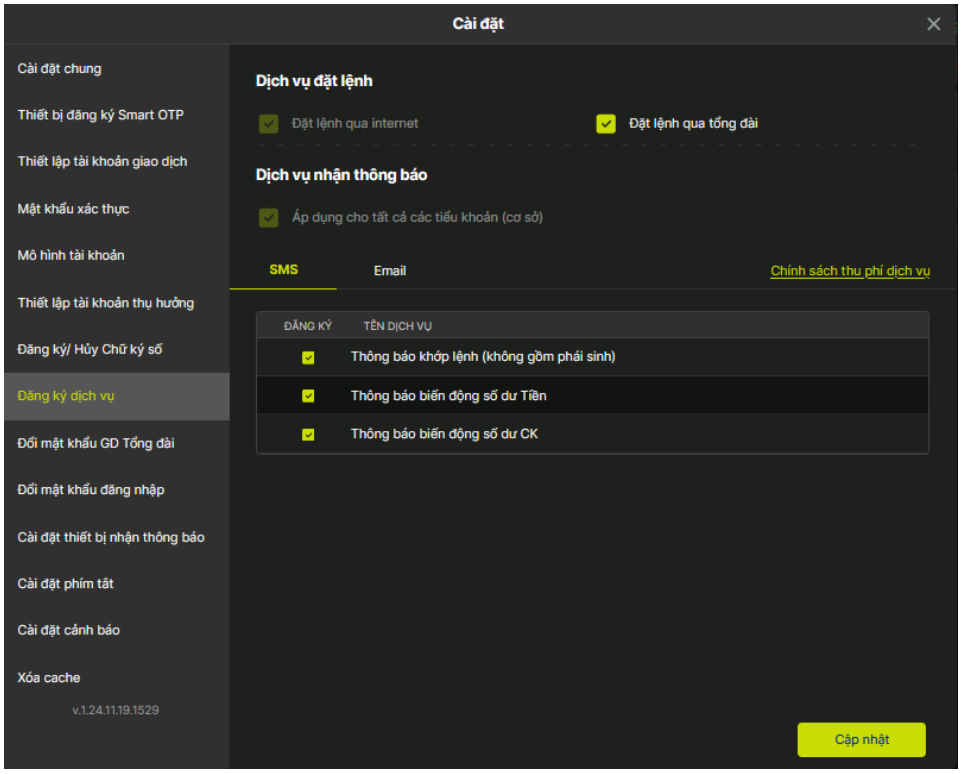

9. Đổi mật khẩu GD tổng đài

– Đường dẫn: Cài đặt / Đổi mật khẩu GD qua tổng đài

– Mục đích: Thay đổi mật khẩu giao dịch

– Các bước thực hiện:

– Hiển thị sẵn mật khẩu hiện tại khi vào form

– Nhập mật khẩu mới muốn thay đổi

- Nhấn nút "Cập nhật"
- Nhập đúng mã OTP và nhấn "Áp dụng" để đổi mật khẩu thành công
- 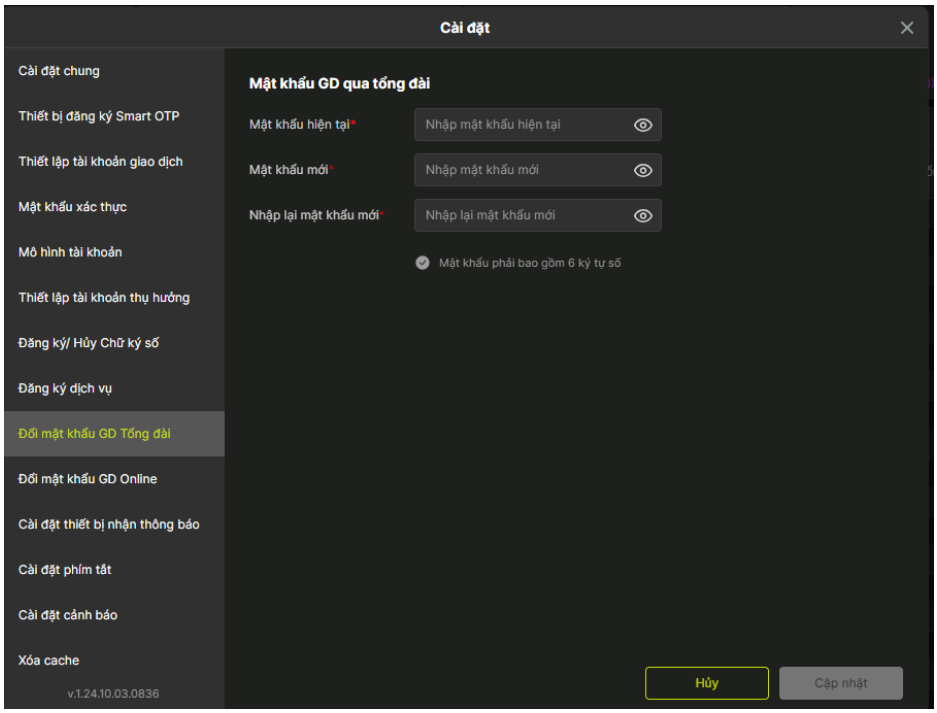

10. Đổi mật khẩu đăng nhập

- Đường dẫn: Cài đặt / Đổi mật khẩu đăng nhập
- Mục đích: Thay đổi mật khẩu đăng nhập
- Các bước thực hiện:
- Nhập mật khẩu hiện tại và mật khẩu mong muốn đổi

– 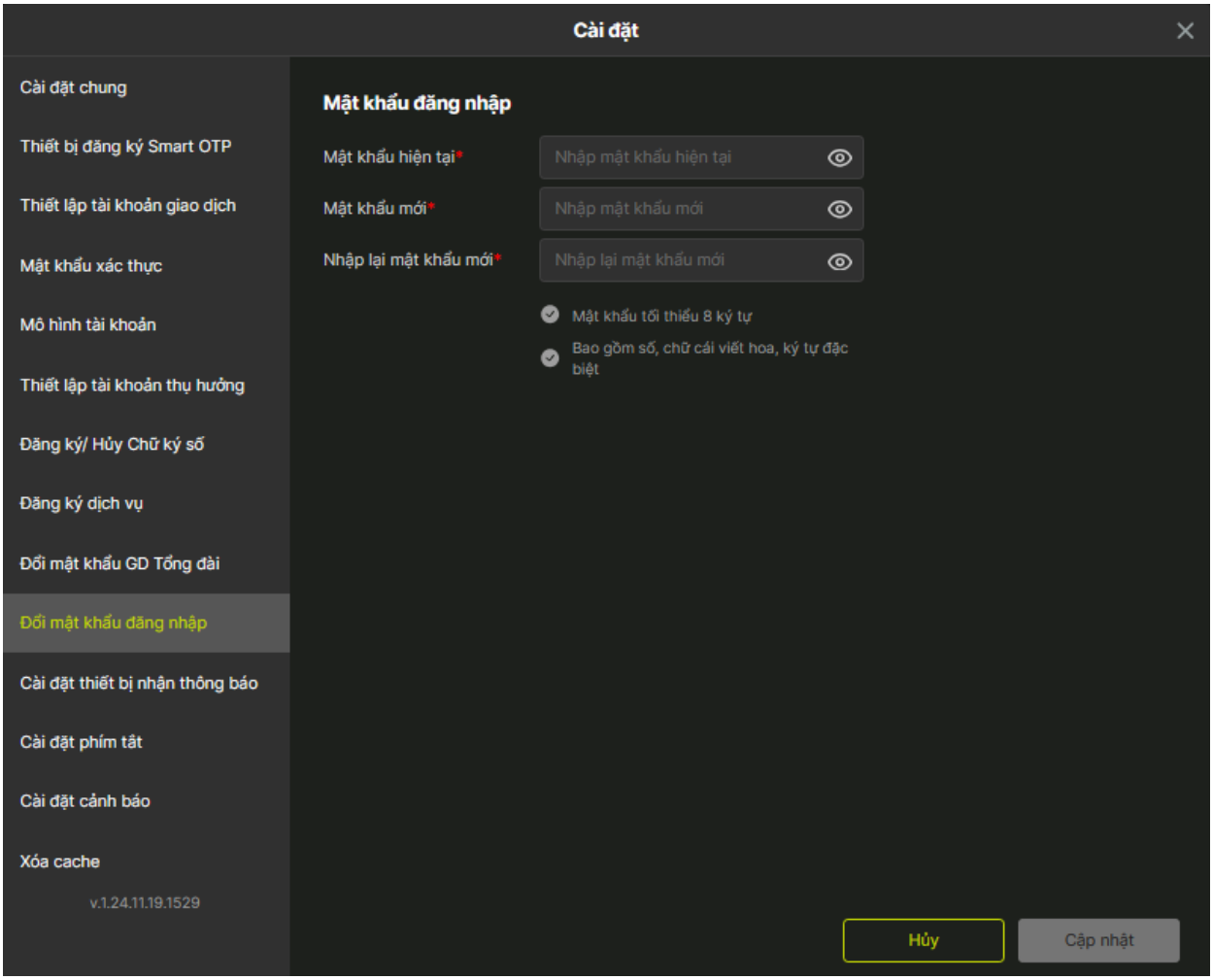

– Nhấn nút Cập nhật

– Nhập đúng mã OTP và nhấn áp dụng để đổi mật khẩu thành công

11. Cài đặt thiết bị nhận thông báo

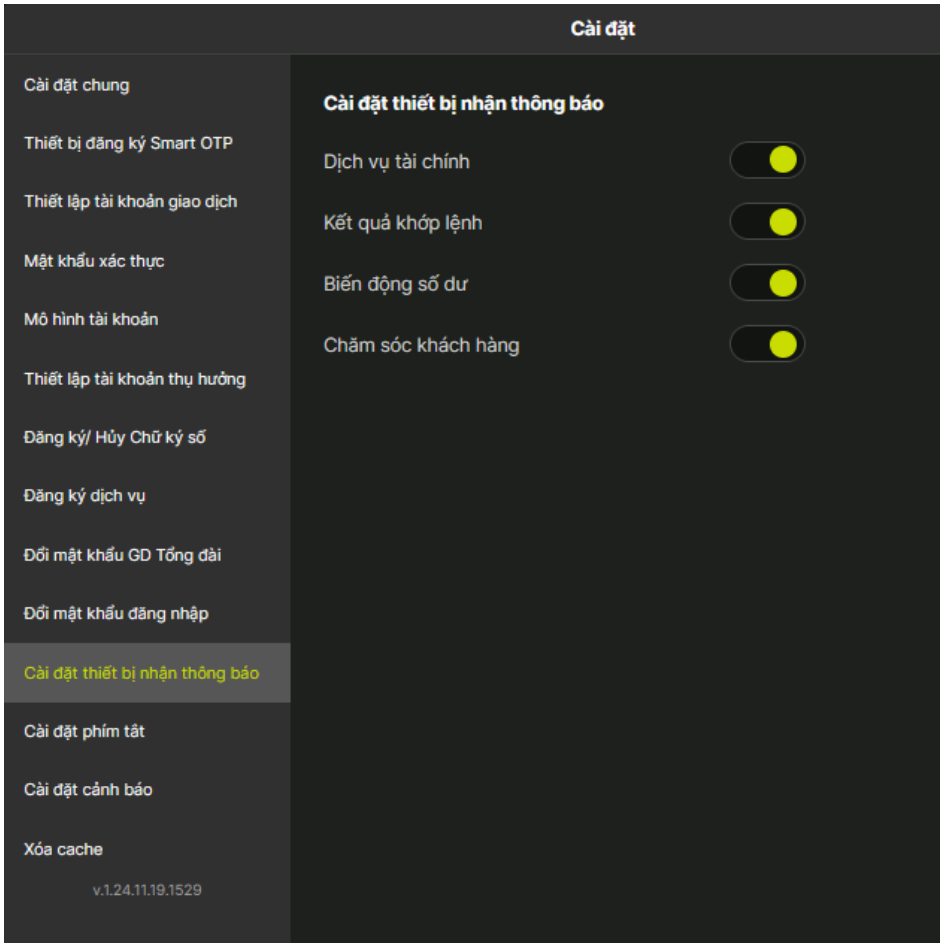

–
– On/off nút tại dòng thông báo muốn nhận/không

12. Cài đặt phím tắt

– Đường dẫn: Cài đặt/Cài đặt phím tắt
– Mục đích: Thay đổi các phím tắt giúp người dùng có thể thao tác nhanh thuận tiện mở màn bảng giá, thị trường, đặt lệnh cơ sở, đặt lệnh phái sinh trong quá trình sử dụng
– Các bước thực hiện:
– Thay đổi các phím tắt mong muốn
– Nhấn nút "Cập nhật" để xác nhận thay đổi
– Nhấn nút "Hủy" để reset về trạng thái thay đổi trước đó
– Nhấn nút "Đặt lại mặc định" để reset về trạng thái gốc

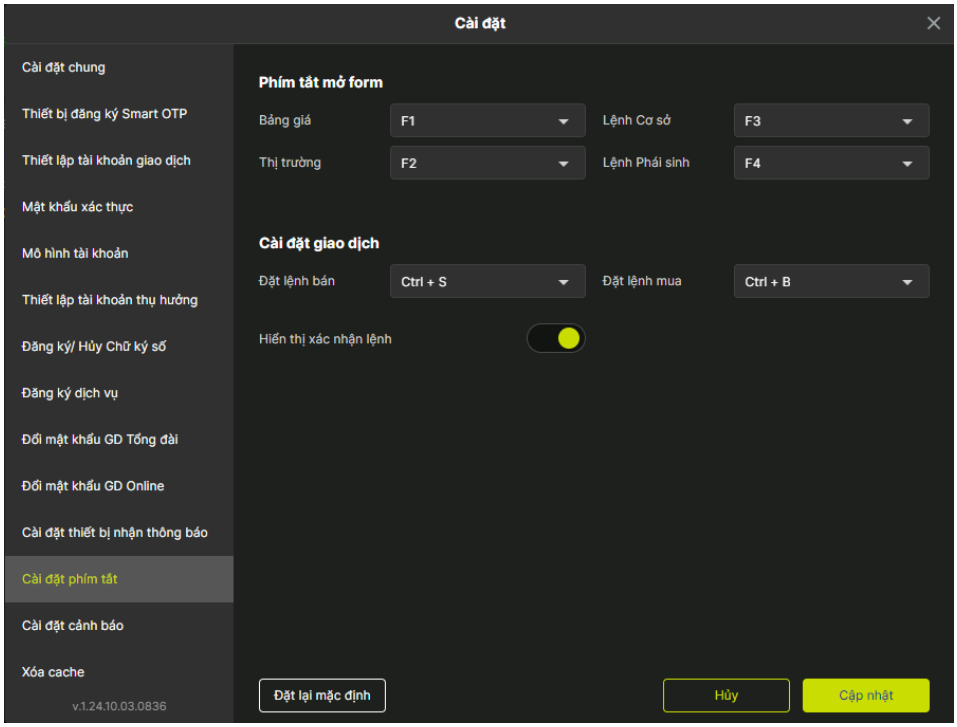

13. Cài đặt cảnh báo

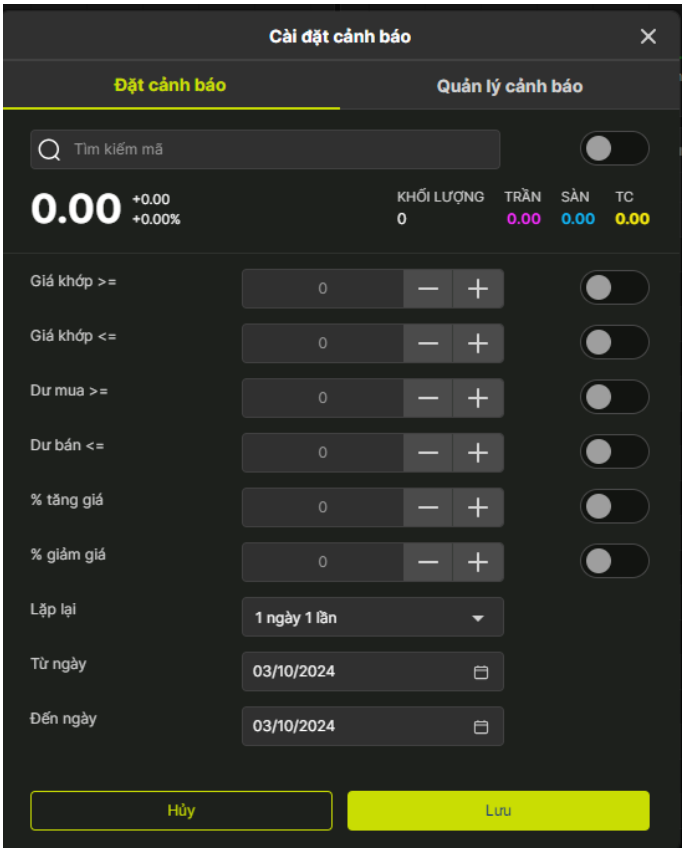

- Nhập mã CK muốn thiết lập cảnh báo
- Set up các điều kiện cảnh báo

– Nhấn Lưu

– Khi thị trường biến động đạt ngưỡng cảnh báo sẽ gửi 1 noti tới KH

14. Xóa cache

– Đường dẫn: Cài đặt/Xóa cache

– Mục đích: Xóa bộ nhớ tạm thời để cập nhật dữ liệu mới nhất trong trường hợp dữ liệu bị sai

– 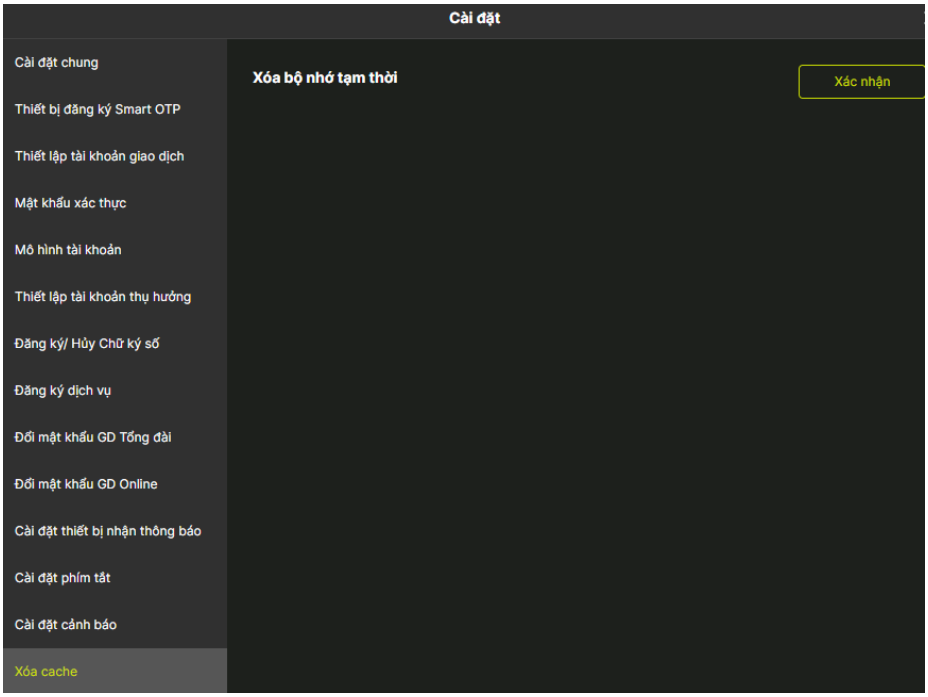

IX. HỖ TRỢ VÀ GÓP Ý

– Đường dẫn: biểu tượng Hỗ trợ và góp ý trên menu

– Mục đích: NDT gửi hỗ trợ góp ý nếu gặp sự cố hoặc có ý kiến về hệ thống cho bên chăm sóc khách hàng của công ty chứng khoán

– Các bước thực hiện:

– Nhập nội dung góp ý

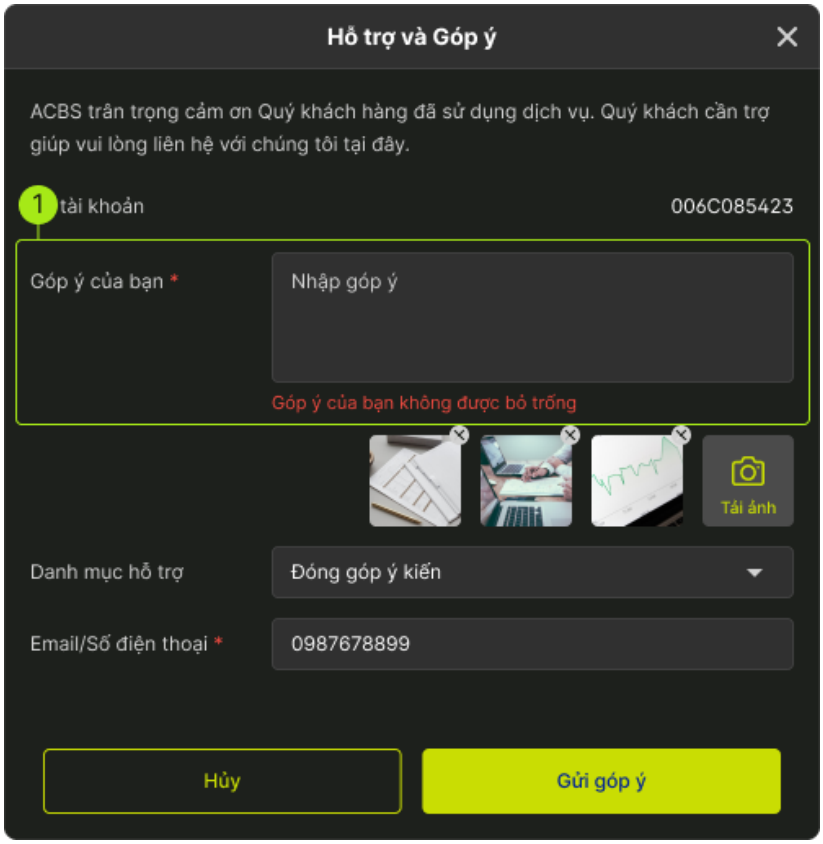

– Tải lên hình ảnh

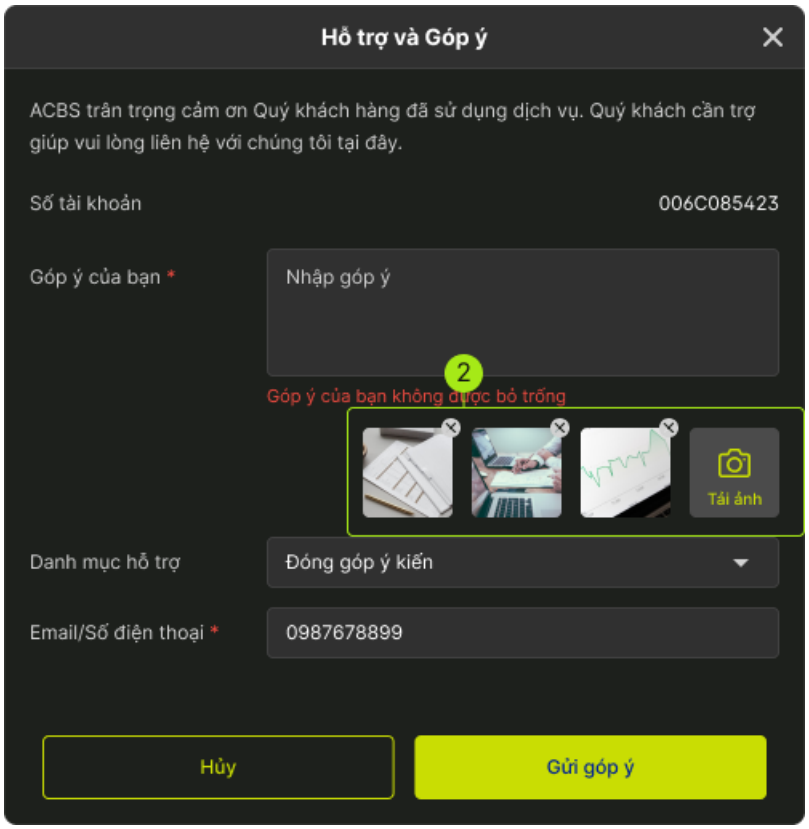

– Chọn danh mục hỗ trợ (hiển thị mặc định là Đóng góp ý kiến)

– 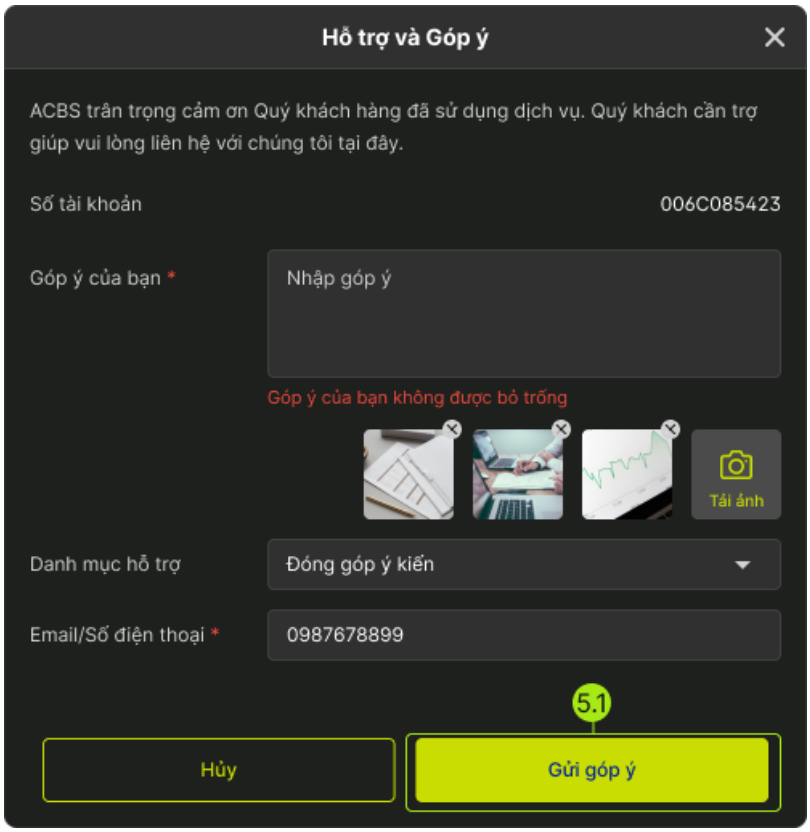

– Nhập email/sđt (Hiển thị email/ số điện thoại của tài khoản đăng nhập, ưu tiên số điện thoại)

– (5.1) Nhấn gửi góp ý -> Mở hộp thoại thông báo

– 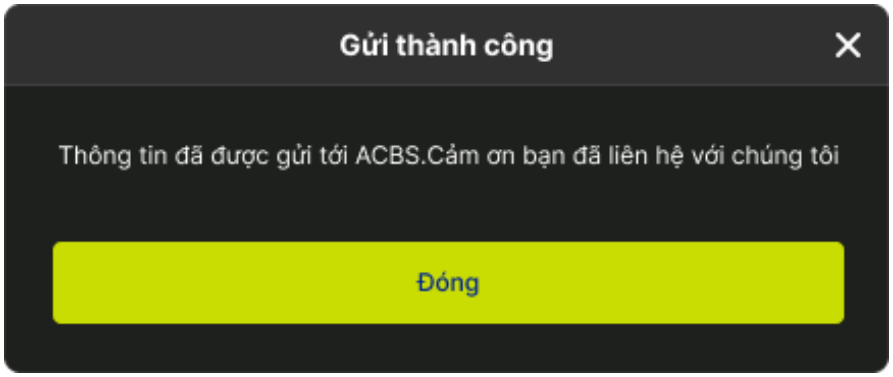

– (5.2) Nhấn Hủy => Thoát khỏi MH Hỗ trợ góp ý

X. THÔNG BÁO

– Đường dẫn: biểu tượng Thông báo trên thanh menu

– Mục đích: KH có thể xem các thông báo liên quan đến Lệnh, Tiền, Chăm sóc khách hàng

–
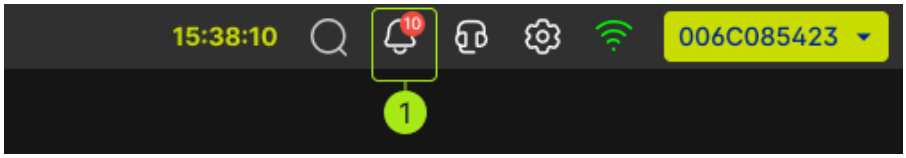

–

–
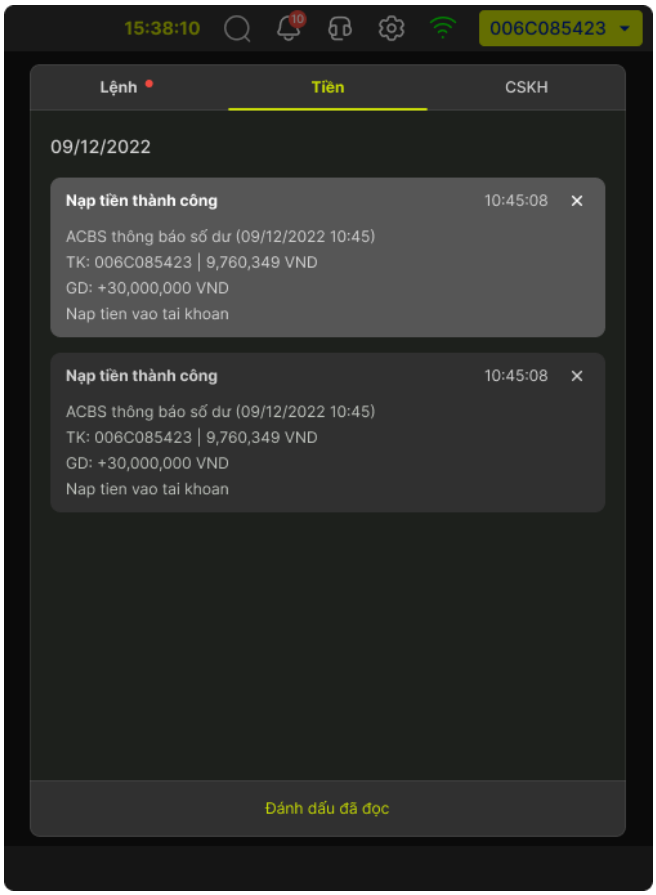

XI. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Đường dẫn: Nút số tài khoản/ Thông tin cá nhân
- Mục đích: Vấn tin thông tin tài khoản
- Tên chủ tài khoản, STK
- Thông tin cá nhân:
    - CCCD/CMND: Ngày sinh, Nơi cấp, Ngày cấp, Giới tính
    - Thông tin liên lạc: Địa chỉ, Điện thoại, Email
    - Nhân viên quản lý tài khoản: Tên nhân viên, Chi nhánh, Email, Điện thoại, Mã nhân viên quản lý tài khoản, Đánh giá nhân viên

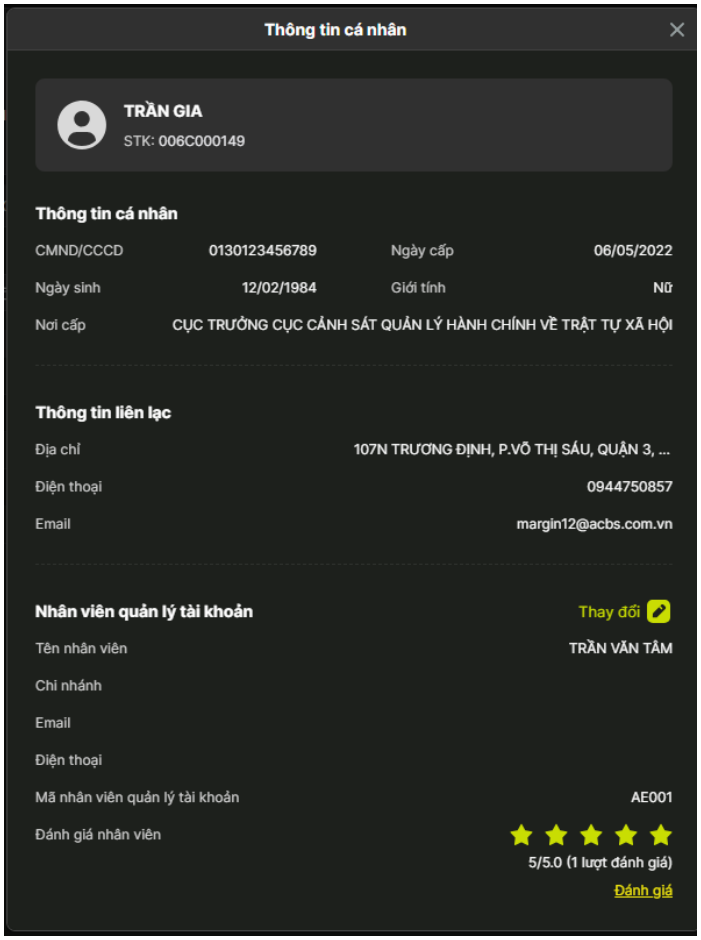
Thông tin cá nhân
TRẦN GIA
STK: 006C000149
Thông tin cá nhân
CMND/CCCD
0130123456789
Ngày cấp
06/05/2022
Ngày sinh
12/02/1984
Giới tính
Nữ
Nơi cấp
CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI
Thông tin liên lạc
Địa chỉ
107N TRƯƠNG ĐỊNH, P.VÕ THỊ SÁU, QUẬN 3, ...
Điện thoại
0944750857
Email
margin12@acbs.com.vn
Nhân viên quản lý tài khoản
Thay đổi
Tên nhân viên
TRẦN VĂN TÂM
Chi nhánh
Email
Điện thoại
Mã nhân viên quản lý tài khoản
AE001
Đánh giá nhân viên
5/5.0 (1 lượt đánh giá)
Đánh giá

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TT	Thông tin viết tắt	Thông tin đầy đủ
1	CK	– Chứng khoán
2	CTCK	– Công ty chứng khoán
3	HNX	– Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
4	HOSE	– Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM
5	UBCKNN	– Ủy ban chứng khoán Nhà nước
6	TTLK	– Trung tâm lưu ký
7	TVLK	– Thành viên lưu ký
8	TTBT	– Thanh toán bù trừ
9	NĐT	– Nhà đầu tư
10	TK	– Tài khoản
11	KH	– Khách hàng
12	CW	– Chứng quyền